

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH



TẬP BÀI GIẢNG LỊCH SỬ THỂ DỤC THỂ THAO

(Dành cho sinh viên ngành Quản lý Thể dục thể thao)

Giảng viên soạn : Tô Thị Hương

Bộ môn : Quản lý Thể dục thể thao

Khoa : Thể dục thể thao

Mã học phần : QTT004

THANH HÓA, NĂM 2018

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
1	Mục tiêu và yêu cầu của môn học/học phần	1
2	Cấu trúc tổng quát môn học/học phần	1
3	Nội dung chi tiết bài giảng	2
3.1	Tín chỉ 1. Lịch sử thể dục thể thao thế giới	2
3.1.1	Bài 1: TDTT thời kỳ nguyên thủy và Cổ đại.	2
3.1.2	Bài 2: TDTT thời kỳ trung đại, cận đại và hiện đại.	12
3.1.3	Bài 3: TDTT trong thời kỳ Hiện đại và phong trào Olympic	37
3.2	Tín chỉ 2: Lịch sử thể dục thể thao Việt Nam	88
3.2.1	Bài 1: TDTT thời kỳ đầu của cách mạng tháng tám (1945-1946)	88
3.2.2	Bài 2: TDTT thời kỳ kháng chiến chống pháp và giai đoạn (1954 - 1975)	116
3.2.3	Bài 3: TDTT giai đoạn (1975 - nay)	140

1. Mục tiêu và yêu cầu của học phần

1.1. Mục tiêu tổng quát

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về nguồn gốc và lịch sử phát triển TDTT trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người

1.2. Mục tiêu cụ thể

** Về kiến thức:*

- Nắm được nguồn gốc của sự hình thành và phát triển của sự nghiệp thể dục thể thao cổ điển và hiện đại. Khái niệm cơ bản trong lĩnh vực TDTT, các hình thức TDTT trong xã hội, chức năng TDTT, mục đích nhiệm vụ và các nguyên tắc chung trong TDTT.

- Hiểu biết được ý nghĩa tầm quan trọng của TDTT trong xã hội hiện đại là một phương tiện không thể thiếu để bù đắp “sự đói vận động” do xã hội hiện đại và là một phương tiện hồi phục và giải trí cho người dân.

- Nhận thức được sự phát triển thể dục thể thao của nước ta trong khu vực và thế giới.

- Nắm được hệ thống kiến thức và biết vận dụng trong thực tiễn.

** Về kỹ năng:*

- Yêu cầu sinh viên có được kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp như biết sử dụng hợp lý hệ thống các phương tiện, phương pháp trong tổ chức giảng dạy thể thao.

- Có kỹ năng giáo dục, giảng dạy, huấn luyện học sinh, sinh viên...

- Có kỹ năng phân tích dự báo kết quả trong tập luyện và thi đấu.

- Đánh giá đúng thành tích cũng như kết quả học tập của người học, biết cách xác định và điều chỉnh hợp lý lượng vận động vừa sức với người tập.

2. Cấu trúc tổng quát môn học/học phần

2.1. Tín chỉ 1: Lịch sử thể dục thể thao thế giới

- Danh mục tên bài giảng:

Bài 1: TDTT thời kỳ nguyên thủy và Cổ đại.

Bài 2: TDTT thời kỳ trung đại, cận đại và hiện đại.

Bài 3: Phong trào Olympic

- Số tiết lên lớp của GV: 12

- Số tiết SV làm bài, học nhóm tại lớp: 3

- Số tiết SV nghiên cứu ngoài xã hội, tự làm bài tập: 15

2.2. Tín chỉ 2: Lịch sử thể dục thể thao Việt Nam

- Danh mục tên bài giảng:

Bài 1: TDTT thời kỳ đầu của cách mạng tháng tám (1945 - 1946)

Bài 2: TDTT thời kỳ kháng chiến chống pháp và giai đoạn (1954 - 1975)

Bài 3: TDTT giai đoạn (1975 - nay)

- Số tiết học có GV hướng dẫn: 12

- Số tiết SV làm bài, học nhóm tại lớp: 3

- Số tiết SV nghiên cứu ngoài xã hội, tự làm bài tập: 15

3. Nội dung chi tiết bài giảng

3.1. Tín chỉ 1. Lịch sử thể dục thể thao thế giới

3.1.1. Bài 1: TDTT thời kỳ nguyên thủy và Cổ đại.

(4 tiết lên lớp của GV)

3.1.1.1. Phần mở đầu tiếp cận bài

Sự ra đời của TDTT

GDTC trong chế độ nguyên thủy

GDTC trong thời kỳ nguyên thủy

TDTT ở thế giới cổ đại

TDTT ở Hy Lạp cổ đại

Đặc trưng của nền văn hóa Athens, Sparta và thể dục ở Hy Lạp

Thể dục thể thao ở La Mã cổ đại

3.1.1.2. Phần kiến thức căn bản

CHƯƠNG 1: THỂ DỤC THỂ THAO Ở THỜI KỲ NGUYÊN THỦY

I. SỰ RA ĐỜI CỦA TDDT: (Trong chế độ Nguyên Thủy)

Sự ra đời của TDDT như là một bộ phận văn hóa chung của loài người, bắt đầu từ đời sống vật chất của xã hội nguyên thủy. Quá trình phát sinh đó diễn ra do tác dụng qua lại của nhân tố khách quan và chủ quan - có nghĩa là tác động qua lại của tính chất và trình độ của hoạt động sản xuất nguyên thủy (săn bắn, bắt cá, hái lượm ...) là nhân tố khách quan, nhân tố chủ quan là ý thức của con người.

Khoa học ngày nay đã xác định: Việc săn bắn các động vật hoang dã lớn được gắn với thời kỳ sớm nhất của quá trình hình thành xã hội loài người. Trong bối cảnh xã hội như vậy hình thành tập thể đi săn bắn nhằm phối hợp hành vi, hành động của mọi người lại cần biểu hiện cao độ về sức mạnh, khéo léo, sức bền, sự kiên trì và tập trung chú ý. Thông qua quá trình săn bắn tập thể này, năng lực hoạt động của con người được nâng lên, cả kỹ năng cần thiết để đấu tranh cho sự tồn tại được tích lũy thêm.

Qua suốt quá trình từ nhiều nghìn năm, con người phải sống trong điều kiện “đua tranh” về sức mạnh, sức nhanh, sức bền và tính khéo léo với nhiều công việc như săn bắt, hái lượm, bắt cá... đã tạo lên sự bền vững về thể lực, phát triển khả năng quan sát, tăng thêm tri thức thực tế. Việc chế tạo ra những công cụ săn bắt cũng đòi hỏi con người có sự phát triển nhất định về thể lực, kỹ năng vận động. Kỹ thuật của thời kỳ nguyên thủy cũng dần được thay đổi do biết sử dụng các công cụ ném, nên tốc độ của con người cũng tăng lên.

Tuy nhiên chỉ riêng nhu cầu phải có thể lực phát triển tốt chưa có thể dẫn tới sự xuất hiện các bài tập TDDT. Khác với con vật, con người cổ xưa có phương thức xã hội trong việc truyền thụ những kinh nghiệm (con người biết bảo tồn các công cụ và truyền thụ kỹ năng chế tạo, sử dụng các công cụ đó từ thế hệ này qua thế hệ khác). Chính vì thế, con người cổ xưa trong quá trình lao động đã chú ý đến tập luyện. Bởi vì việc tập luyện không chỉ là biện pháp

chuẩn bị cho hoạt động sắp tới mà còn để truyền thụ kinh nghiệm phối hợp các hành vi hoạt động, để hiệp đồng, hình thành kế hoạch cùng hành động, từ đó kinh nghiệm sử dụng các bài tập thân thể được ghi chép và giữ lại bằng các hình ảnh trực quan trong nghệ thuật của thời nguyên thủy.

Năng lực tư duy đã cho phép con người xác lập được mối quan hệ giữa việc chuẩn bị từ trước và kết quả săn bắt. Bắt đầu từ đó, nhiều hành vi vận động dần dần được tách ra khỏi nguồn gốc của sản xuất. Việc tập luyện thân thể đã diễn ra bên ngoài quá trình sản xuất trực tiếp (trong các tư liệu khảo cổ đã mô tả việc tập luyện để ném trúng vào hình vẽ các loại thú). Trong khi tập luyện người đi săn đã nhận thức được thực tại và khi đối chiếu độ chính xác trong động tác của mình với cuộc săn bắt thực sự, họ đã nhận thấy lợi ích của sự chuẩn bị.

Chúng ta biết rằng tri thức thực tiễn của con người đã xuất hiện sớm hơn nhiều so với tôn giáo và được truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Một loại hình được người cổ đại thường sử dụng là “sự bắt chước” nó là một hoạt động có ý thức và có phương hướng của con người được tất cả các thành viên bộ lạc điều chỉnh.

Kinh nghiệm sử dụng công cụ hàng ngày, dần dần làm cho con người nhận thức được sự phụ thuộc của kết quả hoạt động sản xuất vào việc chuẩn bị trước bằng cách thực hiện mô phỏng các động tác lao động. Các bài tập này dần dần thoát khỏi “cơ sở ban đầu của nó là lao động và trở lên trừu tượng, khái quát hơn.” Các bài tập TDDT biểu hiện quan hệ của con người với tự nhiên bên ngoài và với chính bản thân mình, trước hết là giữa con người với nhau. Như vậy nguyên nhân làm phát sinh ra giáo dục thể chất là nhu cầu truyền thụ và củng cố những kỹ năng lao động. Nhu cầu tự nhiên về sự tập luyện của các cơ quan trong cơ thể để hoạt động tốt, được coi là tiền đề sinh vật học, là cơ sở tự nhiên của sự xuất hiện các bài tập TDDT. Con người không chỉ là một thực thể của xã hội, mà còn là một thực thể sinh vật tự nhiên. Con người không có tính di truyền đối với các hình thức hoạt động,

nhưng lại có thể truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác những khả năng sinh học để tiếp thu các hoạt động.

1. Quan điểm của lý luận tư sản

- Giáo dục thể chất thời nguyên thủy là không có mục đích, không có ý thức, mang tính bản năng.

- Nguồn gốc TDTT xuất phát từ trò chơi và chính trò chơi làm nảy sinh lao động.

2. Quan điểm Mac - Xit (Duy vật biện chứng)

- Lao động sản xuất là cơ sở của GDTC.

- Giáo dục thể chất có chủ đích, có ý thức giúp phát triển kỹ năng kỹ xảo, là sản phẩm của văn hoá được lưu truyền qua các thế hệ.

- Trò chơi không thể có trước lao động và GDTC. Trẻ em khi sinh ra chưa hề có bản năng về trò chơi.

- Vì vậy có thể khẳng định lao động GDTC là có trước.

II. GDTC TRONG CHẾ ĐỘ NGUYÊN THỦY (chế độ thị tộc)

1. Chế độ thị tộc xuất hiện là hình thức tổ chức xã hội nói:

- Phối hợp, phân công, chăn nuôi, trồng trọt.

2. Đặc điểm chung của GDTC các bộ lạc trong xã hội thị tộc:

-Tập luyện các bài tập TDTT.

- Phát triển các tố chất thể lực.

- Giáo dục lòng dũng cảm và các phẩm chất ý chí khác. Các môn phát triển: chạy, nhảy, ném, vật, mang vác vật nặng và các trò chơi.

- Đấu tranh giữa mặt đối lập dẫn đến chế độ thị tộc tan rã.

III. GDTC TRONG THỜI KỲ NGUYÊN THỦY(chế độ thị tộc tan rã).

Nguyên nhân tan rã:

- Phân công lao động.

- Sử dụng kim loại.

- Chuyển các bài tập từ tay không sang các bài tập với vũ khí thô sơ: đấu kiếm, ném dao, bắn cung, đua ngựa..., ở thời kỳ này có thể gọi là tiền giai cấp.

- Giáo dục thể chất bị quân sự hóa.
- Phân hóa giai cấp diễn ra mạnh.
- Song song với việc tín ngưỡng thần linh và tôn giáo, bắt đầu lệ thuộc nhiều vào tôn giáo.
- Giáo dục thể chất ở chế độ thị tộc tan rã → 1 chế độ khác ra đời đó là chế độ chiếm hữu nô lệ.

CHƯƠNG 2: THỂ DỤC THỂ THAO THỜI KỲ CỔ ĐẠI

(chế độ chiếm hữu nô lệ).

I. TDTT Ở THẾ GIỚI CỔ ĐẠI

Nhu cầu của con người ngày một hoàn thiện hơn. Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất hình thành → Phân công lao động → giúp tăng năng suất lao động → Tăng sản xuất của cải vật chất → Xã hội có bóc lột → Chiến tranh → Tù binh → có nô lệ → chủ nô. Đây là sự cần thiết tất yếu để xã hội tồn tại → Có tổ chức → Có luật lệ → bắt nô lệ quy phục → Thống trị → đàn áp... Song thời kỳ này tiến bộ hơn so với thời kỳ nguyên thủy → Hình thành bộ máy nhà nước → có chữ viết.

Hệ thống GDTC chủ yếu là hệ thống huấn luyện quân sự và huấn luyện thể lực.

Người nô lệ không có nền GDTC riêng. Tiêu biểu cho nền thể thao của thế giới cổ đại là TDTT Hy Lạp cổ đại.

II. TDTT Ở HY LẠP CỔ ĐẠI

Xuất phát từ sự tín ngưỡng thần linh và tôn giáo → Họ rất thích tinh thần dũng cảm → Tôn vinh những người thắng cuộc. Thi đấu của các lực sĩ đã trở thành một bộ phận của nghi thức tôn giáo. Sự ổn định và phát triển của nền văn hóa Hy Lạp tiêu biểu là văn hóa Athens và văn hóa spartar.

III. ĐẶC TRƯNG CỦA NỀN VĂN HÓA ATHENS, SPARTAR VÀ THỂ DỤC Ở HY LẠP

1. Nền văn hóa - GDTC Athens:

Athens là tên của nhà nước tiến bộ về kinh tế và văn hóa phát triển nhanh. Cho nên Athens cần có những công dân không những khỏe mạnh về

thể chất mà còn có học vấn, biết buôn bán, điều khiển các con tàu, giao tiếp với các nước láng giềng, các em dưới 7 tuổi được giáo dục trong gia đình, từ 7 tuổi đến 14 tuổi các em được học ở trường ngữ pháp và thể dục, từ 16 tuổi trở đi thanh niên học ở trường trung học được giáo dục về thể chất rất nghiêm khắc. Như vậy mục đích chính của giáo dục thể chất là đào tạo các chiến binh. Phương tiện chủ yếu của giáo dục thể chất là 5 môn phối hợp (chạy - nhảy - ném đĩa - ném lao - vật).

2. Nền văn hóa - GDTC Spartar:

Là nhà nước lạc hậu hơn nhà nước Athens. Kinh tế dựa vào tự nhiên, song về quân sự họ lại rất coi trọng, tiềm lực quân sự mạnh. GDTC được giáo dục từ nhỏ. Con trai chỉ được ở gia đình đến 7 tuổi. Từ 7 tuổi trở đi được giáo viên đặc biệt giáo dục. Từ 14 tuổi được huấn luyện dùng vũ khí và bắt đầu làm nghĩa vụ quân sự.

Phương tiện GDTC là bài tập 5 môn phối hợp (Chạy, nhảy, ném đĩa, ném lao, vật).

3. Thể dục Hy Lạp cổ Đại:

Trong hệ thống giáo dục thể chất của Hy Lạp cổ có sử dụng nhiều phương tiện dưới dạng các bài tập thân thể, tập hợp lại với một tên chung là “thể dục”. Thể dục tiếng Hy Lạp là Gymnastikes. về nội dung được chia thành 3 loại.

GDTC dưới dạng các bài tập thân thể còn gọi là thể dục, nội dung chia làm 3 phần:

- a. Bài tập 5 môn phối hợp:
- b. Các bài tập vũ đạo, múa nhạc, trống
- c. Trò chơi:

Tất cả các hoạt động này là bước khởi đầu cho một Đại Hội Olympic Hy Lạp cổ đại ra đời.

IV. Đại hội Olympic cổ Đại:

- Các cuộc thi đấu thường xuyên được tổ chức để thể hiện sự tín ngưỡng về Thần Linh, Tôn giáo, (độc tôn thống trị). Các cuộc thi đấu lớn để tôn vinh (Thần biển, Thần đất, Thần lửa....)

- Người Hy Lạp cổ tính thời gian theo kỳ (Mỗi kỳ 4 năm) → Đại hội Olympic Hy Lạp ra đời và tổ chức theo chu kỳ 4 năm 1 lần.

- Đại hội đầu tiên tổ chức tại thành phố Olympic trên lưu vực sông Alphay dưới chân núi Cronóc. Đặc biệt trong các kỳ ĐH phải ngừng các cuộc chiến tranh.

- Thời kỳ đầu chỉ tổ chức trong 1 ngày (môn chạy) từ ĐH lần thứ 37 năm 632 TCN, số lượng môn thi nhiều hơn, thời gian kéo dài (4 - 5 ngày). Ngoài các cuộc thi còn tổ chức biểu diễn nghệ thuật, ca múa nhạc...

- Để tìm hiểu về kho tàng văn hoá truyền thống. Chúng ta sẽ tìm hiểu GDTC ở La Mã cổ.

V. THỂ DỤC THỂ THAO Ở LA MÃ CỔ ĐẠI.

- Đời sống KT-VH-XH phát triển hơn thời Hy Lạp cổ. Lịch sử La Mã cổ đại chia 3 thời kì:

- Thời kỳ Quốc vương (TK 8-6 TCN): Chế độ thị tộc tan rã, sự ra đời của nhà nước La Mã, các cuộc thi đấu thể thao đa dạng hơn, yêu cầu cao về kỹ thuật,

- Thời kỳ cộng hoà (TK 4-1 TCN): Thắng lợi lớn trong các cuộc chiến để mở rộng bờ cõi, đòi hỏi quân sự hoá thể thao và hoàn thiện hệ thống huấn luyện các chiến binh giúp các chiến sĩ có thể lực và kỹ năng tốt để thích nghi với các cuộc hành quân kéo dài, địa bàn rộng.

- Giáo dục thể chất ở thời kỳ này như ở thời kỳ Hy Lạp cổ. Song hệ thống GDTC ở trẻ em không hoàn thiện, vì không có khả năng quản lý các vùng lãnh thổ rộng lớn, nhưng vẫn chú trọng tập luyện TDTT ở các trường tư hoặc gia đình ở các khu vực dân cư tập trung gần Kinh thành.

- Thời kỳ đế chế. (TK cuối TCN - đầu TK 1): Mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, giành giật quyền lực giữa các tập đoàn quý tộc. Nhà nước mới ra đời, đã xây

dựng một số sân bãi, nhà, hồ bơi. Song đến thế kỷ thứ 4 đạo Kito phát triển mạnh, các cuộc tổ chức thi đấu thể thao dần dần bị cấm, thay vào cuộc thi đấu biểu diễn nhằm mục đích tôn vinh thần linh và chiến sĩ tử trận. Đến năm 394 Hoàng Đế Phôđôxi cấm tổ chức đại hội Olympic ở Hy Lạp. Đến năm 404 mới tổ chức lại.

- Nhìn chung chế độ chiếm hữu nô lệ đã đến hồi suy tàn để nhường cho 1 xã hội mới, nền văn hoá mới. Nhà nước mới ra đời: Thời kỳ trung cổ.

1. Lốc Cô (1632 - 1704). Ông là người cùng thời với cách mạng tư sản Anh đã chứng minh sự cần thiết phải giáo dục thanh niên trở thành những người có nghị lực, có sức mạnh về thể chất và tinh thần, có khả năng tự vạch cho mình con đường đi vào cuộc sống phải giáo dục thanh niên trở thành những người có nghị lực. Ông đã coi giáo dục sức mạnh ý chí, sự kiên trì trong tính cách, sự tôi luyện về thể chất, sức bền bỉ là những điều chủ yếu nhất. Tuy hệ thống giáo dục của ông dành cho tầng lớp trên của xã hội tư bản, nhưng nó có vai trò tích cực trong sự phát triển sau này của giáo dục thể chất Rutzô (thế kỷ 17). Ông đã nêu lên những tư tưởng đúng đắn về vai trò của giáo dục thể chất, con người không những chịu sự tác động của các tác nhân bên ngoài (vật chất), phát triển thể chất phải gắn liền với phát triển trí tuệ, giúp phát triển thể chất - trí tuệ - nhân cách - nhận thức. Ông viết “Thân thể sinh ra trước tâm hồn, nên việc quan tâm đến thân thể là việc trước tiên”. Bước đầu là rèn luyện cơ thể, sau đó là các trò chơi và các bài tập thể chất

2. Lamêtori (thế kỷ 18) xuất bản Cuốn sách người máy năm 1749 có ý nghĩa đối với sự phát triển lý luận và thực tiễn giáo dục thể chất. Ông chứng minh Con người là một cái máy tự động khác với động vật về: nhu cầu vật chất - tinh thần - trí thông minh.

3.1.1.3. Phần thông tin khoa học liên quan của các nhà khoa học

Phái lập hiến đại diện cho tầng lớp quý tộc tự do coi giáo dục thể chất là một phương tiện tốt để phát triển cho công dân và để cho công dân làm nghĩa vụ nhà nước và quân sự.

Phái Giordan đại diện cho tầng lớp tư sản hạng trung thì coi giáo dục thể chất là phương tiện nâng cao năng suất lao động của công nhân. Phái này thừa nhận giáo dục thể chất là phương tiện quan trọng để phát triển năng lực của trẻ em, tăng cường sức khỏe, rèn luyện thể chất.

3.1.1.4 Phân hướng dẫn mở rộng

** Hệ thống câu hỏi và gợi ý làm bài tập*

Câu 1: Anh (chị) hãy trình bày sự ra đời của TDTT thời kỳ nguyên thủy? GDTC trong chế độ thị tộc tan rã?

Câu 2: Anh (chị) hãy trình bày TDTT trong chế độ chiếm hữu nô lệ (thế giới cổ, Hy Lạp cổ, La Mã cổ và Đại hội Olympic cổ?

** Gợi ý câu trả lời*

Câu 1: Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:

- Sự ra đời của TDTT thời nguyên thủy

+ Một bộ phận văn hóa chung của loài người

+ Nhân tố khách quan, nhân tố chủ quan

+ Kinh nghiệm sử dụng công cụ hàng ngày, dần dần làm cho con người nhận thức được sự phụ thuộc của kết quả hoạt động sản xuất vào việc chuẩn bị trước bằng cách thực hiện mô phỏng các động tác lao động. Các bài tập này dần dần

- Nguyên nhân tan rã:

+ Phân công lao động.

+ Sử dụng kim loại.

+ Chuyển các bài tập từ tay không sang các bài tập với vũ khí thô sơ: đấu kiếm, ném dao, bắn cung, đua ngựa..., ở thời kỳ này có thể gọi là tiền giai cấp.

+ Giáo dục thể chất bị quân sự hóa.

+ Phân hóa giai cấp diễn ra mạnh.

+ Song song với việc tín ngưỡng thần linh và tôn giáo, bắt đầu lệ thuộc nhiều vào tôn giáo.

+ Giáo dục thể chất ở chế độ thị tộc tan rã → 1 chế độ khác ra đời đó là chế độ chiếm hữu nô lệ.

Câu 2: Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:

- TDTT ở thời kỳ cổ đại

- TDTT ở Hy Lạp cổ đại

- Đặc trưng của nền văn hóa Athens, Sparta và thể dục ở Hy Lạp

- Nền văn hóa - GDTC Athens:

- Nền văn hóa - GDTC Sparta:

Thể dục Hy Lạp cổ Đại:

- Đại hội Olympic cổ Đại:

+ Gợi ý tài liệu học tập cho SV

1. Văn An – Lý Gia Thanh (1995), 100 năm Thế vận hội Olympic Nxb Thanh niên.

2. Nguyễn Văn Hiếu & ctg (2007), Sơ thảo Lịch sử TDTT Việt Nam.

3. Lê Thiết Can (2008), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.

4. Nguyễn Thiết Tình (2006), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.

5. Nguyễn Xuân Sinh (2000), Lịch sử TDTT, Nxb TDTT.

6. Mai Văn Muôn Và các thành viên (1999), Olympic học Nxb TDTT.

3.1.1.5. Phụ lục

- Tham khảo giáo trình lịch sử thể thao của trường Đại học TDTT HCM và TDTT Từ Sơn.

3.1.2. Bài 2: TDTT thời kỳ trung đại, cận đại và hiện đại.

(4 tiết lên lớp của GV)

3.1.2.1. Phần mở đầu tiếp cận bài

Thể dục, thể thao thời kỳ phong kiến sơ kỳ.

Thể dục, thể thao thời kỳ phong kiến phát triển.

Thể dục, thể thao thời kỳ phong kiến suy tàn.

Cơ sở lý luận về GDTC.

Hệ thống GDTC và các quan điểm tiến bộ về GDTC.

Học thuyết của chủ nghĩa Công Sản khoa học về GDTC.

Đặc điểm chế độ.

Hệ thống GDTC và các hoạt động GDTC.

Các môn thể thao duy trì và phát triển.

3.1.2.2. Phần kiến thức căn bản

CHƯƠNG 3: THỂ DỤC THỂ THAO THỜI KỲ TRUNG ĐẠI

(Tiền phong kiến)

I. TDTT THỜI KỲ PHONG KIẾN SƠ KỲ.

1. Đặc điểm chế độ:

Chế độ chiếm hữu nô lệ tan rã, chế độ phong kiến ra đời (tiền phong kiến), hình thành nhiều quốc gia trên thế giới, thường xuyên xâm lược mở rộng bờ cõi, hệ thống thứ bậc được hình thành (vua, chúa, các quan lại triều đình...).

2. Hệ thống GDTC và hoạt động TDTT:

- Quân sự hoá các hoạt động TDTT.

- Quân sự có nền TDTT ra đời sớm. Ngoài tập luyện TDTT phục vụ quân sự còn biết kết hợp biện pháp chữa bệnh.

- Nông dân đóng vai trò quan trọng, vì họ là người tạo ra sản phẩm trong XH nhưng không được hưởng thụ các hoạt động TDTT; sẵn sàng tham gia quân đội khi cần thiết.

3. Các môn thể thao duy trì và phát triển:

- Đa dạng các nội dung và đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện, thông qua các môn có độ khó cao như: chạy vượt chướng ngại vật, bơi đường dài, bơi với vật nặng, cưỡi ngựa, bắn cung, vật....

- Các hoạt động trò chơi thường xuyên tổ chức, đây chính là hình thức hoạt động mở đầu cho sự ra đời các môn bóng sau này...

Các cuộc thi đấu thường gắn kết với các cuộc biểu diễn nghệ thuật ca múa nhạc.

II. THỂ DỤC THỂ THAO THỜI KỲ PHONG KIẾN PHÁT TRIỂN

1. Đặc điểm chế độ:

Chế độ phong kiến thống trị ra đời với mục đích củng cố tiềm lực quân sự để xâm lược và mở rộng lãnh thổ, quyền lực tập trung, từng bước hoàn thiện hệ thống thể chế, cai trị theo dòng tộc, ưu tiên chú trọng con trai để phục vụ cho việc quân sự hoá.

2. Hệ thống giáo dục thể chất:

Mục đích phục vụ cho quý tộc, đảm bảo quyền lực của giai cấp thống trị. Người ta phân chia GDTC theo phân kỳ:

- Kỳ I: từ lúc sinh ra đến 7 tuổi được vui chơi trong môi trường thuộc đẳng cấp “cao quý”.

- Kỳ II: Từ 7 tuổi đến 14 tuổi được tập luyện quân sự, cưỡi ngựa, bơi đấu kiếm, đồng thời học các quy tắc hiệp sĩ.

- Kỳ III: Từ 14 đến 21 tuổi được cầm vũ khí làm tùy tùng cho các lãnh chúa trong các cuộc hành quân - tham gia các cuộc thi đấu dành cho người cầm vũ khí. Đến 21 tuổi chàng thanh niên long trọng đón nhận danh hiệu hiệp sĩ.

+ Tôn vinh các môn TDTT phục vụ quân sự .

+ Các cuộc thi đấu vẫn diễn ra, nhưng không thường xuyên.

+ Các hoạt động trò chơi được chú trọng nhiều hơn.

Hệ thống giáo dục thể chất này chủ yếu phục vụ cho quân sự và chiến tranh xâm lược.

3. Các môn TDTT duy trì và phát triển:

- Bài tập thể dục trên ngựa gỗ: tiền thân môn thể dục.
- Thi môn ném đá: Tiền thân môn ném dĩa.
- Bài tập bắn cung bắn nỏ: Tiền thân môn bắn súng.
- Chạy vượt chướng ngại vật: Tiền thân môn chạy vượt rào...

Nhu cầu ham thích TDTT của người dân cao hơn, các loại kỹ thuật phức tạp hơn, người tham gia phải khéo, dẻo và độ chuẩn xác cao.

Nguồn gốc các môn thể thao hiện đại luôn gắn liền với tư duy sáng tạo, lao động sản xuất và đời sống con người.

Khác với thời đại sơ khai, thi đấu thời kỳ này mang tính chất trò chơi thuần túy. Tham gia thi đấu là việc hoàn toàn tự nguyện, thi đấu không mang tính chất thần bí hoặc nghi thức tôn giáo, nhiều cuộc thi đấu mang tính hài hước. Có lẽ từ “ thể thao” xuất hiện trong thời gian này.

III. THỂ DỤC THỂ THAO THỜI PHONG KIẾN SUY TÀN

1. Đặc điểm chế độ:

- Nông dân ngày càng lệ thuộc vào địa chủ.
- KHKT ra đời. Trao đổi và giao lưu thương mại bước đầu hình thành.
- Mâu thuẫn trong lòng XH phong kiến trở nên gay gắt - phong trào đấu tranh của nhân dân lớn mạnh.

- Quan điểm thời kỳ này: Chú trọng GD tri thức, phát triển sức mạnh thể chất và tinh thần. Tinh thần, thể chất và nhân cách là một bộ phận ngang nhau của một chính thể.

- Một số nhà xã hội học khác ở thời kỳ này cho rằng GD không phải để đáp ứng cho những lợi ích và hạnh phúc cá nhân mà nhằm chuẩn bị cho đứa trẻ học tập lao động phục vụ cho xã hội và bảo vệ tổ quốc.

- Đến thế kỷ 17 hình thành cơ bản việc phát triển khoa GDTC, tiền đề cho các hoạt động GDTC sau này, song vẫn còn hạn chế bởi:

- * Tư tưởng cá nhân, hạnh phúc cá nhân, quyền lợi cá nhân.
- * Quyền lợi GDTC chỉ giành riêng cho con em thuộc tầng lớp quý tộc

2. Hệ thống GDTC:

- Xuất phát quan điểm giáo dục mới, bài tập mới, cơ sở vật chất mới, hệ thống GD mới ra đời. Mục đích chú trọng việc phát triển tinh thần và thể chất.

- Đặc biệt phát triển thể chất phải gắn với tri thức, phát huy tính chủ động tích cực và linh hoạt, khuyến khích tính tự giác để nâng cao hiểu biết của học sinh. Lần đầu tiên có xuất bản Sách giáo khoa về GDTC, tiêu biểu là:

- Thầy thuốc người Ý Irômin (1530-1606). Ông chia bài tập ra thành 2 - 3 nhóm:

+ Nhóm 1: Các bài tập tăng cường sức khoẻ.

+ Nhóm 2: Các bài tập quân sự cần thiết cho việc xây dựng quân đội.

+ Nhóm 3: Các bài tập biểu diễn và thi đấu

Như vậy đầu thế kỷ XVII đã hình thành nền tảng khá cơ bản cho sự phát triển sau này của khoa học giáo dục thể chất. Tuy nhiên cũng có sự phát triển về tư tưởng tiến bộ, song khả năng tổ chức giáo dục thể chất trong thời kỳ này còn hết sức hạn chế. Giáo dục thể chất chỉ có ở một số trường dành riêng cho con em những đẳng cấp có đặc quyền, hơn nữa là không theo một hệ thống nào.

3. Các môn TDTT duy trì và phát triển:

Môn chạy, nhảy, bắn, bơi, đấu kiếm, võ, leo trèo, cỡi ngựa, đua thuyền, các bài tập TD tay không, các bài tập với binh khí, các bài tập chữa bệnh, các trò chơi, kết hợp các bài tập săn bắn... Ngoài ra họ còn sử dụng các bài tập GDTC cho trẻ em nhằm tăng độ mềm dẻo, khéo léo, quan tâm tính thẩm mỹ, chú trọng sản xuất đồ thể thao → thương mại xuất hiện → chế độ phong kiến tan rã → chế độ Tư bản ra đời.

CHƯƠNG 4: THỂ DỤC THỂ THAO Ở THỜI KỲ TRUNG ĐẠI

(Chế độ phong kiến mất đi - Chủ nghĩa Tư Bản ra đời)

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GDTC.

- Cách mạng tư sản ra đời vào thế kỷ 17 năm 1640 tại nước Anh → đến cách mạng tháng 10 năm 1917 tại nước Nga thế kỷ 20.

- Thời kỳ đầu: Chủ nghĩa Tư bản ổn định và phát triển.

- Đến giữa và cuối có nhiều cuộc đấu tranh nổ ra.

- Trong thời kỳ này, triết học duy vật của thế kỷ XVII - XVIII khoa học tự nhiên và lý luận giáo dục đã ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển của cơ sở tư tưởng lý luận của giáo dục thể chất. Các công trình nghiên cứu của các nhà bác học Anh, Pháp, Thụy sĩ... đã có ý nghĩa lớn nhất đối với sự phát triển của lý luận và thực tiễn giáo dục thể chất trong thời đại này, để làm rõ hơn; chúng ta cần tìm hiểu cơ sở lý luận của các nhà tư tưởng tiến bộ ở thời kỳ này.

Quan niệm của các nhà triết học, xã hội học

1. Lốc Cô (1632 - 1704). Ông là người cùng thời với cách mạng tư sản Anh đã chứng minh sự cần thiết phải giáo dục thanh niên trở thành những người có nghị lực, có sức mạnh về thể chất và tinh thần, có khả năng tự vạch cho mình con đường đi vào cuộc sống phải giáo dục thanh niên trở thành những người có nghị lực. Ông đã coi giáo dục sức mạnh ý chí, sự kiên trì trong tính cách, sự tôi luyện về thể chất, sức bền bỉ là những điều chủ yếu nhất. Tuy hệ thống giáo dục của ông dành cho tầng lớp trên của xã hội tư bản, nhưng nó có vai trò tích cực trong sự phát triển sau này của giáo dục thể chất Rutzô (thế kỷ 17). Ông đã nêu lên những tư tưởng đúng đắn về vai trò của giáo dục thể chất, con người không những chịu sự tác động của các tác nhân bên ngoài (vật chất), phát triển thể chất phải gắn liền với phát triển trí tuệ, giúp phát triển thể chất - trí tuệ - nhân cách - nhận thức. Ông viết “ Thân thể sinh ra trước tâm hồn, nên việc quan tâm đến thân thể là việc trước tiên”. Bước đầu là rèn luyện cơ thể , sau đó là các trò chơi và các bài tập thể chất.

2. Lamêtori (thế kỷ 18) xuất bản Cuốn sách người máy năm 1749 có ý nghĩa đối với sự phát triển lý luận và thực tiễn giáo dục thể chất. Ông chứng minh Con người là một cái máy tự động khác với động vật về: - nhu cầu vật chất - tinh thần - trí thông minh.

Tóm lại: Các nhà cách mạng dân chủ tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII đã có công hiến đáng kể vào việc hình thành cơ sở tư tưởng lý luận của giáo dục

thể chất. Trong dự thảo cải cách giáo dục thể chất vào hệ thống giáo dục quốc dân, nhưng họ xem bản chất giáo dục thể chất không giống nhau.

Phái lập hiến đại diện cho tầng lớp quý tộc tự do coi giáo dục thể chất là một phương tiện tốt để phát triển cho công dân và để cho công dân làm nghĩa vụ nhà nước và quân sự.

Phái Giordan đại diện cho tầng lớp tư sản hạng trung thì coi giáo dục thể chất là phương tiện nâng cao năng suất lao động của công nhân. Phái này thừa nhận giáo dục thể chất là phương tiện quan trọng để phát triển năng lực của trẻ em, tăng cường sức khỏe, rèn luyện thể chất.

II. HỆ THỐNG GDTC THỜI KỲ NÀY Ở CÁC NƯỚC.

1. Hệ thống GDTC ở Đức:

Đại diện cho hệ thống này là hai ông Anto Phít (1763 - 1836) Và Logan Gútmut (1759 - 1839) cả 2 ông làm việc, ở trường từ thiện Đức. Hai ông tạo cơ sở để tiếp tục phát triển hệ thống giáo dục thể chất quốc gia Đức.

Anto Phít đã có công trong việc phân tích về một lý thuyết tất cả các bài tập thể chất, theo ông phương tiện giáo dục thể chất gồm:

- Rèn luyện chống thời tiết xấu, nhiệt độ thấp của không khí, biết chịu đựng đau đớn, đói khát, mất ngủ.
- Các bài tập phát triển các giác quan, chủ yếu tham gia các trò chơi đặc biệt.
- Tất cả các bài tập của Hy Lạp trượt băng, mang vác vật nặng.
- Các trò chơi giải trí.
- Các bài tập cưỡi ngựa, đấu kiếm, nhảy múa trong đó có bài tập trên ngựa gỗ và một số dụng cụ khác.
- Các động tác đơn giản của từng động tác thân thể.
- Lao động chân tay.

I.Gutmut thì chú trọng đến hình thức động tác, ông nghiên cứu nhiều bài tập thể dục, trong đó có bài tập trên dụng cụ.

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX việc giảng dạy thể dục được đưa vào các trường của Đức.

2. Hệ thống GDTC ở Thụy Điển:

Hệ thống giáo dục thể chất này được nhà nước Thụy điển giao cho Pie Lingo (1776 - 1839) sau đó con trai ông Tanma Lingo (1820 - 1886). P.Lingo bắt đầu nghiên cứu từ năm 1803 ở Đan Mạch. Khi biên soạn sách hướng dẫn cho quân đội, ông nhanh chóng kết luận về sự cần thiết phải bắt đầu giáo dục thể chất từ tuổi ấu thơ. Ông cho rằng để giáo dục thể chất, cần áp dụng những bài tập có thể tăng cường và phát triển thân thể. Theo ông củng cố và tăng cường sức khỏe là nhiệm vụ duy nhất của thể dục. Ông không chú ý đến những ý nghĩa giáo dục thể chất của thể dục, ông coi các dấu hiệu của giải phẫu học để phân loại bài tập thể chất. Ông chia GDTC ra làm 4 nhóm:

- Quân sự.
- Sư phạm.
- Y học.
- Thẩm mỹ.

Như vậy GDTC ở Thụy Điển có nhiều mặt tích cực. Nó vừa sức với mọi người, dễ điều chỉnh lượng vận động. Có thể hướng động tác vào đúng bộ phận lựa chọn của cơ thể. Ngoài ra hệ thống GDTC có đưa ra nhiều bài tập khác nhau để lựa chọn và tách ra những phương pháp có giá trị. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho hệ thống GDTC ở Thụy Điển được phổ biến rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cho đến nay các bài tập thể dục ở Thụy Điển được áp dụng rộng rãi nhiều nước trên thế giới.

3. Hệ thống GDTC ở Pháp:

Đại tá Phoranxixco Amorot (1770-1884) và những người kế thừa ông đã có công rất lớn trong việc xây dựng hệ thống GDTC ở Pháp. Các ông đã biên soạn các bài tập thể dục có tính chất ứng dụng quân sự, hệ thống bài tập có ý nghĩa to lớn trong đào tạo binh lính và sĩ quan. Đó là những bài tập mang tính chất ứng dụng quân sự như đi, chạy trên địa hình tự nhiên có chướng ngại vật và không có chướng ngại vật, nhảy các kiểu khác nhau, các bài tập thăng bằng, leo trèo, trườn bò, mang vác vật nặng... Ngoài ra còn đưa vào thể dục, các bài tập chuẩn bị, các điệu múa và lao động chân tay.

Trong khi tiến hành giờ học Amorot không theo một sơ đồ nào mà ông chỉ quy định nguyên tắc vừa sức với người tập và đơn giản như chùng mực có thể như sau:

- Phân chia các bài tập theo hệ thống tuần tự.
- Từ bài tập dễ -> bài tập khó (có chú trọng đặc điểm cá nhân).
- Dùng phiếu kiểm tra để đánh dấu kết quả học tập.

Hệ thống Amorot đã có tiếng vang ở nước ngoài. Trong khi truyền bá hệ thống ấy, các giới quân sự của nhiều nước đã kích thích sự ham muốn thể dục quân sự. Song, thể dục của Amorot còn chưa thích hợp để đưa vào giờ học của trường học. Vì vậy chưa thể gọi đó là một hệ thống giáo dục thể chất quốc gia.

Chỉ mãi về sau, ở Pháp mới xuất hiện những bài tập thể dục mới, thích hợp với trường học. Trong các hệ thống ấy, những tư tưởng mở đầu cho khuynh hướng thực dụng trong thể dục của Amorot đã được duy trì và phát triển.

4. Hệ thống GDTC ở Anh, Mỹ.

Ở Anh và Mỹ, thể thao được phổ biến đặc biệt rộng rãi. Điều này một phần do vị trí địa lý không phải lo ngại trước sự xâm lược của nước ngoài. Lực lượng quân đội chính là hạm đội. Các môn thể thao đặc biệt là môn bóng là phương tiện giải trí tốt nhất cho thủy thủ, những người phải xa nhà lâu ngày. Những nguyên nhân chính là truyền thống lâu đời. Ở Anh, các trò chơi gian dan và giải trí đã phát triển thành các môn thể thao có luật lệ nhất định. Các trường học trở thành các trung tâm thể thao. Ở trong trường học đã xuất hiện các nhóm thể thao nghiệp dư như chạy, đấm bốc, bơi, chèo thuyền, các môn bóng. Từ những năm 30 của thế kỷ XIX, người ta đã tổ chức các cuộc thi đấu thường xuyên về các môn thể thao trong trường học.

Năm 1829, tổ chức cuộc đua thuyền lớn giữa sinh viên hai trường Kemboritgio và Otpho.

Năm 1845, các cuộc thi đấu điền kinh được tiến hành ở các trường trung học, đặc biệt là trường Iton.

Năm 1863 Liên đoàn Bóng đá nước Anh được thành lập, giải vô địch toàn quốc được tiến hành.

Theo mô hình của Anh, thể thao phát triển cả ở Bắc Mỹ, ở đó môn thể thao phổ biến nhất là bóng chày. Năm 1934 luật chơi của môn bóng chày được ban hành.

5. Các nước Đông Nam Á:

Tại các nước Đông Nam Á, trong các trường truyền đạo, giáo dục thể chất là trò chơi, bơi... song việc giảng dạy ở các trường này trình độ còn thấp.

Thời kỳ thực dân, ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục thể chất.

III. HỌC THUYẾT CỦA CNCS KHOA HỌC VỀ GDTC

Trước khi tìm hiểu vấn đề này, chúng ta cần xem lại một số quan điểm của các nhà khoa học không tưởng: Phurie (1772 – 1837),... nhà xã hội học Robeoen (1771 – 1858)...

Nhà không tưởng Phurie (1772 – 1837):

Là nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, ông chỉ rõ sự tệ hại của hệ thống giáo dục tư sản ở chỗ nó không mở cửa cho con em những người lao động. Theo ý kiến của Phurie thì trẻ em từ 3 – 9 tuổi phải được tham gia vào các trò chơi mang tính chất lao động, được rèn luyện về thể chất, làm quen với nghệ thuật sân khấu và các nguyên lý cơ học, từ 9 – 15, 16 tuổi việc học tập phải kết hợp với giáo dục thể chất và hoạt động lao động.

Nhà xã hội học Anh Robe Ooen (1771 – 1858):

Ông cho rằng nguyên nhân cơ bản của học xã hội và tình cảnh nặng nề của người lao động là do sự phát triển không đầy đủ của hệ thống quốc dân. Ông mở trường cho con em công nhân nhà máy, tại đó trẻ em được học phổ thông và giáo dục thể chất, giờ học kết hợp với lao động. Một sân đặc biệt được xây dựng để tổ chức các giờ chơi, trò chơi, tập thể dục, tập quân sự. Nhưng hệ tư tưởng này bị thất bại.

- Học thuyết chủ nghĩa cộng sản khoa học ra đời.

- Ở chủ nghĩa tư bản càng bóc lột nặng nề giai cấp nông dân và công nhân đi đến cùng cực, bữa đói bữa no dẫn đến sức khỏe kém, tinh thần, trí tuệ

giảm sút, xuất phát từ đó, giới trí thức tư bản thấy rằng sức khỏe kém sẽ không có lợi cho việc tăng năng suất lao động, vì vậy cần phải giúp cho họ khỏe để nâng cao năng suất lao động và tạo của cải vật chất. Song với tư tưởng này không thể làm lu mờ phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân và công nhân. Vì vậy:

Tiêu biểu cho học thuyết cộng sản khoa học là Các Mác và Ăngghen.

C. Mác (1818 – 1883)

Ông cho rằng: “Tất cả trẻ em lao động sản xuất phải kết hợp với học tập và thể dục. Đây là biện pháp duy nhất con người phát triển toàn diện”.

PH.Ăngghen

Cho rằng chính sự phân công lao động và tách thành thị khỏi nông thôn. Từ đó làm kìm hãm sự phát triển tinh thần và trí tuệ, để khắc phục: Hai ông đề ra quan điểm tiến bộ về phát triển GDTC cho giai cấp công – nông giúp họ đấu tranh cải thiện điều kiện sống. Ông đã chia GDTC ra làm 3 phần:

- Giáo dục trí tuệ (Học tập văn hóa)
 - Giáo dục thể chất (Trò chơi, thể dục, quân sự)
 - Giảng dạy kỹ thuật, nâng cao các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết.
- Trong “tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” C. Mác và Ph. Ăngghen đã đưa vào tác phẩm khái niệm “phát triển nhân cách toàn diện” không chỉ trong việc giáo dục trí tuệ, giáo dục thể chất, giảng dạy kỹ thuật mà cả trong giáo dục đạo đức và giáo dục thẩm mỹ.

CHƯƠNG 5: TDTT THỜI KỲ CẬN ĐẠI

I. PHONG TRÀO TDTT CÔNG NHÂN.

1. Sự xuất hiện các tổ chức TDTT đầu tiên của công nhân:

Trong quá trình đấu tranh giành quyền lợi của người lao động, giai cấp công nhân đã xây dựng các tổ chức giai cấp của mình. Liên đoàn của những người cộng sản ra đời là: Là tổ chức cộng sản quốc tế đầu tiên trong lịch sử năm 1847 – 1852 tiền thân của quốc tế thứ nhất. Đã lãnh đạo các hoạt động của hội quần chúng khác nhau của giai cấp công nhân. Những người cộng sản

tham gia các tổ chức khác nhau và xây dựng trong quần chúng các nhóm thể dục và ca hát mới.

2. Phong trào thể thao của công nhân công xã Paris:

- Cách mạng công xã Paris ra đời: Nhiều tổ chức công nhân hình thành (Các liên đoàn, hiệp hội...).

- Phong trào TĐTT công nhân lớn mạnh và được mở rộng ra nhiều nước đang phát triển như: Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Tiệp...

- Trước những ảnh hưởng lớn lao đó càng làm tăng sự lo âu trong giới tư bản. Tư bản đã nhận ra và bắt đầu quan tâm bằng nhiều hình thức, ... tạo mọi điều kiện để thành lập các nhóm TĐTT trong công nhân nhằm tác động lôi kéo, làm giảm ý chí và tinh thần đấu tranh (phân tán nhỏ các tổ chức để dễ quản lý). Các tổ chức TĐTT công nhân được giới tư bản gọi “Thể thao kinh doanh công xưởng”... vì vậy lực lượng tiến bộ trong phong trào thể thao công nhân bị phân tán và không thể chống lại các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa.

- Năm 1913 cuộc họp 5 nước: Anh, Hungari, Đức, Pháp, Bỉ tại thành phố Ganto (Bỉ). Đại hội thể thao công nhân này đặt nền móng cho sự thống nhất quốc tế của các vận động viên. Đến năm 1914 thế chiến thế giới thứ nhất làm tan rã tổ chức này. Chỉ sau cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công và sau thế chiến thứ nhất kết thúc các tổ chức thể thao quốc tế mới ra đời.

3. Phong trào “Chim Ưng” và thể thao “Chim Ưng”:

Trong thời kỳ mâu thuẫn của xã hội tư bản trở nên gay gắt các hội TĐTT bắt đầu giữ vai trò tích cực trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nửa sau thế kỷ XIX phong trào “Chim Ưng” ở Tiệp Khắc đã trở thành phong trào khá nổi tiếng. Tổ chức “Chim Ưng” thành lập thư viện, các nhóm nghiệp dư, các đội chữa cháy tình nguyện... những khâu chính của phong trào này là các hội thể thao. Để thu hút các tổ chức mình “Chim Ưng” đã soạn thảo các hệ thống bài tập của mình không giống như ở Đức là lập lại bài tập nhiều lần, ở đây “Chim Ưng” phối hợp các bài tập khác nhau và chú ý đến sự hoàn hảo và chính xác của động tác, quy định đồng phục, nhạc đệm cho các bài tập thể dục tự do và dụng cụ. Các bài tập chia làm 4 nhóm.

- Các bài tập tay không (không có dụng cụ).
- Các bài tập trên dụng cụ (xà đơn, xà kép, ngựa) và các bài tập với dụng cụ (gậy, côn, khăn quàng cho nữ, mô hình gươm giáo cho nam).
- Các bài tập nhóm (trồng người, nhào lộn).
- Các bài tập chiến đấu (Đấu kiếm, quyền anh).
- Các giờ tập tiến hành theo sơ đồ sau: Trước tiên tập đội hình đội ngũ, sau đó tập thể dục tự do, tập với dụng cụ và tập chiến đấu, tiếp đến là tập trên dụng cụ theo nhóm nhỏ (có thay đổi dụng cụ), sau nữa là bài tập chung “trồng người” và cuối cùng là đội hình đội ngũ và kết thúc giờ học. Người sáng lập chủ yếu của thể dục “Chim Ưng” là nhà hoạt động văn hóa kiệt xuất của nhân dân Tiệp Khắc Moxxoxlap Tuwrrso (1832 – 1883).

Nếu những năm 60- 70 của thế kỷ XIX các hội “chim ung” đã giữ vai trò tích cực trong sự nghiệp đoàn kết nhân dân Tiệp Khắc cho độc lập đất nước thì đến đầu thế kỷ XX các hội này bắt đầu giáo dục thanh niên theo tinh thần dân tộc tư sản. Cũng trong thời gian ấy, đi theo khuynh hướng “tự trị văn hóa dân tộc” phong trào “chim ung ” bắt đầu gây tác hại cho nhân dân lao động, coi nhẹ đấu tranh giai cấp, chỉ giáo dục tình cảm của các dân tộc chủ nghĩa. Điều này thể hiện rõ thời cách mạng 1905 và cách mạng tháng mười Nga 1917. “ Chim ung” đã ủng hộ Nga hoàng bằng cách đánh lạc hướng thanh niên khỏi đấu tranh chính trị.

II. HỆ THỐNG GDTC TƯ SẢN:

Đáp ứng lợi ích của giai cấp tư sản: tăng theo quyền lực tăng năng suất, tăng sản phẩm làm giàu cho giai cấp tư sản.

Mục đích phục vụ cho giai cấp chuẩn bị cho thanh niên có sức khỏe để phục vụ quân đội.

1. Các tổ chức TDTT tư sản

Nghiên cứu tìm hiểu các tổ chức

Ở mỹ: Năm 1911 Liên đoàn GDTC Thiên Chúa Giáo thành lập. Ở Anh và một số nước của nhiều tổ chức ra đời, các hoạt động GDTC theo khu vực, vùng lãnh thổ, dưới sự giám sát của quân đội - công an.

2. Các hình thức GDTC mới ra đời:

Giai cấp Tư Sản đã nhìn thấy tác dụng lớn của TDTT là để Giáo dục đạo đức - thể chất - tăng cường mối quan hệ giữa các dân tộc.

+ GDTC của Đemêni. ông dựa trên sự phát triển về sinh lý học, sinh hoá học, sinh cơ học để xây dựng các bài tập thể chất, ông cho rằng tập luyện chỉ biết cơ cơ là chưa đủ —» mà phải biết thả lỏng cơ —> không nên quá chú trọng phát triển một loại tổ chất mà cần sử dụng hợp lý những cái mà con người có.

+ GDTC theo phương pháp tự nhiên của Gioóc Ebe:

Ông tiến hành các bài tập trên địa hình tự nhiên không cần các thiết bị. GDTC cơ bản của Ninxơ Búc: Tập các bài tập hai người hoặc là nhóm các bài tập nhằm để khuyến khích tính tích cực, ông đã nghĩ ra một phương pháp tập theo dòng chảy

III. GDTC TIẾN BỘ Ở NGA VÀ TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG

10.

- Bên cạnh phong trào TDTT Tư Sản. Khoa học GDTC ở Nga đạt đến sự phát triển cao. Tiêu biểu là nhà giáo dục học, giải phẫu học. Thầy thuốc Lesgáo (1837- 1909).

- Mục đích GDTC của ông là chuẩn bị cho con người lao động sáng tạo, giúp tiêu hao năng lượng cơ thể nhanh, đòi hỏi hiệu quả cao trong công việc - ông đưa ra các luận điểm về GDTC như sau:

- Giáo dục thể chất nhằm chuẩn bị cho con người lao động với năng suất cao vì hạnh phúc của toàn xã hội.

- Giáo dục thể chất là sự trao đổi kỹ năng kỹ xảo vận động bằng các phương tiện GDTC.

- Giáo dục thể chất phát triển hài hoà cơ thể mới có thể tăng năng suất lao động và đạt hiệu quả cao.

- Giáo dục thể chất phát triển hài hoà phải kết hợp tốt với phát triển trí tuệ và phát triển sức mạnh thể chất của con người.

- Muốn phát triển hài hoà phải tuân thủ nguyên tắc liên tục và đảm bảo nguyên tắc cá biệt hoá trong phát triển thể chất (đối tượng, giới tính, lứa tuổi).

- Muốn phát triển thể chất phải dựa vào luận cứ khoa học và hệ thống GDTC.

- Hệ thống GDTC phải đa dạng phong phú dưới nhiều hình thức, điều kiện khác nhau. Có sử dụng một số điều kiện tự nhiên và kết hợp các động tác tự nhiên.

Tóm lại: Quan điểm hệ thống GDTC của Lesgáp rất tốt, song không khả thi vì đòi hỏi cần có nhiều cán bộ sư phạm GDTC có trình độ giỏi đồng thời tư tưởng này không phù hợp với lợi ích của chính phủ Nga Hoàng và giai cấp Tư Sản Nga. Song chính hệ thống GDTC của ông đã trở thành nhân tố quan trọng trong hệ thống GDTC ở Nga sau cách mạng tháng 10.

CHƯƠNG 6: THỂ DỤC THỂ THAO THỜI KỲ HIỆN ĐẠI

I. TDTT THỜI KỲ HIỆN ĐẠI GIỮA 2 CUỘC THỂ CHIẾN.

1. Sự phát triển của phong trào TDTT công nhân:

Cách mạng tháng 10 thành công. Phong trào thể thao công nhân phát triển mạnh ở các nước khối Đông Âu, tiêu biểu là Liên Xô cũ: Năm 1921 - tại Mastxcova thành lập nhiều tổ chức thể thao của giai cấp công nhân như: Quốc tế thể thao đỏ. Một trong những nhiệm vụ chiến thuật của Quốc tế thể thao đỏ là biến các tổ chức thể thao công nhân thành các trung tâm chiến đấu của giai cấp vô sản chống chủ nghĩa tư bản. Các tổ chức chia rẽ theo cách mạng công nhân đã chống lại hoạt động chia rẽ của Đảng viên xã hội chủ nghĩa khắp nơi.

- Tại Phần Lan đã thành lập Liên đoàn thể thao công nhân gồm 56 câu lạc bộ, 11 nghìn hội viên. Đến năm 1920 có 500 câu lạc bộ với 30 nghìn người.

- Năm 1929 những vận động viên công nhân cách mạng bị khai trừ khỏi Liên đoàn thể thao công nhân. Theo sáng kiến của người cộng sản họ thành lập ủy ban thống nhất thể thao công nhân. Đến năm 1930, phong trào phát xít nổi lên ở Phần Lan, bọn phản động gieo rắc chủ nghĩa chống cộng và chống

Liên xô, 135 hội thể thao công nhân cách mạng bị khai trừ khỏi Liên đoàn thể thao công nhân. Các hội viên bị truy nã.

- Tại Hungary - thể thao đã đứng vững trước thời kỳ khủng bố trắng và trong những năm đen tối dưới chế độ Horti. Năm 1925 những người cộng sản bắt đầu tổ chức các nhóm đối lập trong các hội thể thao công nhân, tiến hành “những ngày thể thao bất hợp pháp”.

- Tại Tiệp Khắc, năm 1921 xuất hiện Liên Hiệp các hội thể thao.

- Tại Pháp, 1934 Liên hiệp TĐTT công nhân Pháp ra đời và đã tạo ra những trang sử rực rỡ của thể thao công nhân. Trước chiến tranh nhiều cuộc hội tụ thể thao công nhân của Pháp đã có uy tín lớn. Trong đó có cuộc đua xe đạp và chạy việt dã của báo “Nhân đạo” của Đảng cộng sản Pháp. Đến năm 1939 số thành viên của Liên hiệp lên đến 130 nghìn người.

Cũng trong thời kỳ này nhiều tổ chức thể thao công nhân xuất hiện ở các nước thuộc địa và phụ thuộc ở Châu Á, Châu Phi, Châu úc và Mỹ La Tinh. Song do số lượng ít, tổ chức giai cấp vô sản yếu nên các tổ chức thể thao công nhân chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương và chủ xã hội nghĩa công đoàn vô chính phủ.

2. Phong trào TĐTT tư sản.

Trong thời kỳ giữa hai cuộc đại chiến thế giới, ý nghĩa chính trị, quân sự của TĐTT tăng lên từng thấy. Giai cấp tư sản sử dụng phong trào TĐTT như một phương tiện biểu hiện chính sách phản động, trước hết là quân sự hóa nhân dân và nô dịch người lao động về tư tưởng, đồng thời còn để nâng cao năng suất lao động, kinh doanh làm giàu trên qui mô lớn. Để làm việc đó, giai cấp tư sản các nước chú ý đến việc tập trung quản lý phong trào TĐTT, dưới sự kiểm tra của nhà nước. Những người cầm đầu của phong trào TĐTT tư sản ở Đức viết: “Với việc bỏ chế độ quân dịch phổ cập, cần tìm phương pháp mới để huấn luyện thể lực cho thanh niên”. “Nền giáo dục thể chất được tổ chức đúng và phổ biến rộng rãi.” Năm 1917 ủy ban nhà nước Đức về tập luyện thể chất được thành lập, đến năm 1922, ủy ban tập hợp hầu hết các Liên đoàn thể thao tư sản lớn nhất Đức với 3,8 triệu hội viên. Năm 1931 ủy ban tập hợp 6

triệu người của 49 Liên đoàn thể thao. Các tổ chức thể thao tôn giáo đã hoạt động dưới sự bảo trợ của ủy ban nhà nước Đức về tập luyện thể chất.

Giai cấp tư sản đã âm mưu “thuần hóa” phong trào thể thao công nhân, hướng phong trào này vào con đường có lợi cho chúng. Để đẩy mạnh phong trào TDTT ở các nhà máy như thành lập câu lạc bộ thể thao ở các xí nghiệp, xây dựng các công trình thể thao, trả lương cho chuyên gia với mục đích;

- Thứ nhất: Khôi phục sức lao động, nâng cao năng suất lao động.

- Thứ hai: Tước vũ khí chính trị, tư tưởng người lao động xóa nhòa mâu thuẫn giai cấp trong ý thức của họ.

- Thứ ba: Hình thành tầng lớp công nhân quý tộc và những kẻ phá bãi công.

- Thứ tư: Huấn luyện binh lính ra trận.

Năm 1920 theo sáng kiến của ủy ban nhà nước Đức về tập luyện thể chất ở Berlin mở trường cao đẳng rèn luyện thể chất nhiệm vụ là đảm bảo cán bộ chuyên môn cho các Hội và Liên đoàn thể thao tư sản. Theo yêu cầu của giai cấp tư sản, khoa học về TDTT không nghiên cứu chức năng ứng dụng quân sự và ứng dụng công nghiệp có tính chất thực dụng của TDTT.

Việc quân sự hóa thể thao ở Đức được đặc biệt tăng cường thời kỳ phát xít năm 1933, Hitle nêu ý đồ cái gọi là “giới đàn ông” theo đó mỗi người đàn ông thuộc “chủng tộc thượng đẳng thuần túy” phải gắn toàn bộ cuộc đời mình vào chiến thắng. Muốn làm được việc này phải qua một trường đào tạo rất ngặt nghèo. Từ 10-13 tuổi phải vào đội “thiếu niên đế chế”. Từ 14 - 18 tuổi phải vào thanh niên Hitle (các tổ chức thanh thiếu niên phát xít). Ở tất các trường, giáo dục thể chất được hoàn toàn quân sự hóa và tuân thủ hệ tư tưởng phát xít. Ở tất cả các trường, giáo dục thể chất được hoàn toàn quân sự hóa và tuân thủ hệ tư tưởng phát xít. Năm 1937 trong các giờ học hàng tuần có 5 giờ thể dục, một “ngày thể thao”. Tại các trường đại học giáo dục thể chất được tiến hành 3 - 4 học kỳ. Hoạt động thể dục thể thao nâng cao, thể thao cổ điển với quyền tham gia thi đấu quốc tế chỉ dành cho một bộ phận thanh niên hạn chế, trước tiên là tầng lớp khá giả. Đối với đông đảo quần chúng, thể thao

mang tính chất ứng dụng quân sự. Vi phạm các điều khoản của hiệp ước Vecxay năm 1935, Hitle đã xây dựng một đội quân gồm 5 triệu người được huấn luyện với sự hỗ trợ của thể thao. Như vậy ở Đức giai cấp tư sản đã sử dụng thể thao vào mục đích xâm lược và chiến tranh.

Ở Nhật Bản, việc quân sự hóa TĐTT kết hợp với chủ nghĩa Sôvanh và sự cuồng tín tôn giáo; Huấn luyện quân sự thể lực bắt buộc được tiến hành trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp

trong đơn vị quân đội và cảnh sát. Trong các nước bị Hitle chiếm đóng cũng diễn ra việc quân sự hóa thể thao. Nhưng mọi mưu toan lợi dụng thể thao để phục vụ chủ nghĩa phát xít Hitle ở các nước Bungary, Na Uy, Đan Mạch, Ba Lan, Hy Lạp và các nước khác, cuối cùng bị sụp đổ. Việc quân sự hóa cũng diễn ra ở Braxin, Argentina, Chi Lê - nội dung huấn luyện quân sự thể lực được đưa vào chương trình học tập của các trường và thành lập các tổ chức thể thao quân sự kiểu phát xít.

Nhưng ở Anh, Mỹ, Pháp không có hệ thống giáo dục quân sự - độc tài như tại các nước phát xít. Nó được che đậy khéo léo lối mị dân tư sản. Thực dân pháp đã cố ý du nhập phương pháp huấn luyện về thể chất của mình vào các nước Đông Nam Á. Năm 1918 Đại học tổng hợp Hà Nội tổ chức huấn luyện quân sự cho sinh viên, mà một bộ phận của nó là giáo dục thể chất. Nạn phân biệt chủng tộc đã bộc lộ trong nền thể thao tư sản.

3. Các phương pháp của hệ thống giáo dục thể chất tư sản.

Trong thời kỳ giữa 2 cuộc đại chiến, các phương pháp mới về giáo dục thể chất đã được phổ biến rộng rãi ở một loạt các nước tư bản. Sự xuất hiện của chúng gắn liền với các cuộc cải cách tiến hành trong lĩnh vực huấn luyện thể lực và quân sự ở nhà trường tư sản quân đội. lý thuyết “ cân bằng” đã có sự phổ cập nhất định. Theo lý thuyết này, giáo dục thể chất phải khôi phục cái mà con người đã mất đi do những tiến bộ của công nghiệp.

Nổi tiếng trong nhiều trường học của các nước tư bản là phương pháp thể dục tự nhiên ở Áo của Gaaugopher và Marieta Storaikho, họ coi giáo dục thể chất không những là phương tiện tác động vật lý đối với cơ thể của trẻ, mà còn là một yếu tố cần thiết để giáo dục trí tuệ và đạo đức trong tinh thần hòa hợp giai cấp, hai ông soạn ,thảo tỉ mỉ giờ học thể dục cho trẻ em lứa tuổi , đi học. các Ông chia giờ học ra làm 3 phần và đưa vào các nhóm bài tập sau:

Các bài tập khởi động (đi bộ nhanh, trò chơi có bật nhảy, bài tập thở).

-Bài tập cơ bản cho thân hình, tập thăng bằng, tập sức mạnh và khéo léo (chạy, đi bộ, nhảy).

- Các bài tập hồi tĩnh (trò chơi không kèm theo chạy, đi bộ nhẹ nhàng).

Các ông khuyên đi nên đi tham quan, chơi ngoài trời, bơi, trượt tuyết.

II. TDTT SAU THẾ CHIẾN THỨ HAI.

1. Thể dục thể thao các nước xã hội chủ nghĩa.

Do chiến thắng phát xít Đức và quân phiệt Nhật. thế giới xuất hiện một hoàn cảnh lịch sử chính trị mới có ảnh hưởng đến đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa ở nhiều nước Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ La Tinh. Tại nhiều nước có những khả năng thuận lợi để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở Việt nam, Bungary, Hungary, Cộng hòa dân chủ Đức, Ba Lan, Rumani, Tiệp Khắc, Cu ba, Nam Tư và một số nước khác bước vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tại các nước này các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập các điều kiện vật chất, xã hội văn hóa trong cuộc sống con người được cải thiện, các hệ thống giáo dục mới cho thế hệ đang lớn lên được hình thành. Những thay đổi cơ bản cũng diễn ra trong việc phát triển TDTT.

Việc dân chủ phong trào TDTT diễn ra theo một số hướng: Ở Hungary, Ba Lan, các câu lạc bộ các liên đoàn thể thao tiêu nhiệm nhiều ý thức phát xít bị giải tán. Với sự giúp đỡ của công đoàn, thành phần giai cấp các tổ chức TDTT được thay đổi. việc chuyển các câu lạc bộ thể thao cho các tổ chức công đoàn của các xí nghiệp và các cơ quan lớn điều khiển, việc xây dựng các bài tập nhóm TDTT ở nhà máy, công xưởng, trường học tạo điều kiện dân chủ hóa phong trào TDTT. Các đại diện của nhân dân lao động đã tham gia

lãnh đạo các câu lạc bộ, các cơ quan thể thao của nhà nước và xã hội. các câu lạc bộ thể thao nhà nghề chấm dứt hoạt động.

Ở Việt nam, chính quyền nhân dân đã xây dựng cơ quan chuyên trách lãnh đạo - phát triển TDTT. Nhà thể dục thể thao Trung Rumani, Tiệp Khắc, Cu Ba, nam Tư và một số nước khác bước vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. tại các nước này các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập các điều kiện vật chất, xã hội văn hóa trong cuộc sống con người được cải thiện, các hệ thống giáo dục mới cho thế hệ đang lớn lên được hình thành. Những thay đổi cơ bản cũng diễn ra trong việc phát triển TDTT.

Việc dân chủ hóa phong trào TDTT diễn ra theo một số hướng: Ở Hungary, Đức, Bungary, Ba Lan, các câu lạc bộ các liên đoàn thể thao tiềm ẩn nhiều ý thức hệ phát xít bị giải tán. Với sự giúp đỡ của công đoàn , thành phần giai cấp của các tổ chức TDTT được thay đổi. Việc chuyển các câu lạc bộ thể thao cho các tổ chức công đoàn của các xí nghiệp và các cơ quan lớn điều khiển thuộc Bộ Thanh niên thành lập ngày 30 -1- 1946. Đây là bước đột phá đầu tiên trên con đường dân chủ hóa phong trào TDTT.

2. Việc xây dựng các hệ thống giáo dục thể chất XHCN.

Cuộc cách mạng XHCN diễn ra ở Trung Đông, Nam Châu Âu trong những năm 1947 - 1948 đã tạo điều kiện để tiếp tục phát triển TDTT theo con đường XHCN. Các nước XHCN đã xác định ý nghĩa to lớn của TDTT trong công cuộc cải tạo xã hội. Cuối những năm 40, đầu những năm 50, các cơ quan lãnh đạo Đảng các nước dân chủ nhân dân đã thông qua các quyết định cụ thể về TDTT như Bungary, BaLan, Rumani, Đức , Việt Nam, Mông cổ (1958).

Giai đoạn cải tạo XHCN trong lĩnh vực TDTT được đặc trưng ở việc hoàn thiện quản lý phong trào TDTT. Các ủy ban TDTT trở thành hình thức quản lý hợp nhất đối với nhiệm vụ tăng cường sự lãnh đạo của nhà nước. Tuy thời gian ra đời của ủy ban TDTT các nước khác nhau nhưng nguyên tắc xây dựng, phương tiện và phương pháp hoạt động thì giống nhau. Các ủy ban TDTT có nhiệm vụ thúc đẩy, hoạt động của các ngành trong việc tổ chức giáo dục thể chất, đã vạch ra nguyên lý thống nhất để xây dựng quá trình giảng dạy

- huấn luyện, đã đưa công tác kế hoạch, chế độ kiểm tra báo cáo vào lĩnh vực TDTT quần chúng, nâng cao thành tích thể thao.

Sau những năm 1947 - 1948 ở các nước XHCN thành lập các tập thể TDTT cơ sở tại xí nghiệp cơ quan, trường học do công đoàn lãnh đạo. Đến năm 1940 - 1950 tại các nước XHCN các Hội thể thao tự nguyện trực thuộc các công đoàn được thành lập thu hút đông đảo quần chúng thanh niên lao động tham gia.

TDTT ở các nước XHCN được phát triển mạnh- các cuộc thi đấu với số lượng lớn tạo điều kiện cho thể thao quần chúng phát triển mạnh.

III. PHONG TRÀO TDTT TƯ SẢN PHÁT TRIỂN MẠNH Ở CÁC NƯỚC TÂY ÂU.

Giai cấp tư sản sử dụng phong trào TDTT như một phương tiện hữu hiệu cho chính sách phản động, nhằm mục đích quân sự hoá nhân dân và nô dịch người lao động :

- Nâng cao năng suất lao động, tạo của cải và sản phẩm vật chất
- Sử dụng thể dục thể thao như vũ khí để xóa nhòa ý thức đấu tranh giai cấp.
- Hình thành giai cấp mới, giai cấp công nhân quý tộc.
- Huấn luyện binh lính ra trận mục đích xâm lược và khai thác thuộc địa.
- Chế độ tư sản không nghiên cứu quá trình phát triển toàn diện về sức khỏe – nhân cách, mà chú trọng nghiên cứu chức năng ứng dụng quân sự và ứng dụng công nghiệp.

3.1.1.3. Phần thông tin khoa học liên quan của các nhà khoa học

Nhà không tưởng Phurie (1772 – 1837):

Là nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, ông chỉ rõ sự tệ hại của hệ thống giáo dục tư sản ở chỗ nó không mở cửa cho con em những người lao động. Theo ý kiến của Phurie thì trẻ em từ 3 – 9 tuổi phải được tham gia vào các trò chơi mang tính chất lao động, được rèn luyện về thể chất, làm quen với nghệ thuật sân khấu và các nguyên lý cơ học, từ 9 – 15, 16 tuổi việc học tập phải kết hợp với giáo dục thể chất và hoạt động lao động.

Nhà xã hội học Anh Robe Ooen (1771 – 1858):

Ông cho rằng nguyên nhân cơ bản của tai học xã hội và tình cảnh nặng nề của người lao động là do sự phát triển không đầy đủ của hệ thống quốc dân. Ông mở trường cho con em công nhân nhà máy, tại đó trẻ em được học phổ thông và giáo dục thể chất, giờ học kết hợp với lao động. Một sân đặc biệt được xây dựng để tổ chức các giờ chơi, trò chơi, tập thể dục, tập quân sự. Nhưng hệ tư tưởng này bị thất bại.

C. Mác (1818 – 1883)

Ông cho rằng: “Tất cả trẻ em lao động sản xuất phải kết hợp với học tập và thể dục. Đây là biện pháp duy nhất con người phát triển toàn diện”.

PH.Ăngghen

Cho rằng chính sự phân công lao động và tách thành thị khỏi nông thôn. Từ đó làm kìm hãm sự phát triển tinh thần và trí tuệ, để khắc phục: Hai ông đề ra quan điểm tiến bộ về phát triển GDTC cho giai cấp công – nông giúp họ đấu tranh cải thiện điều kiện sống. Ông đã chia GDTC ra làm 3 phần:

- Giáo dục trí tuệ (Học tập văn hóa)
- Giáo dục thể chất (Trò chơi, thể dục, quân sự)
- Giảng dạy kỹ thuật, nâng cao các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết.

- Trong “tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” C. Mác và Ph. Ăngghen đã đưa vào tác phẩm khái niệm “phát triển nhân cách toàn diện” không chỉ trong việc giáo dục trí tuệ, giáo dục thể chất, giảng dạy kỹ thuật mà cả trong giáo dục đạo đức và giáo dục thẩm mỹ.

3.1.1.4 Phần hướng dẫn mở rộng

*** Hệ thống câu hỏi và gợi ý làm bài tập**

Câu 1: Anh (chị) hãy trình bày cơ sở lý luận về giáo dục thể chất thời kỳ tư bản? học thuyết CNXHKH về GDTC. Đặc biệt là quan điểm của C.Mác và Anghen?

Câu 2: Anh (chị) hãy trình bày phong trào TĐTT công nhân và phong trào TĐTT Tư sản thời kỳ sau CM tháng 10.

*** Gợi ý câu trả lời**

Câu 1: Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:

- Cách mạng tư sản ra đời vào thế kỷ 17 năm 1640 tại nước Anh →
đến cách mạng tháng 10 năm 1917 tại nước Nga thế kỷ 20.

- Thời kỳ đầu: chủ nghĩa Tư bản ổn định và phát triển.

- Đến giữa và cuối có nhiều cuộc đấu tranh nổ ra.

Quan niệm của các nhà triết học, xã hội học

1. Lốc Cô (1632 - 1704).

2. Lamêtori (thế kỷ 18)

Tiêu biểu cho học thuyết cộng sản khoa học là Các Mác và Ăngghen.

Câu 2: Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:

- Việc xây dựng các hệ thống giáo dục thể chất XHCN.

- Phong trào TDTT tư sản.

- Các phương pháp của hệ thống giáo dục thể chất tư sản.

- Thể dục thể thao các nước xã hội chủ nghĩa

- Sự phát triển của phong trào TDTT công nhân:

*** Gợi ý tài liệu học tập cho SV**

1. Văn An – Lý Gia Thanh (1995), 100 năm Thế vận hội Olympic Nxb Thanh niên.

2. Nguyễn Văn Hiếu & ctg (2007), Sơ thảo Lịch sử TDTT Việt Nam.

3. Lê Thiết Can (2008), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.

4. Nguyễn Thiệt Tình (2006), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.

5. Nguyễn Xuân Sinh (2000), Lịch sử TDTT, Nxb TDTT.

6. Mai Văn Muôn Và các thành viên (1999), Olympic học Nxb TDTT.

3.1.1.4. Phụ lục

“Dân cường thì nước thịnh”: quan điểm cơ bản nhất

Nói về mục tiêu thì dân cường và nước thịnh là hai mục tiêu cao quý của chế độ mới. Hai mục tiêu này không những có quan hệ với nhau mà còn có quan hệ bản chất với mục tiêu dân giàu nước mạnh, chúng đều đem lại hạnh phúc cho con người, cho dân tộc Việt Nam. Quan điểm “Dân cường thì nước

thịnh” quy định tất cả các quan điểm khác của Hồ Chí Minh, hướng TDTT phục vụ đặc lực các mục tiêu dân cường, nước thịnh.

Dân cường làm nên nước thịnh. Điều này có nghĩa sức khỏe của nhân dân là một trong những nhân tố to lớn quyết định sự phát triển đất nước đi tới “Dân giàu nước mạnh”. Do đó, TDTT phục vụ đặc lực sức khỏe nhân dân cũng đồng thời góp phần phục vụ công cuộc chấn hưng đất nước.

Bởi vậy, các quan điểm khác của Hồ Chí Minh đều nhất quán sự định hướng TDTT phát triển mạnh vì sức khỏe của nhân dân. Thông qua phục vụ sức khỏe nhân dân, phục vụ sức khỏe cho mọi người, TDTT góp phần phục vụ tất cả các hoạt động phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục... tức là phục vụ sự nghiệp phấn đấu cho mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh”.

Từ đó, tất cả các quan điểm khác về TDTT của Hồ Chí Minh đều được quy tụ: TDTT vì dân cường, nước thịnh.

Quan điểm Hồ Chí Minh về phát triển TDTT quần chúng

Theo từ điển tiếng Việt, quần chúng là mọi người trong xã hội. Như vậy TDTT quần chúng chính là TDTT cho mọi người, mọi nguồn nhân lực.

Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: “Dưới chế độ dân chủ, Thể thao và Thể dục phải trở thành hoạt động chung của quần chúng, nhằm mục đích làm tăng cường sức khỏe của nhân dân. Nhân dân có sức khỏe thì mọi công việc đều làm được tốt.” Người khuyến khích “Vậy nên luyện tập Thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người dân yêu nước”. Từ đó Hồ Chí Minh chủ trương “Chúng ta nên phát triển phong trào TDTT rộng khắp”. Đó là những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về TDTT quần chúng, thể thao cho mọi người.

Thế hệ trẻ là một bộ phận rất đông đảo của quần chúng nhân dân. Giáo dục thể chất và thể thao là một thành phần rất cơ bản, nền tảng của TDTT quần chúng. Hồ Chí Minh rất coi trọng TDTT đối với thế hệ trẻ.

Về giáo dục thể chất tuổi trẻ học đường, Hồ Chí Minh xác định là một bộ phận quan trọng của nền giáo dục quốc dân của nước Việt Nam độc lập và dân chủ: “Một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu

ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”. Từ quan điểm đó, sau này Hồ Chí Minh đã chỉ ra một cách cụ thể về giáo dục nói chung và giáo dục thể chất nói riêng, giáo dục toàn diện đó là “Thể dục kết hợp với gìn giữ vệ sinh chung và riêng, trí dục, mỹ dục, đức dục.” Bốn mặt giáo dục đó có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó Thể dục là tiền đề đầu tiên để phát triển các mặt giáo dục khác. Kể cả học viên trong nhà trường quân đội cũng vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập giáo dục thể chất lên trước hết: “Các cháu phải ra sức thi đua: Luyện tập thân thể cho mạnh mẽ, nghiên cứu kỹ thuật cho thông thạo, trau dồi tinh thần cho vững chắc, hun đúc đạo đức của người quân nhân cách mạng cho vững vàng”.

Về giáo dục thể chất cho thanh niên đang tham gia mọi hoạt động trong mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy bảo tuổi trẻ thanh niên rằng: “Thanh niên phải rèn luyện TDTT vì thanh niên là tương lai của đất nước”. Ngoài các mặt học tập và rèn luyện khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên phải tích cực rèn luyện thể chất “ Phải giữ vững đạo đức cách mạng. Phải xung phong trong mọi công tác. Phải học tập chính trị, văn hoá, nghề nghiệp để tiến bộ mãi. Phải rèn luyện thân thể cho khoẻ mạnh. Khỏe mạnh thì mới đủ sức tham gia một cách dẻo dai, bền bỉ những công việc ích nước lợi dân”.

Trong quần chúng, có một bộ phận rất lớn, rất quan trọng, đó là nguồn nhân lực đang và sẽ tham gia thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh”. Nguồn lực con người như nông dân, công nhân, chuyên viên kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, văn nghệ sỹ... là trung tâm của sự phát triển. Nguồn nhân lực này không chỉ cần đông đảo mà đòi hỏi phải có chất lượng cao. Một trong những yếu tố cơ bản cấu thành chất lượng cao của nguồn nhân lực là sức khoẻ của mỗi con người. Hồ Chí Minh rất coi trọng sức khoẻ của nguồn nhân lực này. Để giữ gìn và tăng cường sức khoẻ cho họ, Hồ Chí Minh khuyên bảo họ tích cực tập TDTT. Người viết “muốn lao động sản xuất tốt, công tác và học tập tốt thì cần có sức khoẻ. Muốn giữ sức khoẻ thì

nên thường xuyên tập TDTT.” Từ quan điểm này, Người chủ trương phát triển TDTT khắp mọi miền, mọi vùng của đất nước.

Quan điểm Hồ Chí Minh về TDTT trong lực lượng vũ trang

Hồ Chí Minh rất quan tâm tới TDTT trong cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang. Lực lượng này khá đông đảo, họ trực tiếp chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ an ninh xã hội. Do đó, họ phải có thể lực tốt.

Trước và sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong kháng chiến và sau kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, nhiều lần Hồ Chí Minh trực tiếp nói chuyện, chỉ bảo, khuyến khích các cán bộ, chiến sỹ quân đội, tự vệ tập luyện TDTT. Người còn hướng dẫn, sửa chữa những động tác sai trong khi tập Thể dục, luyện Võ thuật cho nhiều cán bộ chiến sỹ quân đội. Tấm gương rèn luyện thân thể được các đoàn quân trên đường hành quân ra chiến trường noi theo: “Ngọn Tây Phong Lĩnh Bắc trèo; Đẻ nay có núi có đèo con qua”.

Hồ Chí Minh chủ trương: “Đẩy mạnh phong trào TDTT trong quân đội, làm cho quân đội chúng ta có thể chất khỏe, tinh thần khỏe để làm tròn mọi nhiệm vụ”. Chủ trương này thể hiện một quan điểm sâu sắc của Hồ Chí Minh về sức khỏe thể chất và tinh thần đối với cán bộ, chiến sỹ quân đội là nhân tố có tính quyết định làm tròn mọi nhiệm vụ. Để có được sức khỏe cả thể chất lẫn tinh thần, cán bộ chiến sỹ phải tập luyện TDTT.

3.1.3. Bài 3: TDTT trong thời kỳ Hiện đại và phong trào Olympic (4 tiết lên lớp của GV)

3.1.3.1. Phần mở đầu tiếp cận bài

Phong trào TDTT và các tổ chức thể thao Quốc tế

Sự thành lập Ủy ban Olympic Quốc tế .

Biểu tượng, biểu trưng của phong trào Olympic

Các kỳ Đại Hội Olympic. (bài tập ở nhà)

Đại Hội TDTT Châu Á.

Lịch sử phát triển.

Hội đồng Olympic châu Á là tổ chức đứng đầu ASIAN. Cơ cấu hội đồng.

Các giải vô địch Đông Á, Tây Á, và ĐH Châu Á.

Đại Hội TDTT Đông Nam Á(Sea games).

Lịch sử phát triển.

Điều lệ của Liên Đoàn.

Những nguyên tắc cơ bản.

Các kỳ ĐH.

3.1.3.2. Phần kiến thức căn bản

CHƯƠNG 7: PHONG TRÀO OLYMPIC HIỆN ĐẠI

1. Tình hình TDTT quốc tế cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

+ Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền, tạo ra nhiều liên minh mang tính quốc tế, tổ chức nhiều cuộc triển lãm QT nhằm mục đích giới thiệu những mẫu hàng hoá mới.

+ Các nước Châu Âu như (Thụy Điển, Nga, Tiệp Khắc) đã áp dụng các bài tập thể dục thể thao nhằm phát triển. Còn Anh, Pháp, Mỹ đã thay phương pháp trò chơi thi đấu cho phương pháp thể dục để phù hợp với nhịp sống công nghiệp, nhằm lôi cuốn tầng lớp thanh thiếu niên. Ở 3 nước này đặc biệt có các trò chơi với bóng.

+ Năm 1845 ở Itin Anh có tổ chức thi đấu điền kinh, Năm 1860 ở Anh có

câu lạc bộ...

+ Cuối thế kỷ 18 các câu lạc bộ dần liên kết lại với nhau tạo thành các hiệp hội, các liên đoàn. Ví dụ năm 1881 thành lập liên đoàn TD Châu Âu, 1892 thành lập liên đoàn trượt băng QT, chèo thuyền QT năm 1897, 1900 thành lập liên đoàn xe đạp...

Có thể nói rằng phong trào thể thao QT đã phát triển chưa từng thấy với nhiều môn, nhiều liên đoàn. Điều đó chính là cơ sở để hình thành phong trào Olympic.

2. Sự hình thành Ủy ban Olympic Quốc Tế.

+ Đã có nhiều nhà khoa học, bác sỹ, nhà giáo, đã đề xuất. Nhất là sự quan tâm đến việc khắc phục Đại hội Olympic sau khi các công trình khảo cổ học có ý nghĩa mạnh mẽ. Điều đó đã thúc giục ý tưởng vận động các quốc gia khôi phục Ủy ban Olympic trong thời kỳ hiện đại.

+ Năm 1889 có 1 nhà sư phạm người pháp là Pie đơ Cubectanh (1863-1973). Ông là người tiến bộ chống chủ nghĩa quân phiệt, chống kỳ thị tôn giáo. chủng tộc. Trong thể dục thể thao là người có vai trò to lớn trong việc biên soạn nhiều nguyên tắc về lý luận, tư tưởng và tổ chức cho nên sáng kiến của ông đã có nhiều nhà hoạt động thể dục thể thao ủng hộ.

+ Vì vậy vào tháng 6 - 1894 Hội nghị lần thứ nhất về Đại hội Olympic được tổ chức tại Paris của nước Pháp. Có 12 nước tham dự. Có nước Đức từ chối tham gia vì giới quân sự nước này có thái độ thù địch với tư tưởng hoà bình. Ông D. Vikêlap là chủ tịch đầu tiên và ông chỉ giữ chức vụ này trong 2 năm (1894 -1896). Sau đó nhường lại cho Cupectanh đến năm 1925 sau đó Ông còn là chủ tịch danh dự 12 năm.

+ Hội nghị thông qua hiến chương, mục đích, nhiệm vụ...

3. Mục đích của ĐH Olympic là:

- GDTC cho thanh niên có sức khoẻ, có tri thức, có thẩm mỹ, có nhân cách

- Cổ vũ phát triển tinh thần thể chất và phẩm chất đạo đức, thể thao vì sự đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc, góp phần xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn và hòa bình hơn.

- Truyền bá lý tưởng và phong trào Olympic toàn thế giới.

- Cổ vũ phát triển các tố chất thể lực và tinh thần, nền tảng của thể thao

- Động viên và phát triển các môn thể thao mới.

- Hỗ trợ và giúp đỡ Ủy ban Olympic ở các nước lạc hậu và đang phát triển.

Biểu tượng Olympic gồm có 5 vòng tròn Olympic bằng một hay nhiều màu. Năm màu của các vòng tròn bắt buộc phải là xanh lơ, vàng đen, xanh lá cây và đỏ. Các vòng tròn đan vào nhau từ trái sang phải. Các vòng xanh lơ, đen và đỏ ở trên, các vòng vàng và xanh lá cây ở dưới. Toàn bộ gần như là một hình thang cân mà đáy nhỏ là đáy dưới, theo hình mẫu chính thức được đặt ở trụ sở UBOQT.

Biểu tượng Olympic miêu tả sự đoàn kết 5 châu và sự gặp mặt vận động viên toàn thế giới. Cờ Olympic nền trắng, không có đường viền, ở giữa cờ có biểu tượng Olympic 5 màu.

Khẩu hiệu Olympic: “Nhanh hơn, cao hơn, mạnh hơn”

4. Hiến chương Olympic

Những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Olympic do Pierre De Coubertin khởi thảo đã được thông qua năm 1894 tại Xoocon (Paris) trong Hội nghị thành lập Ủy ban Olympic quốc tế. Theo năm tháng, bản Hiến chương Olympic không ngừng được bổ sung, sửa đổi và chỉnh lý để ngày nay trở thành một hình mẫu chuẩn xác nhất về luật lệ thể thao có giá trị pháp lý quốc tế rất cao, chẳng những được các liên đoàn thể thao quốc tế, các Ủy ban Olympic quốc gia nghiêm túc chấp thuận mà còn dành được sự ủng hộ của các Liên hiệp quốc và các chính phủ trên toàn thế giới.

Hiến chương Olympic là luật cơ bản nhất chi phối các điều lệ, luật lệ của Ủy ban Olympic quốc tế và các Ủy ban Olympic quốc gia. Theo bản mới nhất có hiệu lực kể từ ngày 3 tháng 9 năm 1997, được thông qua tại các kì

hợp thứ 106 Ủy ban Olympic quốc tế tại Lausanne, Hiến chương Olympic bao gồm 5 chương, 74 điều phân bố như sau:

Mở đầu là các nguyên tắc cơ bản của phong trào Olympic bao gồm 9 điều

CHƯƠNG I: Nói về phong trào Olympic bao gồm 18 điều (từ điều 1 đến điều 18). Nội dung quy định quyền lực và vai trò của Ủy ban Olympic quốc tế, quan hệ giữa Ủy ban với các thành viên, xác định nguyên tắc tổ chức Đại hội Olympic và các quy định về biểu trưng, biểu tượng, khẩu hiệu, nhạc thiều...

CHƯƠNG II: Ủy ban Olympic quốc tế gồm 10 điều (từ điều 19 đến điều 28) nêu rõ quy chế pháp lý, thành phần tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Olympic quốc tế cùng phương thức làm việc của cơ quan này.

CHƯƠNG III: Các Liên đoàn quốc tế gồm 2 điều (điều 29 và điều 30) quy định quan hệ giữa Ủy ban Olympic quốc tế với các Liên đoàn quốc tế, vai trò và nhiệm vụ của các Liên đoàn quốc tế.

CHƯƠNG IV: Các Ủy ban Olympic quốc gia gồm 5 điều (từ điều 31 đến điều 35) quy định nhiệm vụ, vai trò, cơ cấu của Ủy ban Olympic quốc gia cũng như các quy định về nước, tên, cờ, biểu trưng và nhạc thiều của họ.

CHƯƠNG V: Đại hội Olympic bao gồm 39 điều (từ điều 36 đến điều 74) là chương có nội dung dài nhất, giải quyết về nguyên tắc tất cả các điều có liên quan đến tổ chức và tham gia các Đại hội Olympic.

Dưới đây là những điều đáng chú ý nhất trong Hiến chương Olympic

1. Những nguyên tắc cơ bản

- Pierre De Coubertin là người đề xướng ra tư tưởng Olympic hiện đại và do sáng kiến của ông, Hội nghị quốc tế đại biểu các vận động viên đã được tổ chức tại Paris tháng 6 năm 1894. Ngày 23 tháng 6 năm 1894 Ủy ban Olympic quốc tế (UBOQT) đã được thành lập.

- Tháng 8 năm 1994, Hội nghị lần thứ 12, hội nghị kỉ niệm 100 năm ngày thành lập với tên gọi là “Hội nghị của sự thống nhất” đã được tổ chức tại Paris.

- Tư tưởng Olympic hiện đại là một triết lý về cuộc sống. Nó nâng cao và kết hợp một cách hài hòa toàn bộ các tổ chất của cơ thể, ý chí và tinh thần. Kết hợp thể thao với văn hóa và giáo dục, tư tưởng Olympic hướng tới việc tạo nên một phong cách sống dựa trên niềm vui trong sự nỗ lực dựa trên giá trị giáo dục theo gương tốt và sự tôn trọng các nguyên tắc đạo đức chung.

- Mục tiêu của tư tưởng Olympic là động viên khích lệ hoạt động thể thao ở khắp mọi nơi nhằm phục vụ sự phát triển hài hòa của con người và thúc đẩy việc xây dựng một xã hội thanh bình .

- Phong trào Olympic - dưới sự lãnh đạo của OBOQT - được phát sinh từ hệ thống tư tưởng hiện đại.

- Dưới quyền lực tối cao của OBOQT, phong trào Olympic tập hợp các tổ chức, các vận động viên và các cá nhân khác chấp nhận thực hiện theo Hiến chương Olympic. Sự công nhận của Ủy ban Olympic quốc tế là tiêu chuẩn trở thành thành viên phong trào Olympic. Việc tổ chức và điều hành thể thao phải được quản lý bởi các tổ chức thể thao độc lập do UBOQT theo công nhận.

- Mục đích của phong trào Olympic là góp phần xây dựng một thế giới hòa bình và tốt đẹp hơn thông qua giáo dục thể hệ bằng biện pháp thể thao không có sự phân biệt và theo tinh thần Olympic. Tinh thần đó đòi hỏi sự thông cảm lẫn nhau trong tình hữu nghị, đoàn kết và cao thượng.

Hoạt động của phong trào Olympic, tượng trưng bằng năm vòng tròn lồng vào nhau, là một phong trào phổ cập và thường xuyên lan rộng cả năm châu lục. Nó đạt tới đỉnh cao nhất khi tập hợp được tất cả các VĐV trên thế giới trong thế vận hội thể thao vĩ đại - Thế vận hội Olympic.

- Tham gia thể thao là quyền của con người. Mỗi cá nhân đều có quyền tham gia thể thao theo nhu cầu của mình.

- Hiến chương Olympic là một hệ thống các nguyên tắc cơ bản, các điều luật và quy định do Ủy ban Olympic quốc tế ban hành. Nó chi phối việc tổ chức và triển khai phong trào Olympic và quy định các điều kiện để tiến hành đại hội Olympic.

2. Một số điểm cần lưu ý trong hiến chương Olympic.

Trong hiến chương có một số điều cần lưu ý:

Điều 1: Quyền lực tối cao

UBOQT là cơ quan quyền lực tối cao của phong trào Olympic.

Mọi cá nhân hay tổ chức mang danh nghĩa nào đó của phong trào Olympic phải theo đúng các quyết định của UBOQT.

Điều 2: Vai trò của UBOQT

Vai trò của UBOQT là chỉ đạo việc truyền bá tư tưởng Olympic phù hợp với hiến chương Olympic. Muốn vậy UBOQT phải:

- Khuyến khích sự phối hợp, tổ chức phát triển thể thao và các cuộc thi đấu thể thao, thực hiện các biện pháp nhằm thúc đẩy mối quan hệ với các tổ chức thể thao quốc gia và quốc tế với mục tiêu tăng cường sức mạnh đoàn kết nhất trí của phong trào Olympic.

- Hợp tác với các tổ chức, chính quyền hoặc cá nhân có uy tín nhằm mục đích đưa thể thao phụng sự nhân loại.

- Đảm bảo việc tiến hành đều đặn các thể vận hội.

- Tham gia các hoạt động để củng cố hòa bình, những hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi của các thành viên phong trào Olympic và những hoạt động chống lại bất kỳ hình thức phân biệt nào gây tổn hại đến phong trào Olympic.

- Khuyến khích mạnh mẽ bằng các phương tiện thích hợp sự tham gia của phụ nữ trong mọi mức độ, mọi cơ cấu nhân sự của các tổ chức thể thao quốc gia và quốc tế với mục đích thực hiện quyền bình đẳng nam nữ.

- Ủng hộ và khuyến khích nâng cao đạo đức thể thao.

- Giành nhiều nỗ lực để đảm bảo các cuộc thi đấu thể thao thường xuyên diễn ra với tinh thần cao thượng và phi bạo lực.

- Chỉ đạo cuộc đấu tranh chống doping trong thể thao.

- Sử dụng các biện pháp nhằm mục đích tránh mọi nguy hại đến sức khỏe và VĐV.

- Khuyến khích các tổ chức thể thao và các tổ chức cộng đồng khác dành những nỗ lực cao nhất cho vị trí xã hội và tương lai nghề nghiệp của VĐV.

- Khuyến khích sự phát triển phong trào thể thao quần chúng, nền tảng của thể thao đỉnh cao và cũng là biện pháp đóng góp cho sự phát triển của phong trào thể thao cho mọi người.

- Nhận thức rằng thể vận hội phải được tiến hành trong những điều kiện thể hiện sự quan tâm một cách có trách nhiệm đối với môi trường và phải khuyến khích phong trào Olympic thể hiện thái độ trách nhiệm đó đối với môi trường. Thực hiện các biện pháp phản ánh sự quan tâm đó trong những hoạt động và hình thức giáo dục đối với những gì liên quan tới phong trào Olympic là một yếu tố quan trọng để duy trì sự phát triển.

- Bảo trợ viện hàn lâm Olympic quốc tế

- Bảo trợ các cơ quan chuyên trách về giáo dục Olympic

Điều 3: Thành viên của phong trào Olympic

1. Không kể UBOQT, phong trào Olympic gồm những liên đoàn quốc tế (LĐQT) các Ủy ban Olympic quốc gia (UBOQG), các Ủy ban tổ chức thể vận hội (UBTCTVH), các liên đoàn quốc gia (LĐQG), các câu lạc bộ (CLB), kể cả những hội viên của họ, nhất là các vận động viên. Ngoài ra phong trào Olympic còn gồm các tổ chức và các cơ quan khác được UBOQT thừa nhận.

2. Mọi hình thức phân biệt đối với một nước hoặc một người vì lí do chủng tộc, tôn giáo, chính trị, giới tính hoặc lí do khác đều không thể dung nạp là thành viên của phong trào Olympic.

Điều 4: Biểu tượng Olympic

1. Biểu tượng Olympic gồm 5 vòng tròn Olympic bằng một hay nhiều màu.

2. Năm màu của các vòng tròn bắt buộc phải là màu xanh lơ, vàng, đen, xanh lá cây và đỏ. Các vòng tròn đan vào nhau từ trái sang phải. Các vòng xanh lơ, đen và đỏ ở trên, các vòng vàng và xanh lá cây ở dưới, theo hình mẫu chính thức được đặt ở trụ sở UBOQT và được sao lại ở dưới đây.

3. Biểu tượng Olympic miêu tả sự đoàn kết năm châu và sự gặp mặt vận động viên toàn thế giới ở TVH.

Điều 5: Cờ Olympic.

Cờ Olympic nền trắng, không có nền viền, ở giữa có biểu tượng Olympic 5 màu. Hình vẽ các tỉ lệ, kích thước của nó phải bằng lá cờ mà Pierre De Coubertin đã giới thiệu ở đại hội đại biểu Pari năm 1914.

Điều 6: Khẩu hiệu Olympic.

Khẩu hiệu Olympic: “NHANH HƠN - CAO HƠN - MẠNH HƠN” biểu thị thông điệp của UBOQT gửi tới mọi thành viên, của phong trào Olympic, kêu gọi họ hãy trở nên tài giỏi hơn theo đúng tinh thần Olympic.

Điều 7: Biểu trưng Olympic.

1. Biểu trưng Olympic là một hình vẽ gộp, liên kết các vòng Olympic với một yếu tố phân biệt khác.

2. Hình vẽ của mọi biểu trưng Olympic phải để trình lên BCH UBOQT phê chuẩn, sự phê chuẩn đó là điều kiện tiên quyết để sử dụng biểu trưng này.

Điều 8: Nhạc thiều Olympic.

Nhạc thiều Olympic là nhạc thiều được UBOQT duyệt tại kỳ họp lần thứ 55 năm 1958 ở Tokyo và bản nhạc đó đã được để ở trụ sở UBOQT.

Điều 9: Chủ quyền đối với biểu tượng, cờ, khẩu hiệu: mọi quyền và biểu tượng, cờ, khẩu hiệu và nhạc thiều Olympic đều thuộc đặc quyền của UBOQT.

1. Bản hướng dẫn ứng dụng các điều 12, 13, 14, 15, 16, 17.

- UBOQT có thể sử dụng mọi biện pháp của mình để duy trì quyền bảo hộ có tính pháp lý trên bình diện quốc gia cũng như quốc tế về biểu tượng, cờ, khẩu hiệu, nhạc thiều Olympic.

- Ngay cả nếu luật pháp quốc gia hay đăng ký nhãn hiệu nào đó chấp thuận cho một UBOQG quyền bảo hộ biểu tượng Olympic.

- Các UBOQG chỉ có thể sử dụng biểu tượng, cờ, khẩu hiệu và nhạc Olympic trong phạm vi các hoạt động không vì tiền, trong chừng mực việc sử

dụng đóng góp vào sự phát triển phong trào Olympic, không làm tổn thương đến thanh danh nó và trong chừng mực các UBOQG hữu quan đã được BCH UBOQT chuẩn ý trước.

- Qua thăm phát với các UBOQG của các nước hữu quan, UBOQT khuyến khích việc sử dụng biểu tượng Olympic trên tem thư do chính quyền các quốc gia có thẩm quyền phát hành trong quan hệ với UBOQT.

- UBOQG có thể sáng tạo hay nhiều biểu trưng Olympic để có thể theo ý sử dụng.

Một biểu trưng Olympic có thể được một UBOQG hay một UBTCTVH sáng tạo.

BCH UBOQG có thể tán thành hình vẽ một biểu trưng Olympic với điều kiện nhận thấy không có khả năng lẫn lộn nào giữa biểu trưng này với biểu trưng Olympic hoặc các biểu trưng Olympic khác.

Bề mặt mà biểu trưng Olympic chiếm trong một biểu trưng Olympic không được 1/3 tổng diện tích của biểu trưng này. Ngoài ra, biểu trưng Olympic phải được thể hiện đầy đủ toàn bộ trong một biểu trưng và không được cải biên bằng bất kỳ cách nào.

Để bổ xung vào các điều trên, biểu trưng Olympic của một UBOQG phải thể hiện các yêu cầu sau đây:

- Biểu trưng phải được vẽ làm sao để nhận dạng được rõ ràng là gắn bó với nước của UBOQG hữu quan.

- Yếu tố phân biệt của biểu trưng không thể chỉ giới hạn ở tên (hoặc chữ viết tắt của các tên này) với nước của UBOQG hữu quan.

- Yếu tố phân biệt của biểu trưng không được dập theo một TVH một niên biểu hoặc một cuộc trình diễn riêng biệt nào đó đã tổ chức trước đây.

- Yếu tố đặc trưng của biểu trưng không được bao gồm các khẩu hiệu, các đấu hiệu hay các biểu hiện khác tạo ra ấn tượng như là có tính chất phổ biến hay quốc tế.

Ngoài các quy định đã nêu ở trên, biểu trưng Olympic của một UBTCTVH phải thể hiện các điều kiện sau:

- Biểu trưng phải được vẽ sao cho có thể được nhận dạng rõ ràng là gắn bó với TVH được UBTCTVH hữu quan này tổ chức.

- Yếu tố phân biệt đặc trưng không thể chỉ giới hạn ở tên - hoặc chữ viết tắt của tên này - của nước - của UBTCTVH hữu quan.

- Yếu tố đặc trưng của biểu trưng không được bao gồm những nhân vật, hình ảnh, những dấu hiệu hay những biểu hiện loại khác tạo ra ấn tượng như là có tính chất phổ biến hay quốc tế.

- Trước khi các quy định trên có hiệu lực, mọi biểu trưng Olympic đã được UCH UBOQT phê chuẩn vẫn có giá trị.

- Bất kỳ lúc nào và ở đâu cũng vậy, biểu trưng Olympic của UBOQG phải được UBOQG đăng ký (nghĩa là được pháp luật bảo vệ) trong nước của mình. UBOQG phải tiến hành việc đăng ký này trong 6 tháng kể từ khi được BCH UBOQT duyệt biểu trưng đó và cung cấp cho UBOQT bằng chứng của việc này. Sự phê chuẩn các biểu trưng Olympic của BCH UBOQT có thể bị rút bỏ nếu các UBOQG hữu quan không dùng mọi biện pháp có thể bảo vệ biểu trưng Olympic của mình và thông báo cho UBOQT biết về sự bảo vệ này. Cũng vậy, các UBTCTVH phải bảo vệ biểu trưng Olympic của mình bằng cách nói trên ở trong nước, cũng như các nước khác và nó cũng được quyết định trên cơ sở hiệp y với BCH UBOQT - không một sự bảo vệ nào của nước UBOQG và các UBTCTVH có thể được việc dẫn ra để chống lại UBOQT.

Việc sử dụng biểu tượng, cờ, lửa, khẩu hiệu và nhạc thiều Olympic vào những mục đích bất kỳ về quảng cáo thương mại hay kiến tiền cũng đều hoàn toàn giành cho UBOQT.

Việc biểu trưng Olympic vào các mục đích bất kỳ vào quảng cáo, thương mại hay kiến tiền đều phải theo đúng các quy định sau đây:

Mọi UBOQG hay UBTCTVH muốn sử dụng biểu trưng Olympic của mình vào các mục đích quảng cáo, thương mại, hay kiến tiền, hoặc trực tiếp, hoặc qua trung gian của người thứ ba đều phải tôn trọng hướng dẫn ứng dụng này.

Tất cả các hợp đồng hay thỏa thuận, kể cả những vấn đề đã được UBTCTVH ký kết, đều phải được UBOQG hữu quan ký hay chấp nhận và sẽ được các nguyên tắc sau đây chi phối:

- Việc sử dụng biểu trưng Olympic của một UBOQG chỉ có giá trị trong nước của UBOQG đó, một biểu trưng như thế cũng như mọi biểu tượng, biểu trưng nhãn hiệu hay dấu hiệu khác của một UBOQG mang ý tưởng Olympic không được sử dụng vào các mục đích quảng cáo, thương mại hoặc các mục đích kiến tiền bất kỳ nào ở trong nước của một UBOQG khác mà không có sự đồng ý trước của UBOQG này.

Cũng vậy, biểu trưng Olympic của một UBTCTVH cũng như mọi biểu tượng, biểu trưng, nhãn hiệu hay dấu hiệu khác nhau của một UBTCTVH mang ý tưởng Olympic không được sử dụng vào các mục đích bất kỳ nào về quảng cáo, thương mại, hay kiến tiền ở trong nước của một UBOQG mà không được sự đồng ý trước của UBOQG đó.

Trong mọi trường hợp, thời hạn giá trị của mọi hợp đồng được một UBTCTVH ký kết không được kéo dài quá ngày 31/12 của năm tổ chức TVH này.

Việc sử dụng một biểu trưng Olympic phải góp phần vào phát triển phong trào Olympic và không được gây tổn hại đến thanh danh của phong trào .

Theo yêu cầu của UBOQT, mọi UBOQG hay UBTCTVH sẽ nộp một bản sao hợp đồng mà họ tham gia.

Biểu tượng Olympic và các biểu trưng Olympic của UBOQG có thể được UBOQT hoặc một người được UBOQT cho phép kinh doanh ở trong nước của một UBOQG, nhưng phải thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Đối với mọi hợp đồng về bảo trợ (sponsorship), về cung ứng và mọi ý đồ thương mại khác với các vấn đề nói trước đây, phải là kinh doanh không gây tổn thương nghiêm trọng cho quyền lợi của UBOQG hữu quan và được BCH UBOQT quyết định tham khảo ý kiến của UBOQG này và UBOQG này sẽ được nhận một phần hoa lợi việc kinh doanh đó đưa lại

- Đối với mọi hoạt động có giấy phép thì OBUQG sẽ nhận một nửa tổng thu nhập này của việc kinh doanh sau khi đã trừ mọi khoản thuế và chi phí có liên quan. UBOQG sẽ được thông báo trước về việc kinh doanh này.

5. Bài ca chính thức của đại hội Olympic

Bài ca chính thức của đại hội Olympic được IOC chấp nhận năm 1958. Nó dựa trên cơ sở một bản Cantát của Costis Palamas do spiron Samara phổ nhạc vào năm 1896, có nội dung:

Ôi lý tưởng bất diệt của cổ xưa

Cha của chân thực, thiện lương và hoàn mỹ. Tỏa sáng trong ta Như ánh dương rạng chiếu đất trời này.

Khắc sâu muôn đời Niềm vinh hạnh mê say.

Hãy ban sức sống và lòng nhiệt thành

Cho những ngày hội thi cao cả

Hãy ban những vòng hoa tươi thắm mãi.

Cho những người chiến thắng vinh quang.

Trong đua tranh và trong sự đối đầu

Rèn đúc trong lòng ngực ta một trái tim bằng thép.

Ánh sáng của người

Nhuộm hồng hoan đồng quê, sông núi, biển khơi Đắp xây nên hùng vĩ một đền đài.

Để cả thế gian này cùng chiêm ngưỡng

Ôi lý tưởng bất diệt của cổ xưa.

6. Các đại hội trước chiến tranh thế giới lần thứ 1.

+ ĐH1: (1896) tổ chức tại Athen Hy Lạp.

+ ĐH2: (1900) tổ chức tại Pháp.

- + ĐH3: (1904) tổ Xanhlui tại Mỹ.
- + ĐH4: (1908) tổ chức lon đon tại Anh.
- + ĐH5:(1912) tổ chức Stóckhôn tại Thụy Điển.

Qua các đại hội chúng ta thấy ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng. Mặc dù tình hình chính trị thế giới còn hết sức phức tạp, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn. Nhưng nhiều sân vận động tăng lên, số môn thi đấu tăng, thời kỳ này đã soạn thảo và hoàn thiện được các bộ luật thi đấu.

CHƯƠNG 8. CÁC ĐẠI HỘI OLIMPIC GIỮA HAI CUỘC ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI THỨ I -II

1. Tình hình thế giới và phong trào thể thao công nhân.

+ Cuộc cách mạng Nga đã nổ ra và thành công. Đã lật đổ chế độ Nga hoàng và xây dựng chế độ mới.

+ Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra hướng đi mới cho công tác TĐTT. Phong trào này được Đảng và nhà nước Nga Xô Viết tạo điều kiện để phát triển. Đồng thời cũng cổ vũ cho phong trào công nhân của các nước chưa giành được chính quyền từ giai cấp tư sản.

+ Năm 1920 ở Nga tổ chức thành công phong trào thể thao công nhân, thành lập được nhiều liên đoàn, hội thể thao công nhân.

+ Ở các nước tư bản như Anh, Pháp, Hungari, Pháp, Tiệp Khắc.. .tổ chức thể thao công nhân ra đời và phát triển mạnh.

+ Năm 1921 tại Mátxcova thành lập hội quốc tế thể thao có nhiệm vụ là biến các tổ chức thể thao công nhân thành những trung tâm chiến đấu đối với giai cấp tư sản. Ví dụ: Đức có phong trào thể thao công nhân phát triển mạnh 11 tổ chức công nhân với 1,3 triệu người.

+ Năm 1919 Phần Lan (cách thành phố Ligorat khoảng 100 cây số về phía bắc). Có liên đoàn thể thao công nhân với 56 câu lạc bộ, 11.000 hội viên.

+ Tiệp Khắc năm 1930 có phong trào “chim ưng”, năm 1931 có Liên hiệp thể thao công nhân được thành lập. Các nước thuộc địa châu Á, Mỹ La Tinh cũng có hội thể thao công nhân.

Bên cạnh phong trào thể thao công nhân, thì các nước tư bản phong trào thể thao tư sản cũng phát triển mạnh do giai cấp tư sản thao túng. Ở thời kỳ này Châu Âu xuất hiện tư tưởng quân phiệt, chủ nghĩa phát xít, tuyên truyền chiến tranh xâm lược cho nên hô hào thanh niên tập quân sự để tham gia vào quân đội.

+ Giai cấp tư sản thành lập được nhiều câu lạc bộ, trả lương cho người làm công tác tuyên truyền chuyên nghiệp, hình thành tầng lớp công nhân.

+ Năm 1920 đã thành lập trường cao đẳng thể dục thể thao tại Beclin, nhằm đào tạo cán bộ chuyên môn cho các hội.

+ Việc quân sự hoá thể dục thể thao phát triển mạnh. 1935 Hitle thành lập hội gọi là “giới đàn ông”, mỗi người đàn ông thuộc chủng tộc thuần túy. Ở các trường học thực hiện quân sự hoá theo hệ tư tưởng. Năm 1937 có 5 giờ học thể dục trong tuần.

+ Nhật bản kết hợp với chủ nghĩa Xô Vành và sự cuồng tín tôn giáo. Huấn luyện quân sự bắt buộc được tiến hành trong hệ thống quốc dân dẫn đến sự quân sự hoá được phát triển rộng rãi kể cả các nước Mỹ La Tinh.

2. Các đại hội giữa 2 cuộc đại chiến.

Có 5 đại hội mùa hè và 4 đại hội mùa đông.

Các đại hội mùa hè.

+ ĐH7: năm (1920) tổ chức ở Anvecpen tại Bỉ. Có 2606 vận động viên tham gia của 29 nước. Do chiến tranh cho nên thành tích của đại hội thấp.

+ ĐH8: năm 1924 tổ chức ở Paris tại Pháp. Có 3092 vận động viên của 44. Các nước Châu Âu, đứng đầu là Mỹ

+ ĐH9: năm 1928 tổ chức ở Ansecđam tại Hà Lan. Có 3015 vận động viên tham gia của 46 nước có cả Đức tham gia. Mỹ đạt thành tích cao nhất về số lượng HC và điểm.

+ ĐH10: năm 1932 tổ chức ở Lôtăngiolét tại Mỹ. Có 1048 vận động viên của 38 nước. Ở Đại hội này đã có nhiều công trình thể thao, sân vận động, bể bơi...

+ ĐH11: năm 1936 tổ chức ở Béclin tại Đức. Có 4069 vận động viên tham gia của 49 nước. Lần đầu tiên môn Bóng Rổ được đưa vào thi đấu chính thức

+ ĐH12: năm 1939 nhưng do chiến tranh diễn ra cho nên đại hội bị hoãn lại. Và đại hội lần thứ 13 cũng bị hoãn do hậu quả chiến tranh quá nặng nề.

Giữa 2 cuộc đại chiến thì có 4 đại hội mùa đông.

+ ĐH1: năm 1924 tổ chức ở Samôni Pháp.

+ ĐH2: năm 1928 tại Thụy Sĩ.

+ ĐH3: năm 1932 tại Mỹ.

+ ĐH4: năm 1936 tại Đức.

Một số nhận xét.

+ Sau CM tháng 10 Nga phong trào thể dục thể thao phát triển theo 2 khuynh hướng. Một là phong trào thể thao công nhân dưới sự lãnh đạo của phong trào công nhân các nước.

Hai là phong trào thể thao tư sản do giai cấp tư sản các nước lãnh đạo, phong trào thể thao tư sản tập trung vào huấn luyện quân sự để chuẩn bị chiến tranh xâm lược.

+ Các đại hội giữa 2 cuộc đại chiến có những thay đổi thể hiện ở tính phổ cập, sự thống nhất, đồng tình của các giai cấp đối với phong trào Olympic từ 28 nước năm 1912 tăng lên 61 nước năm 1939.

+ Các cuộc thi đấu quốc tế diễn ra đều đặn ngoài các giải quốc tế còn có các giải vô địch các Châu.

+ Thành tích thể thao tăng dần, nhiều kỷ lục thế giới bị phá là do đổi mới phương pháp huấn luyện, cải tiến được trang thiết bị, dụng cụ...

CHƯƠNG IX: SỰ PHÁT TRIỂN TDTT VÀ CÁC ĐẠI HỘI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II

1. Tình hình thế giới và phong trào thể thao quốc tế.

+ Sau đại chiến thế giới thứ 2 năm 1945 với những chiến thắng của quân đồng minh. Trong đó đặc biệt có vai trò của Liên xô, hàng loạt các nước Châu Âu, Á. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đã đứng lên giành chính quyền. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ra đời như Ba Lan, Hungari, Tiệp Khắc...

+ Lúc này thì chúng ta thấy hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa đóng vai trò quan trọng tạo thành lực lượng lớn mạng nhằm chống lại chủ nghĩa tư bản.

Thể dục thể thao ở các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Ở các nước xã hội chủ nghĩa có những thay đổi cơ bản, diễn ra trong lĩnh vực thể thao. Trước đây có những câu lạc bộ từng bị tiêm nhiễm chủ nghĩa phát xít thì bây giờ đã bị giải thể. Có nhiều câu lạc bộ mới được thành lập trong các cơ quan và xí nghiệp ...

+ Đầu những năm 50 của thế kỷ 20. Các nước xã hội chủ nghĩa đã thông qua nhiều Nghị quyết và thể dục thể thao như Bungari, Ba lan, Rumani, CHDC Đức, Tiệp Khắc, Việt Nam, Mông cổ.

+ Ở Việt nam thì thể dục thể thao trở thành tài sản vô giá của toàn dân. Sau cách Mạng tháng Tám ngày 30/1/1946 đã thành lập Nha thể dục thể thao thuộc Bộ thanh niên, sau đó Nha thể dục thể thao lại thuộc Bộ quốc gia giáo dục.

+ Tháng 8/1964 giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, thể dục thể thao chuyển hướng huấn luyện quân sự cho thanh niên nhằm giáo dục lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm lâu dài chống Mỹ.

+ Thể dục thể thao các nước đang phát triển.

+ Sau chiến tranh thế giới thứ 2 có khoảng 90 quốc gia giành độc lập, xây dựng cuộc sống mới. Khi họ giành được độc lập phần lớn các nước này đã thành lập cơ quan lãnh đạo về thể dục thể thao.

+ Những năm 70, 80 ở quốc gia thông qua nhiều đạo luật giáo dục thể chất và thể dục thể thao. Các quốc gia ngoài tham gia các đại hội Olympic mà ở các Châu còn tổ chức đại hội ...

+ Hệ thống giáo dục quốc dân ngày càng phổ biến ở các trường từ phổ thông đến đại học.

2. Các đại hội Olympic. Gồm 15 đại hội.

+ ĐH14 tổ chức vào năm 1948 tại Luân Đôn Anh. Có 4092 VĐV của 59 nước tham gia. xếp thứ hạng như sau: Mỹ, Thụy Điển, Pháp, Hungari.

+ ĐH15 tổ chức vào năm 1952 tại Helsinki Phần Lan. Có 4945 vận động viên của 42 nước tham gia.

+ ĐH16 tổ chức vào năm 1956 tại Melbourne Úc. Có 3084 vận động viên của 68 nước tham gia. Có 19 kỷ lục được lập ở Đại hội này ở các môn ĐK, BL, BS.

+ ĐH17 tổ chức vào năm 1960 tại Tôkyô Nhật Bản. Có 5348 vận động viên tham gia của 85 nước.

+ ĐH18 tổ chức vào năm 1964 tại Tôkyô Nhật Bản. Có 5558 vận động viên tham gia của 95 nước, xếp thứ hạng LX, Mỹ, Đức.

+ ĐH19 tổ chức vào năm 1968 tại Mêxicô Mêhicô. Có 5531 vận động viên của 112 nước, xếp thứ hạng như sau: Mỹ, LX, Hungari, Đức

+ ĐH20 tổ chức vào năm 1972 tại Muyních Đức. Có 7149 vận động viên tham gia của 121 nước. Đại hội này đã có 46 kỷ lục thế giới

+ ĐH21 tổ chức vào năm 1976 tại Môntrêon Canada. Có 6189 vận động viên của 68 nước.

+ ĐH22 tổ chức vào năm 1980 tại Matxcova LX. Có 5748 vận động viên của 81 nước tham gia. Lần đầu tiên VN tham gia có 7 vận động viên. Có 36 kỷ lục thế giới và 74 kỷ lục Olympic

+ ĐH23 tổ chức vào năm 1984 tại Losãngiolét Mỹ. Có 6802 vận động viên của 140 nước.

+ ĐH24 tổ chức vào năm 1988 tại Seoul Hàn Quốc. Có 8473 Vận động viên của 169 nước tham gia.

+ ĐH25 tổ chức vào năm 1992 tại Barcelona tại Tây Ban Nha. Có 9368 vận động viên của 179 nước tham gia.

+ ĐH26 tổ chức vào năm 1996 tại Atlanta Mỹ. Có 10332 vận động viên của 197 nước

+ ĐH27 tổ chức vào năm 2000 tại Sydney Úc. Có 10200 vận động viên của 195 quốc gia.

+ ĐH28 tổ chức vào năm 2004 tại Athen Hy Lạp. Có 10.500 vận động viên của 202 nước tham gia.

+ĐH 29 tổ chức vào năm 2008 tại Bắc Kinh Trung Quốc.

+ĐH 30 tổ chức vào năm 2012 tại Lon Don Anh.

Một số nhận xét: Chiến tranh thế giới thứ 2 đã để lại hậu quả nặng nề: 67 triệu người chết trong đó có hàng chục ngàn vận động viên.

+ Liên Xô có vai trò quan trọng trong việc đập tan chủ nghĩa phát xít Đức, sau chiến tranh hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa ra đời làm cho cán cân lực lượng dân chủ tiến bộ nghiêng về phía hoà bình, nhiều nước dân tộc chủ nghĩa giành được độc lập có lợi rất nhiều cho phong trào thể thao thế giới.

+ Ở các nước tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn giai cấp ngày càng trở nên sâu sắc hơn các lực lượng tiến bộ lớn mạnh, đấu tranh đòi hoà bình, đòi có nền thể thao chân chính và tăng cường hữu nghị, không phân biệt chế độ chính trị. Tuy nhiên nhân dân lao động ở các nước tư bản thiếu phương tiện tập luyện thể dục thể thao. Vì vậy 1 số tổ chức TDTT trong nhân dân được thành lập theo xu hướng dân chủ tiến bộ.

CHƯƠNG 9. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN ĐẠI HỘI TDTT CHÂU Á VÀ ĐÔNG NAM Á

A. ĐẠI HỘI TDTT CHÂU Á.

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN.

Các giải thể thao Đông Á năm 1913 và Tây Á 1934 là tiền đề để tổ chức đại hội TDTT châu Á;

Ông Sondhi là người có công lớn để thành lập tổ chức thể thao Châu Á và ĐH thể thao Châu. Liên đoàn thể thao Châu Á ra đời ngày 13/02/ 1949 (Asian Games Federation) AGF..

II. HỘI ĐỒNG OLYMPIC CHÂU Á ĐỨNG ĐẦU ASIAN GAMES VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG.

Quy tụ các quan chức TT các nước khu vực Châu Á để tổ chức ĐH thể thao Châu Á, được tiến hành 4 năm một lần.

Cơ cấu hội đồng:

Một chủ tịch và các phó chủ tịch

Các Ủy ban trực thuộc gồm:

- + Ủy ban phát triển thể thao.
- + Ủy ban kỷ luật.
- + Ủy ban tài chính.
- + Ủy ban y học thể thao.
- + Ủy ban thông tin tư liệu.
- + Giám đốc điều hành.
- Khẩu hiệu: “Vì sự phát triển thể thao châu Á”

III. TÌM HIỂU GIẢI VÔ ĐỊCH ĐÔNG Á – ĐẠI HỘI THỂ THAO TÂY Á VÀ TỔ CHỨC Á VẬN HỘI.

1. Giải vô địch Đông Á: Tổ chức giải đầu tiên vào năm 1913 tại Philippin

2. Đại hội thể thao Tây Á: Tổ chức đầu tiên 1934 tại Ấn Độ

3. Tổ chức Á Vận hội: Giáo sư Sondhi (Ấn Độ) thành viên Ủy ban Olympic thế giới, ông là người đầu tiên vận động để tổ chức Á Vận Hội. Quyết định tổ chức Đại hội thể thao Châu Á (4 năm 1 lần) sẽ bắt đầu từ 1950.

4. Các kỳ đại hội : Á vận hội lần thứ 1 năm 1951 :

Á vận hội lần đầu tiên đáng lẽ được tổ chức vào năm 1950 tại New Dehli Ấn Độ nhưng vì những lý do trong nước nên Đại hội đã chuyển sang năm 1951.

Tiểu vương Maharaja đã dùng tài sản của riêng mình cho Ban tổ chức mượn để trang trải các chi phí tổ chức Á vận hội.

Á vận hội lần thứ nhất của 11 quốc gia tham dự với 500 vận động viên và quan chức, thi đấu ở 6 môn thể thao. Huy chương vàng đầu tiên của Đại hội được trao cho VĐV N.c Kok của Singapo ở nội dung bơi tự do 1500m.

Kết quả đoàn Nhật Bản đứng thứ nhất với 24 HCV, 20 HCB và 14 HCD, đứng thứ 2 là đoàn Ấn Độ với 15 HCV, 18 HCB và 19 HCD, tiếp theo là các đoàn Iran và Singapo...

Á vận hội lần thứ 2 Ở Manila 1954

Á vận hội lần thứ 2 được tổ chức tại Manila, Philippine từ ngày 1-9/5/1954. Ban tổ chức của Á vận hội lần 2 đã nhận được tài trợ 100.000 bản Anh của chính phủ Philippine. Tham dự Á vận hội Manila có 19 quốc gia với 1.241 vận động viên và quan chức, thi đấu ở 8 môn thể thao. Một lần nữa Đoàn Nhật Bản lại thống trị Á vận hội với 38 HCV, 36 HCB, 24 HCD; với tư cách là nước chủ nhà Philippine đứng thứ 2 với 14 HCV, 14 HCB và 17 HCD. Hàn Quốc mặc dù lần đầu tiên tham dự nhưng đã chứng tỏ được tiềm năng thể thao to lớn của mình với việc vươn lên vị trí thứ 3 trong bảng xếp hạng với 8 HCV, có HCB và 5 HCD; tiếp theo là Đoàn Ấn Độ và Pakistan với 4 HCV.

Á vận hội lần thứ 3 ở Tokyo 1958:

Á vận hội lần thứ 3 được tổ chức tại Tokyo từ ngày 24/5- 1/6/1958. Đây là lần đầu tiên Nhật Bản đứng ra đăng cai tổ chức sự kiện thể thao quốc tế để chứng minh những thành tựu trong việc khôi phục đất nước sau chiến tranh và hướng tới mục tiêu xin đăng cai tổ chức Đại hội Olympic. Tham dự Á vận hội Tokyo có 20 quốc gia và 1.692 VĐV, quan chức; số môn thi đấu tại Á vận hội đã tăng lên 13, tăng 6 môn so với Á vận hội 4 năm trước đó.

Trong lễ khai mạc ngày 24/5 ngọn lửa thiên liêng của Á vận hội được thắp sáng trên đài lửa của Đại hội do Mkiyo Oda - VĐV đầu tiên của Châu Á giành huy chương vàng Olympic nội dung nhảy 3 bước tại Đại hội Olympic Amsterdam 1928. Nhật Bản khẳng định vị trí độc tôn của mình trên đấu trường thể thao Châu Á bằng việc giành được 68 HCV, 41 HCB và 30 HCD, kế đó là Philippine với 8 HCV, 19HCB và 21 HCD, Hàn Quốc đứng thứ 3 với 8HCV, 19 HCB, 12 HCD.

Á vận hội lần thứ 4 Ở Jakarta 1962

Á vận hội Jakarta 1962 được tổ chức ở thành phố Jakarta (Indonesia) từ ngày 24/8-4/9/1962 với sự tham gia của 18 quốc gia và 1.527 VĐV, quan chức,

tranh tài ở 13 môn thi đấu trong đó cầu lông lần đầu tiên được đưa vào chương trình thi đấu chính thức của Đại hội.

Á vận hội Jakarta đã bị một số Liên Đoàn thể thao tẩy chay vì Indonesia từ chối không cho Đài Loan và Israel tham dự với những lý do chính trị quốc tế và tôn giáo.

Giáo sư Sondhi cho rằng điều này đi ngược lại với tinh thần Đại hội nên những mâu thuẫn này dẫn đến sự bạo động của sinh viên.

Tuy vậy, Đại hội vẫn kết thúc thành công với 17 kỷ lục mới ở các môn Điền kinh và Bơi lội...

Kết quả, Nhật Bản dẫn đầu với 73 HCV, 56 HCB và 23 HCD, Ấn Độ đứng thứ 2 với 10 HCV, 13 HCB và 10 HCD, nước chủ nhà Indonesia đứng ở vị trí thứ 3 với 9 HCV, 12 HCB, và 27 HCD; đứng thứ 4 là Philippine với 7 HCV, 14HCB và 16HCD.

Á Vận hội lần thứ 5 Bangkok 1966:

Á vận hội lần thứ 5 được tổ chức ở Thủ đô Bangkok, Thailand từ ngày 9-30/12/1966 với sự tham gia của 2500 VĐV, quan chức đến từ 18 quốc gia, thi đấu ở 14 môn thể thao (bóng chuyền nữ lần đầu tiên được đưa vào chương trình thi đấu) Israel, Đài loan không tham dự kỳ đại hội trước đã tham dự trở lại và Hàn Quốc tham dự với số lượng lớn nhất 275 VĐV, thi đấu ở tất cả các nội dung.

Á vận hội lần thứ 5 đã xuất hiện chương trình trao đổi văn hóa đầu tiên với sự tham gia của các quốc gia Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia và Thái Lan. Điều này đã làm cho Á vận hội trở thành lễ hội giao lưu văn hóa quốc tế lớn, bổ sung cho các cuộc thi thể thao.

Nhật Bản lại đứng ở vị trí đầu tiên với 78 HCV, Hàn Quốc vươn lên vị trí thứ 2 với 12 HCV, nước chủ nhà Thái Lan đứng ở vị trí thứ 3 với 12 HCV

Á Vận hội lần 5 ở Bangkok 1970:

Á vận hội lần thứ 6 được tổ chức ở Thủ đô Bangkok, Thailand từ ngày 9-30/12/1970. Ban đầu Á vận hội dự định được tổ chức thành phố Seoul, Hàn Quốc, nhưng vì lý do tài chính và chính trị Hàn Quốc xin từ chối trước đó 16 tháng.

Với những kinh nghiệm tổ chức trước đó Bangkok một lần nữa lại đứng ra đăng cai tổ chức Á vận hội lần thứ 2 liên tiếp.

Tham dự Á vận hội lần thứ 6 có 18 quốc gia với 2500 VĐV, quan chức và tranh đua ở 13 môn thể thao trong chương trình thi đấu chính thức của đại hội (Tennis và bóng bàn không được đưa vào chương trình thi đấu)

Kết quả Nhật Bản tiếp tục giữ vững vị trí quán quân với 74 HCV, Hàn Quốc vẫn bảo vệ được ngôi nhì và tiếp theo là Thái Lan.

Á vận hội lần thứ 6 ở Tehran 1974:

Á vận hội lần thứ 7 được tổ chức ở thành phố Teheran , Iran từ ngày 1-16/9/1974 - Á vận hội đầu tiên được tổ chức ở khu vực Trung Đông.

Tham dự Á vận hội lần thứ 7 có 25 quốc gia (đông nhất trong lịch sử Á vận hội) trong đó có 7 quốc gia là Trung Quốc, Bahrain, Iraq, Kuwait, Lào, Mông cổ và CHDCND Triều Tiên lần đầu tiên tham dự Á vận hội. Á vận hội lần thứ 7 cũng có quy mô lớn nhất với 3000 VĐV, quan chức tranh tài ở 16 môn thể thao. Các môn Thể dục và Kiếm lần đầu tiên được đưa vào chương trình thi đấu chính thức cùng với sự xuất hiện của các VĐV chuyên nghiệp đã làm cho Á vận hội lần thứ 7 trở thành một kỳ Đại hội thực sự thành công.

Nhật Bản dẫn đầu với 75 HCV, Iran thứ hai với 36 HCV, Trung Quốc lần đầu tiên tham dự đã thể hiện được tiềm lực thể thao to lớn đã vượt qua được Hàn Quốc để đứng ở vị trí thứ 3 với 33 HCV và Hàn Quốc xuống vị trí thứ 4 với 15HCV, tiếp theo là Israel với 7 HCV, CHDCND Triều tiên 6 HCV, Ấn độ 4 HCV và Thái lan 4 HCV.

Á Vận hội lần thứ 8 ở Bangkok 1978:

Á vận hội lần thứ 8 được tổ chức ở Thủ đô Bangkok, Thailand từ ngày 9-30/12/1978. Đây là lần thứ 3 Bangkok đăng cai tổ chức Á vận hội trong vòng 12 năm vì Pakistan, nước đăng cai gặp nhiều khó khăn về chính trị và tài chính nên gần đến ngày khai mạc đã xin rút lui. Các quốc gia tham dự Á vận hội cùng chịu chi phí tổ chức. Tham dự Á vận hội Bangkok 1978 có 27 quốc gia với 4000 VĐV, quan chức tranh tài ở 19 môn thể thao (Bắn cung và Bowling lần đầu tiên được đưa vào chương trình thi đấu) Kết quả, đoàn Nhật Bản giành được vị trí thứ nhất với 52 HCV, 59 HCB, 49 HCD, Trung Quốc đứng thứ 2 với 52 HCV, 54 HCB, 46 HCD, Hàn Quốc đứng thứ 3 với 28 HCV, 20 HCB, 31 HCD, thứ 4 là CHDCND Triều Tiên với 15 HCV, 13 HCB, 16 HCD, tiếp đó là Thái Lan và Ấn Độ cùng được 11 HCV.

Á Vận hội lần thứ 9 ở New Dehli 1982:

Á vận hội lần thứ 9 được tổ chức ở thành phố New Delhi, Ấn Độ từ ngày 19/11-04/12/1982. Đây là lần đầu tiên Á vận hội được điều hành bởi hội đồng Olympic Châu Á vừa được thành lập.

Tham dự Á vận hội gồm có 33 quốc gia, với 4.595 người và số môn thi lên tới mức kỷ lục 21 môn. New Delhi là nơi các cuộc thi đấu gay go quyết liệt giữa các quốc gia lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Triều Tiên.

Kết quả Trung Quốc vượt lên trên Nhật Bản để giành vị trí nhất toàn đoàn với 61 HCV, 51 HCB, 41 HCD, thứ hai là Nhật Bản với 57 HCV, 52 HCB, 44 HCD- đây là lần đầu tiên Nhật Bản mất vị trí nhất toàn đoàn trong các kỳ tham dự, đứng thứ 3 là Hàn Quốc với 28 HCV, 28 HCB, 37 HCD, tiếp theo là CHDCND Triều Tiên với 17 HCV, 19 HCB, 20 HCD và thứ 5 là Ấn Độ với 13 HCV, 19 HCB, 25 HCD. Đoàn Việt Nam tham dự và giành được 1 HCD môn Bắn súng của VĐV Nguyễn Quốc Cường.

Á vận hội lần thứ 10 ở Seoul 1986:

Á vận hội lần thứ 10 được tổ chức tại Seoul, Hàn Quốc từ ngày 20/9-5/10/1986 đây là lần đầu tiên Hàn Quốc đứng ra đăng cai tổ chức một kỳ Đại hội thể thao quốc tế.

Tham dự Á vận hội có 27 quốc gia với 4.839 VĐV, quan chức và tranh tài ở 25 môn thể thao. Nước chủ nhà Hàn Quốc đã tổ chức Asiad lần thứ 10 thật hoàn hảo về mọi mặt bởi đây là tiền đề để Hàn Quốc tổ chức một Đại hội Olympic Seoul hai năm sau đó.

Sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt của nước chủ nhà như hệ thống cơ sở vật chất hiện đại cộng thêm sự đầu tư chu đáo nâng cao trình độ cho các VĐV, khiến nước chủ nhà đạt được thành tích rất tốt. Cho đến ngày cuối cùng họ vẫn dẫn trước Trung Quốc nhưng ở các môn thi cuối cùng thì họ lại để Trung Quốc vượt qua chỉ với 1 HCV.

Kết quả Trung Quốc dẫn đầu với 94 HCV, 82 HCB, 96 HCD, đứng thứ 2 là nước chủ nhà Hàn Quốc với 93 HCV, 55 HCB, 76 HCD, Nhật Bản chỉ xếp thứ 3 với 58HCV, 76 HCB, 77 HCD.

Á vận hội lần thứ 11 ở Bắc Kinh 1990:

Á vận hội lần thứ 11 được tổ chức tại Bắc Kinh, Trung Quốc từ ngày 22/9-7/10/1990 đã lập kỷ lục về số lượng 37 quốc gia tham dự, số VĐV quan chức 6.122 và kabaddi, rowing là những môn lần đầu tiên được đưa vào chương trình thi đấu.

Á Vận hội Bắc Kinh 1990 thực sự thành công với việc các VĐV đã san bằng kỷ lục thế giới, phá vỡ 89 kỷ lục châu Á, lập 189 kỷ lục Á vận hội và 1 kỷ lục thế giới mới...

Ngay trước khi diễn ra Á vận hội, tư cách thành viên của Iraq đã bị hủy bỏ vì cuộc xâm lược sang Kuwait.

Trong thời gian diễn ra Đại hội thì chủ tịch OCA Sheikh Fahad Al-Salad đã chết trong cuộc chiến tranh giữa Kuwait và Iraq. Trụ sở của OCA cũng vì thế mà tạm chuyển sang nước Anh đến năm 1991 sau khi hòa bình được tái thiết tại Kuwait.

Kết quả, Trung Quốc xếp thứ nhất với 183 HCV, Hàn Quốc xếp thứ 2 với 54 HCV, Nhật Bản xếp thứ 3 với 38 HCV, tiếp đó là CHDCND Triều tiên. Đoàn thể thao Việt Nam tham dự nhưng không giành được thành tích nào.

Á vận hội lần thứ 12 ở Hiroshima 1994:

Á vận hội lần thứ 12 được tổ chức tại Hiroshima, Nhật Bản từ ngày 2-16/10/21994 đây là đại hội lần đầu tiên được tổ chức tại một thành phố không phải là thủ đô.

Tham dự Đại hội gồm 6.824 VĐV, quan chức từ 42 quốc gia, bao gồm 5 quốc gia Trung Á vừa tuyên bố độc lập sau khi tách khỏi Liên Xô và thi đấu ở 34 môn. Á vận hội Hiroshima đã lập nhiều kỷ lục mới và trở thành cuộc thi đấu lớn nhất trong lịch sử Á vận hội.

Sau ngày lễ bế mạc Đại hội VĐV Trung Quốc đã bị phát hiện sử dụng doping và bị tước 5 HCV nhưng vẫn đứng thứ nhất với 125 HCV, 83 HCB và 58 HCD; Nhật Bản đứng thứ 2 với 64 HCV, 75 HCB, 79 HCD; Hàn Quốc đứng thứ 3 với 63 HCV, 56 HCB, và 64 HCD. Đoàn thể thao Việt Nam tham dự với số lượng khiêm tốn 84 người và giành được 1 HCV môn Karatedo do võ sĩ Phạm Quang Hạ và 2 HCB ở môn Karatedo của võ sĩ Phạm Hồng Hà và Trần Văn Thông.

Á Vận hội lần thứ 13 Ở Bangkok 1998:

Á Vận hội lần thứ 13 được tổ chức tại Bangkok từ ngày 6-20/1998. Đây là lần thứ 4 Thái Lan đăng cai tổ chức và là Á vận hội lớn nhất với số lượng 9.545 người của 42 quốc gia, 36 môn thể thao; cùng 1.220 nhân viên kỹ thuật, trọng tài, 550 khách mời và 7000 đại diện các cơ quan thông tin đại chúng đến dự.

Các chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật được tổ chức hàng ngày từ 6 giờ sáng đến 8 giờ tối tại làng Á vận hội trong suốt thời gian diễn ra Đại hội và Trại Thanh niên Á vận hội với sự tham gia của 84 thành viên tuổi từ 15-22 và 42 nhà lãnh đạo trẻ. Tình hữu nghị không biên giới” là chủ đề của Đại hội. Kết quả Đoàn Trung Quốc đứng thứ nhất với 129 HCV, 78 HCB, 67 HCD; Hàn Quốc đứng thứ hai với 65 HCV, 46 HCB, 53 HCD, Nhật Bản đứng thứ 3 với 52 HCV, 61 HCB, 68 HCD và Thái Lan đứng thứ 4 với 24 HCV, 26 HCB, 40 HCD. Đoàn thể thao Việt Nam tham dự với 198 VĐV và cán bộ, HLV đã đạt thành tích xuất sắc với 17 huy chương các loại (1HCV do VĐV Hồ Nhất Thống môn Taekwondo, 5 HCB, 11 HCD).

Á Vận hội lần thứ 14 Busan 2002:

Á vận hội lần thứ 14 được tổ chức tại thành phố cảng Busan, Hàn Quốc từ ngày 29/9-14/10/2002 với sự góp mặt của 9.782 VĐV, quan chức của 44 quốc gia, tranh tài ở 38 môn thể thao và 420 nội dung thi đấu.

Đây là Á vận hội thành công nhất trong lịch sử về mặt quy mô tổ chức và những kết quả, ý nghĩa nó mang lại. Với chủ đề một châu Á mới, một tầm nhìn mới, một Busan toàn cầu’ New Asia, New Vision, One Asia, Busan Globan”. Á vận hội 14 thực sự tạo nên bầu không khí hữu nghị đoàn kết cao thượng cho các VĐV và các quốc gia tham dự. Kết quả Đoàn Trung Quốc đứng thứ 1 với 150 HCV, 84 HCB, 74 HCD; Hàn Quốc đứng thứ 2 với 96 HCV, 80 HCB, 84 HCD; Nhật Bản đứng thứ 3 với 44 HCV và Kazakhstan đứng thứ 4 với 20 HCV.

Đoàn thể thao Việt Nam tham dự gồm 125 VĐV, tranh tài ở 16/38 môn thi đấu đã giành được 4 HCV, 7 HCB, 7 HCD và vươn lên thứ 15/44 quốc gia tham dự.

Á Vận hội lần thứ 15 Doha 2006:

Á Vận hội lần thứ 15 được tổ chức tại thành phố cảng Doha, Qatar từ ngày 1-15/12/2006; tại 16 địa điểm bao gồm 39 môn thể thao với 423 nội dung thi đấu.

Tham dự Đại hội có khoảng 12000 VĐV, quan chức của 45 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Nước chủ nhà Qatar cấp miễn phí ăn ở hoàn toàn cho các VĐV tham dự và cấp thêm 30 vé máy bay khứ hồi cho mỗi Ủy Ban Olympic Quốc gia.

Orry linh dương Châu Phi được chọn là linh vật chính thức cho Đại hội; Orry là con vật rất sôi nổi, hăng hái thể hiện sức mạnh và niềm tin của nước chủ nhà.

Kết quả đoàn Trung Quốc đứng thứ 1 với 165 HCv, 88 HCB, 63 HCD, Hàn Quốc đứng thứ 2 với 58 HCV, 53 HCB, 82 HCD; Nhật Bản đứng thứ 3 với 50 HCV, 71 HCB và 77 HCD. Đoàn thể thao Việt Nam tham dự với gần 400 VĐV, quan chức và tham gia thi đấu ở 26/39 môn thể thao trong chương trình thi đấu chính thức của Á vận hội, giành được 3 HCV, 13 HCB, 7 HCD; đứng vị trí thứ 19/45 quốc gia/vùng lãnh thổ tham dự Á vận hội.

Á vận hội lần thứ 16 ở Quảng Châu 2010

Á vận hội lần thứ 16 được tổ chức tại Quảng Châu Trung Quốc , từ ngày 11- 27/11/2010 có hơn 9.700 vận động viên đến từ 45 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia tranh tài 42 môn thi đấu với 477 bộ huy chương vàng. Đoàn thể thao Việt Nam có 390 thành viên, trong đó có 260 vận động viên tham gia tranh tài 26/42 môn thi đấu.

Sau 16 ngày thi đấu, đoàn thể thao nước chủ nhà Trung Quốc đứng đầu bảng tổng sắp huy chương với 199 huy chương vàng (HCV), 119 huy chương bạc (HCB) và 98 huy chương đồng (HCD). Hàn Quốc đứng vị trí thứ hai với 76 HCV, 65 HCB và 91 HCD. Nhật Bản đứng thứ ba với 48 HCV, 74 HCB và 94 HCD. Iran đứng thứ 4 với 20 HCV, 14 HCB và 25 HCD. Cadácxtan đứng thứ 5 với 18 HCV, 23 HCB và 38 HCD.

Tại ASIAD năm nay, Đoàn thể thao Việt Nam giành được 33 huy chương gồm 1 HCV, 17 HCB và 15 HCD, xếp thứ 24 trong bảng tổng sắp huy chương./.

B. ĐẠI HỘI THỂ THAO ĐÔNG NAM Á

I. Liên đoàn thể thao Đông Nam Á:

1. Mục đích :

Các quốc gia Đông Nam Á có những điểm tương đồng:

Cần thiết phải hỗ trợ, hợp tác để phát triển.

Tăng cường tính đoàn kết hữu nghị nâng cao thành tích thể thao, tham gia các đại hội lớn hơn.

2. Sự ra đời

Ngày 22/05/1958 Đại biểu các nước ĐNA tham dự đại hội thể thao Châu Á tại Tokyo, các đại biểu tiến hành cuộc họp riêng để chuẩn bị tổ chức Liên Đoàn thể thao bán đảo ĐNA (SEAP-The South East Asian Peninsular Games Federation).

Đến tháng 06/1959 Liên Đoàn thể thao bán đảo ĐNA chính thức ra đời gồm các nước Miến Điện, Malaysia, Campuchia, Lào, Thái Lan và Miền Nam Việt Nam.

Quá trình phát triển: Đại hội thể thao ĐNA tổ chức lần 1 từ 12-17/12/1959 tại Băng Cốc - Thái Lan. cần phải mở rộng hợp tác với các quốc đảo —> Singapor là thành viên thứ 7 của Liên Đoàn. Ngày 05/01/1977 Indonesia, Philippin gia nhập Liên Đoàn, gọi là SEA Games. Đến tháng 11/1977 Brunây được công nhận là thành viên thứ 10 . Đến Sea game lần thứ 22 tổ chức tại Việt Nam, Đông Timor xin gia nhập. Tổ chức này có 11 thành viên.

II. ĐẠI HỘI THỂ THAO ĐÔNG NAM Á.

1. Các nguyên tắc cơ bản:

- Đại hội thể thao Đông Nam Á (Sea Games) được tổ chức 2 năm 1 lần, vào giữa chu kỳ Đại hội Olympic và Đại hội thể thao Châu Á.

Thứ tự các Sea games được bắt đầu từ Đại hội thể thao bán đảo Đông Nam Á tổ chức ở Băng Cốc - Thái lan năm 1959.

Việc điều hành Sea Games được trao cho Hội đồng liên đoàn.

Vinh dự đăng cai tổ chức Sea Games sẽ được trao cho các thành viên theo thứ tự vần chữ cái.

Toàn bộ lợi nhuận và tài chính thu được từ tổ chức Sea Games thuộc về nước đăng cai Đại hội.

2. Nhiệm vụ :

Đảm bảo tổ chức thường xuyên các đại hội.

Đe cao lý tưởng phong trào Olympic

Khuyến khích thường xuyên tổ chức —> chỉ đạo hướng dẫn hỗ trợ các hoạt động thể thao với mục đích :

Phát triển phong trào thể dục thể thao toàn khu vực.

Giáo dục về lý tưởng tri thức, nhân cách vì tính đoàn kết hữu nghị hòa bình và tiến bộ trong và ngoài khu vực.

Các vận động viên tham gia thi tài 2 năm 1 lần.

Ban chấp hành Liên đoàn thể thao ĐNÁ được bầu dân chủ theo nhiệm kỳ 2 năm 1 lần

3. Biểu tượng của liên đoàn.

Biểu tượng của Liên đoàn thể thao Đông Nam Á là 6 vòng tròn nhạt gắn nhau được chấp nhận cùng với việc thông qua Điều lệ của Liên đoàn thể thao Đông Nam Á tại phiên họp ngày 5 tháng 6 năm 1959. Đến đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 20 được tổ chức tại Brunei, Hội đồng Olympic đã chính thức đề nghị sửa đổi biểu tượng liên đoàn thành 10 vòng tròn màu vàng nhạt
lông

vào

nhau vì đã có đủ 10 nước trong khu vực tham gia Hội đồng Sea Games. Ý kiến đề nghị của Brunei đã được các nước ủng hộ và Hội đồng Liên đoàn thể thao Đông Nam Á chấp nhận. Kể từ đó biểu tượng cho tình đoàn kết, yêu thương giữa các dân tộc trong khu vực Đông Nam Á.

4. Cờ của Liên đoàn.

Nền cờ màu xanh lơ có chiều rộng bằng 2/3 chiều dài, màu xanh của cờ là tương trưng cho trời biển bao la. Bao bọc vùng Đông Nam Á ở giữa biểu tượng của Liên đoàn 6 vòng tròn màu vàng nhạt gắn vào nhau chứng tỏ mục đích của Liên đoàn thể thao Đông Nam Á là tăng cường tình đoàn kết, tình yêu thương giữa các dân tộc trong khu vực Đông Nam Á. Ngày 5 tháng 6 năm 1959 tại phiên họp đầu tiên của Liên đoàn thể thao Bán đảo Đông Nam Á, Hội đồng thể thao Bán đảo Đông Nam Á đã chính thức chấp thuận biểu tượng, cờ và điều lệ của Liên đoàn Bán đảo Đông Nam Á nay là Liên đoàn thể thao Đông Nam Á.

5. Các kỳ đại hội seagames từ lần 1 đến lần 27.

3.1.3.3. Phần thông tin khoa học liên quan của các nhà khoa học

Nhà không tưởng Phurie (1772 – 1837):

Là nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, ông chỉ rõ sự tệ hại của hệ thống giáo dục tư sản ở chỗ nó không mở cửa cho con em những người lao động. Theo ý kiến của Phurie thì trẻ em từ 3 – 9 tuổi phải được tham gia vào các trò chơi mang tính chất lao động, được rèn luyện về thể chất, làm quen với nghệ thuật sân khấu và các nguyên lý cơ học, từ 9 – 15, 16 tuổi việc học tập phải kết hợp với giáo dục thể chất và hoạt động lao động.

Nhà xã hội học Anh Robe Ooen (1771 – 1858):

Ông cho rằng nguyên nhân cơ bản của tai họa xã hội và tình cảnh nặng nề của người lao động là do sự phát triển không đầy đủ của hệ thống quốc dân. Ông mở trường cho con em công nhân nhà máy, tại đó trẻ em được học phổ thông và giáo dục thể chất, giờ học kết hợp với lao động. Một sân đặc biệt được xây dựng để tổ chức các giờ chơi, trò chơi, tập thể dục, tập quân sự. Nhưng hệ tư tưởng này bị thất bại.

C. Mác (1818 – 1883)

Ông cho rằng: “Tất cả trẻ em lao động sản xuất phải kết hợp với học tập và thể dục. Đây là biện pháp duy nhất con người phát triển toàn diện”.

PH.Ăngghen

Cho rằng chính sự phân công lao động và tách thành thị khỏi nông thôn. Từ đó làm kìm hãm sự phát triển tinh thần và trí tuệ, để khắc phục: Hai ông đề ra quan điểm tiến bộ về phát triển GDTC cho giai cấp công – nông giúp họ đấu tranh cải thiện điều kiện sống. Ông đã chia GDTC ra làm 3 phần:

- Giáo dục trí tuệ (Học tập văn hóa)
- Giáo dục thể chất (Trò chơi, thể dục, quân sự)
- Giảng dạy kỹ thuật, nâng cao các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết.

- Trong “tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” C. Mác và Ph. Ăngghen đã đưa vào tác phẩm khái niệm “phát triển nhân cách toàn diện” không chỉ trong việc giáo dục trí tuệ, giáo dục thể chất, giảng dạy kỹ thuật mà cả trong giáo dục đạo đức và giáo dục thẩm mỹ.

3.1.3.4 Phần hướng dẫn mở rộng

*** Hệ thống câu hỏi và gợi ý làm bài tập**

Câu 1: *Phân tích tình hình thể dục thể thao quốc tế cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20?*

Câu 2: *Anh (chị) trình bày các kỳ đại hội seagames từ lần 1 đến nay?*

*** Gợi ý câu trả lời**

Câu 1: *Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:*

Tình hình TDTT quốc tế cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

- Sự hình thành Ủyban Olympic Quốc Tế.
- Mục đích của ĐH Olympic là:
- Hiến chương Olympic

Câu 2: *Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:*

- 27 kỳ seagame

* Gợi ý tài liệu học tập cho SV

1. Văn An – Lý Gia Thanh (1995), 100 năm Thế vận hội Olympic Nxb Thanh niên.
2. Nguyễn Văn Hiếu & ctg (2007), Sơ thảo Lịch sử TDTT Việt Nam.
3. Lê Thiết Can (2008), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.
4. Nguyễn Thiết Tình (2006), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.
5. Nguyễn Xuân Sinh (2000), Lịch sử TDTT, Nxb TDTT.
6. Mai Văn Muôn Và các thành viên (1999), Olympic học Nxb TDTT.

3.1.3.5. phụ lục

Đại hội Olympic cổ đại

Đại hội Olympic (cổ đại) là lễ hội nổi tiếng nhất trong bốn lễ hội quốc gia của Hy Lạp cổ đại (ba lễ hội kia là lễ Isthmian, Pythian và Nemean). Đại hội Olympic cổ đại được tổ chức vào mùa hè cứ bốn năm một lần tại đền thờ thần Dớt (Zeus) ở thành phố Olympia. Đại hội này có từ năm 776 trước Công Nguyên. Người chiến thắng đầu tiên trong Đại hội Olympic là Coroebus.^[2]

Năm đầu tiên của Đại hội Olympic, các sứ thần được gửi đi khắp nơi trong thế giới Hi Lạp để yêu cầu các thành bang nộp triều cống cho thần Dớt. Sau đó các thành bang đã gửi đi các nhóm của mình để thi với nhóm khác để thể hiện sự tài giỏi của những tài năng thể thao. Người Hy Lạp thời đó tin rằng chư thần bảo hộ cho các kỳ Thế vận hội Olympic, do đó những cuộc thi đấu này thể hiện tính thống nhất về văn hóa của các thành bang bị chia rẽ về chính trị. Các cuộc thi chỉ dành cho những người đàn ông danh giá của dòng dõi người Hi Lạp. Kể từ khi một lực sĩ không may bị tuột quần vào thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên, các lực sĩ đều phải trần truồng khi thi đấu. Họ đều là những người chuyên nghiệp, được tập luyện tốt.^[2]

Các sự kiện khác thì không được biết rõ, nhưng ngày đầu tiên của Đại hội được dùng cho việc tế lễ. Rất có thể bắt đầu ngày thứ hai là môn đi bộ, khán giả tụ họp lại trong "Stadion", một khu vực hình chữ nhật được làm dốc nghiêng trên mặt đất.

Vào những ngày khác là môn "đô vật tự do Hi Lạp" (môn này là sự kết hợp giữa đấu vật và đấu quyền-giống quyền Anh). Luật chơi của môn thể thao đầu tiên này là quăng đối thủ xuống đất 3 lần.

Quyền thuật (giống quyền Anh) càng ngày càng tàn bạo; đầu tiên những đấu thủ phải quấn dây da mềm quanh các ngón tay của họ như một cách làm yếu những cú đấm, nhưng những lần sau đó là da cứng, đôi khi họ còn làm nặng thêm bằng kim loại. Môn đô vật tự do là môn thể thao rất khắt khe, cuộc thi tiếp diễn cho đến khi một trong các đấu thủ được xem như thất bại.

Môn đua ngựa thì mỗi người điều khiển một con, tuy giới hạn ở những người giàu có nhưng lại thu hút nhiều người đủ mọi tầng lớp. Sau môn đua ngựa là đến điền kinh năm môn phối hợp bao gồm: vật, ném đĩa, phóng lao, nhảy xa và chạy nước rút.

Con số chính xác của những môn thể thao và phương pháp dùng để xác định người thắng cuộc thì vẫn chưa biết. Cái đĩa trong môn ném đĩa làm bằng đồng, có lẽ có hình thấu kính. Còn cây lao thì có một cuộn dây cột ở đầu cán nhằm tạo ra lực quay để có tầm xa và chính xác hơn. Còn môn nhảy thì chỉ có nhảy xa, không có nhảy cao. Môn cuối cùng là môn chạy có mặc áo giáp. Những người thắng cuộc được đội trên đầu một vòng hoa Ôliu dại. Được các nhà thơ ca tụng, họ sống quãng đời còn lại bằng kinh phí của nhà nước.

Đại hội Olympic cổ đại đã lên đến đỉnh cao của tính đại chúng vào thế kỷ thứ 5 và 4 trước Công nguyên. Xứ Sparta đã nhiều lần thắng cuộc. Xứ Athena trong thời đại hoàng kim đã bốn lần thắng giải, nhưng thành công vang dội nhất vẫn là thành phố Elis, quê hương của Coroebus. Vận động viên kiệt xuất nhất Hy Lạp cổ đại là Milo người xứ Croton, đã liên tiếp thắng giải năm kỳ Thế vận hội từ năm 536 cho đến năm 520 trước Công nguyên. Trong lần cuối cùng, ông ta vác trên vai một con vật tế thần bước vào sân vận động, trước khi ngồi xuống ăn thịt nó. Người ta kể rằng vào năm 496 trước Công nguyên, vua Alexandros I xứ Macedonia tham gia Đại hội Olympic. Người ta từ chối vì cho ông là vua man rợ, chứ không hoàn toàn là người Hy Lạp. Nhưng nhà vua xưng ông là con cháu của thần Heracles, ông đã đạt nhiều

chiến thắng trong Đại hội Olympic và được nhà thi hào Pindar tán dương.^[3] Tuy phụ nữ không được tham gia các kỳ Đại hội, trong lịch sử Hy Lạp xưa vẫn có vài vận động viên nữ thắng giải Olympic. Nổi tiếng nhất là Kyniska - con gái của vua Archidamus II xứ Sparta, chiến thắng môn đua ngựa. Nàng cho người xây cất hai tượng đài của mình tại Olympía, một trong hai tượng đài đó có một bài thơ do nàng viết nên để ca ngợi chiến thắng của mình.^[4]

Đội tuyển của vua Philippos II xứ Macedonia cũng thắng giải đua ngựa vào năm 356 trước Công nguyên, đúng vào ngày Alexandros ra đời, góp phần tạo nên lời tiên tri đúng đắn rằng Alexandros sau này sẽ là một ông vua bách chiến bách thắng.^[5] Đến cả khi Ki-tô giáo được truyền vào Hy Lạp, các kỳ Đại hội thể thao Olympic vẫn luôn được tổ chức. Sứ đồ Phaolô hẳn là một người hâm mộ, dù ông không phải là một vận động viên của Đại hội Olympic. Ông viết: *"Tôi đã tham gia một cuộc thi đấu thật hay. Tôi đã chạy trên sân vận động. Tôi đã giữ niềm tin"*. Câu nói này đã lưu danh vào lịch sử Đại hội Olympic ở Hy Lạp xưa. Những kỳ Đại hội Olympic được tổ chức vào năm 388 hoặc là 393. Người chiến thắng cuối cùng được ghi nhận là một vận động viên người xứ Armenia.^[2] Khoảng năm 394, khi Hoàng đế La Mã là Theodosius I Đại Đế ban Thánh chỉ cấm đoán Đa thần giáo và công nhận Ki-tô giáo là quốc giáo của Đế quốc La Mã, ông ta đã hủy bỏ Đại hội Olympic cổ đại.^{[1][6]} Vào năm 426, có lẽ là do Hoàng đế Theodosius II xuống Thánh chỉ đốt sạch các miếu thờ Đa Thần giáo trên vùng Địa Trung Hải, đền thờ thần Thần Dớt bị đốt rụi. Không những thế, do thời đó liên tục có những trận động đất và lũ lụt, người ta không thể tổ chức Đại hội được nữa.^[7] Ý tưởng về Đại hội thể thao Olympic được hồi sinh vào vào đầu thế kỷ thứ 19.

Thế vận hội Olympic hiện đại

Đại hội thể thao Olympic hiện đại (Thế vận hội), cuộc thi thể thao quốc tế để các vận động viên thể thao từ các nước khác nhau tranh tài, tổ chức 4 năm một lần tại những nơi khác nhau. Có hai loại Đại hội Olympic là Olympic mùa Hè và Olympic mùa Đông. Qua năm 1992 cả hai Thế vận hội

được tổ chức cùng năm, nhưng từ năm 1994 thì được đổi lại sao cho cả hai sự kiện thể thao này diễn ra trong các năm xen kẽ nhau. Ví dụ như Olympic mùa Đông tổ chức năm 1994 thì Olympic mùa Hè tổ chức năm 1996, kế đến Olympic mùa Đông diễn ra năm 1998 và Olympic mùa Hè thì diễn ra vào năm 2000.

Đại hội thể thao Olympic hiện đại bắt đầu vào năm 1896 tại Aten(Athens), Hi Lạp, hai năm sau khi nhà sư phạm và tư tưởng người Pháp - Pierre de Coubertin đề xuất rằng thể vận hội Olympic của người Hi Lạp cổ đại cần được hồi sinh để tôn vinh nền hòa bình thế giới.

Chương trình Thế vận hội năm 1896 chỉ có các môn thể thao mùa hè (vì Thế vận hội mùa đông đến năm 1924 mới tổ chức)có 300 vận động viên đến từ 15 nước thi 43 môn thi đấu trong 9 môn thể thao khác nhau. Và đến thế vận hội mùa hè 100 năm sau đó tại Atlanta (Mỹ) 1996, có hơn 10.000 vận động viên đến từ hơn 190 nước thi 271 môn thi đấu trong 29 môn thể thao khác nhau.

Ủy ban Olympic quốc tế

-Thế vận hội được quản lý bởi Ủy ban Olympic quốc tế (viết tắt là IOC), tổng hành dinh đặt tại Lausanne, Thụy Sĩ. IOC ra đời tại Paris năm 1894 như một ủy ban độc lập và tự lựa chọn các thành viên cho mình (tuy nhiên để bắt đầu tiến hành, Coubertin đã tự chọn cho mình 15 thành viên). Hầu hết các thành viên được bầu chọn vào IOC là những cá nhân, đơn vị đã phục vụ trong NOCs (National Olympic Committees – Các ủy ban Olympic quốc gia) tại chính quốc gia của thành viên đó.

-Những thành viên đầu tiên của IOC là tất cả các thành viên châu Âu và châu Mỹ với một nước ngoại lệ là New Zealand (châu Úc). Thành viên châu Á đầu tiên gia nhập ủy ban là vào năm 1908 và châu Phi là 1910. Các thành viên của IOC phải nghỉ hưu vào tuổi 80 trừ phi họ được bầu chọn trước năm 1966.

-IOC có chức năng giám sát, quyết định nơi sẽ tổ chức thế vận hội, lập các quy định về Olympic trên toàn thế giới và thương lượng về bản quyền

truyền hình các chương trình trong thời gian diễn ra thể vận hội. IOC làm việc chặt chẽ với NOCs, Liên đoàn thể thao không chuyên quốc tế (the International Amateur Athletic Federation - IAAF) và các liên đoàn thể thao quốc tế khác (international sports federations - ISFs) để tổ chức các kỳ thể vận hội. ISFs chịu trách nhiệm về những điều luật quốc tế và các quy tắc của các môn thể thao mà họ có ảnh hưởng.

Chủ tịch IOC (được chọn từ các thành viên của IOC) được cộng tác bởi một ban lãnh đạo, nhiều phó chủ tịch và một số người của hội đồng IOC. Chủ tịch đầu tiên của IOC là ông Demetrius Vikélas, người Hi Lạp (làm việc 1894-1896). Các chủ tịch tiếp theo là Count Henri de Baillet-Latour của Bỉ (1925-1942), J. Sigfrid Edström của Thụy Điển (1946-1952), Avery Brundage của Mỹ (1952-1972), Michael Morris, Lord Killanin của Ireland (1972-1980) và Juan Antonio Samaranch của Tây Ban Nha (1980-).

Quyết định các môn thi đấu

Để đăng cai thể vận hội, một thành phố phải đệ trình bản kế hoạch lên IOC. Sau khi tất cả các bản kế hoạch được đưa lên, IOC tiến hành bỏ phiếu. Nếu không có thành phố nào giành được nhiều phiếu trong lần bỏ phiếu đầu tiên thì thành phố ít phiếu nhất sẽ bị loại và tiếp tục bỏ phiếu cho đến khi chọn được mới thôi. Thể vận hội được quyết định trước đó vài năm, nhờ vậy thành phố giành được quyền đăng cai có đủ thời gian để chuẩn bị. Trong việc lựa chọn nơi tổ chức Olympic, IOC quyết định dựa trên một số nhân tố chủ yếu mà thành phố đó có hoặc hứa sẽ tạo những tiện nghi tốt nhất và hiệu quả.

IOC cũng quyết định những phần nào trên thế giới chưa được quyền đăng cai thể vận hội. Thí dụ như, thành phố Tokyo, Nhật Bản (thuộc châu Á) đăng cai Olympic mùa hè năm 1964 thì sang năm 1968 tổ chức ở Mê hi cô (thuộc Mĩ Latinh). Vì sự phát triển quan trọng của truyền hình trên toàn thế giới, trong những năm gần đây IOC cũng đưa vào việc chọn thành phố chủ nhà theo múi giờ. Ví dụ như mỗi khi thể vận hội diễn ra tại Mỹ hoặc Canada thì mạng truyền hình American sẵn sàng chịu nhiều chi phí bản quyền để phát hình trực tiếp rộng rãi vào những giờ chiếu phim.

Một khi thể vận hội diễn ra ở đâu thì sẽ được ủy ban tổ chức địa phương ở đó tài trợ (những tổ chức này không phải là IOC hay NOC của nước chủ nhà). Điều này thường kết thúc với phần chia lợi nhuận từ bản quyền truyền hình thể vận hội, tiền từ các tập đoàn tài trợ, tiền bán vé, tiền quảng cáo và những nguồn tài trợ nhỏ khác chẳng hạn như những con tem bưu điện làm kỉ niệm hoặc tiền thu từ vé số quốc gia. Trong nhiều trường hợp cũng có sự giúp đỡ của chính quyền nước sở tại.

Mặc dù nhiều thành phố giành được lợi nhuận từ thể vận hội, nhưng các kỳ Olympic cũng có thể bị lâm vào tình trạng thiếu hụt tài chính. Ví dụ như Montréal, Canada đã chi ra một lượng lớn tiền bạc để chuẩn bị cho thể vận hội mùa hè năm 1976, nhưng số tiền thu được lại thấp hơn dự kiến khiến thành phố phải chịu nhiều khoản nợ lớn.

Các vận động viên và tư cách tham dự

Mặc dù Hiến chương Olympic, luật chính thức của Ủy ban Olympic, tuyên bố rằng Olympic là cuộc thi giữa các cá nhân và không phải là giữa các quốc gia nhưng IOC lại phân công các NOC có nhiệm vụ tuyển chọn riêng các đội tuyển Olympic quốc gia. Trong hầu hết các trường hợp, NOC làm điều này để nắm được các vận động viên đã trải qua kiểm tra để được thi đấu tại thể vận hội hoặc để chọn những vận động viên dựa trên những thành tích mà họ đã đạt được trước đó.

Từ khi bắt đầu thể vận hội đến nay, các vận động viên nữ không chuyên của mọi tôn giáo, dân tộc đều có đủ tư cách tham dự. Mặc dù Coubertin phản đối sự tham gia thể vận hội của phụ nữ và không một phụ nữ nào thi đấu trong năm 1896, nhưng một số nhỏ vận động viên môn đánh gôn và quần vợt đã được thi đấu tại thể vận hội năm 1900.

Các vận động viên nữ trong môn bơi lội và lặn được phép thi đấu tại thể vận hội năm 1912, còn những môn như thể dục và điền kinh thì mãi đến năm 1928 họ mới được tham gia. Kể từ đó các môn thể thao Olympic của nữ phát triển đáng kể và hiện nay số lượng nữ vận động viên trong một đội đã chiếm đến khoảng phân nửa trừ một số đội đến từ các nước Ả-Rập hồi giáo.

Coubertin và tổ chức IOC dự tính từ ban đầu là thể vận hội chỉ dành cho những vận động viên nghiệp dư. Tính chất không chuyên được xác định bởi sự tôn trọng triệt để với luật không chuyên, một luật lệ có từ thế kỷ 19 làm nền tảng để ngăn không cho các vận động viên chuyên nghiệp tham gia trong các môn thể thao như bơi thuyền và quần vợt.

Bởi vì luật không chuyên ngăn cản các vận động viên kiếm được bất kỳ chi phí nào từ các hoạt động có liên quan đến thể thao nên các vận động viên thuộc tầng lớp bình dân khó mà đủ khả năng vừa kiếm sống vừa tập luyện để thi đấu. Tuy nhiên các luật lệ của thể vận hội về tính không chuyên vẫn là nguyên nhân của nhiều tranh cãi trong nhiều năm.

Những câu hỏi đã được đưa ra như một vận động viên không chuyên có thể được đài thọ chi phí cho chuyến đi thi đấu, được đền bù chi phí thời gian mất việc, được thuê để dạy các môn thể thao hay không. Và chúng luôn được IOC (tổ chức đứng đầu trong việc xác định tính chuyên nghiệp trong các môn thể thao khác) giải quyết một cách thỏa đáng.

Năm 1983, đa số các thành viên của IOC đều chấp nhận hầu hết các vận động viên Olympic thi đấu một cách chuyên nghiệp với ý muốn rằng các môn thể thao là hoạt động chính của họ. Sau đó IOC đã hỏi lại mỗi ISF để xác định tính tư cách của chính môn thể thao và qua thập niên sau thì gần như tất cả các ISF đã bãi bỏ sự khác biệt giữa các vận động viên nghiệp dư và các vận động viên chuyên nghiệp, còn gọi là thể vận hội mở. Một trong những ví dụ điển hình của sự thay đổi là vào năm 1992 khi các vận động viên chuyên nghiệp đến từ Liên đoàn bóng rổ quốc gia (NBA – National Basketball Association) đã được phép thi đấu tại thể vận hội mùa hè Barcelona, Tây Ban Nha.

Những nghi thức

Thể vận hội luôn có những nghi thức, phần nhiều trong số đó thể hiện chủ đề tình hữu nghị và hợp tác hòa bình giữa các quốc gia.

Lễ khai mạc thể vận hội luôn luôn có cuộc diễu hành của các đội tuyển đến từ mỗi quốc gia tham dự tại sân vận động chính. Đội Hi Lạp luôn là đội đi

đầu để kỉ niệm nguồn gốc xa xưa của thể vận hội và đội nước chủ nhà luôn là đội đi sau chót.

Nghi lễ mở đầu là màn trình diễn tái hiện, hư cấu về thể vận hội qua thời gian trong một khung cảnh phức tạp và hoành tráng với âm nhạc và lời nói. Một trong những nghi lễ quan trọng là cuộc chạy rước đuốc và lễ rước đuốc Olympic. Ngọn lửa Olympic tượng trưng cho sự chuyển giao những ý nghĩa cao đẹp từ thể vận hội Hi Lạp cổ đại đến thế giới hiện đại. Ngọn đuốc Olympic được thắp sáng lần đầu tại thể vận hội mùa hè năm 1936. Trong cuộc chạy rước đuốc, ngọn lửa được thắp sáng tại thành phố Olympia, Hy Lạp và từ đó nó được nhiều người chạy bộ (trừ đường sông, biển) mang đi trải qua nhiều tuần lễ hoặc nhiều tháng trời để đến thành phố nước chủ nhà.

Sau khi người rước đuốc cuối cùng đã thắp ngọn lửa Olympic lên ngọn đuốc chính tại sân vận động, người đứng đầu của nước chủ nhà tuyên bố thể vận hội bắt đầu và những con chim bồ câu được thả ra để tượng trưng cho niềm hi vọng thế giới hòa bình.

Hai nghi thức đổi mới quan trọng khác đã xuất hiện sớm tại thể vận hội Antwerp, Bỉ năm 1920 đó là một lá cờ thể vận hội với năm vòng tròn có năm màu khác nhau trên nền trắng. Năm chiếc vòng tròn tượng trưng cho sự đoàn kết giữa các quốc gia năm châu: châu Phi, châu Mỹ, châu Á, châu Úc và châu Âu. Và kể đến là sự ra đời của nghi thức đọc lời thề Olympic, được đọc bởi một thành viên của đội chủ nhà. Lời thề xác nhận cam kết của các vận động viên về tinh thần thể thao cao thượng trong thi đấu.

Nghi lễ trao huy chương cũng là một phần quan trọng của thể vận hội. Sau mỗi môn thi đấu cá nhân tại thể vận hội, các huy chương được tặng thưởng có 3 giải: Nhất, nhì và ba cho 3 người có thành tích cao nhất. Lễ trao huy chương diễn ra sau mỗi trận đấu chung kết của từng môn, các vận động viên thắng cuộc bước lên bục để nhận huy chương vàng (thực ra là huy chương mạ vàng), huy chương bạc (mạ bạc), và huy chương đồng, kể đến quốc kỳ các nước của họ được kéo lên trong tiếng nhạc quốc ca nghiêm trang. Một vài nhà phê bình đề nghị rằng vì những kỉ niệm chương dường như trái

với tinh thần quốc tế mà IOC đã công bố. Những biểu tượng quốc gia nên thay bằng lá cờ Olympic và nhạc là bài hát chính thức của Olympic.

Ban đầu có một cuộc diễu hành khác của các quốc gia vào buổi lễ cuối cùng của thể vận hội. Tuy nhiên tại thể vận hội mùa hè vào năm 1956 tại Melbourne, Úc, các vận động viên đã tách khỏi hàng ngũ và đi lẫn vào nhau để kỉ niệm thể vận hội. Truyền thống này đã được tiếp tục tại các kỳ thể vận hội sau. Sau khi các vận động viên đã vào hết trong sân vận động Olympic tại buổi lễ, chủ tịch của IOC hẹn gặp lại các vận động viên và khán giả tại thể vận hội lần sau. Sau đó, chủ tịch IOC tuyên bố kết thúc thể vận hội và ngọn đuốc Olympic được tạm tắt.

Những buổi đầu

Sau khi thắng lợi trong cuộc Chiến tranh Giải phóng Dân tộc (1821 - 1829) phá tan xiềng xích nô dịch của Đế quốc Ottoman, Hi Lạp đã tìm cách "hồi sinh" Đại hội Olympic thời xa xưa nhằm làm quảng bá các di sản cổ đại của họ.

Đại hội Olympic của họ - bị giới hạn ở phạm vi dân tộc Hi Lạp - đã không thành công, diễn ra không thường xuyên và thu hút rất ít sự chú ý của quốc tế. Thể vận hội bị đình chỉ hoàn toàn vào năm 1889. Nhưng sau đó Coubertin đã thành công trong nỗ lực tổ chức thể vận hội một cách đàng hoàng vì quan niệm của ông về Đại hội thể thao mang tính quốc tế hơn là mang tính dân tộc.

Mặc dù lúc bắt đầu công việc, ông quan tâm đến thể thao như một cách để nâng cao tính sẵn sàng chiến đấu của quân đội Pháp, nhưng cuối cùng ông đã hình dung chúng như một công cụ để chiến thắng các cuộc xung đột giữa các quốc gia.

Coubertin bắt đầu phát triển những ý tưởng của mình cho một cuộc thi đấu thể thao quốc tế trong những năm 1880. Năm 1894 ông mời đại diện thể thao các nước đến Paris để thảo luận về thể thao không chuyên tại một đại hội thể thao quốc tế. Hội nghị có 78 đại biểu đến từ 9 quốc gia. Tại hội nghị, Coubertin đã dùng nghệ thuật và âm nhạc cổ điển để tạo ảnh hưởng với các

đại biểu. Ông làm họ ngạc nhiên với đề xuất làm sống lại thể vận hội Olympic của thời xưa và họ đã đồng ý ủng hộ. Coubertin muốn Đại hội Olympic hiện đại làm nổi bật các môn thể thao của thời xưa và hiện đại. Chẳng hạn như môn ném đĩa là biểu tượng cho sự tiếp nối của quá khứ vì người Hi Lạp cổ đại đã từng luyện tập thể thao.

Ngược lại, môn đua xe đạp là môn thể thao xuất hiện gần hơn nên đại diện cho thời hiện đại. Môn chạy marathon là để tưởng niệm một người lính Hi Lạp đã chạy bộ một mạch từ một thị trấn của Marathon đến Athens để báo tin quân Hi Lạp đã chiến thắng quân xâm lược Ba Tư, môn chạy này có khoảng cách ngắn hơn khoảng cách marathon thực sự là 42.2 km (khoảng 26.2 dặm). (đường đua dài nhất của Olympic cổ đại là khoảng 1000 m).

Sự bất ổn trong chính phủ Hi Lạp đe dọa sự chuẩn bị cho thể vận hội năm 1896, nhưng Coubertin đã đến Athens và tranh thủ được sự ủng hộ giúp đỡ của hoàng gia Hi Lạp trong việc tổ chức thể vận hội.

Mặc dù sau đó không có NOC để tuyển chọn các vận động viên và gửi họ đến thể vận hội, nhưng nhờ Coubertin quen biết với nhiều nhà thể thao người châu Âu và châu Mỹ nên đã vận động họ thành lập các đội tuyển quốc gia tại nước mình. Lúc ấy ước chừng một nửa số đội của châu Mỹ đến từ đại học Princeton vì ở đó có người bạn của Coubertin đang dạy môn lịch sử. Khoảng dưới 300 vận động viên đã thi đấu tại thể vận hội năm 1896 và không nhận được nhiều quan tâm của báo chí quốc tế, nhưng lại đủ sức thuyết phục để IOC tiếp tục các thể vận hội sau mỗi bốn năm.

Olympic Mùa Hè

Thể vận hội năm 1896 bao gồm các môn: đua xe đạp, đấu kiếm, thể dục, bắn bia, bơi lội, quần vợt, điền kinh, cử tạ và đấu vật. Các vận động viên người Mỹ chiếm ưu thế hơn hẳn tại thể vận hội nhưng những thành tích của những người thắng cuộc không cao bởi những tiêu chuẩn đánh giá đương thời. Thomas Burke, người Mỹ là người chiến thắng trong cuộc chạy đua nước rút cự ly 100m trong 12 giây, tức là thấp hơn 1 giây so với kỷ lục thể

giới. Bất chấp những thành tích này, thể vận hội đã thành công khi làm hài lòng khán giả và những người tham gia.

Sự ủng hộ cộng đồng quốc tế cho thể vận hội 1900 tại Paris và thể vận hội 1904 tại St.Louis, Missouri Mỹ đã làm Coubertin thất vọng, bởi vì cả hai kỳ thể vận hội này bị coi như là những "hội chợ quốc tế" hơn Olympic. Năm 1906 một thể vận hội đã được tổ chức tại Athens, Hi Lạp, vượt qua mọi phản đối của Coubertin. Mặc dù thể vận hội đã thành công nhưng những kết quả không bao giờ được xem như là phần chính trong lịch sử Olympic.

Tại thể vận hội Luân Đôn 1908, Anh đã chứng kiến cuộc đua tài quyết liệt giữa người Anh và người Mỹ, lên đến đỉnh điểm là khi những viên chức người Anh đã khiến vận động viên chạy marathon người Ý Dorando Pietri qua vạch khi anh này đã bị té gần đích đến. Điều này có nghĩa là vận động viên người Mỹ Johnny Hayes không thắng được cuộc đua. Tuy nhiên sau khi các viên chức Mỹ lớn tiếng phản đối, Hayes đã được tuyên bố là người thắng cuộc.

Bốn năm sau tại thể vận hội 1912 ở Stockholm, Thụy Điển, Vận động viên người Mỹ Jim Thorpe thắng cả hai môn điền kinh năm môn phối hợp và điền kinh mười môn để rồi chỉ nhận được những quyết định thu hồi huy chương vào năm 1913 chỉ vì anh ta đã từng chơi bóng chày bán chuyên nghiệp (nhưng sau này vào năm 1982 IOC đã hoàn trả lại huy chương và chiến thắng chính thức cho Thorpe).

Môn bơi lội dành cho nữ cũng đã lần đầu tiên được đưa vào tổ chức tại thể vận hội năm 1912 và hai vận động viên người Úc là Fanny Durack và Wilhelmina Wylie đã chiếm ưu thế. Lãnh đạo ủy ban Olympic Hoa Kỳ James Sullivan đã không tán thành các môn thể thao nữ và không cho phép nữ công dân Mỹ thi đấu môn bơi lội tại thể vận hội 1912 (họ được phép thi bơi bắt đầu từ 1920).

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đã buộc thể vận hội 1916 tổ chức tại Berlin, Đức phải hủy bỏ. Bốn năm sau, thông cảm với Bỉ, đất nước

đã bị tàn phá nặng bởi sự xâm lăng của Đức trong thời gian chiến tranh, IOC quyết định tổ chức thể vận hội tại Antwerp.

Năm 1920, vận động viên môn chạy người Phần Lan là Paavo Nurmi, biệt danh "người Phần Lan bay", đã giành được 3 trong tổng số 9 huy chương vàng Olympic ở môn thi đấu của anh ta là chạy cự ly 1000 mét, chạy việt dã cá nhân và đồng đội.

Tại thể vận hội Paris 1924, Nurmi và vận động viên bơi lội người Mỹ Johnny Weissmuller là những vận động viên nổi bật. Thành tích chính của Nurmi là thắng trong môn chạy cự ly 1500 mét và 5000 mét. Còn Weissmuller đã thắng ở môn bơi tự do 100 mét, 400 mét và cũng là người thắng trong môn bơi đồng đội 4 x 200 mét bơi tự do.

Thế vận hội Amsterdam, Hà Lan 1928 thì đáng chú ý nhất là sự có mặt của các môn điền kinh nữ. Mặc dù có một vài lời phàn nàn về môn chạy điền kinh cự ly 800 năm 1928 vì môn này hơi quá sức đối với nữ và bị hủy bỏ mãi cho tới năm 1960 mới tiếp tục.

Năm 1930 IOC quyết định tiếp tục thử nghiệm các môn thể thao nữ tại thể vận hội Olympic. Nhờ quyết định này mà Babe Didrikson đã trở thành vận động viên nổi tiếng nhất tại thể vận hội Los Angeles 1932. Chị đã thắng trong môn chạy vượt rào cự ly 80 mét và môn ném lao, lập kỷ lục thế giới mới ở hai môn này và đứng hạng hai trong môn nhảy cao. Còn các vận động viên môn bơi lội người Nhật thì giành được những thành công lớn tại thể vận hội năm 1932 với thành tích tối thiểu một vận động viên Nhật Bản là vào đến các trận chung kết ở mỗi môn thi đấu trong môn bơi lội. Đội Nhật Bản được tập luyện lâu hơn và khát khe hơn đối phương. Những thành công của họ đã chứng minh những lợi ích của việc thực hiện luyện tập thể thao toàn thời gian tốt hơn là tập bán thời gian kiểu nghiệp dư.

Dấu hiệu khác của sự thay đổi là thể vận hội Los Angeles đã thành công với rất nhiều vận động viên có tuổi đời còn rất trẻ như: vận động viên bơi lội người Nhật Kusuo Kitamura đã thắng trong môn bơi tự do cự ly 1500 mét khi chỉ mới có 14 tuổi.

Tại thế vận hội Berlin năm 1936 đã xảy ra sự kiện đặc biệt đó là việc chính phủ Quốc xã của nước chủ nhà đã tuyên truyền học thuyết cho rằng người da trắng là mạnh nhất và câu chuyện hay nhất của thế vận hội Berlin là vận động viên da đen người Mỹ là Jesse Owens, anh đã làm sụp đổ những tư tưởng của Đức Quốc Xã khi chiến thắng ở môn đua cự ly ngắn 100 mét, 200 mét và môn nhảy cao. Owens cũng đoạt luôn huy chương thứ tư là chạy tiếp sức cự ly 4 x 100 mét.

Cả hai kỳ thế vận hội theo dự tính sẽ diễn ra tại Tokyo, Nhật Bản và Luân Đôn, nước Anh vào các năm 1940 và 1944 nhưng đều bị hủy bỏ vì Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra (1939-1945). Tuy nhiên thế vận hội năm 1948 được tổ chức bất chấp sự thật là nhiều thành viên của IOC nghĩ rằng những nỗi khủng khiếp của Chiến tranh thế giới thứ hai tạo ra trò cười cho thiên hạ về ước mơ thế giới hòa bình của Coubertin. Tuy nhiên những người chủ trương tiếp tục duy trì thế vận hội Olympic đã chiếm ưu thế và Luân Đôn trở thành chủ nhà.

Mặc dù Liên bang Xô Viết luôn cho rằng các thế vận hội là một âm mưu chính trị của chủ nghĩa tư bản, nhưng các nhà lãnh đạo của họ cũng quyết định gửi một đội đến thế vận hội Helsinki 1952, Phần Lan. Đội Xô Viết đã giành được thành công vang dội và người Mỹ bị "sốc" cho tới ngày cuối cùng của thế vận hội. Các vận động viên Xô Viết đoạt được nhiều huy chương hơn các vận động viên của Mỹ. Bốn năm sau, tại thế vận hội Melbourne, đội Xô Viết và Mỹ tiếp tục với những thành công của họ, được xếp thứ nhất và thứ hai trong bảng tổng sắp không chính thức về số huy chương quốc gia (những thành tích không chính thức được giữ kín số huy chương mà mỗi nước có được tại mỗi kỳ thế vận hội).

Đội Australia, dẫn đầu là hai vận động viên bơi lội Murray Rose, Dawn Fraser và hai vận động viên môn chạy là Betty Cuthbert và Shirley Strickland, họ giành được tổng cộng 13 huy chương vàng để giúp nước chủ nhà vươn lên đứng hàng thứ ba sau Liên bang Xô Viết và Mỹ.

Thế vận hội năm 1960, các vận động viên môn chạy người Châu Phi như: Wilson Kiprigit của Kenya và Abebe Bikila của Ethiopia đã giành được thành tích nổi trội tại thế vận hội, trong khi đó các vận động viên đến từ Châu Âu lại chiếm ưu thế ở các môn như thể dục dụng cụ và cử tạ. Theo thứ tự mỗi kỳ thế vận hội kế tiếp nhau trong những năm 1960 là các năm 1960 (Rome-Ý), 1964 (Tokyo-Nhật Bản) và 1968 (Mexico City- Mêhicô) đã tạo ra các vận động viên "vàng" trong môn quyền Anh của Mỹ mà đã tiếp tục trở thành những võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp hạng nặng như: Cassius Clay (sau này đổi tên là Muhammad Ali), Joe Frazier và George Foreman.

Tại thế vận hội Munich - Đức năm 1972, hai đội Đông Đức và Tây Đức trước đây vốn chung một đội (năm 1949) nay lại là hai đội riêng biệt đã giành được hạng ba và hạng tư trong bảng tổng sắp huy chương không chính thức. Mặc dù tại thế vận hội năm 1972 vận động viên Xô Viết là Ludmilla Tourischeva đã thắng toàn diện môn thể dục dụng cụ nhưng một vận động viên Xô Viết khác là Olga Korbut lại thu hút nhiều chú ý nhất, chị đoạt ba huy chương vàng, điều này đã giúp khởi đầu một thời kỳ mới của sự phát triển quốc tế của môn thể dục dụng cụ. Bốn năm sau, tại thế vận hội Montréal, vận động viên Nadia Comaneci của Rumani đã giành giải toàn diện trong môn thể dục dụng cụ và trong môn xà gò, chị đã xuất sắc giành được điểm số tối đa là 10 điểm.

Thành tích nổi bật nhất tại thế vận hội năm 1976 đến từ đội bơi lội nữ của Đông Đức, họ giành thắng lợi 11 trong 13 làn bơi, vượt qua cả người Mỹ vốn được cho là chiếm ưu thế. Trong tổng số huy chương tại thế vận hội 1976 thì Đông Đức (tức CHDC Đức với dân số khoảng 16 triệu người giành được 40 huy chương vàng. Ngược lại, nước Mỹ với dân số hơn 200 triệu người chỉ giành được có 34 huy chương vàng.

Thế vận hội 1980 tổ chức tại Matxcova và năm 1984 tổ chức tại Los Angeles đã bị những cuộc tẩy chay lớn (vì lý do chính trị), nên đội chủ nhà của mỗi nước đã quyết tâm tạo một chiến thắng lớn trong mỗi năm. Tại thế vận hội 1980 với 62 quốc gia tuyên bố tẩy chay, đội Xô Viết đã giành được

80 huy chương vàng, 69 huy chương bạc và 46 huy chương đồng. Cũng tại thế vận hội này vận động viên quyền Anh người Cuba là Téoфіlo Stevenson đã giành liên tiếp ba huy chương vàng ở hạng võ sĩ hạng nặng. Tại thế vận hội 1984 khi Liên Xô và 16 nước khác tẩy chay thế vận hội, thì đội Mỹ tuyên bố giành được 83 huy chương vàng, 61 huy chương bạc và 30 huy chương đồng. Tại đây vận động viên người Mỹ Carl Lewis đã nổi lên như một vận động viên điền kinh vĩ đại nhất trong thời đại của anh ta với chiến thắng ở các môn chạy cự ly 100 mét, 200 mét, 4 x 100 mét tiếp sức và nhảy xa. Nữ vận động viên người Mỹ là Lou Retton đoạt giải toàn diện trong môn thể dục dụng cụ. Tại thế vận hội Seoul, Hàn Quốc, Carl Lewis lặp lại chiến thắng của mình trong môn nhảy xa và bị nhận huy chương vàng muộn ở môn chạy cự ly 100 mét sau khi vận động viên người Canada là Ben Johnson được coi là chiến thắng lại bị phát hiện có sử dụng chất ma túy.

Tại thế vận hội 1988, các vận động viên bơi lội Đông Đức, dẫn đầu là Kristin Otto đã giành chiến thắng 10 trong 15 môn dành cho nữ. Điều gây ấn tượng sâu sắc tương tự là vận động viên môn điền kinh người Mỹ Florence Griffith Joyner đã giành huy chương vàng ở môn chạy cự ly 100 mét, 200 mét, chạy tiếp sức 4 x 100 mét và Jackie Joyner Kersee đoạt huy chương vàng trong môn nhảy cao và điền kinh bảy môn phối hợp.

Thế vận hội Barcelona 1992 Tây Nam Nha không có riêng quốc gia nào thi đấu nổi trội nhất. Những vận động viên được biết nhiều nhất trước và sau thế vận hội là Hoa Kỳ với đội bóng rổ có tên là Dream Team với các vận động viên của NBA như Michael Jordan, Larry Bird và Magic Johnson. Đội này đã thi đấu nổi bật và đạt thành tích là huy chương vàng.

Năm 1996 lễ kỉ niệm 100 năm sự ra đời của thế vận hội hiện đại đã được tổ chức tại Atlanta, bang Georgia Hoa Kỳ. Có nhiều thành tích nổi bật tại thế vận hội này. Ở môn bơi lội, Fu Mingxia của Trung Quốc đã đoạt huy chương vàng ở thể loại ván nhúng 3 mét và bực nhảy 10 mét. Còn trong môn điền kinh, vận động viên người Mỹ Michael Johnson đã giành huy chương vàng ở môn chạy nước rút cự ly 200 mét và 400 mét. Trong khi đó vận động viên

người Canada Donovan Bailey chiến thắng ở môn chạy nước rút cự ly 100 mét. Thế nhưng thể vận hội đã thất bại bởi một nhóm khủng bố đã tấn công khu kỉ niệm thể vận hội của Atlanta. Một quả bom đã phát nổ vào buổi sáng ngày 27 tháng 8 làm một người chết và hơn 100 người bị thương nhưng thể vận hội vẫn tiếp tục diễn ra.

Olympic Mùa Đông

Mặc dù môn trượt băng nghệ thuật là một môn tại thể vận hội mùa hè từ năm 1908 đến 1920 và môn khúc côn cầu trên băng (ice-hockey) được chơi trong năm 1920, nhưng IOC lại do dự trong việc mở đầu thể vận hội mùa đông bởi vì những điều kiện khí hậu khiến cho thể vận hội mùa đông chỉ giới hạn ở những nước có đủ điều kiện về tuyết trong mùa đông. Khi Thụy Điển và Na Uy lần đầu tiên tổ chức thể vận hội 1911, Mỹ đã phản đối vì điều kiện sân bãi. Trớ trêu thay, những người Scandinavi đã thay đổi suy nghĩ của họ tại cuộc họp của IOC năm 1921 tranh cãi rằng thể vận hội mùa đông không giống như thể vận hội mùa hè, không thể quy tụ các vận động viên đến từ mọi quốc gia. Tuy nhiên IOC cũng thắng phiếu và thành lập Thể vận hội mùa Đông.

Thể vận hội mùa đông lần đầu được tổ chức như một cuộc thi riêng biệt vào năm 1924 tại Chanix – Mont - Blanc, Pháp. Từ thời điểm đó đến năm 1992, thể vận hội mùa đông được tổ chức trong cùng năm với thể vận hội mùa hè nhưng bắt đầu từ thể vận hội mùa đông Lillehammer, Na Uy năm 1994, thể vận hội mùa đông được thay đổi lịch tổ chức sao cho cả hai thể vận hội mùa đông và mùa hè diễn ra xen kẽ nhau, nghĩa là nếu thể vận hội mùa hè tổ chức vào năm 1992 thì thể vận hội mùa đông sẽ tổ chức vào năm 1994 và lần kế tiếp của thể vận hội mùa đông là 1998 trong khi thể vận hội mùa hè là năm 1996. Thể vận hội mùa đông năm 1924 có 14 môn thi đấu trong 5 môn thể thao khác nhau. Chương trình cho thể vận hội mùa đông năm 1998 tại Nagano của Nhật Bản là 60 môn thi đấu trong 9 môn thể thao khác nhau.

Trong thể vận hội mùa đông đầu tiên, những nước thuộc vùng Scandinavi đã phản đối cuộc thi. Các vận động viên người Na Uy thắng cả 4

môn thi đấu trượt tuyết, trong khi các đấu thủ người Phần Lan giành được phần thắng ở 4 trong 5 môn thi đấu trượt tuyết tốc độ. Bốn năm sau, thế vận hội mùa đông đầu tiên đã thu hút nhiều chú ý của quốc tế khi tại Saint Moritz, Thụy Sĩ, vận động viên trượt tuyết người Na Uy, chị Sonja Henie đã giành thắng lợi liên tiếp trong 3 thể loại trượt tuyết của thế vận hội. Với tài năng thiên phú của mình, chiến thắng của chị tại thế vận hội 1932 và 1936 đã góp phần đưa chị lên đỉnh cao thành công chói lọi như một minh tinh màn bạc.

Thế vận hội mùa đông trong các năm 1940 và 1944 đã bị hủy bỏ vì Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra (đáng lẽ đã được tổ chức tại Sapporo, Nhật Bản và Cortina d'Ampezzo, Ý). Tại thế vận hội mùa đông đầu tiên sau chiến tranh ở Saint Moritz, vận động viên người Canada, Barbara Ann Scott đã giành huy chương vàng ở môn trượt tuyết nữ, trong khi vận động viên người Mỹ là Dick Button cũng chiến thắng ở môn này dành cho nam. Đội khúc côn cầu trên băng của Canada đã giành huy chương vàng trong khi đó vận động viên người Mỹ Gretchen Fraser giành huy chương vàng trong môn trượt tuyết "slalom" dành cho nữ (thể loại "Slalom" nghĩa là trượt tuyết xuống dốc chữ chi có các chướng ngại vật).

Tại thế vận hội mùa đông Oslo Na Uy năm 1952, đội khúc côn cầu trên băng của Canada lại một lần nữa giành được huy chương vàng. Còn các vận động viên trượt tuyết người Mỹ tiếp tục thành công của họ ở các môn trượt tuyết tại thế vận hội mùa đông Cortina d'Ampezzo năm 1956 với chiến thắng của Hayes Jenkins ở thể loại dành cho nam và Tenley Albright trở thành vận động viên nữ đầu tiên của Mỹ giành huy chương vàng ở môn này. Vận động viên môn trượt tuyết xuống dốc người Ý là Toni Sailer đã xuất sắc giành được cả 3 huy chương vàng ở môn thể loại trượt tuyết là: xuống dốc, "slalom", và "salom" rộng. Vận động viên David Jenkins, em trai của Hayes Jenkins thì lặp lại thành tích chiến thắng ở môn trượt băng nghệ thuật nam tại thế vận hội mùa đông Squaw Valley, California, trong khi đó một vận động viên người Mỹ khác Carol Heiss đã giành được huy chương vàng ở môn này dành cho nữ.

Tại thế vận hội mùa đông năm 1964 được tổ chức tại Innsbruck Áo vận động viên môn trượt tuyết băng đồng người Thụy Điển là Sixten Jernberg đã giành được huy chương thứ 9 cuối cùng của mình với một huy chương vàng ở thể loại 50 mét cá nhân, một ở thể loại 4 x 10 km đồng đội và một huy chương đồng ở thể loại 15 km. Còn hai vận động viên của Liên Xô là Liudmila Belousova và Oleg Protopopov thì giành được huy chương vàng ở thể loại trượt băng nghệ thuật đôi nam nữ. Cặp vận động viên này đã lặp lại thành tích của họ ở thế vận hội mùa đông Grenoble, Pháp năm 1968. Còn vận động viên người Mỹ là Peggy Fleming đã giành được huy chương vàng ở thể loại trượt băng nghệ thuật đơn nữ.

Thế vận hội mùa đông 1968 cũng đã nổi tiếng với sự thành công xuất sắc của Jean Claude Killy, vận động viên người Pháp, anh đã lặp lại kỳ công của Sailer khi đoạt cả 3 huy chương vàng ở môn trượt tuyết băng đồng nam. Tại thế vận hội mùa đông năm 1972 tổ chức ở Sapporo, Nhật Bản, vận động viên trượt tuyết tốc độ người Hà Lan là Ard Schenk đã thắng lớn với 3 huy chương vàng ở 3 cự ly là 1500 mét, 5000 mét và 10.000 mét.

Tại thế vận hội mùa đông 1976, Innsbruck lần nữa lại là nhà tổ chức. Vận động viên trượt tuyết tốc độ người Mỹ là Eric Heiden đã nổi tiếng tại thế vận hội mùa đông Lake Placid, New York, Mỹ năm 1980 khi anh "lãnh trọn" cả 5 huy chương vàng ở thể loại trượt tuyết tốc độ cự ly 500 mét, 1000 mét, 1500 mét và 10000 mét.

Thế vận hội mùa đông Sarajevo, Nam Tư năm 1984 thì nam vận động viên người Mỹ là Scott Hamilton đã giành được huy chương vàng ở môn trượt băng nghệ thuật và nữ vận động viên người Đông Đức là Katarina Witt cũng đoạt huy chương vàng ở môn này.

Bốn năm sau, tại thế vận hội mùa đông Calgary, Alberta, Canada, Katarina Witt lại một lần nữa giành chiến thắng, còn phía nam thì người chiến thắng là vận động viên người Mỹ Brian Boitano. Cặp vận động viên trượt băng nghệ thuật của Liên Xô là Ekaterina Gordeeva và Sergei Grinkov đoạt huy chương vàng trong khi đó vận động viên môn trượt tuyết tốc độ người

Mỹ Bonnie Blair cũng đã giành được huy chương vàng (cự ly 500 mét), đây là chiếc huy chương vàng đầu tiên trong 5 chiếc huy chương vàng ở 3 kỳ Olympic của cô. Còn ở môn trượt tuyết dốc thì vận động viên người Ý là Alberto Tomba đoạt huy chương vàng.

Thế vận hội mùa đông Albertville, Pháp năm 1992 thì huy chương vàng môn trượt băng nghệ thuật nữ thuộc về vận động viên người Mỹ gốc Nhật Kristi Yamaguchi và hai huy chương vàng ở môn trượt tuyết tốc độ cự ly 500 mét và 1000 mét thuộc về vận động viên Bonnie Blair. Tomba lặp lại thành tích của mình với chiến thắng ở môn trượt tuyết "slalom" vùng rộng. Cặp vận động viên trượt băng nghệ thuật của Liên Xô là Ekaterina Gordeeva và Sergei Grinkov tiếp tục chiến thắng ở môn này tại thế vận hội mùa đông Lillehammer năm 1994 và ở môn đơn nữ thì người chiến thắng là vận động viên người Ukraina Oksana Baiul. Một lần nữa vận động viên Bonnie Blair lại chiến thắng ở môn trượt tuyết tốc độ cự ly 500 mét và 1000 mét.

Tại thế vận hội mùa đông Nagano, Nhật Bản năm 1998, vận động viên trượt tuyết Bắc Âu người Na Uy là Biorn Daehlie đã giành được 3 huy chương vàng ở các cự ly 1000 mét, 5000 mét, 2 x 10 km tiếp sức và một huy chương bạc (15 km "rượt đuôi"). Sau một lần té ngã nghiêm trọng ở thể loại trượt tuyết băng đồng, vận động viên người Áo Hermann Maier đã nhanh chóng hồi phục và đoạt luôn hai huy chương vàng ở thể loại "slalom" lớn và "slalom" siêu lớn. Đội nhảy xki (tức là thực hiện một cú nhảy cao và xa sau khi đã trượt tuyết một đoạn dài) của Nhật tính chung được 4 huy chương, gồm cả một huy chương vàng đồng đội.

3.2. Tín chỉ 2: Lịch sử thể dục thể thao Việt Nam

3.2.1. Bài 1: TDTT thời kỳ đầu của cách mạng tháng tám (1945-1946)

(4 tiết lên lớp của GV)

3.2.1.1. Phần mở đầu tiếp cận bài

- *xây dựng nền TDTT của chế độ mới thời kỳ đầu sau cách mạng tháng tám (1945-1946)*

- *Hoạt động TDTT ở các vùng tự do thời kỳ kháng chiến chống thực dân pháp*

- *TDTT thời kỳ kháng chiến chống pháp (1946-1954)*

- *Xây dựng nền TDTT mới của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*

3.2.1.2. Phần kiến thức căn bản

CHƯƠNG 1. XÂY DỰNG NỀN TDTT CỦA CHẾ ĐỘ MỚI THỜI KỲ ĐẦU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945-1946)

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình thế giới, trong nước và nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc sau khi giành chính quyền

Tháng 5 năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập.

Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân và phong kiến, toàn dân ta vùng dậy xây dựng cuộc sống mới. Tuy nhiên, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang còn đứng nước đã phải đương đầu với muôn ngàn khó khăn, thử thách để bảo vệ nền độc lập non trẻ.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gâp hấn ở Sài Gòn rồi lần lượt đánh chiếm các tỉnh ở Nam Bộ. Quân và dân Nam Bộ vừa giành chính quyền chưa được một tháng đã kiên cường, anh dũng vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.

Giặc ngoài, thù trong, khó khăn chồng chất, tình thế đất nước hiểm nghèo “nghìn cân treo sợi tóc”. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Lâm thời nêu rõ nhiệm vụ cấp bách của nhân dân ta là: mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng hệ thống chính quyền nhân dân, động viên toàn dân ra sức chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Nhiệm vụ bao trùm là “kháng chiến, kiến quốc”, trong đó, then chốt là xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng Hiến pháp nước Việt Nam mới.

Trong bối cảnh ấy, hệ thống tổ chức của nền TDTT mới đã được xây dựng và đi ngay vào hoạt động. Phong trào “Khỏe vì Nước” đã góp phần thiết thực vào nhiệm vụ “kiến quốc và cứu nước”, và giới TDTT cùng toàn dân bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc từ ngày 19-12-1946.

2. Di sản TDTT do chế độ cũ để lại

Thực hiện công cuộc “khai hóa”, nhà cầm quyền đã tạo những Cơ sở của một nền TDTT nhọc vụ chính sách nô dịch và khai thác thuộc địa. Các viên Toàn quyền Pháp, từ Châtel đến Decoux, đều sử dụng TDTT như một phương tiện để lôi kéo người Việt Nam, trước hết là thanh niên, vào vòng ảnh hưởng của “mẫu quốc”, lãng quên nỗi nhọc mất nước, thân phận làm nô lệ, xa rời cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập cho dân tộc.

Các hoạt động thể thao thực sự chỉ có bề nổi, rầm rộ với những “cuộc đua xe đạp vòng Đông Dương”, “cuộc chạy bộ” từ Cao Miên (Campuchia) ra Bắc, cuộc đấu bóng đá “tứ xứ tranh hùng”. Các khóa học của Trường Cao đẳng Phan Thiết, Đà Lạt đào tạo hàng trăm huấn luyện viên phục vụ chính sách mở rộng TDTT trong thanh niên để giành giật ảnh hưởng với phát xít Nhật, mặc dù sau khi ra trường, một số người lại trở thành “đội xếp” cảnh binh, viên chức “nhà đoan”,...

Những cuộc tranh tài thể thao có sức hấp dẫn khá lớn, nhưng người tập và thi thì ít, người xem thì nhiều, thích xem mà không ưa tập luyện. Có thói quen xấu như hám danh, đầu óc địa phương,.. khá phổ biến trong các hoạt động thể thao.

Tuy nhiên, xét về khách quan, nền TDTT cũ cũng đã để lại những nhân tố tích cực:

- Nhiều cán bộ, danh thủ trong giới TDTT của chế độ cũ đã giác ngộ cách mạng, yêu nước, hăng hái tham gia xây dựng nền TDTT của chế độ mới.
- Những kỹ thuật, phương pháp, kinh nghiệm tổ chức tập luyện,... có thể và cần được nghiên cứu, khai thác.
- Những sân vận động, bể bơi và các cơ sở TDTT.
- Nền nếp tập luyện, thi đấu TDTT được gầy dựng trong một bộ phận thanh niên, học sinh, viên chức và dân cư ở các đô thị.

II. XÂY DỰNG NỀN THỂ DỤC THỂ THAO MỚI CỦA NƯỚC VIỆT

NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh khai sinh nền TDTT của chế độ mới

Những định hướng quan điểm, chính sách đầu tiên của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về TDTT

“Chương trình Việt Minh” công bố tháng 10-1941 đề cập:

- “Khuyến khích và giúp đỡ nền thể dục quốc dân, làm cho nòi giống ngày thêm mạnh”.
- “Trẻ em được Chính phủ đặc biệt săn sóc về thể dục trí dục và đức dục”. *Thiết lập Nha Thể dục Trung ương trong Bộ thanh niên*

Trung tuần tháng 12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho ông Dương Đức Hiền, Bộ trưởng Bộ Thanh niên trong Chính phủ Lâm thời, chuẩn bị thành lập tổ chức cơ quan TDTT trung ương.

Ngày 30-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 14 thiết lập tại Bộ Thanh niên một Nha Thể dục trung ương².

Sắc lệnh số 14 là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập cơ quan quản lý nhà nước về TDTT, khai sinh nền TDTT của chế độ mới. Ngày 30-1-1946 chính là ngày thành lập ngành TDTT của nước Việt Nam mới.

Thiết lập Nha Thanh niên và Thể dục trong Bộ Quốc gia Giáo dục

Sau cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946, trong Chính phủ không còn Bộ Thanh niên, ngày 27-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 38 thiết lập trong Bộ Quốc gia Nha Thanh niên và Thể dục, gồm Phòng Thanh niên Trung ương và Phòng Thể dục Trung ương".

Sắc lệnh số 38 tiếp tục việc thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Sắc lệnh số 14.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hô hào đồng bào tập thể dục

Cùng thời điểm công bố sắc lệnh số 38, báo “Cứu quốc”, Cơ quan tuyên truyền, tranh đấu của Tổng bộ Việt Minh, trong số 119, ra ngày 27-3-1946, đã đăng trang trọng ở trang nhất bài viết “Sức khỏe và Thể dục” của Chủ tịch Hồ Chí Minh dưới phụ đề “Hồ Chủ tịch hô hào đồng bào tạo thể dục” (sau này tuyên truyền thành Lời kêu gọi toàn dân

Chương trình Việt Minh (tháng 10-1941) - Bản in Lito, Viện Bảo tàng Cách

mạng Việt Nam. Bản đã “bổ chính” (tháng 3-1944) - Văn kiện Đảng - toàn tập. Tập 7 - trang 466-471

Sắc lệnh được đăng trong “Việt Nam Dân quốc Công báo” ngày 23-2-1946.

Sắc lệnh được đăng trong “Việt Nam Quốc dân Công báo” ngày 6-4-1946. tập thể dục của Hồ Chủ tịch).

Bài “Sức khỏe và Thể dục” còn được đăng trên báo “Việt Nam Khỏe - Cơ quan vận động phổ thông TDTT của Nha Thể Dục trung ương Việt Nam” số Ngày 30-3-1946.

Với sự kiện có ý nghĩa lịch sử và truyền thống đó, sau này, từ năm 1991, ngày 27-3 hằng năm được Chính phủ quyết định lấy làm “Ngày Thể thao Việt Nam”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm chăm sóc, cổ vũ hoạt động TDTT của nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm theo dõi, chỉ đạo phát triển TĐTT. Ngay trước ngày lên đường sang Pháp, tối 29-5-1946, Người đã tiếp nhận thân mật các cán bộ Nha Thanh niên và Thể dục và đại biểu thanh niên - thể dục các tỉnh tại Bắc Bộ phủ.

Ngày 10-11-1946, Người đến dự lễ bế giảng lớp Thể dục - Quân sự Hà Nội và khóa bổ túc các cụ huấn luyện viên Trường Cao đẳng Thể dục Phan Thiết và Đà Lạt.

Nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ sáng sớm đã đến các địa điểm tập ở khu Nhà Đấu xảo, phố Lò Đúc, quảng trường Nhà hát lớn,...thăm hỏi người tập và người hướng dẫn. Người cũng nhiều lần đến sân vận động SEPTO (sân Hà Nội ngày nay) xem thi đấu bóng đá giao hữu và được Ban tổ chức, trọng tài mời đá quả bóng danh dự mở màn trận đấu.

Thiết lập nền TĐTT cách mạng, đặt cơ sở quan điểm, tư tưởng và tổ chức ở buổi ban đầu của một sự nghiệp, cũng chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp sức sống mạnh mẽ cho nó khi Người nhóm lửa thiêng trong Ngày Hội Thanh niên vận động, phát động phong trào “Khỏe vì nước” - một cuộc vận động cách mạng rầm rộ, rộng rãi trong lĩnh vực TĐTT năm 1946.

2. Triển khai xây dựng tổ chức quản lý nhà nước và điều hành TĐTT

Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý TĐTT

Thi hành sắc lệnh số 14, cùng ngày 30-1-1946, Bộ trưởng Bộ Thanh niên Dương Đức Hiền ký ban hành Nghị định số 13-TN xác định nhiệm vụ, hoạt động, tổ chức của Nha Thể dục trung ương.

Quyết định số 25/CT ngày 29-11-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước CHXHCN Việt Nam.

Thi hành sắc lệnh số 38, ngày 27-3-1946, Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Đặng Thai Mai ký ban hành Nghị định số 167-NĐ về việc Ủy nhiệm một Thứ trưởng của Bộ này trực tiếp phụ trách Nha Thanh niên và Thể dục, đổi Nha Thể dục trung ương thành Phòng Thể dục, trung ương.

Ngày 2-4-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ra Thông tư số 10-NV/CC về việc đặt Ủy viên Thể dục ở các cơ quan Bộ và UBHC các tỉnh.

Ngày 22-7-1946, Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục ra Nghị định số 330-NĐ quy định: ở mỗi kỳ - bộ đặt một Sở Thanh niên - Thể dục; ở mỗi tỉnh - thành phố lập một Ty Thanh niên - Thể dục; ở phủ - huyện có Ban Thanh niên - Thể dục và cấp xã lập Tiểu ban Thanh niên - Thể dục.

Điều hành hoạt động TDTT

Trong việc xây dựng tổ chức và quản lý, điều hành TDTT, các Hội nghị về TDTT thể hiện việc tập hợp lực lượng và đội ngũ, tập trung trí tuệ, tạo sự thống nhất trong toàn ngành.

- Ngày 7-4-1946, Hội nghị Ủy ban Thể thao Bắc Bộ họp phiên đầu tiên đã bầu các trưởng ban chuyên môn của 10 môn thể thao, thông báo quyết định của Chính phủ về việc tổ chức Hội khỏe và phân công chuẩn bị thực hiện.

Ngày 24-7-1946, Hội nghị Ủy viên Thể dục các tỉnh Bắc Bộ họp tại Hà Nội, bàn về nhiệm vụ TDTT trong Tỉnh và Ban Thanh niên - Thể dục cấp tỉnh, huyện; các vấn đề về cán bộ, tài chính, về mở trường huấn luyện thể dục, hoạt động thể thao ở địa phương.

Hội nghị TDTT toàn quốc đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ ngày 29-4 đến ngày 2-5-1946 tại Hà Nội đã thảo luận về chương trình phát triển TDTT trong hiện tình đất nước; xác định một số nguyên tắc về phổ thông thể dục và hoạt động thể thao. Hội nghị đã thông qua Quyết nghị quan trọng về “Thể dục theo phương pháp tự nhiên” được áp dụng trên toàn cõi Việt Nam; cách tổ chức và quản lý các hoạt động thể thao; ấn định chế độ dinh dưỡng, vệ sinh tập luyện; cách làm sân vận động đơn giản.

Hội nghị Thể dục Trung Bộ lần thứ nhất họp tại Thuận Hóa (Huế), từ ngày 29-7 đến ngày 3-8-1946 đã thảo luận nội dung chỉ đạo của cơ quan TDTT trung ương và quyết .

Việt Nam Dân quốc Công báo ngày 17-8-1946

Nghị công nhận “Thể dục theo phương pháp tự nhiên” là thích hợp với người Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.

Nghiên cứu và thực hành “Thể dục theo phương pháp tự nhiên”

Sau một thời gian khẩn trương nghiên cứu, chọn lọc, “Thể dục theo phương pháp tự nhiên” đã được Hội nghị Thể dục toàn quốc thông qua và quyết nghị áp dụng trong toàn quốc. Các khóa của Trường Cán bộ Thể dục Việt Nam, các lớp Thể dục - Quân sự phổ thông là nơi phổ biến và nhân rộng nhanh chóng phương pháp và nội dung tập luyện thống nhất này.

Nội dung “Thể dục theo phương pháp tự nhiên” gồm các bài tập áp dụng những môn vận động tự nhiên như: đi, bò, chạy, nhảy, thăng bằng, leo trèo, mang vác, ném, đánh - đỡ, bơi lội,.. Phân hạng người tập (nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, trung lão, lão) và phân định về thời gian, độ khó đối với người tập.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TDTT

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đội ngũ cán bộ TDTT tham gia xây dựng nền TDTT mới phần nhiều hoạt động dưới chế độ cũ, được đào tạo từ Trường Cao đẳng Thể dục Đông Dương, Trường Cao đẳng Thể dục Nữ Đông Dương và các lực sỹ, danh thủ thể thao, một số từ các ngành thanh niên, hướng đạo, nhà hoạt động xã hội,.. chuyển sang.

Với lòng yêu nước, nhiệt tình, có tri thức và kinh nghiệm tổ chức, hoạt động TDTT dưới chế độ cũ, lớp cán bộ TDTT đầu tiên của nền TDTT mới đầu có nhiều sáng tạo trong tổ chức, điều hành Trường Cán bộ Thể dục Việt Nam với các khóa học ở Hà Nội và Thuận Hóa có kết quả tốt. Đặc biệt là mở các lớp Thể dục - Quân sự phổ thông phù hợp với thực tiễn và đáp ứng kịp thời nhu cầu của địa phương.

Trong vòng tám tháng, với ba khóa học chính thức và một khóa tu nghiệp, với đội ngũ huấn luyện viên và học viên đầy nhiệt huyết, Trường Cán bộ Thể dục Việt Nam đã đào tạo và đào tạo lại gần 200 cán bộ có trình độ

trung cấp TĐTT. ở các địa phương, 24 lớp Thể dục - Quân sự phổ thông đã cung cấp cho phong trào “Khỏe vì Nước” 2400 cán bộ sơ cấp TĐTT.

Tuyên truyền, vận động phổ thông thể dục. Báo “Việt Nam Khỏe”

Nghị định số 13-TN của Bộ Thanh niên thi hành sắc lệnh số 14 quy định tổ chức của Nha Thể dục, trong đó có Ban cổ động - Tuyên truyền.

Ban Cổ động - Tuyên truyền đã có nhiều hoạt động thiết thực như in các loại tài liệu hướng dẫn, 10 bài tập thể dục, hơn 2000 khẩu hiệu TĐTT, 4000 bản hành khúc “Khỏe vì Nước”,... để phổ biến ở Hà Nội và gửi về các địa phương.

Nhiều khẩu hiệu được truyền bá rộng rãi, lời lẽ thiết thực, kêu gọi ý thức tự nguyện và có sức lôi cuốn mạnh mẽ.

Âm nhạc cách mạng với các hành khúc, bài ca là một bộ phận sôi động của công tác cổ động, tuyên truyền phong trào “Khỏe vì Nước”. Báo “Việt Nam Khỏe” trong một thời gian ngắn đã đăng để phổ biến rộng gần 10 bài hát, chủ yếu là đề tài TĐTT.

Báo “Việt Nam Khỏe” với tiêu đề “Cơ quan vận động phổ thông TĐTT của Nha Thể dục trung ương Việt Nam”, tờ báo nêu rõ tôn chỉ, mục đích là “Góp phần gây phong trào ham chuộng thể dục và thể thao trong nước, ngõ hầu làm tiến sức khỏe và cải tạo giống nòi Việt Nam,...” ra số 1 ngày 30-3-1946. Báo “Việt Nam Khỏe” ấn hành gần 30 kỳ trong năm 1946. Là tờ tuần báo ra ngày thứ bảy, có 4 trang (số đặc biệt từ 6 đến 8 trang), nội dung khá phong phú.

Cùng với “Việt Nam Khỏe”, các báo hằng ngày như “Cứu quốc”, “Dân quốc”, “Vì nước”, “Vì dân”, “Dân thanh”, các báo tuần như “Sao vàng”, “Gió mới”, bán nguyệt san như “Y học”, ...đều có nội dung TĐTT, thông tin, phản ánh phong trào “Khỏe vì Nước”. Ngoài ra còn có đặc san “Khỏe vì Nước” do Nha Thanh niên và Thể dục ấn hành, các bản tin TĐTT của một số tỉnh, thành, sách hướng dẫn tập luyện, cuốn thơ vui của Tú Poanh “Phải Khỏe”, với chủ đề “Khỏe vì Nước”...

Tuyên truyền miệng là một phương thức vận động cách mạng, đã được áp dụng khá phổ biến để động viên lòng yêu nước, hướng dẫn, lôi cuốn quần chúng tham gia phong trào “Khỏe vì Nước”.

Kiểm tra - Kiểm soát

Thực hiện Nghị định số 13-TN ngày 30-1-1946 của Bộ Thanh niên, Ban Kiểm soát của Nha Thể dục trung ương đã được thành lập. Nội dung hoạt động: kiểm soát những phương pháp mang áp dụng cho các hạng người tập; kiểm soát hoạt động chuyên môn TDTT của các địa phương.

Ban Kiểm soát đã cử cán bộ dự thảo một “Hiến chương Thể thao” của nền TDTT mới, nghiên cứu kế hoạch kiểm soát nhằm bảo đảm sức khỏe cho người tập, người tranh tài thể thao, kiểm tra, nhắc nhở tránh phô trương âm ỉ, tốn kém.

Công tác kiểm tra - kiểm soát nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hiện tượng lệch lạc trong thể thao.

Tài chính - Sân bãi, dụng cụ

Tài chính: Hệ thống tổ chức và các hoạt động TDTT trong thời kỳ này dựa vào các nguồn tài chính: ngân sách của Chính phủ; sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân; sự tự nguyện làm việc không hưởng lương của các cán bộ, huấn luyện viên; và sự tự túc của người tập, người thi thể thao.

Ngân sách dành chi cho TDTT rất eo hẹp. Các lớp Thể dục - Quân sự phổ thông vào các buổi sáng, mỗi khóa từ 15 đến 45 ngày, học viên chi trả một phần hoặc do địa phương cấp. Sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân là những đóng góp quan trọng trong các hoạt động TDTT. Các nhà hảo tâm là chủ hiệu buôn, kỹ nghệ gia, điền chủ,.. ở Hà Nội, Hải Phòng, Kiến An, Nghệ An,.. đã góp tiền, hiện vật các giải bóng đá, điền kinh, bóng bàn, bóng chuyền. Những người tham gia phong trào “Khỏe vì Nước” hầu hết là tự nguyện đóng góp kinh phí để hoạt động.

Sân bãi - Dụng cụ: Nha Thể dục trung ương đề ra nhiệm vụ: lập nhiều sân vận động mới rẻ tiền và tu sửa những sân vận động sẵn có. Những cơ sở sân bãi TDTT từ thời Pháp thuộc để lại rải rác ở nhiều địa phương. Sân vận

động ở nhiều nơi chỉ là sân bóng đá, nhưng rất cần cho các hoạt động: mít tinh quần chúng, biểu dương lực lượng; tổ chức Hội khỏe, thi các môn thể thao trong phong trào “Khỏe vì Nước”.

Các lực lượng vũ trang ở Chiến khu II, chiến khu III đều huy động cán bộ, chiến sỹ xây dựng bãi tập, sân bóng đá, bóng chuyền,...để mở Đại hội Khỏe của Vệ Quốc Đoàn.

Nhìn chung, các sân bãi thể thao, hồ bơi, nhà thi đấu bóng bàn, sân quần vợt.... còn đơn giản và thiếu thốn.

3. Nội dung hoạt động hợp thành phong trào “Khỏe vì Nước”

Tuyên bố và Chương trình hoạt động của Nha Thể dục trung Ương chỉ đạo phong trào “Khỏe vì Nước ”

Lời tuyên bố đầu tiên của Nha Thể dục trung ương ngày 30-3-1946 có đề cập đến nguy cơ: “Dân nước ta hiện nay đang mắc ba bệnh trầm trọng: nghèo, dốt và yếu. Nghèo và dốt là hai nguy cơ nên Chính phủ đã chú ý đặc biệt. Hiện thời, Chính phủ lại thiết lập một Nha Thể dục để chữa bệnh yếu cho dân tộc Việt Nam, một bệnh nguy hiểm có thể làm cản trở công cuộc kiến quốc hiện thời...”

Chương trình hoạt động của Nha Thể dục trung ương bắt đầu từ tuyên truyền, cổ động để gây một phong trào hâm mộ luyện tập TDTT khắp nơi. Đồng thời, nghiên cứu phương pháp thể dục phổ thông, biên soạn sách, báo TDTT, mở trường, lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, huấn luyện viên, hướng dẫn viên, xây mới và sửa lại các sân vận động hiện có, tổ chức các hoạt động và thi đấu TDTT,...

Phổ cập thể dục trong các tầng lớp nhân dân. Các “Hội khỏe”, “Ngày Thanh niên Vận động”

Các nhà chỉ đạo cơ quan TDTT trung ương năm 1946 xác định: “TDTT ở cơ sở là gốc rễ của các phong trào”. Chú trọng phổ cập thể dục trong học đường, thanh niên, quân đội là lực lượng cơ bản, đồng thời mở rộng việc tập luyện trong các tầng lớp nhân dân khác, như phụ nữ, viên chức, công nhân, nông

dân,... Một phương chăm tổ chức, vận động phong trào khỏe là: “Đi từ gốc đến ngọn: Lấy thể dục làm căn bản. Lấy dân chúng làm trường hoạt động, cố lo phổ thông thể dục trong toàn dân”. Và “thể dục, đức dục, trí dục là mục đích của cơ quan phụ trách sức khỏe toàn dân”.

Nhà Thanh niên và Thể dục đã ấn định một “Dấu hiệu Khỏe vì Nước ” để phân loại cấp bậc trình độ người tập sau một thời gian tập luyện. Có hai cấp: Cấp thứ nhất có các chỉ tiêu về chạy, nhảy, ném, đi, bò, leo trèo, bơi lội. cấp thứ nhì, ngoài các môn kể trên đạt kết quả cao hơn, người dự thi còn phải biết chơi một môn thể thao đồng đội, phải kèm cặp, luyện cho ít nhất 3 người đã qua được ký sát hạch thứ nhất.

- Cuộc vận động “Khỏe vì Nước” lan rộng trong các đối tượng từ tháng 1946, trước hết là trong trường học.

- Cùng với học sinh, thanh niên là lực lượng chủ chốt của phong trào “Khỏe vì Nước”.

- Trong các lực lượng vũ trang (Vệ Quốc đoàn, Công an xung phong, tự vệ chiến đấu, quân dân du kích...) phong trào “Khỏe vì Nước” khá rầm rộ.

- Phong trào “Khỏe vì Nước” được sự hưởng ứng rộng rãi của các tổ chức như Phụ nữ cứu quốc, Hướng đạo, Thanh niên Công giáo... ở Hà Nội và nhiều tỉnh.

- Ở các xí nghiệp, công sở, thanh niên công nhân, công chức cử người đi học các lớp hướng dẫn viên, tổ chức tập thể dục ở nơi làm việc.

- Ủy ban Đời sống mới ở trung ương và các cấp mở nhiều đợt tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân hưởng ứng phong trào thể dục “Khỏe vì Nước”.

- Các hội đoàn TDTT nhiều địa phương đã được các đoàn thể và tư nhân giúp đỡ kinh phí sửa chữa sân bãi, tặng giải thưởng cho các cuộc thi đấu, các giải thể thao...

Các Hội Khỏe, Ngày Thanh niên Vận động là những cuộc biểu dương lực lượng “Khỏe vì Nước” ở Hà Nội và các địa phương.

Phong trào TDTT quần chúng là nền tảng, trên cơ sở đó, các Hội Khỏe là hoạt động tập trung, bề nổi, rầm rộ, thể hiện một phần quy mô và khí thế của phong trào. Hội Khỏe, Ngày Thanh niên Vận động thường được các địa phương chủ động tiến hành vào dịp phát động phong trào thể dục, hoặc ngày khai mạc, bế mạc các khóa, lớp đào tạo cán bộ, hướng dẫn viên, ngày lễ của đất nước, địa phương.

Tổ chức hoạt động một số môn thể thao

Khẳng định nền tảng của thể dục, các cán bộ chuyên môn của Nha Thể dục và Trường Cán bộ Thể dục Việt Nam còn nghiên cứu và xác định nhận thức thống nhất về vị trí quan trọng và nội dung của thể thao trong phong trào “Khỏe vì Nước” và trong nền TDTT mới. Về nhận thức chỉ đạo: “Thể thao, nếu không có thể dục làm căn bản, sẽ không đem lại kết quả mong muốn”; việc tổ chức thể thao trong phong trào “Khỏe vì Nước” phải theo đúng các nguyên tắc:

- Tránh mọi sự phô trương không cần thiết. Nước ta còn nghèo, chưa phải lúc có những cuộc đua vĩ đại, âm ỉ, những cuộc giao tranh vang động, tốn tiền.

- Thể thao phải có quy định, luật lệ chặt chẽ, hợp với tinh thần thượng võ, hợp với sức vóc người tập, rèn luyện tinh thần kỷ luật, đoàn kết, tranh đấu.

- Thể thao phải được kiểm soát chặt chẽ, là giai đoạn thứ nhì trong phong trào “Khỏe vì Nước”, cổ động cho phổ thông thể dục.

Việc tổ chức thể thao phải ít tốn kém mà đi sâu vào đại chúng. Chú ý đặc biệt các môn thể thao phổ thông: điền kinh, bơi lội, bóng đá chân đất, bóng chuyền, bóng rổ, chạy việt dã. Đồng thời chú trọng các lối tập cổ điển, các môn võ thời xưa, lối quyền thuật của thế hệ cũ... phải được nghiên cứu và đem áp dụng trong phong trào “Khỏe vì Nước”.

“Thể thao Việt Nam, cũng như thể dục, phải được đi đôi với y lý; sân vận động phải là nơi lui tới thường ngày của thanh niên, của huấn luyện viên, của bác sĩ. Sự tổ chức phải ngăn nắp, chu đáo, hợp ỷ, khoa học. Thể thao Việt Nam phải có đủ tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng

Tóm lại, “trong lúc này (1946), thể thao Việt Nam chưa nghĩ tới việc đào tạo các nhân tài xuất chúng gửi đi thi ngoại quốc, nhưng hết sức chăm lo rèn luyện sức khỏe cho đại chúng, biểu dương sức mạnh của cả một thể hệ muốn sống khỏe và cần phải “Khỏe vì Nước”.

4. Ngành TDTT đi và cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược

Tại Hà Nội, cùng với các cơ quan thuộc Chính phủ, Nha Thanh niên và Thể dục rời Thủ đô đi kháng chiến. Lúc này cơ quan TDTT trung ương có khoảng 20 cán bộ, nhân viên.

III. KẾT LUẬN

1. Điều nổi bật bao trùm là Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng và nhân dân ta, cũng chính là người khai sinh nền TDTT của nước Việt Nam mới.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước, cơ quan TDTT trung ương và các cấp tuy mới được thành lập đã tích cực triển khai chương trình hoạt động.

3. Thời kì 1945-1946 tuy rất ngắn nhưng có ý nghĩa đặc biệt với những bài học sâu sắc, mở đầu một giai đoạn mới của lịch sử TDTT Việt Nam theo đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Những khó khăn, hạn chế, nhược điểm của công tác TDTT thời kì này thể hiện trong các mặt sau đây:

Một là, do thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược Nam Bộ và Nam Trung Bộ, nên không triển khai được ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Hai là, thời gian thành lập tổ chức và hoạt động của ngành TDTT quá ngắn. Điều rất đáng tiếc là nhiều chủ trương đúng đắn được đề ra chỉ mới bắt đầu hoặc chưa kịp thực hiện.

Ba là, công tác đào tạo huấn luyện viên, hướng dẫn viên được tiến hành khẩn trương, song trình độ còn hạn chế, cơ sở khoa học còn đơn giản. Tài chính dành cho TDTT rất eo hẹp; sân bãi, dụng cụ tập luyện còn thiếu thốn. Do vậy, phong trào “Khỏe vì Nước” chưa phổ cập trong đông đảo nhân dân.

CHƯƠNG 2. TDTT THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946-1954)

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình nhiệm vụ cách mạng thời kì kháng chiến chống Pháp (từ cuối 1946 đến giữa 1954)

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp đã gây hấn ở Sài Gòn và Nam bộ. Ngày 19 tháng 12, Pháp tấn công Hà Nội và cuộc kháng chiến toàn quốc đã bắt đầu.

Để lãnh đạo nhân dân kháng chiến, Trung ương Đảng, các cơ quan của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chuyển lên Chiến khu Việt Bắc. Ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, các cơ quan chính quyền cách mạng cũng chuyển về làm việc tại các khu căn cứ cách mạng.

Cuộc kháng chiến trường kỳ, chống thực dân Pháp của nhân dân ta liên tiếp đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác:

- Chiến dịch Thu đông năm 1947 làm thất bại hoàn toàn chiến lược **“đánh nhanh, thắng nhanh”** của thực dân Pháp.
- Tháng 9 năm 1950, chiến dịch Biên giới toàn thắng.
- Năm 1952, “Chiến dịch Hòa Bình” và “Chiến dịch Tây Bắc”, giải phóng 4/5 vùng địch tạm chiếm, giành chiến thắng trên hầu hết các chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Tây Nguyên, Liên khu V, Nam Bộ và Thượng Lào.
- Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân ta.

2. Tình hình TDTT sau Cách mạng thành công và nhiệm vụ TDTT trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp

Từ khi cả nước tiến hành cuộc kháng chiến, tất cả các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, TDTT đều hướng hoạt động sang thời chiến với khẩu hiệu: **“Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả cho kháng chiến”**.

Phong trào **“Khỏe vì Nước”** sau cách mạng Tháng Tám - 1945 tiếp tục được các tầng lớp nhân dân, nhất là các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang thực hiện thường xuyên, ở mọi nơi, mọi lúc khi có điều kiện.

Hoạt động TDTT kịp thời gắn với các phong trào thi đua ái quốc chuyển hướng sang động viên, khuyến khích phong trào rèn luyện thân thể trong cán bộ, công nhân viên, nhân dân vùng tự do ở các chiến khu cả nước, đặc biệt là các chiến sĩ trong quân đội giữ gìn sức khỏe, tăng cường thể lực, nhằm đảm bảo chiến đấu thắng lợi và sản xuất tốt phục vụ chiến đấu.

II. HOẠT ĐỘNG TDTT Ở CÁC VÙNG TỰ DO THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

1. Tám gương rèn luyện thân thể của Bác Hồ tại Chiến khu Việt Bắc

Trong thời kỳ kháng chiến ở Chiến khu Việt Bắc, Bác duy trì nếp tập thể dục đều đặn, nội dung tập phong phú, không chỉ là nội dung của một bài thể dục thông thường, mà còn tập tạ, tập dây chun, khí công, quyền thuật, đi bộ, chạy, nhảy.

Bác Hồ là tám gương sáng rèn luyện thân thể để mọi cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan và lực lượng vũ trang thời kỳ kháng chiến chống Pháp học tập.

2. Hình thành đội ngũ cán bộ TDTT kháng chiến

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng hướng dẫn viên

Trong thời gian đầu tiên trên đường rút từ Hà Nội lên Chiến khu, các cán bộ của Nha Thanh niên và Thể dục thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục đã mở được 3 lớp hướng dẫn viên TDTT cho gần 200 học viên.

Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam là một đơn vị có phong trào TDTT thường xuyên, sôi nổi, có chất lượng cao, các tác dụng đầu tàu, đào tạo được đội ngũ cán bộ TDTT cho toàn quân.

- Cán bộ, hướng dẫn viên, vận động viên thời kỳ trước và sau Cách mạng Tháng Tám đi theo kháng chiến

Ngay sau khi nổ ra kháng chiến toàn quốc, nhiều cán bộ, vận động viên thể thao đã cùng nhân dân miền Nam hăng hái lên đường đánh giặc. Nhiều danh thủ thể thao ở miền Bắc, miền Trung đã tình nguyện đầu quân “Nam tiến” trong những ngày đầu tiên.

Toàn quốc kháng chiến, hàng loạt huấn luyện viên cũ của Trường Cao đẳng Thể dục Đông Dương, các tuyển thủ nổi tiếng đã là những người xung phong đi hàng đầu lên chiến khu, bung biển tham gia kháng chiến.

3. Hoạt động TDTT ở các vùng tự do kháng chiến toàn quốc

- Hoạt động TDTT ở Chiến khu Việt Bắc

Trong các cơ quan trung ương, các bài thể dục sáng, Thái cực quyền, các động tác đi bộ, chạy, leo núi, các môn bơi, bóng chuyền, bóng đá đã được các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ và Quốc hội, cán bộ, công nhân viên thường xuyên tập luyện.

Bóng đá cũng là môn được nhiều người ưa chuộng và tham gia tập luyện, thi đấu. Nhiều danh thủ bóng đá lần lượt rủ nhau lên chiến khu.

Ở chiến khu, TDTT được kết hợp với các hoạt động học tập và lao động khác. Thể dục buổi sáng và một số môn thể thao như bóng chuyền, bóng đá...vẫn được duy trì đều đặn hàng ngày.

- Hoạt động TDTT ở Chiến khu 12

Tại Chiến khu 12 gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, từ năm 1947, các đơn vị bộ đội tổ chức đều đặn 1 lần/tuần, rèn luyện sức bền cho chiến sĩ. Các chiến sĩ thường xuyên chạy từ 16-30km. Đến năm 1948- 1949, có phong trào “Luyện quân lập công”; năm 1952-1953, có phong trào

“Rèn cán chính quân”. Nội dung tập luyện phong phú hơn, ngoài môn chạy còn có các môn võ, bắn súng, ném lựu đạn, bóng chuyền, bóng nhà binh... Các cuộc thi đấu nội bộ thường xuyên được tổ chức. Ngoài ra, còn tổ chức thi đấu với địa phương.

Nội dung tập luyện TDTT trong Trường Quân chính khu 12 là: Thể dục buổi sáng, đội hình đội ngũ, chạy, đi bộ và các kỹ thuật chiến đấu (đâm lê, ném lựu đạn, bắn súng’).

- Hoạt động TDTT ở Liên khu 3

Ngày 2 tháng 9 năm 1947, ở Liên khu 3 thành lập Ban TDTT của Đoàn

Thanh niên Cứu quốc, cơ sở đặt tại huyện Duy Tiên - Nam Định.

Năm 1948-1949, tổ chức giải thi đấu bóng chuyền, tổ chức đoàn xe đạp đi từ Đổng Năm - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình đến cầu Bó - Thanh Hóa, cắm cờ đỏ sao vàng trên các tuyến đường tuyên truyền cho kháng chiến; tổ chức Giải Vô địch môn quyền Anh miền duyên hải Bắc Bộ tại Đổng Năm, có nhiều võ sĩ từ Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Kiến An, Ninh Bình, Hải Phòng về tham dự thi đấu; tổ chức Giải Bóng chuyền miền duyên hải Bắc Bộ, gồm nhiều danh thủ của Liên khu 3 từ Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Phòng.

Để đề phòng máy bay giặc Pháp đến ném bom, nên các cuộc đấu bóng đá thường được tiến hành vào sáng sớm.

- Hoạt động TDTT ở Liên khu 4

Tại Liên khu 4, do sáng kiến của tướng Nguyễn Sơn, cả Quân khu đẩy lên phong trào luyện quân và mở các “Đại hội tập” để thi đua rèn luyện các môn kỹ thuật, chiến thuật quân sự như chạy, nhảy, ném lựu đạn, đâm lê, bắn súng. Bộ đội chạy hàng chục km, dẫn đầu là tướng Nguyễn Sơn.

Tại chiến khu Ngọc Trạo, Liên khu 4, từ Nam Nông công đến Như Xuân, Thọ Xuân, Yên Định, Thạch Thành (Thanh Hóa), nhiều môn thể thao được các chiến sĩ quân đội, dân quân tự vệ tập luyện như bộ đội, bao gồm: chạy,

nhảy, ném lựu đạn, đâm lê, bắn súng. Đã tổ chức Đại hội thi đấu các môn thể dục quân sự, với sự tham gia của hàng chục trung đội.

Đồng bào các dân tộc thiểu số như Thái, Mường, Dao...trong các ngày lễ tết, hội hè tổ chức chơi tung còn, đánh đu, bắn nỏ, leo núi, đua ngựa, phóng lao, yặt tay, kéo co...

Ngay sau khi mặt trận Huế bị vỡ, dịp Tết đến, cơ quan Xứ Ủy vẫn tổ chức đá bóng. Đông đảo thanh niên trong vùng tự do và vùng địch tạm chiếm, cả những cầu thủ danh tiếng bị kẹt trong thành cũng vượt vòng vây ra thi đấu.

- Hoạt động TDTT ở Liên khu 5

Trong kháng chiến chống Pháp, một phần do súng đạn còn hạn chế, các võ sư và nhân dân Bình Định đã tận dụng cả vũ khí thô sơ để chống giặc: gậy tầm vong vạt nhọn, giáo mác, cung kiếm; nổi tiếng nhất là bài kiếm 12 gồm 12 động tác. Bài kiếm này được võ sư Bình Định Hà Trọng Sơn dày công nghiên cứu, biên soạn và được phổ biến rộng rãi từ năm 1948. Đầu tiên, bài võ được đưa vào các thao trường để huấn luyện nhân viên của Ban Dân quân từ tỉnh đến cấp huyện. Sau đó các nhân viên này về truyền thụ cho Ban Dân quân xã, cho các xã hội.

- Hoạt động TDTT ở Chiến khu Đ - Liên khu 7 Nam Bộ

Trong vòng vây của kẻ thù, Chiến khu Đ vẫn hoạt động và phát triển nhiều mặt văn hóa, văn nghệ, TDTT, tự khẳng định khả năng phòng vệ để lập nhiều chiến công trong chiến đấu chống giặc Pháp.

Vào những năm 1950, tại Chiến khu Đ cũng diễn ra một trận đấu khó quên với đủ mặt các danh thủ của đội tuyển Nam Kỳ A và B với đội học sinh Nam Kỳ. Sân bóng là cánh đồng không xa đôn giặc Tây nên đang đá bóng vẫn nghe tiếng súng Tây đi càn nỏ giòn tan. Khán giả là dân chiến khu, nên di chuyển cũng rất nhanh, số ham mê bóng đá vẫn không sợ tiếng súng, tiếp tục nán lại để xem.

4. Võ cổ truyền Việt Nam thời kỳ kháng chống Pháp

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, ngay từ những buổi đầu của cuộc chiến đấu, các võ sư môn phái Nam Hồng Sơn như Nguyễn Xuân Khôi, Nguyễn Văn Tị đã dạy cho bộ đội ở Chiến Khu Đ tập võ kết hợp với đâm lê, tăng cường khả năng chiến đấu đánh giáp lá cà.

Bình Định là một địa danh quen thuộc của cả nước, là miền đất võ gắn chặt với sự nghiệp của nhà Nguyễn - Tây Sơn.

Cũng trong thời kỳ này, tại Bình Định, từ võ nhà chùa mà các đoàn Vệ quốc quân ở Bình Định tập cả quyền và võ binh khí, đặc biệt hoàn thiện kỹ thuật đánh bằng mã tấu, đã lập được nhiều chiến công oanh liệt làm cho giặc Pháp phải khiếp sợ.

Võ ở Nam Bộ hội nhập đủ các nguồn, trước hết là võ Bình Định và võ Tàu. Ngoài ra còn có võ Thanh Nghệ và võ Bắc Bộ. Do có sự pha trộn của các môn phái, nên võ Nam Bộ được cải tiến cho thích hợp với hoàn cảnh sống và chiến đấu.

Ở phía Bắc, chi phái Thiếu Lâm Tự do võ sư Vũ Danh Vọng khởi sướng từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông tham gia thành lập Liên đoàn Võ sĩ Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh tại Hà Nội vào năm 1946.

III. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC

1. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, các hoạt động TDTT ở vùng chiến khu cách mạng đã chuyển hướng kịp thời phục vụ kháng chiến.

2. Tính chất quần chúng trong TDTT được chỉ đạo nhất quán suốt cuộc kháng chiến. Trong điều kiện chiến tranh gian khổ và thiếu thốn, song người dân vẫn có thể tập bất cứ lúc nào rảnh rỗi hay trong công việc.

3. Trong kháng chiến chống Pháp, có hàng loạt phong trào thi đua yêu nước, có sự tham gia của TDTT.

4. Chúng ta đã khéo kết hợp hoạt động thể thao với hoạt động thể dục trong thời kỳ kháng chiến, các giải thi đấu vẫn được tổ chức, tại Chiến khu vào buổi sáng hay chiều tối, tránh sự theo dõi, kiểm soát của địch.

5. Các cán bộ, VDV, những người làm công tác TDTT mới được đào tạo hay được đào tạo dưới chế độ cũ đề trưởng thành trong cuộc kháng chiến, trở thành những cán bộ cốt cán, tiếp tục phát triển sự nghiệp của TDTT trong giai đoạn cách mạng mới.

3.1.1.3. Phần thông tin khoa học liên quan của các nhà khoa học

Tháng 3-1959 đến nói chuyện tại Hội nghị Cán bộ công đoàn toàn quốc (miền Bắc), Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: “Chúng ta phải quý trọng con người”. Tư tưởng quý trọng con người của Bác đã nảy nở và hình thành từ rất sớm. Mùa Xuân năm 1941, sau 30 năm từ nước ngoài về đến Cao Bằng, hoạt động bí mật trong điều kiện cực kỳ ngặt nghèo, Bác không những duy trì việc tập luyện cho riêng mình mà còn nung nấu làm sao cho mọi người cùng được tập luyện, đừng giữ gìn tăng cường sức khỏe. Trong cương lĩnh lịch sử của Mặt trận Việt Minh do Bác khởi thảo xác định rõ mục đích của thể dục thể thao là hướng tới phục vụ CON NGƯỜI. Bản cương lĩnh viết “*Cần phải khuyến khích và giúp đỡ nền thể dục thể thao quốc dân làm cho nòi giống thêm khỏe mạnh*”.

Quý trọng con người là một trong những đức tính cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại hiếm có người sánh bằng. Sự quý trọng con người, coi con người là vốn quý nhất của Bác. Người nói “*Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm no áo mặc, ai cũng được học hành*”.

Tháng 7-1955 đến nói chuyện tại Hội nghị sản xuất miền Bắc, Bác Hồ dạy rằng: “Nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi... Vì vậy, cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới đều phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân”.

Từ năm 1920, tại đại hội Tua (Pháp), trong phát biểu của mình, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã phản đối kịch liệt mọi hành động vi phạm đến con người. Người cực lực lên án thực dân Pháp đối xử vô cùng tàn nhẫn với nhân dân Đông Dương, nhân dân các nước thuộc địa hồi đầu thế kỷ 20.

Lòng quý trọng con người của Bác xuất phát từ nguyên lý con người làm nên tất cả. Con người cải tạo xã hội, cải tạo thiên nhiên. Đó là con người lao động, là trí thức, công nhân, nông dân, bộ đội, thanh thiếu niên, học sinh-sinh viên.

Tháng 3-1960, đến dự Đại hội Thi đua miền Bắc, Người dạy: “Thi đua làm ra sản phẩm nhiều-nhanh-tốt-rẻ phải đi đôi với đảm bảo an toàn lao động, phải biết quý trọng con người!”. Ngày 31-3-1960, gửi thư cho Hội nghị Cán bộ Thể dục thể thao toàn miền Bắc, Bác chỉ rõ yếu tố con người: “*Muốn lao động sản xuất tốt, công tác và học tập tốt thì cần có sức khỏe. Muốn giữ sức khỏe thì nên thường xuyên tập thể dục thể thao...*”.

Trong báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9-1960) khẳng định: “Con người là vốn quý nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe của con người là mục tiêu cao quý của các ngành Y tế và Thể dục thể thao dưới chế độ ta”. (*Văn kiện Đại hội Đảng tập 1, trang 77, Nxb Sự thật, Hà Nội*).

Trước khi đi xa, Người viết di chúc căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”. Từ lúc bốn ba hải ngoại đến khi là lãnh tụ tối cao của dân tộc, là chủ tịch đứng đầu Nhà nước công nông lãnh đạo toàn dân làm hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, đến đâu Bác cũng nhắc nhở cán bộ, nhân dân “Quý trọng con người, giữ gìn sức khỏe”.

Nêu một số thí dụ trên, để chúng ta nhìn nhận rõ ràng hơn việc nghiên cứu, học tập lý tưởng, quan điểm thể dục thể thao của Bác. Trước hết là cùng nghiên cứu thấy được ở Bác sự quý trọng con người một cách thiết tha. Lòng thương yêu con người của Bác là kết tinh tinh hoa của truyền thống đạo lý dân tộc Việt Nam, của chủ nghĩa nhân văn khoa học. Trên cơ sở thấu

hiểu đặc điểm lớn này của Bác, chúng ta mới có thể nghiên cứu có kết quả những lời dạy của Bác và học tập gương rèn luyện thể dục thể thao để có sức khỏe, đảm bảo phục vụ cách mạng, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh hùng cường.

3.2.1.4 Phân hướng dẫn mở rộng

* Hệ thống câu hỏi và gợi ý làm bài tập

Câu 1: Phân tích hoạt động TDTT ở các vùng tự do thời kháng chiến chống thực dân Pháp?

Câu 2: Trình bày TDTT thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954)?

* Gợi ý trả lời

Câu 1: Câu trả lời phải đảm bảo những kiến thức sau:

- Tám gương rèn luyện thân thể của Bác Hồ tại Chiến khu Việt Bắc
- Hình thành đội ngũ cán bộ TDTT kháng chiến
- Hoạt động TDTT ở các vùng tự do kháng chiến toàn quốc
- Hoạt động TDTT ở Liên khu 3
- Hoạt động TDTT ở Liên khu 4
- Võ cổ truyền Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp
- Hoạt động TDTT ở Chiến khu Đ - Liên khu 7 Nam Bộ
- Hoạt động TDTT ở Liên khu 5

Câu 2: Câu trả lời phải đảm bảo những kiến thức sau:

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh khai sinh nền TDTT của chế độ mới
4. Ngành TDTT đi và cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược
3. Nội dung hoạt động hợp thành phong trào “Khỏe vì Nước”

2. Triển khai xây dựng tổ chức quản lý nhà nước và điều hành TDTT

* Gợi ý tài liệu học tập cho SV

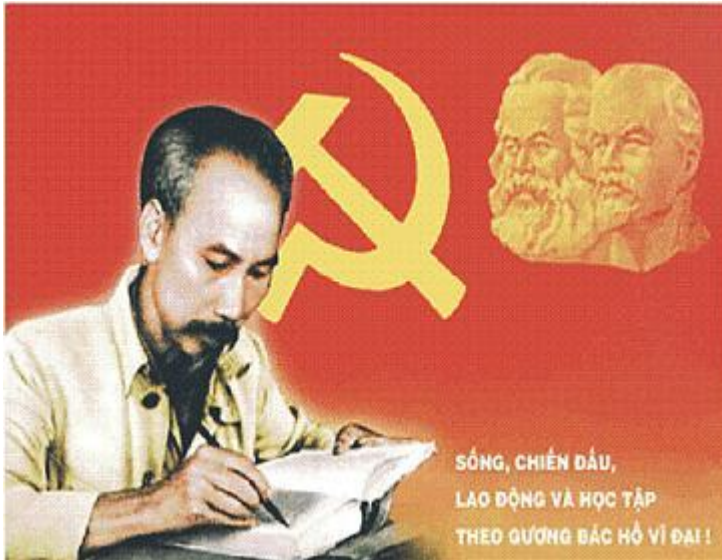
1. Văn An – Lý Gia Thanh (1995), 100 năm Thế vận hội Olympic Nxb Thanh niên.

2. Nguyễn Văn Hiếu & ctg (2007), Sơ thảo Lịch sử TDTT Việt Nam.

3. Lê Thiết Can (2008), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.

4. Nguyễn Thiết Tình (2006), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TĐTT.
5. Nguyễn Xuân Sinh (2000), Lịch sử TĐTT, Nxb TĐTT.
6. Mai Văn Môn Và các thành viên (1999), Olympic học Nxb TĐTT

3.2.1.5. phụ lục



“Dân cường thì nước thịnh” : quan điểm cơ bản nhất

Nói về mục tiêu thì dân cường và nước thịnh là hai mục tiêu cao quý của chế độ mới. Hai mục tiêu này không những có quan hệ với nhau mà còn có quan hệ bản chất với mục tiêu dân giàu nước mạnh, chúng đều đem lại hạnh phúc cho con người, cho dân tộc Việt Nam. Quan điểm “Dân cường thì nước thịnh” quy định tất cả các quan điểm khác của Hồ Chí Minh, hướng TĐTT phục vụ đặc lực các mục tiêu dân cường, nước thịnh.

Dân cường làm nên nước thịnh. Điều này có nghĩa sức khỏe của nhân dân là một trong những nhân tố to lớn quyết định sự phát triển đất nước đi tới “Dân giàu nước mạnh”. Do đó, TĐTT phục vụ đặc lực sức khỏe nhân dân cũng đồng thời góp phần phục vụ công cuộc chấn hưng đất nước.

Bởi vậy, các quan điểm khác của Hồ Chí Minh đều nhất quán sự định hướng TĐTT phát triển mạnh vì sức khỏe của nhân dân. Thông qua phục vụ sức khỏe nhân dân, phục vụ sức khỏe cho mọi người, TĐTT góp phần phục vụ tất cả các hoạt động phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục... tức là phục vụ sự nghiệp phấn đấu cho mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh”.

Từ đó, tất cả các quan điểm khác về TDTT của Hồ Chí Minh đều được quy tụ: TDTT vì dân cường, nước thịnh.

Quan điểm Hồ Chí Minh về phát triển TDTT quần chúng

Theo từ điển tiếng Việt, quần chúng là mọi người trong xã hội. Như vậy TDTT quần chúng chính là TDTT cho mọi người, mọi nguồn nhân lực.

Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: “Dưới chế độ dân chủ, Thể thao và Thể dục phải trở thành hoạt động chung của quần chúng, nhằm mục đích làm tăng cường sức khoẻ của nhân dân. Nhân dân có sức khoẻ thì mọi công việc đều làm được tốt.” Người khuyến khích “Vậy nên luyện tập Thể dục, bồi bổ sức khoẻ là bổn phận của mỗi một người dân yêu nước”. Từ đó Hồ Chí Minh chủ trương “Chúng ta nên phát triển phong trào TDTT rộng khắp”. Đó là những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về TDTT quần chúng, thể thao cho mọi người.

Thế hệ trẻ là một bộ phận rất đông đảo của quần chúng nhân dân. Giáo dục thể chất và thể thao là một thành phần rất cơ bản, nền tảng của TDTT quần chúng. Hồ Chí Minh rất coi trọng TDTT đối với thế hệ trẻ.

Về giáo dục thể chất tuổi trẻ học đường, Hồ Chí Minh xác định là một bộ phận quan trọng của nền giáo dục quốc dân của nước Việt Nam độc lập và dân chủ: “Một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”. Từ quan điểm đó, sau này Hồ Chí Minh đã chỉ ra một cách cụ thể về giáo dục nói chung và giáo dục thể chất nói riêng, giáo dục toàn diện đó là “Thể dục kết hợp với gìn giữ vệ sinh chung và riêng, trí dục, mỹ dục, đức dục”. Bốn mặt giáo dục đó có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó Thể dục là tiền đề đầu tiên để phát triển các mặt giáo dục khác. Kể cả học viên trong nhà trường quân đội cũng vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập giáo dục thể chất lên trước hết: “Các cháu phải ra sức thi đua: Luyện tập thân thể cho mạnh mẽ, nghiên cứu kỹ thuật cho thông thạo, trau dồi tinh thần cho vững chắc, hun đúc đạo đức của người quân nhân cách mạng cho vững vàng”.

Về giáo dục thể chất cho thanh niên đang tham gia mọi hoạt động trong mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy bảo tuổi trẻ thanh niên rằng: “Thanh niên phải rèn luyện TDTT vì thanh niên là tương lai của đất nước”. Ngoài các mặt học tập và rèn luyện khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên phải tích cực rèn luyện thể chất “Phải giữ vững đạo đức cách mạng. Phải xung phong trong mọi công tác. Phải học tập chính trị, văn hoá, nghề nghiệp để tiến bộ mãi. Phải rèn luyện thân thể cho khoẻ mạnh. Khỏe mạnh thì mới đủ sức tham gia một cách dẻo dai, bền bỉ những công việc ích nước lợi dân”.

Trong quần chúng, có một bộ phận rất lớn, rất quan trọng, đó là nguồn nhân lực đang và sẽ tham gia thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh”. Nguồn lực con người như nông dân, công nhân, chuyên viên kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, văn nghệ sỹ... là trung tâm của sự phát triển. Nguồn nhân lực này không chỉ cần đông đảo mà đòi hỏi phải có chất lượng cao. Một trong những yếu tố cơ bản cấu thành chất lượng cao của nguồn nhân lực là sức khoẻ của mỗi con người. Hồ Chí Minh rất coi trọng sức khoẻ của nguồn nhân lực này. Để giữ gìn và tăng cường sức khoẻ cho họ, Hồ Chí Minh khuyên bảo họ tích cực tập TDTT. Người viết “muốn lao động sản xuất tốt, công tác và học tập tốt thì cần có sức khoẻ. Muốn giữ sức khoẻ thì nên thường xuyên tập TDTT.” Từ quan điểm này, Người chủ trương phát triển TDTT khắp mọi miền, mọi vùng của đất nước.

Quan điểm Hồ Chí Minh về TDTT trong lực lượng vũ trang

Hồ Chí Minh rất quan tâm tới TDTT trong cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang. Lực lượng này khá đông đảo, họ trực tiếp chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ an ninh xã hội. Do đó, họ phải có thể lực tốt.

Trước và sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong kháng chiến và sau kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, nhiều lần Hồ Chí Minh trực tiếp nói chuyện, chỉ bảo, khuyến khích các cán bộ, chiến sỹ quân đội, tự vệ tập luyện TDTT. Người còn hướng dẫn, sửa chữa những động tác sai trong khi tập Thể dục, luyện Võ thuật cho nhiều cán bộ chiến sỹ quân đội. Tám

gương rèn luyện thân thể được các đoàn quân trên đường hành quân ra chiến trường noi theo: “Ngọn Tây Phong Lĩnh Bắc trào; Đễ nay có núi có đèo con qua”.

Hồ Chí Minh chủ trương: “Đẩy mạnh phong trào TDTT trong quân đội, làm cho quân đội chúng ta có thể chất khỏe, tinh thần khỏe để làm tròn mọi nhiệm vụ”. Chủ trương này thể hiện một quan điểm sâu sắc của Hồ Chí Minh về sức khỏe thể chất và tinh thần đối với cán bộ, chiến sỹ quân đội là nhân tố có tính quyết định làm tròn mọi nhiệm vụ. Để có được sức khỏe cả thể chất lẫn tinh thần, cán bộ chiến sỹ phải tập luyện TDTT.

Quan điểm Hồ Chí Minh về thể thao thành tích cao

TDTT quần chúng là nền tảng xã hội của thể thao thành tích cao, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới thể thao thành tích cao. Nhưng theo Người, thể thao thành tích cao phát triển trên cơ sở TDTT quần chúng. Hồ Chí Minh từng lưu ý rằng, phát triển thể thao thành tích cao vừa phấn đấu giành “vinh quang của dân tộc về mặt thể thao” vừa thúc đẩy TDTT quần chúng vì sức khỏe cho mọi người dân.

TDTT quần chúng phải được phát triển phong phú đó là sự đa dạng các loại hình, sâu rộng các địa bàn và hầu hết các đối tượng tập luyện. Tính phong phú đó là nền tảng của thể thao thành tích cao. Đồng thời thể thao thành tích cao phát triển mạnh cũng thể hiện tính phong phú của nó về cả loại hình, đối tượng, địa bàn. Trong thư chúc mừng Đại hội thể thao GANEFO châu Á lần thứ nhất, tổ chức vào cuối năm 1966 ở Campuchia, Hồ Chí Minh viết: “Đây là cuộc gặp gỡ lớn để các lực lượng mới trỗi dậy ở châu Á, tỏ rõ cho toàn thế giới thấy khả năng phong phú của mình trong lĩnh vực thể thao”. Quan điểm này còn có nghĩa rằng, thể thao của các lực lượng mới trỗi dậy ở châu Á với khả năng phát triển mạnh mẽ cả về TDTT quần chúng và thể thao thành tích cao.

TDTT quần chúng mà nổi bật là thể thao trong các trường học, trong lực lượng vũ trang phát triển mạnh, đạt được nhiều thành tích trong thi đấu quốc gia, quốc tế, đó là điều kiện tất yếu, thường xuyên để phát triển thể thao thành

tích cao của nước nhà, vươn tới tầm vóc khu vực, châu lục và thế giới. Bởi vậy, cần phải quan tâm tới mọi điều kiện phát triển thể thao quần chúng, nhất là thể thao thể hệ trẻ. Hồ Chí Minh dạy rằng: “Tuổi trẻ là tương lai của đất nước và của thể thao nước nhà, các cháu phải có đầy đủ phương tiện tập luyện để nâng cao thể lực”.

Phát huy tinh thần dân tộc trong lĩnh vực thể thao

Năm 1922 ở Pháp, Hồ Chí Minh đã từng đề cập đến lòng tự hào dân tộc. Người khuyến khích phát triển thể thao thành tích cao, khuyến khích các đấu trường thể thao nhằm phát huy tinh thần dân tộc và rèn luyện thể lực cho thế hệ trẻ.

Hồ Chí Minh chỉ ra cho thể thao Việt Nam rằng: “Phong trào và thành tích thể thao của thế giới phát triển mạnh, Việt Nam ta hãy cố gắng tiến kịp”. Người mong muốn ở đây là thể thao thành tích cao của Việt Nam phải được phát triển mạnh mẽ, tiến tới giành được những thành tích tốt, những tấm huy chương cao quý trên các đấu trường quốc tế “bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm Châu”.

Cuối năm 1966, đoàn Thể thao Việt Nam tham dự Đại hội thể thao GANEFO lần thứ nhất tổ chức tại Campuchia giành được thành tích tốt. Ngay sau khi về nước được Bác Hồ tiếp, Người rất vui bởi vì thể thao Việt Nam đã phát huy cao tinh thần dân tộc, giành vinh quang về cho đất nước, nhân dân. Hồ Chí Minh khen ngợi các VĐV rằng: “Tất cả các cháu giành được huy chương, nhiều cháu giành được HCV, thế là rất tốt” Người căn dặn các VĐV: “Các cháu hãy cố gắng nhiều hơn nữa để xứng đáng là những VĐV của dân tộc Việt Nam anh hùng”. Quan điểm này nói lên rằng, dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, phải có những VĐV tài năng, phát huy cao độ tinh thần dân tộc giành “vinh quang cho dân tộc về mặt thể thao”.

Quan điểm đạo đức nhân văn trong thể thao thành tích cao

Hồ Chí Minh rất coi trọng những giá trị đạo đức và nhân văn trong thể thao thành tích cao. Hồ Chí Minh “là người chống lại mọi thứ bạo lực” trong thể thao, vì có hại đến sức khỏe, sinh mệnh của VĐV. Người nhắc nhở VĐV

Việt Nam rằng “Các cháu đừng vì thắng lợi mà kiêu căng, tự mãn” và căn dặn “các cháu luôn luôn nhớ phải khiêm tốn học tập cái hay, cái giỏi của các bạn. Trong thi đấu thắng không kiêu, bại không nản, thế mới là VĐV tốt”.

Đấu trường thể thao còn được Hồ Chí Minh ghi nhận là dịp để tăng cường sự bình đẳng dân tộc, chủng tộc và đoàn kết giữa các dân tộc với nhau, hiểu biết lẫn nhau.

Quan điểm Hồ Chí Minh về vị trí của công tác TDTT và nhiệm vụ của người cán bộ trong lĩnh vực này

Vị trí của công tác TDTT được Hồ Chí Minh xác định là một công tác cách mạng. Đối với cán bộ TDTT có nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, ra sức công tác phục vụ nhân dân và đất nước. Hồ Chí Minh dạy rằng: “Cán bộ TDTT phải học tập chính trị, nghiên cứu nghiệp vụ và hăng hái công tác. Vì đó cũng là một công tác trong những công tác cách mạng khác”. Rõ ràng đây là một quan điểm của Hồ Chí Minh coi trọng công tác TDTT và coi trọng cán bộ TDTT.

Đó là những nét cơ bản trong 5 nội dung của các quan điểm cơ bản về TDTT của Hồ Chí Minh. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về TDTT có vai trò định hướng sự hình thành và phát triển nền TDTT của chế độ mới từ sau cách mạng tháng Tám 1945 cho đến ngày nay và cả mai sau. Đảng cộng sản Việt Nam vạch ra đường lối quan điểm TDTT, trong đó phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trên nhiều quan điểm về TDTT. Ngành TDTT đang từng bước thực hiện có kết quả tích cực đường lối quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về TDTT.

3.2.2. Bài 2: TDTT thời kỳ kháng chiến chống pháp và giai đoạn (1954 - 1975)

(4 tiết lên lớp của GV)

3.2.2.1. Phần mở đầu tiếp cận bài

Bối cảnh

Đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về TDTT

Xây dựng tổ chức, bộ máy TDTT

Phát triển phong trào TDTT quần chúng

Đào tạo VĐV, nâng cao thành tích thể thao

Các quan hệ quốc tế về TDTT

Đào tạo cán bộ, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất

Công tác thi đua, tuyên giáo, báo chí, xuất bản TDTT

Nhận định chung

3.2.3.2. Phần kiến thức căn bản

CHƯƠNG 3: TDTT Ở MIỀN BẮC (VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA) THỜI KỲ (1954 - 1975)

I. BỐI CẢNH

Có thể khái quát bối cảnh kinh tế - xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của phong trào TDTT ở miền bắc nước ta trong thời kỳ này như sau:

Thứ nhất, là từ năm 1954 đến năm 1975 đất nước ta còn bị chia cắt làm hai miền.

Thứ hai, miền Bắc vừa mới được hoàn toàn giải phóng còn đứng trước nhiều nhiệm vụ khó khăn và phức tạp để củng cố hòa bình, hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế, chống địch phá hoại,...

Thứ ba, là sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đặt cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh để thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Thứ tư, từ tháng 8 năm 1964, miền Bắc nước ta bước vào giai đoạn vừa

có hòa bình, vừa có chiến tranh, vừa sản xuất vừa chiến đấu bảo vệ miền Bắc, ủng hộ miền Nam.

Thứ năm, hệ thống xax hội chủ nghĩa thế giới phát triển mạnh mẽ, có tác dụng to lớn tới quá trình phát triển của thế giới. Cuộc đấu tranh của các nước Á, Phi, Mỹ La tinh diễn ra rất mạnh mẽ. Đây cũng là thời kỳ bắt đầu nảy sinh và phát triển ngày càng sâu sắc những bất đồng trong nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa, tác động tiêu cực đến phong trào cách mạng thế giới. Thời kỳ này cũng là đỉnh cao của cuộc chiến tranh lạnh và cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai phe trên mọi lĩnh vực.

Trong 21 năm đó, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, sự tham gia rộng rãi của nhân dân, công tác TDTT đã luôn luôn bám sát và phục vụ các nhiệm vụ trong từng giai đoạn, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của cách mạng cả nước.

II. ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ TDTT

Từ sau năm 1954, cải tạo nền TDTT cũ, xây dựng nền TDTT mới là một bộ phận của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về văn hóa ở miền Bắc nước ta. Những vấn đề chủ yếu thuộc quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về TDTT trong thời kỳ này tập trung ở một số điểm sau:

Thứ nhất, là khẳng định vị trí quan trọng không thể thiếu được của công tác TDTT trong sự nghiệp cách mạng.

Thứ hai, khẳng định công tác TDTT phải xuất phát từ nhu cầu về sức khỏe và hạnh phúc của con người - nguồn vốn quý nhất của chế độ ta.

Thứ ba, là xác định những nét cơ bản của nền TDTT mới ở nước ta, một nền TDTT phải mang tính quần chúng, tính dân tộc và tính khoa học.

Thứ tư, là xác định yêu cầu kiện toàn, củng cố và từng bước mở rộng vững chắc hệ thống tổ chức TDTT, bao gồm tổ chức nhà nước và tổ chức xã hội do quần chúng tự quản; đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ TDTT.

Thứ năm, là khẳng định trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể và bản phận của mỗi người dân trong công tác TDTT.

III. XÂY DỰNG TỔ CHỨC, BỘ MÁY TDTT

- Từ 1954 đến 1956, ở miền Bắc chưa có cơ quan chuyên trách TDTT.
- Tháng 6/1956, Chính phủ quyết định thành lập Ban TDTT trung ương và quyết định thành lập cơ quan TDTT ở thành phố và tỉnh, trực thuộc UBHC cùng cấp.
- Ngày 6/1/1960, Ban TDTT trung ương được đổi thành ủy ban TDTT trực thuộc Hội đồng Chính phủ.
- Đầu năm 1971, ủy ban TDTT được chuyển thành Tổng cục TDTT.
- Ngoài việc tăng cường cơ quan nhà nước về TDTT, từ 1959, một số hội và hội đồng TDTT được thành lập.

IV. PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO TDTT QUẦN CHÚNG

1. Các cuộc vận động TDTT đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại năm 1954

Sau năm 1954, mặc dù còn nhiều khó khăn, phức tạp, nhiều hoạt động TDTT đã được khắc phục. Mở đầu là các hoạt động TDTT chào mừng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ, hưởng ứng “Ngày mừng Hồ Chủ tịch và Chính phủ về Thủ đô”. Tiếp theo là các giải “Hòa Bình” (1955), “Thống nhất” (1956) về nhiều môn thể thao, các cuộc thi đấu điền kinh, xe đạp, bơi, bóng bàn, quyền Anh, quần vợt... hưởng ứng Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới Vácxôvi (1955), Matxcova (1957); chào mừng kỉ niệm Tổng khởi nghĩa 19/8 và Quốc khánh 2/9 (1955); chào mừng “Đại hội Thanh niên toàn quốc” (1956)... Các cuộc vận động rèn luyện thân thể mùa Xuân và Thu Đông (1957).

1958, có nhiều sự kiện quan trọng: Ban Bí thư ra Chỉ thị số 106-CT/TW về công tác TDTT; Cuộc vận động RLTT Thu-Đông Xuân 1958-1959; giải Việt dã “Tiền Phong”; thi điền kinh toàn miền Bắc; thi bơi vượt sông Hồng, giải bóng đá hạng A, giải vô địch quyền anh, điền kinh... xây dựng lại sân vận động Hàng Đay; các chuyên gia TDTT Liên Xô đầu tiên làm việc tại Việt Nam; đoàn thể thao QĐND Việt Nam dự Đại hội thể thao quân đội các nước hữu nghị tại Lepzich, Đoàn Bóng bàn Việt Nam thi đấu tại Triều Tiên.

Đến năm 1959, phong trào TDTT đã phát triển khá rộng song chủ yếu là trong học sinh và quân đội. Trình độ kỹ thuật về nhiều môn còn kém. Cơ quan phụ trách TDTT ở nhiều tỉnh còn quá yếu...

2. Phong trào thể dục, vệ sinh

Phong trào thể dục, vệ sinh được hình thành từ năm 1959, năm 1960 được Trung ương Đảng, Chính phủ chỉ đạo rất sát sao, Ban vận động được thành lập ở các cấp, phong trào phát triển khá rộng. Hội nghị thể dục, vệ sinh toàn miền Bắc đầu năm 1962 đã công nhận 2 lá cờ đầu của phong trào là xã Hồng Phong và xã Thạnh Giám. Phong trào thể dục, vệ sinh đã được đánh giá là một

phong trào rộng lớn, có tính sáng tạo, một bộ phận của cuộc cách mạng tư tưởng, văn hóa.

Phong trào TDTT ở nông thôn và miền núi

Phong trào TDTT ở nông thôn bắt đầu được quan tâm chỉ đạo tích cực từ sau khi có Chỉ thị 181-CT/TW, ngày 31/1/1960, của Ban Bí thư. Dựa vào cuộc vận động TD, YS yêu nước và việc mở rộng kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp, phong trào TDTT ở nông thôn đã phát triển từ thể dục sáng, thể dục sản xuất, RLTT theo tiêu chuẩn, đến các môn bóng đá, bóng chuyền, bơi, bóng bàn, điền kinh, thể dục quân sự, thể dục quốc phòng... Từ 1961, đã xuất hiện nhiều xã dẫn đầu về TDTT ở các địa phương.

Đến năm 1960, *phong trào TDTT ở miền núi* còn yếu. Từ sau 1964-1965, các phong trào thể dục, 5 môn chạy, nhảy, bơi, bắn, võ phát triển rộng trong thanh niên, dân quân, học sinh từ trung du đến vùng núi cao biên giới; nhiều tỉnh miền núi đã xây dựng được những điển hình xuất sắc; các đại hội điền kinh, bắn súng, 5 môn chạy, nhảy, bơi, bắn, võ dành riêng cho miền núi đã thúc đẩy phong trào và nêu một số thành tích đáng chú ý. Năm 1968, ngành TDTT đã tổng kết và rút ra một số kinh nghiệm chỉ đạo phát triển TDTT miền núi.

Khôi phục và phát triển thể thao dân tộc là một chủ trương lớn của công tác TDTT theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 8

(khóa III). Từ sau Hội diễn Thể thao dân tộc toàn miền Bắc cuối năm 1961, việc khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc đã được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Các chủ trương “bước đầu phát triển *võ thể dục*” (1966), phát động cuộc vận động “Mùa Xuân thương võ” (1969), đã thúc đẩy phát triển các hoạt động TDTT dân tộc phục vụ sản xuất và chiến đấu. Từ sau hiệp định Paris 1973, nhiều hoạt động TDTT được khôi phục.

3. Chế độ “Rèn luyện thân thể để sẵn sàng lao động và bảo vệ Tổ quốc”

Phong trào rèn luyện thân thể (RLTT) theo tiêu chuẩn được bắt đầu từ 1957, đến năm 1962 trở thành “Chế độ RLTT để sẵn sàng lao động và bảo vệ Tổ quốc” (gọi tắt là “Chế độ RLTT theo tiêu chuẩn”), một cuộc vận động lớn về TDTT, là cơ sở để xây dựng các chương trình, các tiêu chuẩn cũng như phương pháp tập luyện của cả hệ thống TDTT và giáo dục thể chất ở nước ta.

Năm 1971, theo Chỉ thị 180-CT/TW của Ban Bí thư, thể dục và RLTT theo tiêu chuẩn được coi là nội dung chủ yếu của phong trào TDTT; vấn đề cải tiến tiêu chuẩn RLTT đã được tiến hành vào năm 1975, tiêu chuẩn RLTT mới áp dụng cho học sinh phổ thông đã được ban hành.

4. Thể thao quốc phòng

Các môn thể thao ứng dụng quân sự quốc phòng Đến cuối năm 1958, thể thao quốc phòng mới phát triển ở 9/33 tỉnh, thành và hai đơn vị là Tổng cục Đường sắt và Cảng Hải Phòng. Từ 1960, phong trào thể thao quốc phòng phát triển nhanh. Đến 1961, tất cả các tỉnh, thành phố, khu vực tự trị đã có các cơ sở huấn luyện bắn súng, số người tham gia từ 10 vạn người cuối năm 1960 lên 30 vạn người năm 1961. Năm 1964, hình thành 4 môn thể thao quốc phòng (gồm bắn súng phổ thông, chạy vũ trang, bơi vũ trang, ném lựu đạn). Từ 5/8/1964, phong trào TTQP trên miền Bắc đã dấy lên với một khí thế mới, trực tiếp góp phần chống Mỹ, cứu nước. Từ 1965, phong trào 5 môn (chạy, nhảy, bơi, bắn, võ) phát triển khá mạnh, trở thành biện pháp quan trọng góp phần rèn luyện toàn diện cho thanh niên về ý chí, thể lực và kỹ năng vận động để sẵn sàng lao động và bảo vệ Tổ quốc.

Các môn thể thao kỹ thuật

Năm 1959, CLB Thể thao hàng không đầu tiên được xây dựng tại Trường bay Cát Bi; Hội Thể thao quốc phòng Tiệp Khắc đã giúp ta đào tạo 19 huấn luyện viên lái tàu lượn, lái máy bay thể thao và nhảy dù. Năm 1962, lớp huấn luyện đầu tiên với gần 50 học viên các môn trên được mở tại Hà Nội. Từ 1962, đã có nhiều cuộc thi lái máy bay nhào lộn, thi mô hình tàu lượn A2 toàn miền Bắc... Môn mô hình máy bay xây dựng từ năm 1960 đã gây cơ sở cho phong trào ở 21 tỉnh, thành với trên 3000 học sinh tham gia. Các môn thông tin vô tuyến điện và thể thao hàng hải được phát triển ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định từ năm 1961. Các môn thể thao kỹ thuật chỉ được phát triển đến năm 1969. Sau đó, do hoàn cảnh chiến tranh và những lý do khác nên không được duy trì.

5. Chuyển hướng hoạt động TDTT phục vụ công cuộc chống Mỹ, cứu nước

Tháng 6/1965, Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc với quy mô lớn, cả nước bước vào thời kỳ có chiến tranh với mức độ khác nhau. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, mọi mặt hoạt động ở miền Bắc đã nhanh chóng chuyển hướng cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Một trong những hủ trương chuyển hướng quan trọng được Hội nghị toàn ngành TDTT đầu năm 1965 xác định là phát động phong trào “*chạy, bơi, bắn và võ dân tộc*” rộng rãi trong toàn dân nhằm thiết thực phục vụ sản xuất và chiến đấu⁹.

Cuối tháng 5/1965, Ủy ban TDTT ban hành *Điều lệ tạm thời về Cuộc vận động RLTT, thể thao quốc phòng chống Mỹ, cứu nước* và tiêu chuẩn tập luyện các môn chạy, bơi, bắn và võ dân tộc. Ngày 7/1/1966, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 05-TTg/VG về việc tăng cường lãnh đạo công tác TDTT trong tình hình mới.

Sau gần 2 năm phát động phong trào, việc tổ chức thi đấu 5 môn từ cơ sở đến

Các khu vực đã cơ bản hoàn thành. Tháng 10/1966 Ủy ban TDTT và

Trung ương Đoàn.

Các môn bắn súng, ném lựu đạn, chạy vượt chướng ngại vật đã được coi là nội dung tập luyện TTQP từ 1957, khi có chủ chương phát triển thể thao quốc phòng theo tinh thần Nghị quyết lần thứ 12 (3/1957) của Trung ương Đảng. Đến năm 1964, mới xuất hiện phong trào 4 môn chạy, bơi, bắn, võ. Năm 1966 chuyển thành 5 môn chạy, nhảy, bơi, bắn, võ, theo tinh thần Chỉ thị 05, ngày 7/1/1966, của Thủ tướng Chính phủ.

TNLD Việt Nam đã quyết định tổ chức *Đại hội thi đấu chạy, nhảy, bơi, bắn, võ chống Mỹ, cứu nước* toàn miền Bắc, để thúc đẩy phong trào tập luyện và thi đấu 5 môn ở các ngành và địa phương.

Các đại hội thi đấu chạy, nhảy, bơi, bắn, võ tiếp theo được phần lớn tổ chức theo khu vực và được nhiều địa phương tích cực hưởng ứng.

6. Tập trung chỉ đạo phong trào TDTT ở cơ sở

Năm 1969, trong chỉ đạo phong trào TDTT cổ những biểu hiện lệch lạc; bộ máy của ngành TDTT bộc lộ những yếu kém, mất đoàn kết. Sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ tiến hành kiểm tra, cơ quan Ủy ban TDTT đã được củng cố và tăng cường cán bộ. Cuộc vận động “Rèn luyện thân thể, tích cực lao động, sẵn sàng chiến đấu” được phát động. Ngày 26/8/1970, Ban Bí thư ra Chỉ thị 180-CT/TW “để tăng cường công tác TDTT trong những năm tới”. Phương châm “Tập trung sức phục vụ phong trào cơ sở” được nhấn mạnh.

Đầu năm 1971, nhiều tỉnh, thành phố tổ chức trọng thể lễ phát động phong trào “*Khỏe để sản xuất và chiến đấu*”. Giữa năm 1971, nhiều địa phương đã bắt đầu phổ biến thể dục sản xuất; thể dục phòng chống cong vẹo cột sống; mở rộng thi đấu ở cơ sở; vận động quần chúng tự làm phương tiện, sân bãi, hồ bơi đơn giản, phát triển sân tập nhỏ, góc thể dục... Một số nơi đã hướng dẫn tập thể dục khởi động trước lúc ra đồng, xuống ruộng, chống mệt mỏi giữa lúc cày, cấy, gặt...

21/5/1970, Ủy ban TDTT phát động phong trào bơi lội bảo vệ đê điều, chống bão lụt, phục vụ lao động sản xuất.

7. Chuyển hướng công tác TDTT thời chiến lần thứ hai

Cuối năm 1971, Mỹ ném bom, bắn phá trở lại miền Bắc, tập kích bằng máy bay B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng suốt 12 ngày cuối tháng 12/1972. Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 187-TTg, ngày 28/6/1972, về chuyển hướng công tác TDTT trong tình hình mới.

Ngay trong lúc chiến tranh ác liệt năm 1972, ngành TDTT vẫn tiếp tục chỉ đạo xây dựng những đơn vị tiên tiến, phát triển 5 môn, nhất là chạy, bơi, bắn; nhiều vận động viên bơi, điền kinh được cử đi tập huấn dài hạn ở Nam Ninh, Trung Quốc. Cán bộ TDTT từ trung ương đến địa phương đã không ngại gian khổ, khó khăn, lội suối băng rừng, vượt qua những vùng đang bị địch bắn phá ác liệt để đến với cơ sở. Nhiều cầu thủ hạng A đã đi làm nhiệm vụ ở cơ sở.

Những thử thách quyết liệt của cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước đã làm nổi bật sức sống của nền TDTT cách mạng. Cơ quan TDTT Trung ương và hầu hết các địa phương đều sơ tán đến các vùng xa đô thị và đường giao thông quan trọng, nhưng vẫn duy trì hoạt động.

8. Khôi phục phong trào TDTT trong những năm 1973-1975

Ngày 27/1/1973 tại Paris, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập hòa bình ở Việt Nam được kí chính thức.

Nhiệm vụ công tác TDTT được đặt ra là “Nhanh chóng khôi phục và đẩy mạnh phong trào TDTT phát triển rộng rãi với chất lượng ngày càng cao, nhằm góp phần tích cực phục vụ sản xuất của nhân dân để xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.

Phong trào “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”

Ngành TDTT đã xác định phương hướng nhiệm vụ công tác TDTT năm 1973, tiếp tục thực hiện chủ trương “Rèn luyện cán bộ, củng cố tổ chức, đẩy mạnh phong trào”. Phát động phong trào TDTT yêu nước rộng rãi trong nhân dân lao động lấy tên là “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”

Phong trào chạy “núi liền Bắc-Nam”

Mở đầu phong trào “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, tháng 3/1973, Tổng cục TDTT và Trung ương Đoàn TNLD Hồ Chí Minh phát động

phong trào chạy “nối liền Bắc-Nam”, thu hút trên một triệu rưỡi người tham gia trong năm đầu và đến cuối 1975, cả miền Bắc có hai triệu rưỡi người tham gia.

Phong trào bơi được mở rộng qua các cuộc vận động “Toàn đơn vị biết bơi”, thi

bơi các xã điểm và xây dựng hồ bơi đơn giản. Đầu năm 1974, phong trào thi đua đạt danh hiệu “Toàn đơn vị biết bơi” được phát động và được đông đảo thanh niên hưởng ứng. Phong trào bơi lội lần r>hnr. VII sản xuất hẳn về đề đip.11 rhnơ bão lụt.

_ CLB sức khỏe ngoài trời

“CLB sức khỏe ngoài trời” là một hình thức tổ chức tập luyện TDTT rất thích

Kể từ 1954 chưa bao giờ phong trào tập chạy của tuổi trẻ miền Bắc lại sôi nổi và rộng khắp như vậy. *hợp của nhân dân ta, nhất là những người trung niên và cao tuổi, xuất hiện vào khoảng năm 1972 tại Hà Nội.*

Cuộc vận động Đại hội Khỏe 1974-1975

Hưởng ứng hai cuộc vận động⁷⁷ do Tổng cục TDTT phát động từ tháng 9/1974, đến cuối năm 1975, nhiều địa phương đã tổ chức Đại hội Khỏe mừng đại thắng của dân tộc. Do nhiều khó khăn, Đại hội Khỏe toàn miền Bắc đã không được tổ chức và Đại hội Khỏe Thủ đô tổ chức ngày 12/11/1975 trên sân vận động Hàng Đay đã đánh dấu sự kết thúc về cơ bản Đại hội Khỏe miền Bắc 1975.

10. Phong trào TDTT trong các lực lượng vũ trang

Phong trào TDTT trong quân đội nhân dân

Ngay từ năm 1945, Đoàn TDTT Quân đội đã được thành lập, góp phần xứng đáng vào việc phát động phong trào TDTT trong quân đội và trong nhân dân. Nhiều cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên ưu tú của quân đội

đã trở

thành cán bộ chủ chốt của Ban TDTT từ năm 1956. Nhiều đội TDTT Quân đội đã đạt thành tích xuất sắc trong các cuộc thi đấu trong nước và quốc tế. Từ 1957, Bộ Tổng tham mưu đã chỉ đạo huấn luyện về TDTT, lấy việc TDQS làm chính, để thiết thực phục vụ cho việc huấn luyện chiến đấu. Đại hội TDTT toàn quân vào cuối năm 1959 có hàng vạn chiến sĩ và dân quân tự vệ tham gia. Năm 1961, phong trào thi đua đạt danh hiệu “Đại đội TDTT giỏi” được phát động. Nhiều “Đại đội TDTT giỏi” đã trở thành đơn vị “ba nhất” và đơn vị tiên tiến của quân đội. Năm 1963, số cơ quan được công nhận danh hiệu “cơ quan có thể lực tốt” tăng 8 lần, “đại đội TDTT giỏi” tăng 3 lần.

Năm 1965, đã phát triển phong trào đi bộ mang vác vật nặng, chạy dai sức, chạy, mang vác vũ khí, đi bộ đeo ba lô đất, rèn luyện “chân đồng, vai sắt” để “sẵn sàng có lệnh là đi, có địch là đánh, đánh là phải thắng”.

1971-1975, các cuộc thi 3 môn thể dục quân sự và bắn súng toàn quân được tổ chức thường xuyên. Phong trào rèn luyện thân thể, Hội thao “Quyết thắng” toàn quân (1974); Hội thao toàn quân 3 môn quân sự phối hợp và Diệt dã (1975).

Cuộc vận động đẩy mạnh phong trào TDTT cơ sở, xây dựng các đơn vị tiên tiến, tiến đến Đại hội các đơn vị và cá nhân tiên tiến tổ chức vào năm 1975 từ cơ sở đến trung ương 2) Cuộc vận động quần chúng tập luyện TDTT để tham gia biểu diễn và thi đấu tại Đại hội Khỏe, cùng tổ chức vào năm 1975 từ cơ sở đến trung ương.

Phong trào TDTT trong Công an nhân dân.

Từ 1960, hằng năm Ban TDTT Bộ Công an đã tổ chức các cuộc thi đấu tranh giai vô địch toàn ngành về bắn súng, bóng đá, bóng chuyền, ..., đặc biệt là Giải Diệt dã. Cục phòng cháy chữa cháy Bộ Công an tổ chức thao diễn kỹ thuật gồm 6 môn thể thao nghiệp vụ và đội hình chữa cháy cơ bản. Năm 1972, ngành

Công an tiếp tục phát triển phong trào thể thao cơ sở, lấy các môn chạy,

nhảy, bơi, võ, đi bộ, bắn ... làm trọng tâm. Tỷ lệ người tập lên đến 90%. Phong trào chạy dài sức từ 3 đến 10km được phát triển ở một số địa phương, trường học và cơ quan Bộ. năm 1974, có 90% chiến sĩ công an lứa tuổi thanh niên tham gia RLTT theo 6 tiêu chuẩn thể lực quy định và chạy diệt dã, tiến tới Hội thao “ Vì an ninh nhân dân Tổ quốc”, tổ chức Hội nghị đơn vị và cá nhân tiên tiến trong phong trào TĐTT, xây dựng được một số vận động viên mạnh về các môn điền kinh, bơi, bóng chuyền, bóng đá, bắn súng, V.V..

11. Giáo dục thể chất trong trường học.

Giáo dục thể chất trong trường học.

Từ 1958, Bộ giáo dục đã chính thức đưa môn TĐTT vào giảng dạy nội khóa. Lúc đầu, chương trình giáo dục thể chất được xây dựng chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của Liên Xô và Trung Quốc. Từ năm 1964-1965, đã tiến hành nghiên cứu, biên soạn chương trình giáo dục thể chất theo hướng đảm bảo tính cơ bản, hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Những năm 1965-1968, chương trình thể chất đã được điều chỉnh để phù hợp với tình hình chiến sự.

Năm 1970, đã có bản thảo đầu tiên về cải cách giáo dục môn thể dục theo hệ 11 năm. Trong điều kiện khó khăn, nhiều trường học đã tự tạo điều kiện để thực hiện giáo dục thể chất. Tuy nhiên, phần lớn các trường không có giáo viên, sân tập, nội dung môn học thể dục bị cắt xén. Trình trạng quản lý lỏng lẻo, thiếu quan tâm, thậm chí “ thả nổi” môn thể dục khá phổ biến, nhất là ở nông thôn.

Từ năm 1960, phong trào TD, vs đã phát triển nhanh chóng trong các trường học. Đến hết năm 1961-1962, hầu hết các trường đã có phong trào thể dục thể thao giữa giờ; các trường cấp 2, cấp 3 đều có đội bóng chuyền, bóng bàn, điền kinh và tổ chức ngày hội vui khỏe. Phong trào học tập và làm theo Trương Tấn Thuật về TD, vs đã thu được nhiều kết quả. Công tác điều tra thể lực và chữa cong vẹo cột sống cho học sinh được tiến hành ở nhiều trường của Hà Nội, Thái Bình, Nam Hà, Quảng Ninh, ...

Vào đầu những năm 60, hầu hết các tỉnh, thành phố đã tổ chức đại hội

TDTT học sinh. 1963, đại hội TDTT học sinh được tổ chức theo 7 khu vực (Hà Đông, Hà Bắc, Hưng Yên, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Quảng Bình). Sau 1965, nhiều trường học có phong trào 5 môn thể thao quốc phòng. Năm 1970, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Hưng, Nam Hà, Thái Bình, Hà Tây, Vĩnh Phú ... đã sôi nổi tổ chức đại hội TDTT của học sinh với các tiết mục đồng diễn thể dục, kiểm tra RLTT theo tiêu chuẩn, thi bơi lội, điền kinh, các môn bóng, ..18 trường học sinh miền nam nội trú với 15.000 học sinh cấp 1, cấp 2, mỗi trường đều có từ 10 đội bóng chuyên trở lên và môn TDTT khác. Từ năm 1974, *4 mô hình điền kinh phối hợp của học sinh* phát triển thể chất rất nhanh và có nhiều tác dụng tốt.

TDTT trong học sinh, sinh viên đại học và trung học chuyên nghiệp.

Hoạt động TDTT trong học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp đã được Bộ Giáo dục (từ sau 1954), và Bộ đại học và Trung học chuyên nghiệp (từ năm 1965), quan tâm chỉ đạo. Ngoài việc thực hiện các giờ thể dục nội khóa theo chương trình quy định 120 tiết cho mỗi khóa học (2 tiết/ tuần, chỉ thực hiện trong 2 năm học đầu) ngành đại học và trung học chuyên nghiệp còn tổ chức hoạt động thể thao trong sinh viên, nhất là thể thao quốc phòng, điền kinh, bóng bàn, bóng chuyền, bơi lội.

12. Phong trào TDTT trong công nhân, viên chức.

Từ sau năm 1960, Tổng công đoàn Việt Nam đã chỉ đạo phong trào TDTT trong công nhân, viên chức, trọng tâm là tiêu chuẩn RLTT và thể dục sản xuất. Các xí nghiệp có phong trào TDTT tốt năm 1963 gồm có: Xí nghiệp May 10⁷², Nhà máy hóa chất Việt Trì, Nhà máy sắt tráng men Hải Phòng, Phân xưởng Cơ khí nhà máy Xi măng Hải Phòng, Cơ khí cảm Phá, Cơ khí Đèo Nai.

Tổng liên đoàn lao động Việt Nam đã tổ chức nhiều giải thể thao. Giải bóng đá Tổng công đoàn lần thứ nhất (1960). Giải bắn súng Tổng công đoàn (1964). Giải bóng bàn cho cán bộ, công nhân, viên chức (1964). Phát động phong trào “Rèn luyện thân thể theo tấm gương sáng ngời của Bác Hồ” (1970).

Từ đầu năm 1974, nhiều hoạt động TDTT sôi nổi chào mừng Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ III. Năm 1974-1975. Công đoàn đã vận động đông đảo CNVC tập thể dục hàng ngày, áp dụng thí điểm thể dục chống mệt mỏi; RLTT theo tiêu chuẩn; phát triển các môn thể thao quần chúng, hưởng ứng Đại hội Khỏe miền Bắc 1975; vận động xây dựng “đơn vị tiên tiến về TDTT”. Trong phong trào TDTT công nhân, viên chức đã xuất hiện nhiều đơn vị có phong trào khá đồng thời có nhiều thành tích trong sản xuất, chiến đấu.

Ngành Đường sắt đã xây dựng được một phong trào TDTT phát triển liên tục và sâu rộng. Nhiều ngành đã quan tâm chỉ đạo công tác TDTT, như các ngành Công nghiệp nặng, Nông trường quốc doanh; Nội thương, Bưu điện, Lâm nghiệp, Tổng cục Hóa chất...

V. ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN, NÂNG CAO THÀNH TÍCH THỂ THAO

1. Quá trình đào tạo vận động viên và nâng cao thành tích thể thao

Đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao được coi là một nhiệm vụ quan trọng. Tháng 4/1958, vận động viên trẻ xuất sắc về các môn bơi, điền kinh, bóng chuyền, thể dục dụng cụ... đã được tập trung huấn luyện. Cuối năm 1959, đã có một số thành tích đags kể⁷¹. Năm 1960, Trường Huấn luyện kỹ thuật TDTT trung ương được thành lập, tập trung hầu hết các vận động viên xuất sắc nhất của miền Bắc về các môn bóng đá, bóng chuyền (nam và nữ), bóng bàn, điền kinh, bơi, thể dục dụng cụ, bắn súng.

Năm 1962, Chính phủ ban hành “*Chế độ phân cấp vận động viên*” và Điều lệ về “*Chế độ phân cấp trọng tài*”, tạo động lực lớn cho công tác đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao ở nước ta; đoàn bóng bàn tham gia Giải vô địch thế giới ở Praha; giải bóng đá quân đội các nước hữu nghị tại Việt Nam. Đặc biệt, Đoàn thể thao Việt Nam đã tham gia GANEFO I tại Giacacta.

Sau GANEFO 1963, vấn đề xây dựng lực lượng vận động viên được đặt ra rất cấp bách hơn, với trọng tâm là các môn *điền kinh, bắn súng, bóng đá,*

bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, bơi, thể dục dụng cụ...

Năm 1965, nhiệm vụ là “*thực sự bắt tay vào chỉ đạo công tác nâng cao một cách có trọng điểm*” Đầu năm 1966, chuẩn bị tham gia GANEFO Châu Á được tiến hành rất tích cực. Từ 1967, công tác đào tạo vận động viên được tăng cường ở nhiều địa phương; lực lượng vận động viên trẻ xuất sắc được tập trung và tạo điều kiện thuận lợi hơn, để chuẩn bị cho lâu dài. Các giải thi đấu dành cho vận động viên trẻ được tăng cường.

Từ 1969, sự điều chỉnh trong chỉ đạo và các NAGEFO không tiếp tục tổ chức nữa đã ảnh hưởng đến công tác xây dựng lực lượng vận động viên đỉnh cao ở nước ta. Các năm 1970-1973, hoạt động thể thao và công tác đào tạo vận động viên có nhiều giảm sút, cho đến các năm 1973-1975 mới được chú trọng hơn.

Nhìn chung, từ năm 1958 cho đến năm 1975, hầu hết các vận động viên xuất sắc đều tập trung ở một số địa phương và ngành; hệ thống thi đấu chưa hoàn chỉnh; đầu tư cho thể thao thành tích cao còn hạn hẹp; số môn thể thao còn ít; quan hệ quốc tế chưa được mở rộng; những khó khăn do chiến tranh cản trở rất nhiều việc phát triển thể thao thành tích cao ở nước ta.

2. Xây dựng và phát triển các trường, lớp thể thao nghiệp dư

Các trường, lớp thể thao nghiệp dư được hình thành từ khoảng 1956-1957 đã được nhiều địa phương chỉ đạo phát triển và trở thành một hình thức tổ chức quan trọng để phát hiện, bồi dưỡng lực lượng thể thao hậu bị.

3. Sự phát triển và nâng cao trình độ một số môn thể thao

Báo cáo chính đã điếm lại quá trình phát triển một số môn thể thao ở miền Bắc từ 1954 đến 1975, bao gồm: điền kinh, bóng bàn, bơi, bắn súng, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cờ tướng, thể dục dụng cụ, vật, quần vợt, quyền Anh, xe đạp. Trong mục này có nêu các cuộc thi đấu lớn và thành tích, kỷ lục qua các năm cũng như tên các vận động viên xuất sắc nhất.

VI. CÁC QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TDTT

Các quan hệ về TDTT với các nước XHCN đã diễn ra thường xuyên và bao gồm những hoạt động chủ yếu trong các quan hệ đối ngoại của phong trào TDTT nước ta thời kỳ 1954-1975. Ngành TDTT nước ta đã nhận được sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác...

Từ sau 1954, quan hệ với Campuchia được coi trọng.

Trong giai đoạn này, thể thao Việt Nam hầu như không có quan hệ với Ủy ban Olympic quốc tế và phần lớn các hiệp hội thể thao quốc tế; không có điều kiện tham gia các đại hội Olympic, các giải vô địch châu lục, thế giới và có rất ít quan hệ thể thao với các nước ngoài phe xã hội chủ nghĩa. Một số hoạt động thể thao quốc tế lớn mà nước ta đã tham gia là: Giải vô địch bóng bàn thế

giới lần thứ 27 (Praha, 1963). Giải Bóng bàn châu Á lần thứ nhất tại Bắc Kinh (1972). Giải bóng bàn hữu nghị giữa các nước Á, Phi, Mỹ Latinh (1973), tại Bắc Kinh. NAGEFO lần thứ nhất tại Giacarta (Indonesia) năm 1963. NAGEFO châu Á lần thứ nhất tại Pnompenh (Campuchia) năm 1966.

VII. ĐÀO TẠO CÁN BỘ, PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, KỸ THUẬT, XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TDTT

Các lớp đào tạo hướng dẫn viên TDTT đầu tiên đã có từ năm 1955. Năm 1956, đã có khóa học đầu tiên cho 160 cán bộ TDTT (40 nữ); thành lập Trường Cán bộ TDTT quân đội. Năm 1957-1958, có các khóa đào tạo cán bộ, giáo viên TDTT ngắn hạn ở Trường Huấn luyện TDTT trung ương tại Quận Ngựa.

Cuối 1959, thành lập Trường Trung cấp TDTT trung ương, giữa năm 1960 khai giảng khóa 1. Từ 1963, mở thêm hệ đại học. 31/1/1964, thành lập Trường Cán bộ TDTT trung ương. Năm 1964, có hơn 30 người tốt nghiệp đại học TDTT đầu tiên ở Liên Xô và Trung Quốc về nước làm việc. 1969-1970, các Phó tiến sĩ đầu tiên của ngành TDTT về nước làm việc.

Đào tạo, bồi dưỡng ở địa phương: 13 tỉnh đã mở được trường sơ cấp và nhiều tỉnh mở lớp đào tạo hướng dẫn viên ở cơ sở. Trường Sơ cấp TĐTT Thanh Hóa (từ 1960), Phú Thọ (1961), Trường Lao động-TĐTT Hòa Bình (1966)...

Xây dựng đội ngũ cán bộ TĐTT. Sau khi có Chỉ thị 180-CT/TW, xây dựng đội ngũ chiến sỹ cách mạng trên mặt trận TĐTT được đặt ra mạnh hơn. Nhiều lớp bồi dưỡng cán bộ, đào tạo hướng dẫn viên cơ sở được tổ chức gắn với các cuộc vận động TĐTT; nhiều đoàn cán bộ TĐTT được cử đến cơ sở để “Rèn luyện ccans bộ, củng cố tổ chức, đẩy mạnh phong trào”.

2. Phát triển khoa học, kỹ thuật TĐTT

Với sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc, từ 1958, một số môn thể thao bước đầu tiếp cận phương pháp huấn luyện hiện đại. Từ sau 1960, một số tài liệu TĐTT của Liên Xô, Trung Quốc được dịch và phổ biến; đến 1975, đã hình thành các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn được coi trọng từ những năm 60 của thế kỷ trước. Song, nhìn chung, công tác lý luận và khoa học TĐTT còn nhiều hạn chế. *Phát triển y học TĐTT* được bắt đầu từ 1960 với việc thành lập Hội đồng y học TĐTT trung ương. Đến 1966, 20 tỉnh, thành, ngành có y sỹ, bác sỹ y học TĐTT và 10 tỉnh, thành phố có Hội đồng V hnr, TTTTT- 1Q77-1Q75 nhiều hội nghị và lớp huấn luyện về thể dục phòng chống cong vẹo cột sống của học sinh, phòng và chữa bệnh cho người cao tuổi, phòng và chữa bệnh nghề nghiệp, xây dựng các CLB thể dục chữa bệnh và cơ sở, kiểm tra y học.

Ban nghiên cứu khoa học, kỹ thuật TĐTT trực thuộc Tổng cục TĐTT được thành lập năm 1971. 1973-1975, có một số công trình nghiên cứu khoa học, thông tin khoa học TĐTT...

3. Xây dựng cơ sở vật chất TĐTT

Sau 1954, cơ sở vật chất TĐTT ở miền Bắc hầu hết bị tàn phá. Năm 1955, việc khôi phục các sân vận động, các cơ sở thể thao đã được tiến hành ở nhiều tỉnh, thành phố. Từ 1957, một số công trình thể thao bắt đầu được

xây dựng hoặc nâng cấp. Khu Quần Ngựa (Hà Nội) được sửa chữa làm cơ sở huấn luyện và đào tạo cán bộ TDTT đầu tiên ở miền Bắc. 1958: hoàn thành xây dựng lại Sân vận động Hàng Đẫy. 1960-1975, một số công trình TDTT được xây dựng, song chưa nhiều. Trong phong trào TDTT đã có nhiều sáng kiến lợi dụng các điều kiện tự nhiên sẵn có để tập luyện.

Sau 1954, dụng cụ TDTT chủ yếu được sản xuất thủ công. Các dụng cụ thể thao kỹ thuật cao đều được nhập khẩu. Năm 1960 đã hình thành một số cơ sở sản xuất bóng và vợt bóng bàn. Năm 1964, cơ sở vợt bóng bàn Đường sắt bắt đầu sản xuất những lô hàng vợt đầu tiên; 1971, trở thành “Xí nghiệp Vợt bóng bàn Đường sắt Việt Nam”. Từ 1965, Nhà máy gỗ cầu Đuống sản xuất bàn bóng bàn. Từ 1970, Nhà máy Cao su Sao vàng sản xuất bóng đá, bóng chuyền, bong rổ... Năm 1974, thành lập Xưởng sản xuất dụng cụ TDTT Thái Bình với các mặt hàng bàn bóng bàn, vợt bóng bàn và vợt cầu lông.

VIII. CÔNG TÁC THI ĐUA, TUYÊN GIÁO, BÁO CHÍ, XUẤT BẢN TDTT

1. Công tác thi đua phong trào TDTT

Thi đua học tập và làm theo các đơn vị và cá nhân tiên tiến

Từ 1960, một số địa phương đã vận dụng phương pháp chỉ đạo điềm, xây dựng điển hình để lấy kinh nghiệm chỉ đạo mở rộng phong trào⁷⁴. Năm 1962, qua phong trào “học tập, đuổi và vượt Nghĩa Phú” để phát triển phong trào TD, vs.

Trong không khí thi đua của cả miền Bắc “mỗi người làm việc bằng hai”, năm 1964, ngành TDTT đã phát động phong trào thi đua tiến tới Đại hội những người tích cực trong phong trào TDTT toàn miền Bắc.

Cuộc vận động đại hội các đơn vị, cá nhân tiên tiến 1974-1975 Đến cuối năm 1975, Đại hội tiên tiến về TDTT đã được tổ chức ở nhiều cơ sở và huyện ở các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, đến năm 1976 Đại hội tiên tiến về TDTT toàn quốc mới được tiến hành.

Công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động phong trào TDTT được coi trọng, với yêu cầu bám sát đường lối chung của Đảng, nhiệm vụ chính trị của

địa phương; biện pháp phải phong phú, sinh động; phát hiện, bồi dưỡng nhân tố mới, lấy người thực việc thực để nêu gương; kết hợp với phong trào “ba sẵn sàng”; tổ chức thi đấu nhỏ để cổ vũ; gắn giáo dục, tuyên truyền, vận động với tổ chức huấn luyện; kết hợp các ngành...; các hoạt động TDTT luôn luôn gắn với tuyên truyền và có động chính trị với những khẩu hiệu thúc giục lòng người. Việc tuyên truyền bằng phim ảnh được quan tâm

¹⁵Theo Quyết định số 6-QĐ/UB, ngày 13/5/1960 của Ủy ban TDTT và giấy phép hoạt động số 15/GPXB, ngày 1/7/1960 của Bộ Văn hóa.

VIII. NHẬN ĐỊNH CHUNG

Thực tiễn phong trào TDTT 1954-1975 để lại những di sản quý báu, những giá trị tinh thần to lớn của sự nghiệp TDTT và của nền văn hóa Việt Nam.

1- Thời kỳ 1954-1975, các quan điểm, đường lối TDTT của Đảng được bổ sung, hoàn thiện và biến thành thực tế sinh động của phong trào TDTT.

2- Phong trào TDTT được hình thành và phát triển trong thời kỳ này là đã thực sự bắt nguồn từ thực tế và yêu cầu của đất nước, có tính sáng tạo, thể hiện ý chí vươn lên với tinh thần tự lực, tự chủ của nhân dân ta. Nét độc đáo có tính sáng tạo của phong trào TDTT thời kỳ này thể hiện ở *phong trào thể dục, vệ sinh*, được coi là một bộ phận của cuộc cách mạng tư tưởng, văn hóa ở nước ta; *phong trào 5 môn chạy, nhảy, bơi, bắn, võ*, được nuôi dưỡng bằng khí thế hào hùng của nhân dân ta trong những năm chống Mỹ, cứu nước, đồng thời góp phần xứng đáng tạo nên khí thế đó, thể hiện sức sống của nền TDTT cách mạng.

3- Việc hình thành hệ thống tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ và các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất và khoa học, kỹ thuật TDTT trong thời kỳ này đã *đặt nền tảng cơ bản về mọi mặt* cho sự phát triển của nền TDTT nước ta trong các thời kỳ tiếp theo.

4- Các quan hệ quốc tế về TDTT ở miền Bắc đã bám sát và phục vụ các nhiệm vụ đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đối với phong trào TDTT nước ta có vai trò quan trọng.

5- Bên cạnh những thành tựu và kinh nghiệm quý, ừong thời kỳ này phong trào TDTT ở nhiều nơi còn mang tính “sôi nổi nhất thời”, việc “vận động” phong trào ở một số nơi còn mang tính áp đặt, hoặc bao cấp...; thể thao thành tích cao nói chung còn hạn chế, thành tích còn rất thấp so với tiềm năng.

3.2.2.3. Phần thông tin khoa học liên quan của các nhà khoa học

Quan điểm Hồ Chí Minh về phát triển TDTT quần chúng

Theo từ điển tiếng Việt, quần chúng là mọi người trong xã hội. Như vậy TDTT quần chúng chính là TDTT cho mọi người, mọi nguồn nhân lực.

Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: “Dưới chế độ dân chủ, Thể thao và Thể dục phải trở thành hoạt động chung của quần chúng, nhằm mục đích làm tăng cường sức khoẻ của nhân dân. Nhân dân có sức khoẻ thì mọi công việc đều làm được tốt.” Người khuyến khích “Vậy nên luyện tập Thể dục, bồi bổ sức khoẻ là bổn phận của mỗi một người dân yêu nước”. Từ đó Hồ Chí Minh chủ trương “Chúng ta nên phát triển phong trào TDTT rộng khắp”. Đó là những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về TDTT quần chúng, thể thao cho mọi người.

Thế hệ trẻ là một bộ phận rất đông đảo của quần chúng nhân dân. Giáo dục thể chất và thể thao là một thành phần rất cơ bản, nền tảng của TDTT quần chúng. Hồ Chí Minh rất coi trọng TDTT đối với thế hệ trẻ.

Về giáo dục thể chất tuổi trẻ học đường, Hồ Chí Minh xác định là một bộ phận quan trọng của nền giáo dục quốc dân của nước Việt Nam độc lập và dân chủ: “Một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”. Từ quan điểm đó, sau này Hồ Chí Minh đã chỉ ra một cách cụ thể về giáo dục nói chung và giáo dục thể chất nói riêng, giáo dục toàn diện đó là “Thể dục kết hợp với gìn giữ vệ sinh chung và riêng, trí dục, mỹ dục, đức dục.” Bốn mặt giáo dục đó có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó Thể dục là tiền đề đầu tiên để phát triển các mặt giáo dục khác. Kể cả học viên trong nhà trường quân đội cũng vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập giáo

dục thể chất lên trước hết: “Các cháu phải ra sức thi đua: Luyện tập thân thể cho mạnh mẽ, nghiên cứu kỹ thuật cho thông thạo, trau dồi tinh thần cho vững chắc, hun đúc đạo đức của người quân nhân cách mạng cho vững vàng”.

Về giáo dục thể chất cho thanh niên đang tham gia mọi hoạt động trong mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy bảo tuổi trẻ thanh niên rằng: “Thanh niên phải rèn luyện TDTT vì thanh niên là tương lai của đất nước”. Ngoài các mặt học tập và rèn luyện khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên phải tích cực rèn luyện thể chất “ Phải giữ vững đạo đức cách mạng. Phải xung phong trong mọi công tác. Phải học tập chính trị, văn hoá, nghề nghiệp để tiến bộ mãi. Phải rèn luyện thân thể cho khoẻ mạnh. Khỏe mạnh thì mới đủ sức tham gia một cách dẻo dai, bền bỉ những công việc ích nước lợi dân”.

Trong quần chúng, có một bộ phận rất lớn, rất quan trọng, đó là nguồn nhân lực đang và sẽ tham gia thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh”. Nguồn lực con người như nông dân, công nhân, chuyên viên kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, văn nghệ sỹ... là trung tâm của sự phát triển. Nguồn nhân lực này không chỉ cần đông đảo mà đòi hỏi phải có chất lượng cao. Một trong những yếu tố cơ bản cấu thành chất lượng cao của nguồn nhân lực là sức khỏe của mỗi con người. Hồ Chí Minh rất coi trọng sức khỏe của nguồn nhân lực này. Để giữ gìn và tăng cường sức khỏe cho họ, Hồ Chí Minh khuyên bảo họ tích cực tập TDTT. Người viết “muốn lao động sản xuất tốt, công tác và học tập tốt thì cần có sức khỏe. Muốn giữ sức khỏe thì nên thường xuyên tập TDTT.” Từ quan điểm này, Người chủ trương phát triển TDTT khắp mọi miền, mọi vùng của đất nước.

3.2.2.4 Phần hướng dẫn mở rộng

*** Hệ thống câu hỏi và gợi ý làm bài tập**

Câu 1: Trình bày sự phát triển của phong trào TDTT quần chúng?

Câu 2: trình bày quá trình đào tạo VĐV, nâng cao thành tích thể thao?

***Gợi ý trả lời**

Câu 1: Câu trả lời phải đảm bảo kiến thức sau:

- Các cuộc vận động TDTT đầu tiên sau ngày hòa bình lập lại năm 1954
- Phong trào thể dục, vệ sinh
- Phong trào TDTT ở nông thôn và miền núi
- Chế độ “Rèn luyện thân thể để sẵn sàng lao động và bảo vệ Tổ quốc”
- Thể thao quốc phòng
- Chuyển hướng hoạt động TDTT phục vụ công cuộc chống Mỹ, cứu nước

- Tập trung chỉ đạo phong trào TDTT ở cơ sở
- Chuyển hướng công tác TDTT thời chiến lần thứ hai
- Khôi phục phong trào TDTT trong những năm 1973-1975
- Phong trào TDTT trong các lực lượng vũ trang
- Giáo dục thể chất trong trường học.
- Phong trào TDTT trong công nhân, viên chức.

Câu 2: Câu trả lời phải đảm bảo kiến thức sau

- Quá trình đào tạo vận động viên và nâng cao thành tích thể thao
- Xây dựng và phát triển các trường, lớp thể thao nghiệp dư
- Sự phát triển và nâng cao trình độ một số môn thể thao

*** Gợi ý tài liệu học tập cho SV**

1. Văn An – Lý Gia Thanh (1995), 100 năm Thế vận hội Olympic Nxb Thanh niên.
2. Nguyễn Văn Hiếu & ctg (2007), Sơ thảo Lịch sử TDTT Việt Nam.
3. Lê Thiết Can (2008), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.
4. Nguyễn Thiết Tình (2006), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.
5. Nguyễn Xuân Sinh (2000), Lịch sử TDTT, Nxb TDTT.
6. Mai Văn Môn Và các thành viên (1999), Olympic học Nxb TDTT.

3.2.2.5. Phụ lục

Phong trào thể dục thể thao quần chúng ngày càng phát triển



Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đông đảo quần chúng nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia tập luyện TDTT, góp phần thúc đẩy sự nghiệp TDTT của tỉnh ngày càng phát triển. Với phương châm mỗi người tự chọn cho mình một môn thể thao phù hợp, các môn thể thao thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thường xuyên là bóng đá, bóng chuyền, điền kinh, bóng bàn, cầu lông, cờ tướng, thể dục thể hình, thể dục thẩm mỹ, quần vợt. Đặc biệt, các môn thể thao truyền thống cũng được khôi phục và phát triển như đấu vật, kéo co, cờ người, đua thuyền...

Phong trào TDTT ở các xã, phường, thôn, xóm gắn với xây dựng làng, xã văn hóa tạo bước chuyển mới trong phong trào TDTT quần chúng. Công tác xã hội hóa hoạt động TDTT mang lại chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, phát huy sức mạnh của toàn xã hội để phát triển sự nghiệp TDTT. Theo thống kê của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đến hết năm 2013 số người tập luyện TDTT thường xuyên toàn tỉnh đạt 28% dân số, số gia đình thể thao đạt 18,5%; có 1.000 câu lạc bộ và điểm tập TDTT trên địa bàn tỉnh và 3 liên đoàn (quần vợt, cầu lông, bóng bàn) đang hoạt động.

Hàng năm, trên địa bàn tỉnh, các giải thể thao từ cấp xã, phường, thị trấn đến cấp huyện, tỉnh thường xuyên được tổ chức với hàng nghìn cuộc thi đấu mỗi năm. Những giải thuộc chương trình Hội khỏe Phù Đổng trong đối tượng học sinh; giải cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, thể dục dưỡng sinh... của các địa phương; hội khỏe trong lực lượng vũ trang, người cao tuổi; các giải trẻ, giải phong trào, giải vô địch ở một số môn đã trở thành giải đấu truyền thống, có quy mô lớn (Giải việt dã tranh Cúp Báo Thái Bình, Giải vật tự do nam, nữ toàn tỉnh, Giải bóng đá thiếu niên nhi đồng...). Nhờ đó, phong trào luyện tập TDTT phát triển rộng khắp, trở thành ý thức tự giác của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Cùng với việc tuyên truyền, vận động, khuyến khích nhân dân tham gia tập luyện và thi đấu thể thao, các địa phương còn phát động phong trào xây dựng gia đình thể thao và tiến hành bình xét hàng năm.

Điểm nhấn trong phong trào TDTT quần chúng năm 2013 chính là việc tổ chức thành công đại hội TDTT các cấp, các ngành, không chỉ thu hút số lượng vận động viên đông hơn, số môn thi đấu nhiều hơn các kỳ đại hội trước mà chất lượng chuyên môn cũng được nâng lên, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào, thực sự là ngày hội thể thao của toàn dân. Việc tổ chức đại hội TDTT các cấp, các ngành đã khơi dậy tiềm năng TDTT trong quần chúng nhân dân, vận động mọi người thường xuyên tập luyện TDTT để tăng cường sức khỏe phục vụ lao động, học tập, công tác, xây dựng Tổ quốc.

Từ những giải thi đấu TDTT quần chúng đã giúp ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát hiện ra nhiều vận động viên tài năng, hứa hẹn sẽ mang lại thành tích cao cho thể thao tỉnh nhà tại Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII năm 2014 (vận động viên Nguyễn Văn Mùa, môn điền kinh; vận động viên Đặng Thị Hằng, môn bóng chuyền; vận động viên Lê Đức Thọ, môn cầu lông...). Phong trào TDTT quần chúng đã tạo hiệu ứng xã hội tích cực. Nhiều cơ quan, đơn vị, xã, phường... dành quỹ đất làm sân bãi, đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ tập luyện phục vụ thi đấu và giao lưu, nhiều doanh nghiệp đã đứng ra tài trợ cho các giải đấu TDTT.

Để phong trào TDTT quần chúng của tỉnh ngày càng phát triển, trong thời gian tới, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân hiểu về ý nghĩa của việc tập luyện TDTT thường xuyên; duy trì và đẩy mạnh các hoạt động TDTT quần chúng; tăng cường thực hiện công tác xã hội hóa TDTT, phát huy mọi nguồn lực trong nhân dân để đưa phong trào TDTT quần chúng ngày càng phát triển, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

3.2.3. Bài 3: TDTT giai đoạn (1975 - nay)

(4 tiết lên lớp của GV)

3.2.3.1. Phần mở đầu tiếp cận bài

Bối cảnh

Xây dựng các cơ sở của nền TDTT xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước

Phát triển phong trào TDTT trên cả nước

Những thành tựu và bài học

Bối cảnh

Xây dựng các cơ sở của nền TDTT xã hội chủ nghĩa

TDTT quần chúng và thể thao thành tích cao vào thiên nhiên kỷ mới

Kết luận chung về lịch sử TDTT cách mạng Việt Nam (1945 – đến nay)

Liên hệ nhiệm vụ xây dựng nền TDTT xã hội chủ nghĩa phát triển cân đối, có tính dân tộc, khoa học và nhân dân với thực trạng kết quả 60 năm phấn đấu (tính đến 12/2005)

Sự thành lập Ủy ban Olympic quốc gia và các hiệp hội, liên đoàn thể thao Việt Nam

3.2.3.2. Phần kiến thức căn bản

CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG NỀN TDTT TRÊN CẢ NƯỚC THỐNG NHẤT

(1975 - 2005)

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình chính trị - xã hội trong nước, thế giới

Giai đoạn xây dựng lại đất nước (1975-1985)

Cả nước sôi sục khí thế chiến thắng và quyết tâm khôi phục đất nước, hàn gắn những vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội nhằm xây dựng một đất nước hòa bình, ấm no và giàu mạnh.

Ngày 25/4/1976, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, và ngày 27/7/1976 khai mạc Kỳ họp đầu tiên Quốc hội khóa VI tại Thủ đô Hà Nội, đánh dấu thời điểm lịch sử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 14 đến 20/2/1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV mở đầu thời

kỳ cả nước đi lên CNXH và Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng, đưa đất nước đi lên CNXH.

Năm 1978 nổ ra chiến tranh biên giới ở Tây Nam và đầu năm 1979 ở biên giới phía Bắc.

Năm 1980, hệ thống cơ quan Nhà nước được củng cố và tăng cường, Quốc hội ban hành Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam. Đất nước vừa có hòa bình lại vừa có chiến tranh.

Giai đoạn bắt đầu đường lối đổi mới (1985-1995)

Từ 1986, đất nước chuyển sang thời kỳ đổi mới do Đại hội Đảng VI quyết định. Đại hội Đảng VII (6/1991) quyết định tiếp tục đổi mới trong bối cảnh các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ. Đại hội đã xác định “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH” và “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000”. Hiến pháp 1992 khẳng định thể chế chính trị XHCN và phát triển kinh tế nhiều thành phần.

Giai đoạn tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1995-2005)

Chính trị, kinh tế, xã hội, ngoại giao, an ninh, quốc phòng của nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, tạo được những tiền đề cơ bản để đưa đất nước chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

2. Tình hình TDTT trong nước và thế giới

20 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc và làm hậu phương lớn chi viện cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, công tác TDTT đã đạt được những thành tựu rất cơ bản để đưa nền TDTT của cả nước tiến lên sau ngày thống nhất đất nước. Về tư tưởng, Đảng, Chính phủ xác định TDTT vì sức khỏe của con người, vì sự nghiệp cách mạng XHCN.

Những thành tựu về bộ máy tổ chức, đào tạo cán bộ, kinh nghiệm xây dựng phong trào TDTT quần chúng và đào tạo vận động viên của các tỉnh miền Bắc đã được phát huy trong tình hình mới và tăng cường cho các tỉnh

phía Nam.

Thực trạng TDTT ở miền Nam dưới chế độ cũ còn lưu lại:

Đội ngũ cán bộ, nhân viên, huấn luyện viên, giáo viên trong lĩnh vực TDTT hầu hết vẫn yêu nghề đã nhanh chóng trở lại làm việc. Cơ sở vật chất, sân bãi như sân vận động, hồ bơi, nhà thể thao hầu như không đáng kể, tập trung nhất vẫn là Sài Gòn. Một số vận động viên có thành tích đã mau chóng tham gia vào phong trào TDTT của cả nước sau ngày giải phóng miền Nam.

Ngay sau khi giải phóng miền Nam, chúng ta đã thành lập Ủy ban Olympic quốc gia, khôi phục hoạt động của các Liên đoàn thể thao đã có, lập mới một số Liên đoàn. Ta đã tham gia Đại hội Olympic lần thứ 22 ở Matxcova năm 1980. Tham gia nhiều Hội nghị, Hội đồng, Hội thảo do Ủy ban Olympic quốc tế chủ trì, tham dự nhiều giải thi đấu châu lục và thế giới. Đã nhận được sự giúp đỡ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện viên, trọng tài và ngân sách “Quỹ đoàn kết Olympic”.

Với vai trò là một trong những thành viên sáng lập ra tổ chức thể thao Đông Nam Á (6/1959), các vận động viên miền Nam Việt Nam đã tham dự tất cả 7 Đại hội thể thao Đông Nam Á và đã giành được nhiều huy chương các loại.

Năm 1982. vận động viên nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tham gia Đại hội thể thao Châu Á. Từ những năm đổi mới, thể thao nước ta đã hội nhập trở lại, đến nay đã tham gia tới 32 môn thể thao trong đó nhiều môn luôn luôn chiếm ưu thế tại khu vực Đông Nam Á.

II. XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ CỦA NỀN TDTT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC

1. Quan điểm, đường lối công tác thể dục thể thao và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước

Chỉ thị 227-CT/TW ngày 18/11/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác TDTT trong tình hình mới đã xác định mục tiêu cơ bản của TDTT là “khôi phục và tăng cường sức khỏe của nhân dân, góp phần xây dựng con người mới phát triển toàn diện” và chỉ rõ phải “xây dựng một nền

thể dục thể thao XHCN phát triển cân đối, số tính dân tộc, nhân dân và khoa học”.

Quan điểm, đường lối TDTT được xác định rõ tại các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và các khóa họp Đại hội.

Ngày 24/3/1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 36-CT/TW về “Công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới”. Ngày 19/8/1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 73-NĐ/CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa ường các hoạt động văn hóa giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao. Năm 2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh TDTT.

Ngày 23/10/2002, ban bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 17-CT/TW nhằm nâng cao sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với sự nghiệp phát triển TDTT đến năm 2010

2. Xây dựng hệ thống tổ chức và tăng cường các cơ sở để phát triển TDTT trên cả nước

Sau ngày thống nhất nước nhà, tổng cục TDTT trở thành cơ quan lãnh đạo TDTT trên toàn quốc.

- Ở cấp tỉnh: Tổng cục TDTT triển khai phương án tổ chức bộ máy ngành TDTT cấp tỉnh, thành phố và phối hợp với các UBHC địa phương điều động cán bộ đảm nhận những vị trí chủ chốt ở thành phố trọng điểm.

- Ở cấp huyện: Đa số là phòng TDTT đã có cán bộ từ 1 – 5 người. Một số địa phương được ghép vào phòng văn hóa – thể thao.

- Ở cấp xã: Do chính quyền cơ sở quyết định. Cán bộ TDTT xã, phường ít được quan tâm. Một số xã có ban TDTT được một cán bộ bán chuyên trách.

- Ở cấp ngành Cơ quan TDTT ngành Quân đội, Công an được tiếp tục tăng cường. Tổng công đoàn, Trung ương Đoàn Thanh niên, một số Bộ như Nông nghiệp, Công nghiệp nhẹ, Giao thông vận tải, một số Tổng cục như dạy nghề, Đường sắt... đã có bộ máy và đội ngũ chuyên trách TDTT.

- Bộ giáo dục, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề có Vụ thể dục – Quốc phòng, rồi Vụ Giáo dục thể chất – sức khỏe.

Từ 3/1990 đến 7/1992, cơ quan chuyên trách ngành là cục thể thao, thể thao thuộc Bộ Văn hóa – Thông tin – Thể thao và Du lịch. ở cấp tỉnh và huyện: Sở TDTT các địa phương dần dần sát nhập với cơ quan Văn hóa – Thông tin.

Tháng 7/1992, ngành TDTT tổ chức nhiều sự kiện TDTT chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập nước CHXHCN Việt Nam, 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (cuộc đua xe đạp xuyên Việt, Rước đuốc về Ba đình lịch sử, Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ III). Nhân dịp này, nhà nước đã tặng thưởng ngành TDTT huân chương Hồ Chí Minh (QĐ số 711-KT/CTN ngày 29/11/1995)

Tháng 9/1997, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X (20-29/9/1997) đã quyết định chuyển Tổng cục TDTT thành ủy ban TDTT. Ở cấp tỉnh: Tổ chức bộ máy và cán bộ của cơ quan TDTT các tỉnh, thành phố dần dần tách khỏi cơ quan Văn hóa - Thông tin. Ở cấp huyện: Cơ quan TDTT cấp quận, huyện sáp nhập giữa Văn hóa - Thông tin - Thể thao từ năm 1990 đến nay vẫn duy trì. Ở cấp xã: tổ chức Văn hóa - Thông tin phụ trách thể thao. Ở các ngành: Tổ chức TDTT trong quân đội và công an vẫn được duy trì và có bước nhất triển. Tổ chức TDTT của Trung ương Đoàn Thanh niên, Tổng Liên đoàn lao động đã có chuyển đổi. Bộ Giáo dục - Đào tạo đã thành lập Vụ Giáo dục thể chất và Quốc phòng; Hội Thể thao Đại học và Chuyên nghiệp.

Đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ TDTT. Sau ngày thống nhất đất nước, nhu cầu cán bộ TDTT đã tăng lên gấp bội. Các trường, các lớp đào tạo cán bộ của đất nước: Trường Trung học TDTT miền Nam; Trường Đại học TDTT (22/5/1981); Trường Trung cấp TDTT Trung ương II nâng lên thành Đại học TDTT Trung ương II (8/1985).

Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hai trường trình độ Cao đẳng TDTT và tại một số trường Đại học sư phạm có Khoa Giáo dục thể chất.

Năm 1991, Viện Khoa học TDTT được giao chỉ tiêu đào tạo nghiên cứu sinh trong nước.

Trong 15 năm (từ 1959-1975) đã tích cực gửi sinh viên và cán bộ ra

nước ngoài, chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc, đào tạo đại học và trên đại học. Hơn 100 sinh viên đại học và 40 phó tiến sĩ được đào tạo. Các tổ chức thể thao quốc tế đã hỗ trợ mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, trọng tài cho Việt Nam.

Nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ TDTT. Ngành TDTT đã có những hoạt động khoa học, thành lập Viện Khoa học TDTT (1979). Trong những năm 1979 đến 1985 những cán bộ đại học dần dần được tăng cường về Viện Nghiên cứu Khoa học TDTT.

Trong những năm 1984-1985 Viện Khoa học TDTT chủ trì phối hợp, các vụ, đơn vị của Tổng cục TDTT xây dựng chương trình khoa học.

Sở TDTT Hà Nội, Sở TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Phú Khánh, Long An, Hà Sơn Bình... và một số địa phương đã quan tâm ứng dụng KHKT vào hoạt động TDTT và quản lý phong trào TDTT.

Những năm 1991-1995, Viện Khoa học TDTT đã triển khai nhiều đề tài cấp ngành và một số đề tài cấp quốc gia. Hội nghị toàn ngành TDTT bàn về công tác khoa học - công nghệ đã diễn ra tại Hà Nội trong hai ngày 3 và 4/4/1998. Một số chương trình lớn bắt đầu được triển khai: dinh dưỡng cho vận động viên, chữa trị chấn thương TDTT, Điều tra thể chất người Việt Nam (6-60 tuổi), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác trọng tài một số giải thể thao để chuẩn bị phục vụ Sea Games 22, chuyên nghiệp hóa bóng đá ở nước ta...

Thông tin - tuyên truyền, báo chí - xuất bản TDTT

Ngay trong năm 1975-1976, Báo Thể dục Thể thao và Nhà xuất bản Thể dục Thể thao đã cùng với Vụ công tác chính trị của Tổng cục TDTT đẩy mạnh công tác tuyên truyền thể dục thể thao cách mạng trên phạm vi cả nước. Từ năm 1978, Báo Thể dục Thể thao chủ trì việc bầu chọn “10 vận động viên tiêu biểu trong năm”.

Đài truyền hình Việt Nam, đài tiếng nói Việt Nam đã tăng thời lượng cho các chương trình Thể thao, chương trình truyền hình trực tiếp các hoạt động thể thao lớn của đất nước. Các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh,

truyền hình của các địa phương và các thành phố lớn phát triển khá rầm rộ lên tới vài trăm đầu báo - đài. Báo - đài nào cũng mở chuyên mục, chuyên trang về TDTT trong nước và quốc tế.

Công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra, thi đua, khen thưởng

Ngành TDTT quan tâm biên soạn và trình cấp trên ban hành nhiều văn bản pháp quy để thể chế hóa nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác TDTT.

Từ những năm 60 ngành TDTT đã quan tâm đến công tác thi đua khen thưởng những điển hình về TDTT. Những năm 90, nhiều vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích thi đua xuất sắc được Nhà nước tặng Huân chương, Bằng khen của Chính phủ. Trong thời kỳ đổi mới, ngành TDTT đã tổ chức Đại hội thi đua yêu nước thời kỳ đổi mới năm 2000 và năm 2005.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, cung cấp tài chính cho hoạt động TDTT

Trong các kế hoạch 5 năm (1976-1980 và 1981-1985). nhiều sân vận động, bể bơi, nhà tập và thi đấu đã được khôi phục và xây mới. Các cơ sở của Nhà nước được thành lập để tăng cường sản xuất dụng cụ tập luyện TDTT.

Đến năm 1984-1985, cả nước có khoảng 40 sân vận động cấp tỉnh có khán đài, có đường chạy cho điền kinh. Một số sân vận động đã có dàn đèn. Nhà thi đấu thể thao Hà Nội khánh thành 1985 đã phục vụ trực tiếp cho thi đấu một số môn thể thao của Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ 1-1985.

Từ 1985-1986, đất nước đi vào đổi mới và hội nhập. Cơ sở vật chất sân, bãi, dụng cụ TDTT được các cấp tỉnh quan tâm đầu tư mạnh hơn, một số nơi bắt đầu xuất hiện các sân quần vợt, các nhà thi đấu cầu lông, các sân bóng đá mini, các lò tập võ... Trung tâm Huấn luyện Thể thao Quốc gia 1, ở các Trường Đại học TDTT 1 và 2 cũng như ở Trường Trung cấp TDTT Đà Nẵng được nâng cấp.

Thực hiện Chỉ thị 113/TTg ngày 7/3/1995 và Chỉ thị 274/TTg của Thủ tướng, công tác quy hoạch của ngành TDTT được coi là một trọng tâm có tầm chiến lược.

Năm 1999, cả nước đã có 60 nhà tập luyện và thi đấu TDTT, trong đó 30% đạt chuẩn quốc gia và khu vực, xây dựng và cải tạo được 21/27 bể bơi

các loại có hệ thống lọc nước tuần hoàn, 4 sân điền kinh đường chạy được phủ bằng chất dẻo tổng hợp, nâng cấp 20 sân vận động.

Đến nay, hầu hết 64 tỉnh, thành phố đã có hoặc đang xây dựng 2 công trình cơ bản là sân vận động và nhà thi đấu thể thao. Nhiều thành phần kinh tế

đã đầu tư xây dựng nhà thi đấu, bể bơi, sân quần vợt, sân cầu lông, võ đường. Ngoài ra, có gần 20 sân gôn do nước ngoài liên doanh xây dựng.

Thành lập các tổ chức xã hội về TDTT và tăng cường quan hệ quốc tế

Với Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu: sự hỗ trợ và giúp đỡ của Liên Xô và các nước Đông Âu cho sự nghiệp TDTT Việt Nam rất to lớn về nhiều mặt. Ủy ban Olympic Việt Nam được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 500/TTg ngày 20/12/1976. Sau đó đã tích cực chuẩn bị để gia nhập phong trào Olympic quốc tế và tham gia Đại hội Olympic đầu tiên tổ chức ở nước XHCN là Liên Xô vào năm 1980. Trong 10 năm, từ năm 1975 đến 1985, quan hệ đối ngoại của TDTT nước ta có đặc điểm là chuyển hướng hoạt động chủ yếu sang các nước XHCN Đông Âu và từng bước mở rộng với các nước độc lập dân tộc. Thời kỳ này hầu hết các Liên đoàn vẫn chưa đủ điều kiện hoạt động độc lập.

Ngày 16/9/1982, Ngài A. Samaranch, Chủ tịch ủy ban Olympic quốc tế đến thăm Việt Nam. Quan hệ giữa thể thao Việt Nam với các tổ chức thể thao quốc tế đã từng bước mở rộng và có hiệu quả đáng kể. Ủy ban Olympic và các Liên đoàn thể thao quốc tế đã hỗ trợ ta đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện viên, trọng tài.

Tháng 11/1985, Việt Nam đã đăng cai tổ chức Hội nghị Lãnh đạo TDTT các nước XHCN anh em đạt kết quả tốt.

Từ những năm 90 đến nay, quan hệ TDTT của nước ta đã mở rộng ra hơn 40 nước, đặc biệt là các nước trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á.

Tinh thần độc lập, tự chủ và đa phương hóa, đa dạng hóa trong đường lối đối ngoại của Đảng đã mở đường cho thể thao nước ta đến với Sea Games 15 tại Malaysia (1989). Năm 1990, chúng ta tiếp tục tham gia ASIAD lần thứ

IX tổ chức ở Bắc Kinh, Trung Quốc; trở lại tham gia Đại hội Olympic năm 1988 tại Xơ-un, Hàn Quốc. Một số hiệp định về sự hợp tác của TDTT Việt Nam với các nước đã được ký kết

Tháng 11 năm 1995, kỳ họp thứ 50 Đại Hội đồng liên hợp quốc đã tổ chức Diễn đàn với chủ đề “Xây dựng một thế giới hòa bình và tốt đẹp hơn thông qua thể thao và lý tưởng Olympic”. Một sự kiện đáng ghi nhớ đối với TDTT nước ta là Đồng chí Lê Bửu, Tổng cục trưởng Tổng cục TDTT đã thay mặt thể thao nước CHXHCN Việt Nam phát biểu về TDTT Việt Nam vì sức khỏe dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân, vì hòa bình, độc lập dân tộc và hữu nghị với thế giới.

Năm 1996, bắt đầu xây dựng đề án đăng cai Sea Games ở nước ta. Tại phiên họp ngày 11/3/2000 Hội đồng Thể thao Đông Nam Á thống nhất tổ chức Sea Games 22 ở Việt Nam. Hoạt động quốc tế của thể thao Việt Nam đã mở rộng, có chiều sâu, đạt hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi đường lối ngoại giao của Đảng, Nhà nước và phát triển nền TDTT của đất nước trong thế kỷ 20 và vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới.

III. PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO TDTT TRÊN CẢ NƯỚC

1. Xây dựng phong trào TDTT quần chúng

Ngay sau khi giải phóng miền Nam, quán triệt Chỉ thị 227-CT/TW ngày 18/11/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Công tác TDTT trong tình hình mới”, ngành TDTT coi phát triển phong trào TDTT sâu rộng trong nhân dân là một nhiệm vụ chiến lược trong sự nghiệp TDTT.

Cuộc vận động xây dựng điển hình tiên tiến về TDTT và “Toàn dân RLTT theo gương Bác Hồ vĩ đại ”

Cuộc vận động xây dựng điển hình tiên tiến về TDTT những năm trước khi giải phóng miền Nam được đẩy mạnh. Sự chỉ đạo xây dựng các đơn vị tiên tiến về TDTT được triển khai tích cực trong **cán bộ, công nhân viên chức**.

Phong trào TDTT trên **địa bàn nông thôn** dần mang tính đa dạng. Thi đua xây dựng “Cụm TDTT”. Phong trào thi đua **xây dựng cấp huyện** tiên tiến

về TDTT. Kiên trì đường lối TDTT của Đảng và tuân theo lời dạy của Bác Hồ, ngành TDTT đã đặt xây dựng TDTT ở cơ sở là một nhiệm vụ trọng tâm để tổ chức quần chúng tham gia các hoạt động TDTT với khẩu hiệu chiến lược: “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Bước vào thời kỳ đổi mới, ngành TDTT đã đề ra cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Trong 30 năm phong trào TDTT “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” và “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” ở nước ta ngày một phát triển sâu rộng và có hiệu quả rất to lớn. số người tập TDTT tăng từ 3-4% năm 1975 đến 17-18% năm 2000, một số nơi lên tới hơn 20%. số môn thể thao quần chúng rèn luyện hằng ngày từ 8 đã tăng lên hơn 40 môn, nhiều môn thể thao dân tộc được khôi phục và phát triển. Trong thời kỳ đổi mới, phong trào TDTT chuyển dần theo cơ chế xã hội hóa, tính tự giác ngày càng cao, song vai trò quản lý, hướng dẫn của các cơ quan Nhà nước vẫn là chủ đạo.

Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong các trường phổ thông

- Giáo dục mầm non - các trường mẫu giáo: một số trường mẫu giáo ở Hà Nội, Hải Phòng tổ chức hoạt động hình thức đồng diễn bài thể dục cơ bản. Mỗi khi tổ chức Đại hội TDTT ở cơ sở, đã có một vài tiết mục đồng diễn đơn giản về múa thể dục của trường mẫu giáo tiên tiến về TDTT.

- Giáo dục phổ thông: xây dựng các trường học tiên tiến về thể dục - vệ sinh theo điển hình trường Tấn Thuật (Kiến Xương, Thái Bình). Năm 1979 đã có trên 200 trường học đạt danh hiệu tiên tiến về TDTT ở cấp toàn quốc.

- Phong trào 4 môn điền kinh cấp II và 5 môn điền kinh phối hợp cấp III, cờ Vua, bóng bàn, điền kinh, bơi lội và bóng chuyền được mở rộng.

Từ năm học 1979-1980: Bộ Giáo dục, Tổng cục TDTT, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh... đã chủ trương tổ chức Hội khỏe Phù Đổng.

Đến 1984, phong trào TDTT trong trường học được phát triển tương đối đều ở khắp các địa phương trong toàn quốc, kể cả ở miền núi và biên giới. Hầu hết các trường đều thực hiện thể dục giữa giờ và trước giờ học, một số

trường đã xây dựng các lớp thể thao ngoại khóa về bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bơi...

Từ khi Tổng cục TDTT thành lập lại (7/1992), sự quan tâm của ngành TDTT và giáo dục đào tạo được sát sao hơn, chặt chẽ hơn, kế hoạch phối hợp có hiệu quả hơn. Chương trình quốc gia về phát triển TDTT trong trường học đã được soạn thảo trình Chính phủ.

Từ năm 1996, sau khi gia nhập Hội đồng thể thao học sinh phổ thông Đông Nam Á (ASSG), Đoàn thể thao học sinh nước ta tham gia các giải ở Đông Nam Á và Châu Á và năm 1997 đã đăng cai giải vô địch cầu lông năm 1998 đăng cai giải bóng bàn học sinh ASEAN.

Từ năm 1993, tổ chức Hội thi Văn hóa Thể thao các trường dân tộc nội trú. Tiêu chuẩn RLTT mới cho học sinh phổ thông (số 403/GD-TDTT ngày 117/6/1975) với khẩu hiệu “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Thông tư số 28/TT ngày 20/9/1986 quy định tất cả học sinh cấp I phải kiểm tra 4 tiêu chuẩn. Thông tư 29/TT ngày 6/10/1990 áp dụng cho học sinh cấp II và III.

Năm 1995-1996, tiến hành điều tra thể chất tổng thể và xây dựng hệ thống RLTT mới cho học sinh, lực lượng vũ trang để thực hiện thống nhất từ năm 1997-1998.

- Tổ chức các Hội khỏe Phù Đổng

Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ I tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 8 đến 16/10/1983; lần thứ II tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 20 đến 28/7/1987; thứ III tổ chức tại thành phố Đà Nẵng vào tháng 7/1992; thứ IV tổ chức tại thành phố Hải Phòng vào tháng 8/1996; lần thứ V diễn ra vào đúng năm 2000 tại tỉnh Đồng Tháp; lần thứ VI là Hội khỏe đầu tiên của thế kỷ 21 đã tổ chức tại thành phố Huế, đánh dấu giai đoạn mới của thể thao học sinh nước nhà; lần thứ VII năm 2008 đã được ấn định tổ chức tại Phú Thọ.

Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp

5 năm đầu tiên khôi phục lại đất nước sau khi giải phóng miền Nam, giáo dục thể chất trong học sinh, sinh viên các trường đại học, trung học chuyên nghiệp dần dần khôi phục và mở rộng.

Hội Thể thao Đại học Việt Nam đã được Hội đồng Bộ trưởng cho phép hoạt động chính thức (QĐ 230/HĐBT ngày 6/11/1982).

Hội là thành viên của Ủy ban Olympic Việt Nam, Liên đoàn Thể thao Sinh viên thế giới (FISU), Châu Á (AUSF) và Đông Nam Á (AUSC), có hệ thống tổ chức từ trung ương, các tỉnh, thành phố, các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp.

Hoạt động quốc tế của thể thao đại học - trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cho Hội Thể thao Đại học Việt Nam thực hiện ngày càng hiệu quả. Từ năm 1983, liên tục hàng năm thể thao sinh viên Việt Nam đã tham gia Đại hội Thể thao thế giới.

Huấn luyện thể lực và hoạt động TDTT trong quân đội nhân dân

-Trong giai đoạn 1975-1990, công tác huấn luyện và hoạt động TDTT quân đội đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao thể lực chung của cán bộ, chiến sĩ và đóng góp nhiều vận động viên có thành tích thể thao cao.

Phong trào “Chiến sĩ khỏe” được phát động từ những năm 1970, sau cuộc thi toàn quân lần thứ I năm 1979 đã mau chóng ứở thành phong trào toàn quân. Từ phong trào này đã xuất hiện nhiều vận động viên điền kinh xuất sắc.

+ **Phong trào TDTT quân** chúng được phát triển khá sâu rộng trong các đơn vị cơ sở của các quân chủng, binh chủng, các học viện, các trường, cơ quan thuộc Bộ, Quân khu.

+ **Thể thao thành tích cao:** Lực lượng thể thao thành tích cao của quân đội tập trung chủ yếu là Đoàn Thể công,- CLB Thể thao Quân đội trực thuộc Cục Huấn luyện chiến đấu, Bộ tổng tham mưu.

Năm 1981 diễn ra bóng đá SKDA tại nước ta; năm 1984, giải SKDA lại được tổ chức nhân dịp 40 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Giải SKDA cuối cùng vào năm 1989 ở Việt Nam.

Năm 1984, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ tổng tham mưu tổ chức Đại hội TDTT toàn quân lần thứ II đánh dấu bước trưởng thành của TDTT quân đội sau 9 năm thống nhất đất nước.

Đoàn Thể thao Quân đội tham dự Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ I năm 1985 với 169 vận động viên đạt thành tích thứ 3 sau đoàn Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Câu lạc bộ Thể thao Quân đội đã đào tạo nhiều vận động viên có trình độ góp phần nâng cao trình độ thể thao nước ta.

Đại hội TDTT toàn quân lần thứ III vào tháng 12/1994.

Năm 1995, Đoàn Thể thao quân đội tham dự Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ III, giành 115 huy chương các loại (33 vàng, 44 bạc, 38 đồng). Đại hội TDTT toàn quốc IV: xếp thứ 3, có 90 kiện tướng và 180 cấp I.

Thời kỳ này bắt đầu hình thành một số trung tâm thể thao quân khu, tạo ra một hệ thống tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động TDTT của toàn quân. Nhờ vậy, hệ thống các tuyển vận động viên từng bước hình thành ở 19 môn thể thao, trong đó 12 môn có thành tích đạt trình độ Đông Nam Á.

Chỉ trong năm 1995, thể thao quân đội có 71 vận động viên đạt kiện tướng, 134 đạt cấp I. Tại các giải vô địch quốc gia, thể thao quân đội đã giành 33 huy chương vàng, 44 huy chương bạc, 38 huy chương đồng, còn ở các giải trẻ giành 18 huy chương vàng, 21 huy chương bạc, 14 huy chương đồng.

Huấn luyện thể lực và hoạt động TDTT trong lực lượng công an nhân dân

TDTT công an bao gồm những nội dung quy định về huấn luyện thể lực, các bài võ thuật ứng dụng chiến đấu, chạy vũ trang, bắn súng quân dụng và các tiêu chuẩn thể lực của chiến sĩ công an, đồng thời đẩy mạnh hoạt động các môn thể thao như bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, bơi lội... tùy thuộc điều kiện sân bãi. Ngành công an tích cực tham gia phong trào thi đua xây dựng điển hình tiên tiến về TDTT, đồng thời vẫn chú trọng phong trào thể thao.

Cuộc phát động phong trào RLTT theo tiêu chuẩn của chiến sĩ công an

cùng với hoạt động thể thao hướng đến Đại hội TDTT “Vì an ninh Tổ quốc” lần thứ I năm 1980 diễn ra sôi nổi chào mừng 35 năm thành lập lực lượng Công an vũ trang.

Năm 1985, Đại hội TDTT “Vì an ninh Tổ quốc” lần thứ II kỷ niệm 40 năm thành lập ngành.

Những năm 1986-1990, Tổng cục TDTT và Bộ Nội vụ chủ trương phát động phong trào với hình thức thi đua mới với tên gọi “Chiến sĩ Công an khỏe”. Phong trào “Chiến sĩ Công an khỏe” trở thành nội dung chủ yếu nhất trong công tác huấn luyện thể lực được đưa vào hệ thống thi đấu toàn ngành công an định kỳ 2 năm/lần. Những năm 1987-1989, thường xuyên có 60-65% số cán bộ, chiến sĩ trong độ tuổi dưới 30 kiểm tra đạt tiêu chuẩn và 10-15% đạt danh hiệu “giỏi”.

Năm 1995 cũng là Đại hội khỏe “Vì an ninh Tổ quốc” lần thứ III.

Năm 2000, Đại hội “Vì an ninh Tổ quốc” lần thứ IV. Toàn ngành có 11 môn thể thao đào tạo vận động viên thành tích cao với chỉ tiêu hàng năm trên 300 vận động viên. Karatedo là môn thể thao mũi nhọn đoạt nhiều huy chương trong nước và Châu Á, môn bắn súng đoạt thứ hạng cao ở Đông Nam Á.

Thể dục thể thao trong một số đối tượng

a. Thể dục thể thao trong thiếu niên, nhi đồng

+ Thanh niên: Từ những năm 1970, Đoàn Thanh niên phối hợp với Tổng cục TDTT phát động phong trào “Toàn chi đoàn biết bơi” và “Toàn đơn vị tập chạy”. Mỗi năm có hàng chục cơ sở Đoàn đăng ký phần đấu.

Năm 1999, với tinh thần mới “Khỏe để lập nghiệp, giữ nước” phù hợp với xu thế vận động thanh niên làm kinh tế, học tập, lao động, sản xuất.

+ Thiếu niên - Nhi đồng: Các hình thức lớp, trường nghiệp dư thể thao phát triển ở các địa phương, nhất là thời gian nghỉ hè, trong ngành thường gọi là

học kỳ ba với hàm ý như là tổ chức dạy và học thể dục. Từng bước tổ chức những giải thể thao thiếu niên, nhi đồng ở từng địa phương và định kỳ ở cấp toàn quốc. TDTT được phát triển ngày một mạnh mẽ trong hệ thống

Cung thiếu nhi, Nhà thiếu nhi trên phạm vi cả nước.

b. TDTT với phụ nữ

Cùng với sự phát triển của xã hội, từ những năm 90, phong trào tập thể dục của nữ thanh niên bắt đầu khởi sắc. Đời sống kinh tế - xã hội của đất nước được cải thiện tạo điều kiện cho nữ thanh niên ở thành phố tiếp thu loại hình RLTT mới như thể dục thẩm mỹ. Phong trào TDTT trong phụ nữ phát triển khá bền vững và sâu rộng là hệ thống Câu lạc bộ sức khỏe người trung - cao tuổi, trong đó đa phần là phụ nữ. tổ chức thi điểm và mở rộng giải bóng bàn, giải cầu lông dành cho phụ nữ, nhất là “giải gia đình thể thao” từ tiêu chí “gia đình thể thao” trở thành một chỉ tiêu phát triển TDTT quần chúng.

c. TDTT với cán bộ, công nhân, viên chức và doanh nhân:

Trong những năm 70, Tổng Công đoàn tích cực chỉ đạo phong trào thi đua xây dựng các đơn vị tiên tiến về TDTT trong các nhà máy, xí nghiệp, công nông lâm trường. Phong trào TDTT phát triển mạnh trong các Bộ, ngành như Công nghiệp nặng, Công nghiệp nhẹ, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Giao thông Vận tải, Đường sắt và Tổng cục Cao su ở miền Nam. Hàng năm Tổng Liên đoàn và các Công đoàn tỉnh, thành phố tổ chức các giải bóng chuyền, bóng đá công nhân viên chức. Phong trào TDTT quần chúng trong các tổ chức công đoàn đã giữ một vai trò quan trọng đối với TDTT các địa phương. Những đội bóng đá Cảng Hải Phòng, Dệt Nam Định, Cảng Sài Gòn, Công nhân Nghĩa Bình là những đội bóng có tên tuổi trong những năm 70-80.

Bước vào thời kỳ 1996-2000, nhiều Tổng Công ty, Công ty đã bắt đầu xây dựng cơ sở sân bãi, nhà thể thao, kể cả xây dựng đội thể thao mạnh, vừa đáp ứng nhu cầu RLTT và thỏa mãn đời sống văn hóa của đơn vị, vừa đóng góp vào sự phát triển kinh tế, trong đó nổi bật lên là ngành Than, Dầu khí, Giao thông,

Vận tải, Bưu chính Viễn thông, Điện lực. Một số doanh nghiệp có đầu tư lớn cho TDTT ngày một nhiều, tiêu biểu như Giấy Bãi Bằng, Dầu khí, Than

d. TDTT với nông dân và nông thôn:

Trong hoàn cảnh vừa thống nhất đất nước, đời sống ở nông thôn các vùng mới giải phóng còn rất khó khăn, nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, lương thực, thực phẩm ở nông thôn khẩn cấp hơn bao giờ hết. Ngành TDTT đề ra nhiệm vụ vừa phải tiếp tục chỉ đạo xây dựng các đơn vị xã có phong trào TDTT mạnh đăng ký tiên tiến TDTT, vừa phát động RLTT để từng bước xóa các “điểm trắng” về TDTT ở nông thôn miền Nam và miền núi.

Ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng, phong trào TDTT duy trì liên tục nhiều nơi như Thái Bình, Hà Nam Ninh và đã xây dựng điển hình tiên tiến TDTT đạt 30-40% số xã, có nơi đạt 50-60% số xã trong tỉnh. Ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long từng bước mở rộng môn bóng đá cùng với phổ cập các bài thể dục, gây dựng TDTT trong trường học làm nòng cốt cho phong trào nông thôn. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên từng bước phát triển điền kinh, bóng chuyền ở các thị xã và những bản làng có điều kiện sân bãi. Học tập kinh nghiệm từ các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh như Phú Khánh, Nghĩa Bình, Bình Trị Thiên, Đồng Nai, Long An mạnh dạn hướng dẫn xây dựng sân bãi, bồi dưỡng cán bộ, phát triển và khôi phục các hoạt động TDTT dân tộc có sẵn tại địa phương.

Phát triển TDTT nông thôn lấy trường học làm nòng cốt, kết hợp cuộc vận động toàn dân RLTT, xây dựng đơn vị tiên tiến về TDTT là một sự tìm tòi, sáng tạo và kiên trì vận dụng đường lối TDTT của Đảng vào xây dựng nông thôn mới.

Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, công tác chỉ đạo xây dựng phong trào TDTT trong nông thôn được phân cấp hướng về cơ sở, chú trọng các vùng sâu, miền núi.

TDTT trong đồng bào dân tộc thiểu số

Trong 2 năm 1989-1990, nhiều nơi tổ chức “Ngày văn hóa - thể thao dân tộc” song trùng với Đại hội TDTT ở cơ sở. Sự liên kết này mở ra các hình thức hoạt động phong phú ở địa phương.

Từ năm 1991 đã diễn ra các hoạt động văn hóa - thể thao dân tộc dành

cho đồng bào dân tộc tham gia. Ngày hội văn hóa - thể thao Tây Bắc tại Sơn La, Hội thi văn hóa - thể thao các dân tộc huyện miền núi của Quảng Nam, Đà Nẵng. Đặc biệt tỉnh Hậu Giang, sau đó là Sóc Trăng, đã đăng cai tổ chức đua ghe ngo của đồng bào Khơme Nam Bộ, có các tỉnh khác tham gia trong dịp lễ hội Ooc-om-bok.

Năm 1996 Tổng cục TDTT tổ chức Hội thi Thể thao dân tộc toàn quốc khai mạc tại thị xã Hòa Bình nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập ngành TDTT và chào mừng ngày “Thể thao Việt Nam”. Hội thi kết thúc vào dịp 2/9, tổ chức tại Nghệ An.

Từ năm 1994, ngành giáo dục đào tạo tổ chức định kỳ Hội thi văn hóa - thể thao các trường dân tộc nội trú, thu hút hàng trăm con em đồng bào các dân tộc trong cả nước tham gia.

Ủy ban TDTT và Ủy ban Dân tộc và miền núi đã thống nhất một chủ trương lớn là đẩy mạnh phong trào TDTT toong cộng đồng các dân tộc thiểu số và trên các địa bàn miền núi thông qua các Hội nghị Thể thao các dân tộc từ cơ sở đến toàn quốc. Hội nghị lần thứ I năm 1999 diễn ra ở 2 khu vực tại Thái Nguyên và Đắc Lắc. Theo định kỳ Hội nghị lần thứ II (2001), lần thứ III (2003), lần thứ IV (2005) đã lôi cuốn thành viên của 36-38 dân tộc tham gia. Đồng thời cuộc đua ghe ngo của đồng bào Khơme Nam Bộ năm nào cũng được tổ chức. Ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc Chăm ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận đã được quan tâm. Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên tổ chức các hoạt động TDTT của đồng bào Hoa.

Khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc

Giải vật hàng năm của các địa phương có phong trào mạnh vẫn được tổ chức (Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Hà Bắc..

Võ cổ truyền: Năm 1987, một số hội diễn võ thuật ở địa phương đã diễn ra rất sôi nổi, thu hút nhiều võ sinh các môn phái biểu diễn. Tháng 12 năm 1988, Hội diễn Võ thuật toàn quốc lần đầu tiên được chính thức tổ chức.

Năm 1988, Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam được Chính phủ cho phép hoạt động với điều lệ quy chế chặt chẽ, đã phối hợp với Tổng cục

TDTT, các Sở TDTT địa phương, đẩy mạnh các mặt tổ chức, quản lý nghiệp vụ. Hội diễn Vovinam - Việt võ đạo được Tổng cục TDTT quan tâm khôi phục, quản lý và phát triển song hành cùng các môn phái võ cổ truyền.

Vật cổ truyền, được khôi phục mạnh mẽ từ năm 1991.

Đá cầu: Từ những năm đầu thập kỷ 90, thi đấu đá cầu được tiến hành mang tên báo “Thiếu niên Tiền phong”. Đội đá cầu Việt Nam tham dự giải CHLB Đức mở rộng, có vận động viên của Trung Quốc, Hồng Kông, Hungari, Phần Lan tham gia, đoàn Việt Nam đoạt Cúp vô địch.

Đua thuyền: Từ năm 1991, soạn thảo luật thi tam thời. Năm 1992, tổ chức giải đua thuyền chài ở 2 khu vực và đua ghe ngo trong dịp lễ Ooc-ombok ở Nam Bộ. Từ năm 1996, các giải đua thuyền chài, ghe ngo, cả loại thuyền bầu, thúng được định kỳ tổ chức, có khá nhiều địa phương tham gia.

Súng kíp, bắn nỏ và những trò chơi nhân gian: Từ 1990, Đại hội TDTT ở những miền núi đã thi đấu súng kíp và bắn nỏ theo Luật Bắn súng hiện hành.

Những sự kiện thể thao quy mô lớn mang ý nghĩa chính trị trọng đại

a. Hoạt động TDTT chào mừng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1975-1976) diễn ra trên phạm vi cả nước, tạo thành một chuỗi sự kiện quan trọng của TDTT. Chào mừng thắng lợi kỳ họp thứ nhất của Quốc hội thống nhất cả nước, hơn 3 vạn nhân dân và giới TDTT Thủ đô đã mít tinh, diễu hành tại sân vận động Hàng Đay tối 4/7/1975.

b. Hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn năm 1985: Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ I, đánh dấu bước tiến mới của TDTT nước ta sau 10 năm khôi phục và phát triển.

c. Hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn năm 1990, đánh dấu đỉnh cao của công tác TDTT nước ta sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới: Cuộc đua xe đạp “Xuyên Việt” lần thứ II. Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ II.

d. Hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn năm 1995: Cuộc đua xe đạp “về nguồn”: tháng 5/1995. Cuộc chạy Rước đuốc truyền thống cách mạng. Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ III.

e. Kỷ niệm 50 năm xây dựng nền TDTT cách mạng (30/1/1946-30/1/1996) và Hội thi Thể thao dân tộc toàn quốc 1996.

g. Hội thi thể thao - văn nghệ người khuyết tật Việt Nam năm 1997.

h. Hoạt động TDTT năm 2000 chào mừng 55 năm ngày thành lập nước CHXHCN Việt Nam và là năm chuyển giao sang thiên niên kỷ mới, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và quyết tâm thực hiện thắng lợi Sea Games đầu tiên tổ chức ở nước ta.

2. Phát triển thể thao thành tích cao

Phát triển thể thao thành tích cao — nhiệm vụ chiến lược của thể thao Việt Nam

- Giai đoạn 1975-1976

Tiếp quản tổ chức, cải tạo bộ máy và tổ chức hoạt động TDTT theo chế độ mới, từng bước đưa TDTT vùng mới giải phóng hòa nhập chung với TDTT cả nước thống nhất.

+ Giải Bơi Vượt sông Truyền thống Bạch Đằng lần thứ 4 (tổ chức ngày 29/6/1975) tại sông Mã - Thanh Hóa.

+ Giải Điền kinh tổ chức ở Hà Nội (24-26/10/1975) có 174 vận động viên của 11 tỉnh, thành, ngành tham dự.

+ Giải Việt dã Tiền Phong lần thứ 18 tổ chức tại Vinh - Nghệ An (16/11/1975) có 300 vận động viên của 26 tỉnh, thành, ngành tham dự.

+ 3 Giải Bóng đá mang tên Hồng Hà, Trường Sơn, Cửu Long được tổ chức đồng loạt ở ba miền trong năm 1976.

Giai đoạn này có các cuộc thăm và thi đấu hữu nghị của các đội Bóng bàn, Thể dục Dụng cụ, Võ thuật của Trung Quốc.

- Giai đoạn 1976-1985

+ Hình thành hệ thống giải thi đấu từng môn trong phạm vi toàn quốc.

+ Xây dựng và phát triển đội ngũ năng khiếu thể thao, đội ngũ vận động viên đỉnh cao. Tăng cường thi đấu với các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Đào tạo cán bộ khoa học, đội ngũ huấn luyện viên.

Hình thành hệ thống thi đấu thể thao đỉnh cao

Đến năm 1985, toàn quốc có giải vô địch quốc gia của 20 môn thể thao. Hội khỏe Phù Đổng lần thứ nhất (1982). Đại hội TDTT lần thứ nhất (1985).

Xây dựng và phát triển đội ngũ năng khiếu thể thao, đào tạo, xây dựng đội ngũ vận động viên đỉnh cao, tăng cường tiếp xúc, thi đấu quốc tế

Năm 1975, cả nước có 66 kiện tướng thể thao, 343 vận động viên cấp I; đến năm 1980 có 120 kiện tướng thể thao và 521 vận động viên cấp I được công nhận ở 12 môn thể thao; đến năm 1985 đã có 145 kiện tướng, trên 600 vận động viên cấp I, trong đó 20-30% là vận động viên trẻ, 32 địa phương, ngành đã có vận động viên được phong cấp.

Tổng cục TDTT đã chủ trương đẩy mạnh việc hình thành các trường lớp nghiệp dư thể thao thiếu niên, nhi đồng để phát hiện và đào tạo kỹ thuật cơ bản cho các có năng khiếu thể thao. Điển hình của hình thức này là Trường Thể thao 10/10 của Quận Ba Đình - Hà Nội. Đến năm 1985, cả nước đã có 20 tỉnh, thành phố có trường năng khiếu nghiệp dư và tập trung với khoảng 1.500 vận động viên trẻ ở 3 tuyến - trong đó có khoảng 50-60 vận động viên có khả năng cung cấp cho các đội tuyển quốc gia

- Giai đoạn 1986-1990

Hội nghị toàn quốc ngành TDTT họp tháng 2/1987 đã bàn tổng thể quy hoạch phát triển TDTT với 3 chuyên đề là TDTT quần chúng, đào tạo vận động viên và tổ chức bộ máy của Ngành theo tinh thần đổi mới.

Ngành chủ trương củng cố và thành lập mới các Liên đoàn thể thao, Hiệp hội thể thao quốc gia.

Năm 1988, tại Đại hội Olympic Mùa hè lần thứ 24 tổ chức tại Seoul (Hàn Quốc), Việt Nam gồm 16 người - trong đó có 10 vận động viên của 6 môn điền kinh, bơi, bắn súng, vật, quyền Anh, xe đạp tham dự.

Năm 1989, lần đầu tiên sau ngày đất nước thống nhất, thể thao Việt Nam tham dự Sea Games 15 tại Malaysia. Đoàn Việt Nam gồm 63 người - trong đó có 46 vận động viên của 8 môn. Trong nước lúc này phát triển 17 môn thể thao.

Năm 1990, Đoàn Thể thao Việt Nam gồm 104 người - trong đó 68 vận

động viên của 11 môn thể thao (lần đầu tiên ta cử các vận động viên của Wushu, Judo, đấu kiếm, bóng chày nam tham dự) tham dự ASIAD tại Bắc Kinh.

Giải Bóng bàn Quốc tế “Cây vợt vàng” do Báo Thể thao thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

- ***Giai đoạn 1991-1995***

Năm 1993, thành công của kỳ thủ cờ vua Đào Thiên Hải - vô địch thế giới cờ vua lứa tuổi U16. Đoàn vận động viên Wushu Việt Nam lập thành tích xuất sắc tại Giải Vô địch Thế giới: Nguyễn Thúy Hiền, 14 tuổi, vô địch môn đao thuật, Mai Thanh Ba vô địch tán thủ hạng 56kg...

Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ III có 3.700 vận động viên của 53 tỉnh, thành và 3 ngành (Quân đội - Công an, Giáo dục - Đào tạo) tham dự 24 môn thi. 43 kỷ lục quốc gia về điền kinh, bơi lội, bắn súng đã bị phá cùng với với.

thiết lập thêm 6 kỷ lục quốc gia mới ở môn cử tạ. Đã có 46/46 đơn vị dự thi tại Đại hội đoạt được huy chương, TP Hồ Chí Minh tiếp tục dẫn đầu Đại hội.

Thể thao Việt Nam tiếp tục hội nhập với các hoạt động thể thao quốc tế

- Sea Games 16 năm 1991 ở Philippin, đoàn Thể thao Việt Nam đoạt được 7 huy chương vàng, 12 huy chương bạc, 10 huy chương đồng, xếp thứ 7/10 nước tham dự. Các môn bóng bàn, taekwondo và judo đã có những tấm huy chương vàng đầu tiên cho Thể thao Việt Nam tại đấu trường khu vực.

- Sea Games 17 năm 1993 ở Singapore, đoàn Thể thao Việt Nam đoạt 9 huy chương vàng, 6 huy chương bạc, 19 huy chương đồng, xếp thứ 6/9 nước tham dự. Môn karatedo có 2 huy chương vàng.

- Sea Games 18 năm 1995 tổ chức ở Chiang Mai - Thailand, đoàn Thể thao Việt Nam đoạt 10 huy chương vàng, 18 huy chương bạc, 24 huy chương đồng, xếp thứ 6/10 nước tham dự.

- Năm 1992, lần thứ ba Việt Nam tham gia Đại hội Olympic Mùa hè tổ chức ở Barcelona với 7 vận động viên (bắn súng, điền kinh, bơi) và không đạt được huy chương nào.

- Tham dự ASIAD XII ở Nhật Bản 1994 với 84 vận động viên của 9 môn.

Hệ thống đào tạo vận động viên và thi đấu quốc gia được tiếp tục mở rộng và hoàn thiện

- Từ khi Tổng cục TDTT được thành lập lại (9/1992), công tác đào tạo vận động viên đã được chú ý coi trọng hơn. Tháng 4/1994 toàn Ngành mở hội nghị chuyên đề “Đổi mới công tác đào tạo cán bộ và vận động viên”, xây dựng hệ thống đào tạo tài năng thể thao trẻ ở các địa phương.

Hệ thống thi đấu các môn thể thao được tiếp tục hoàn thiện, phân định các lứa tuổi, các loại đội trẻ, hạng nhất, hạng nhì, hạng đội mạnh...

- Giai đoạn 1996-2000

Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996) đã nêu “Mở rộng quan hệ quốc tế thể dục thể thao. Từng bước hình thành lực lượng thể thao chuyên nghiệp”. “Xây dựng các Trung tâm Thể thao Quốc gia”.

Trong năm 1996 cả 20 môn thể thao của nước ta đều xuất quân tham dự các giải quốc tế và đều giành được huy chương.

- Năm 1997, Chương trình mục tiêu quốc gia về thể thao tiếp tục được thực hiện với 1.559 vận động viên và 213 huấn luyện viên. Năm 1997 đã đào tạo được 1.486 vận động viên cấp I, 135 dự bị kiện tướng, 128 kiện tướng thể thao và 9 trọng tài cấp quốc tế; đã phá được 54 kỷ lục thể thao quốc gia.

Năm 1997, tham dự Sea Games 19 tổ chức ở Indonexia, có 540 người - trong đó có 340 vận động viên tham gia thi đấu ở 24/34 môn thi chính thức.

- Năm 1998, tham dự ASIAD XIII tổ chức ở Thailand, đoàn Việt Nam được 1 HCV (Hồ Nhất Thống - Taekwondo), 5 HCB trong các môn Taekwondo, karatedo, wushu, cầu mây nữ và 11 HCB.

Năm 1998 Việt Nam đã tổ chức 80 giải vô địch quốc gia và giải quốc tế; đã phá được 84 kỷ lục quốc gia; đã có 623 lượt vận động viên đạt danh hiệu dự bị kiện tướng và kiện tướng thể thao; 540 vận động viên cấp I.

- Năm 1999, tham dự Sea Games 20 ở Brunei, Việt Nam đã được 17 HCV, 20 HCB, 27 HCD.

- Năm 2000, thể thao đỉnh cao của Việt Nam tiếp tục con đường hội nhập quốc tế và chinh phục các đỉnh cao thành tích mới - đặc biệt là tham dự Olympic Mùa hè lần thứ 27 tại Sydney. Năm 2000 đặc biệt sôi nổi với hơn 100 giải vô địch quốc gia được tổ chức thành công, phá được 78 kỷ lục quốc gia, giành 11 HCB về Taekwondo nữ tại Đại hội Olympic Mùa hè tại Sydney - 2000, 32 HCV, 14 HCB, 9 HCD ở các giải thể thao cấp thế giới. Kỳ thủ võ vua Nguyễn Ngọc Trường Sơn đoạt huy chương vàng thế giới U10; các võ sĩ Silat giành 5 HCV, 6 HCB, 2 HCD ở giải vô địch thế giới và 10 HCV, 6 HCB, 3 HCD ở giải vô địch trẻ thế giới. Ở cấp Châu Á, chúng ta đã đoạt được 20 HCV, 16 HCB, 14 HCD và khu vực Đông Nam Á là 58 HCV, 43 HCB, 37 HCD.

IV. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC

1. Nền TDTT xã hội chủ nghĩa có tính dân tộc, khoa học và nhân dân đã từng bước được hoàn chỉnh và phát triển tổng thể trên cả nước về tổ chức bộ máy, cán bộ, cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị, báo chí, xuất bản, nghiên cứu khoa học để phát triển phong trào TDTT quần chúng, đào tạo đội ngũ vận động viên, mở rộng quan hệ quốc tế.

2. Tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về **TDTT** từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố, các ngành giáo dục - đào tạo, lực lượng YU trang ngày càng được củng cố và phát triển với hệ thống tổ chức xã hội của TDTT.

3. *Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của TDTT* từ đơn giản đến quy mô hiện đại trên phạm vi cả nước đã được hình thành về cơ bản và đã phát huy tác dụng tích cực trong việc phục vụ người tập, đào tạo vận động viên các trình độ và góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa - tinh thần của các tầng lớp nhất dân.

4. *Quan hệ quốc tế về TDTT* ngày càng mở rộng, có chiều sâu và kết quả thu được đã góp phần tích cực thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và

Nhà nước.

5. *Nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ vào hoạt động TDTT* chủ yếu là tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên các môn thể thao, đã có bước tiến bộ, còn trong các lĩnh vực quản lý, thiết kế và xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ TDTT còn nhiều hạn chế.

6. *Sự phối hợp của ngành TDTT với các ngành, đoàn thể liên quan* trong những năm qua là một truyền thống rất quý báu trong sự nghiệp TDTT nước ta.

7. *Nội dung và hình thức RLTT của nhân dân* đa dạng, phong phú, bao gồm cả thể thao hiện đại, thể thao dân tộc và các phương pháp rèn luyện cổ truyền.

8. *Xây dựng đội ngũ vận động viên* làm nòng cốt cho phong trào, vươn lên đạt thành tích cao trong nước và quốc tế, là một nhu cầu tất yếu và phù hợp quy luật xây dựng nền TDTT của quốc gia.

9. *Một số vấn đề tồn tại đáng quan tâm hiện nay:*

- Sự phát triển phong trào TDTT, nhất là thể thao thành tích cao ở các tỉnh miền núi, đồng bằng có sự chênh lệch ngày càng rõ rệt lệ thuộc một phần vào điều kiện và sự phát triển kinh tế - xã hội, nhưng chủ yếu là sự đầu tư, chỉ đạo và quan tâm của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. Những điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và cán bộ, huấn luyện viên ở các tỉnh miền núi, vùng cao, vùng xa còn rất hạn chế so với các tỉnh, thành phố trên bình diện chung cả nước. Tổ chức bộ máy của ngành TDTT trên cả nước có những thời điểm không ổn định và thiếu thống nhất, trước hết là từ cấp huyện đến cơ sở. Chủ trương ghép văn hóa - thông tin - thể thao ở huyện, nhất là xã, thậm chí các quận nội thành chưa có một cơ chế quản lý rõ ràng, minh bạch và bao biện lẫn nhau là một tồn tại nhiều năm chưa được tổng kết, rút kinh nghiệm. Ở cơ quan TDTT Trung ương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước tầm vĩ mô còn nhiều bất cập, thiên về tổ chức thi đấu thể thao, ít nắm bắt cơ sở để tổng kết lý luận.

- Nhiều vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng nền TDTT trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được tổng kết một cách hệ thống, đồng thời nhiều chế độ, chính sách xã hội đối với TDTT chậm được sửa đổi, bổ sung theo tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và quan hệ quốc tế

CHƯƠNG VI: THỂ DỤC THỂ THAO VIỆT NAM TỪ NĂM (2001- ĐẾN NAY)

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình chính trị, xã hội trong nước, thế giới và nhiệm vụ 5 năm đầu thế kỷ XXI của Việt Nam.

Kết thúc năm 2000 - kết thúc thế kỷ XX. sự nghiệp “đổi mới” do Đảng Cộng sản Việt Nam phát động và thực hiện đã được triển khai 15 năm. Nhờ có đổi mới, thế và lực của Việt Nam đã mạnh lên nhiều.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI của Việt Nam đã được Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX khẳng định là; “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”

2. Tình hình TDTT trong nước và thế giới

Sau hơn 100 năm khôi phục và phát triển, phong trào Olympic hiện đại, đã có trên 200 Ủy ban Olympic quốc gia và 63 Liên đoàn quốc tế các môn thể thao thành viên. Tư tưởng của Pierre De Coubertin “*Thể thao cho mọi người, thể thao vì hòa bình, hữu nghị và đoàn kết giữa các dân tộc, vì sự tiến bộ của nhân loại*” và lý tưởng Olympic: “*Xây dựng một thế giới hòa bình và hữu nghị thông qua thể thao và lý tưởng Olympic, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trên thế giới, đặc biệt là thế hệ trẻ và thông qua thể thao, văn hóa để thúc đẩy sự phát triển hài hòa của loài người*” đã ngày càng được ủng hộ và khẳng định trong xã hội hiện đại.

Phe xã hội chủ nghĩa ra đời và tồn tại chưa được một thế kỷ nhưng cũng đã kịp cho nhân loại thấy hình hài ưu việt của một chế độ xã hội mới, trong đó có một nền TDTT mới - TDTT xã hội chủ nghĩa. Việt Nam cũng đã được

tiếp nhận sự giúp đỡ, hỗ trợ nhiều mặt và hiệu quả của các nước XHCN và phong trào thể thao thế giới thông qua Ủy ban Olympic quốc tế (IOC) và các Liên đoàn các môn thể thao thế giới

II. XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ CỦA NỀN TDTT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan điểm, đường lối và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về TDTT

5 năm đầu của thế kỷ XXI, Việt Nam tiếp tục phấn đấu xây dựng một nền TDTT “*Phát triển cân đối cả tính chất dân tộc, khoa học và nhân dân*”. Tính khoa học được thể hiện ngay ở tính kế hoạch. Ngay từ những năm đầu, Đảng và Nhà nước đã yêu cầu ngành TDTT xây dựng các kế hoạch 2001 - 2005; Kế hoạch đến năm 2010, 2015 và cả 2020.

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đề ra mục tiêu là: “Tập trung sức của toàn ngành, tạo bước nhảy vọt về quy mô và chất lượng của thể thao Việt Nam trong những năm đầu của thế kỷ XXI, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tăng cường thể lực của nhân dân; Phấn đấu đẩy nhanh trình độ và thành tích thể thao; Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, thực hiện có hiệu quả việc xã hội hóa các hoạt động TDTT, góp phần phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

“Kế hoạch phát triển sự nghiệp TDTT 5 năm (2001-2005) “Đã xác định Thể thao Việt Nam cần phải nỗ lực phấn đấu thực hiện và tham gia các hoạt động lớn sau đây:

- 1) Tham dự Sea Games XXI (2001).
- 2) Tham dự Đại hội Thể thao Châu Á; tổ chức Đại hội TDTT các cấp tiến tới Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ IV (2002).
- 3) Tổ chức và tham dự Sea Games XXII tại Việt Nam (2003).
- 4) Tham dự Đại hội Olympic (2004).
- 5) Tham dự Sea Games XXIII (2005)”.

Để tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động TDTT, Đảng và Nhà nước đã ban hành những chỉ thị, nghị quyết.

Chăm lo cho sự phát triển của ngành TDTT, Đảng và Nhà nước chủ

trương đẩy mạnh xã hội hóa TDTT. Mặt khác, chủ trương phát triển tầm vóc và thể lực của con người Việt Nam.

2. Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước và tăng cường cơ sở vật chất cho TDTT

Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý Nhà nước

Ngày 27/6/2001. Quốc hội đã phê chuẩn và Thủ tướng Chính phủ Phan

Văn Khải đọc bổ nhiệm chức danh Bộ trưởng, chủ nhiệm UB TDTT đối với ông Nguyễn Danh Thái.

Năm 2002, Ủy ban TDTT đã khảo sát trong toàn ngành về thực trạng bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ cấp quận, huyện, xã, phường để xây dựng chương trình phát triển TDTT ở cơ sở, trình Chính phủ. UB TDTT phối hợp với UBND các cấp tiếp tục củng cố, tăng cường bộ máy tổ chức cán bộ ở cơ sở. Đã có thêm 4 trong số 5 tỉnh thành lập Sở TDTT.

Năm 2003: bộ máy của ngành TDTT từ trung ương đến địa phương tiếp tục được kiện toàn. Thành lập thêm đơn vị mới: Khu Liên hợp TTQG, Tạp chí Thể thao, Trung tâm Tin học. Sở TDTT Phú Thọ đã được thành lập.

Năm 2004: có thêm hai Sở TDTT mới được thành lập: Sở TDTT Lào Cai và Sở TDTT Bắc Cạn.

Năm 2005: Sở TDTT Vĩnh Phúc được thành lập, như vậy tại tất cả các tỉnh, thành của Việt Nam đều đã có Sở TDTT riêng. Tuy nhiên, ở cấp quận huyện trở xuống, các Phòng Văn hóa - TDTT... vẫn tiếp tục tồn tại.

Tháng 8/2005, ngành TDTT có thêm một Phó chủ nhiệm. Như vậy Lãnh đạo của UB TDTT gồm 3 người.

Trong thời gian 2001-2005, đội ngũ cán bộ quản lý từ cấp Vụ trở lên được tăng cường.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Công tác đào tạo của các Trường Chuyên nghiệp TDTT của ngành TDTT và ngành GD-ĐT tăng về số lượng, dần đáp ứng được sự thiếu hụt cán bộ, giáo viên TDTT của cả nước.

Năm 2005, cả hai Trường Cao đẳng Sư phạm TDTT của Bộ GD-ĐT đều được nâng cấp thành các trường Đại học.

Hiện tại có khá nhiều khoa, bộ môn giáo dục thể chất và các trường đại học hoặc cao đẳng sư phạm tham gia đào tạo các cán bộ TDTT có trình độ đại học hoặc cao đẳng.

Việc đào tạo sau đại học vẫn được thực hiện với hai cơ sở đào tạo thạc sĩ và một cơ sở đào tạo tiến sĩ.

Mặt dù có nhiều thành tích trong công tác cán bộ, nhưng đang thiếu hụt các cán bộ có chất lượng, đặc biệt là cán bộ khoa học.

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ

Năm 2001, Đề tài cấp Nhà nước: “Nghiên cứu công nghệ đặc thù đào tạo VĐV quốc gia trên một số môn thể thao ” do Viện Khoa học TDTT chủ trì đã được nghiệm thu. Từ năm 2001, đề tài cấp Nhà nước “Điều tra thể chất nhân dân từ 7-60 tuổi” được triển khai.

Viện Khoa học TDTT và hai trường ĐH TDTT đã hoàn thành trên 20 đề tài tác nghiệp khoa học.

Quan tâm tới lịch sử của ngành, Lãnh đạo UB TDTT đã giao nhiệm vụ cho một tập thể 10 cán bộ TDTT, “Nghiên cứu và biên soạn Sơ thảo lịch sử TDTT Việt Nam Các tác giả đã hoàn thành phần lịch sử TDTT cách mạng Việt Nam từ năm 1946 đến 2005” - nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập ngành TDTT Việt Nam.

Ủy ban TDTT đã chủ động phối hợp với các ngành, đơn vị hữu quan xúc tiến việc nghiên cứu, xây dựng Chương trình “Nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam”.

Chương trình này sẽ được triển khai từ năm 2006 và kéo dài 25 năm (đến năm 2030), với tổng chi phí gần 650 tỉ đồng.

Công tác thông tin tuyên truyền, báo chí, xuất bản TDTT:

“Tạp chí Thể thao ” là cơ quan ngôn luận của UB TDTT được thành lập từ 19/2/1998. Đến tháng 9/2004 tạp chí ra mỗi tháng một số. Từ tháng 10/2004 mỗi tháng ra hai số.

Báo “Thể thao Việt Nam” của ngành TDTT tiếp tục tăng tốc nhất triển. Các báo “Thể thao ngày nay” của Sở TDTT Hà Nội, báo “Thể thao Tp.HCM” của Sở TDTT Tp.HCM và báo “Bóng đá” của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam... trang TDTT của rất nhiều báo khác phát hành.

Tính đến năm 2005, Nhà xuất bản TDTT đã có 45 năm xây dựng và trưởng thành. Chỉ trong 20 năm trở lại đây, Nhà xuất bản TDTT đã phát hành gần 2.400 đầu sách với khoảng 8,5 triệu bản.

Công tác pháp chế, thanh tra - kiểm tra, thi đua, khen thưởng và kỷ luật trong lĩnh vực TDTT

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực TDTT được chú trọng đẩy mạnh. Chống tiêu cực trong các hoạt động TDTT. Ủy ban TDTT chủ trương cương quyết xử lý và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý bất kỳ hành vi tiêu cực nào liên quan tới hoạt động TDTT.

Ngành TDTT luôn làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, kịp thời phát động các phong trào thi đua theo phong trào chung của cả nước.

Song song với khen thưởng, việc xem xét và thi hành kỷ luật cũng được tiến hành khá nghiêm túc. Sau SEA Games XXII, VĐV bị phát hiện có sự doping đã bị thu hồi huy chương và bị kỷ luật. Tai tiếng của một quan chức trong ngành TDTT đã phần nào ảnh hưởng xấu tới danh dự và uy tín của ngành TDTT.

Trong năm 2005, bóng đá đi đầu trong xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa, tới nay, nhiều điều sai trái yếu kém đã bộc lộ.

Việc làm rõ và xử lý còn cần nhiều thời gian và quyết tâm của những người có trách nhiệm.

Tiêu cực không chỉ ở môn bóng đá mà còn có cả ở một số môn thể thao khác: mặt trái của cơ chế thị trường đã gây tác hại, lung đoạn ở các lĩnh vực kinh tế, xã hội, trong đó có cả TDTT - đặc biệt giới thể thao thành tích cao.

Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính cho hoạt động TDTT

Trong 5 năm đầu của thế kỷ XXI, việc lần đầu tiên nước ta đăng cai tổ chức Sea Games XXII vào cuối năm 2003, chính là dịp để Nhà nước đầu tư một khoản kinh phí lớn, nhiều nhà thi đấu mới vừa lớn vừa hiện đại mới được xây dựng. Đặc biệt là việc xây dựng Khu Liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình.

Để đăng cai tổ chức ASIAN Indoor Games năm 2009 VN đã giành 2 triệu USD để xây dựng một sân vận động có mái che, trên một khu đất rộng 3 ha.

Các tổ chức xã hội về TDTT và quan hệ quốc tế về TDTT

Năm 2001, lĩnh vực quan hệ quốc tế của TDTT Việt Nam đã được tăng cường và mở rộng:

Đã chuẩn bị và ký 7 chương trình hợp tác về TDTT với các nước trong khu vực, các cường quốc thể thao trên thế giới, các tổ chức thể thao quốc tế:

Năm 2002 TDTT VN tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia mạnh về thể thao (Pháp, Đức, Mỹ, Australia, Trung Quốc, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc...) và với các nước trong khu vực ASEAN, vừa phát triển lại các mối quan hệ với các quốc gia thuộc khối SNG cũ (Ukraina) và Đông Âu (Bungari, Rumani...)-

Trong năm 2002, Việt Nam tổ chức thành công hai Hội nghị toàn thể của Liên đoàn Thể thao Đông - Nam Á nhiệm kỳ 2002-2003. Việt Nam đón nhận đăng tổ chức ASEAN Para Games II.

Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự Đại hội Olympic tại Athen, Hy Lạp và Paralympic Athens 2004.

Năm 2005, các VĐV Việt Nam tham dự khoảng 60 cuộc thi đấu thể thao quốc tế (trong đó 15 giải của 12 môn thể thao ở auv mô thể dục. 27 giải ở tầm cỡ châu lục và 14 giải trẻ của khu vực).

Chiều 11/11/2005, tại Quảng trường Khu Liên hợp thể thao Mỹ Đình, Ủy ban TDTT và UB Olympic Việt Nam đã tổ chức lễ trao ngọn lửa truyền thống Sea Games cho UB tổ chức Sea Games lần thứ XXIII của nước Cộng hòa Philippines.

Tính đến nay, TDTT Việt Nam đã là thành viên của 64 tổ chức thể thao quốc tế. Hiện có 34 quan chức Việt Nam giữ 47 vị trí khác nhau trong các tổ chức đó. Việt Nam hiện có 115 trọng tài cấp quốc tế. Thể thao Việt Nam cũng đã thiết lập quan hệ hợp tác với gần 50 quốc gia và vùng lãnh thổ.

III. TDTT QUẦN CHÚNG VÀ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI

1. Phong trào TDTT quần chúng

Phong trào TDTT quần chúng tiếp tục phát triển sôi nổi, rộng khắp trên địa bàn cả nước với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Chủ trương xã hội hóa TDTT tiếp tục đi vào đời sống xã hội.

Hội thi Thể thao các Dân tộc thiểu số miền núi toàn quốc lần II có gần 1.000 VĐV của 51 dân tộc đến từ 31 tỉnh đã được tổ chức thành công.

Cũng trong năm 2001, đã có 33 giải thể thao quần chúng với quy mô khu vực trở lên.

Năm 2002: xuất phát từ tình hình thực tiễn, kế hoạch năm 2002 có sự điều chỉnh” cả nước có trên 14% tổng dân số thường xuyên tham gia tập luyện TDTT.

Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ IV (6.100 VĐV, 1.693 HLV, 1.054 trọng tài, của 64 đoàn, đua tài trong 30 môn thể thao).

Tổ chức tốt Hội thi Thể thao - Văn nghệ người khuyết tật toàn quốc lần thứ II tại thành phố Huế.

Tuy nhiên, do hạn chế về đầu tư cả về cán bộ chuyên môn và kinh phí, đồng thời do tình trạng yếu kém của các GDTC ở các trường học (nhất là các trường phổ thông) luôn là trở ngại cho sự phát triển phong trào TDTT quần chúng.

Năm 2003: tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ công tác TDTT quần chúng. Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số miền núi toàn quốc lần thứ III theo hai khu vực.

Năm 2004: nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội thi Thể thao các dân tộc và lực lượng vũ trang khu vực Tây Bắc với 4 môn thi.

Trong hai năm 2003-2004, công tác GDTC trong các trường học được quan tâm nhiều hơn.

Năm 2005: trong “Phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2005” được phổ biến trong “Hội nghị công tác TDTT 2005” của ngành TDTT. Triển khai tốt chương trình hành động của ngành TDTT thực hiện “Năm quốc tế thể thao và GDTC”. “Phấn đấu đạt tỷ lệ 18% dân số tham gia tập TDTT thường xuyên” tức là chỉ tăng 0,4% so với năm 2004.

Trong năm 2005, một hoạt động lớn của phong trào TDTT nước ta phải kể đến Cuộc rước “Đuốc sáng Việt Nam hành trình theo chân Bác”. Đuốc được châm từ lăng Bác chuyển về Bác Pó.

Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ V - 2005 đã được tổ chức theo 2 địa điểm (Tiên Quang và Đắc Lắc. Có trên 700 VĐV của 38 tỉnh miền núi tham dự. Các nội dung thi đấu là bóng đá mini, bóng chuyền, chạy việt dã, đẩy gậy, bắn nỏ, kéo co và tung còn (hoặc đi cà kheo nhanh).

2. Thể thao thành tích cao

Công tác đào tạo VĐV được đặc biệt chú trọng, các yêu cầu nhằm nâng cao hiệu quả huấn luyện luôn được đáp ứng triệt để.

Ngoài việc tận dụng mọi điều kiện có thể có được trong nước, Việt Nam không ngại đầu tư kinh phí để thuê chuyên gia.

Việc đưa VĐV đi tập huấn nước ngoài đã trở nên bình thường; có những VĐV dường như được tập huấn quanh năm ở nước ngoài.

Với những môn thể thao mới, những nội dung thi mới, không chờ có phong trào trong nước, đã chủ động VĐV để gấp rút đào tạo.

Ngoài các giải trong nước, các VĐV xuất sắc còn rèn luyện trong các giải Việt Nam mở rộng cho cả các VĐV nước ngoài tham gia.

Thể thao Việt Nam (từ trung ương đến địa phương), đã thiết lập được những mối quan hệ với thể thao của nhiều quốc gia khác trên toàn thế giới.

Trong công tác đào tạo VĐV, đặc biệt chú trọng kiểm tra, chăm sóc y học, phục hồi, dinh dưỡng... và cả việc sử dụng các thực phẩm, thuốc tăng lực...

Từ năm 2001, hệ thống đào tạo VĐV tiếp tục được hoàn thiện và ổn định. UB TDTT đã ký hợp đồng và giao chỉ tiêu đào tạo cho 50 tỉnh, thành, ngành gồm 792 VĐV trẻ ở 25 môn thể thao và 1.696 VĐV năng khiếu bắt đầu chuyên môn hóa ở 24 môn thể thao. Tính đến hết năm 2005 Việt Nam đã hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao từ trung ương đến địa phương, bao gồm các trường, lớp năng khiếu thể thao ở xã, phường, quận, huyện; các Trung tâm đào tạo VĐV của các tỉnh, thành, ngành và các Trung tâm Huấn luyện Thể thao Quốc gia. Hàng năm cả nước có khoảng 3 đến 4 vạn VĐV các cấp được đào tạo trong hệ thống đó.

Các Đại hội thể thao và giải thể thao quốc gia

1) Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ IV (năm 2002).

Đây là một Đại hội TDTT toàn quốc có quy mô lớn nhất so với 3 đại hội trước. Tham gia Đại hội lần này có 6.257 VĐV, 1.693 HLV, 1.054 trọng tài tham dự; có 64 đoàn, đua tài trong 30 môn thể thao với 526 bộ huy chương (trong đó có 6 môn thể thao dân tộc với 65 bộ huy chương).

Điều đặc biệt đáng ghi nhận là, tại Đại hội này, một số công việc sẽ thực hiện khi tổ chức Sea Games XXII đã được thử nghiệm.

- Bộ Quốc phòng với sự tham gia của UB TDTT, đã tổ chức thành công Đại hội TDTT toàn quân lần thứ V tại Hà Nội, cùng với dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VI đã tổ chức tại thành phố Huế từ 5-15/8/2004 với tinh thần “Phù Đổng hôm nay, Sea Games ngày mai”.

- Đại hội “Khỏe vì an ninh Tổ quốc” lần thứ V của ngành Công an cũng đã được tổ chức.

2. Thi đấu giao lưu, hội nhập với thể thao khu vực, châu lục và thế giới: Trong 5 năm đầu của thế kỷ XXI, năm nào Việt Nam cũng tham dự một

đại hội thể thao quốc tế lớn: 2001 - Sea Games XXI và ASEAN Para Games I, 2002 - ASIADXIV, 2003 - Sea Games XXII và ASEAN Para Games II, 2004 - Đại hội Olympic, 2005 - Sea Games XXIII và ASEAN Para Games III.

Tham dự Sea Games XXI tại Malaysia (8-17/9/2001).

Tham dự Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD) lần thứ XIV tại Busan - Hàn Quốc (29/9-15/10/2002).

Tham gia Sea Games XXII, lần đầu được tổ chức thành công tại Việt Nam. Việt Nam có 690 VĐV, 205 HLV và 39 quan chức. Tham gia đủ 32 môn thi, đoạt 156 HCV, 91 HCB, 93 HCD. Tại Sea Games XXII, 26 kỷ lục Sea Games mới được công nhận.

Tham gia ASEAN Para Games II: Đội tuyển thể thao người khuyết tật Việt Nam có 793 người (243 VĐV), đoạt 81 HCV, 80 HCB, 86 HCD.

Tham dự Đại hội Olympic lần thứ XXVIII tại Athen - Hy Lạp 2004: Việt Nam đã cử VĐV tham gia thi đấu ở 8 môn thể thao điền kinh, bơi, taekwondo, bóng bàn, Canoeing, Rowing, cử tạ và bắn súng.

Có 4 VĐV khuyết tật Việt Nam được cử tham dự thi Paralympic Athens 2004.

Tham dự Sea Games XXIII: Đoàn Thể thao Việt Nam gồm 45 cán bộ, bác sĩ: 188 lãnh đội, huấn luyện viên và 528 VĐV. Các VĐV tranh huy chương ở 44 nội dung, đoạt được 71 HCV, 68 HCB, 89 HCD.

Đoàn thể thao Việt Nam dự ASEAN Para Games III gồm 98 thành viên, trong đó có 67 VĐV, để dự thi ở 6 môn trong tổng số 10 môn của Đại hội.

Việt Nam tham gia các giải quốc tế khác.

- Chuyên nghiệp hóa thể thao đỉnh cao tiếp tục được đẩy mạnh, với nhiều mô hình mới.

Năm 2004 là năm bản lề, năm chuẩn bị lực lượng tham dự Sea Games XXIII vào cuối năm 2005, tham dự ASIAD 2006 và Đại hội Olympic 2008, nên năm này ngành TDTT đã có nhiều việc làm cụ thể để hoàn thành tốt công tác chuẩn bị.

III. KẾT LUẬN

- TDTT Việt Nam tiếp tục vươn lên mạnh mẽ và toàn diện và mạnh mẽ, cải thiện được vị thế của TDTT Việt Nam trong khu vực, châu lục và thế giới.

- Những thành tích của thể thao VN trong 5 năm 2001-2005 cho phép khẳng định hiệu quả của phương pháp làm việc khoa học có kế hoạch, có giải pháp, có kiểm tra đôn đốc, có tổng kết khen, chê và rút ra các bài học kinh nghiệm đúng đắn.

- Thực tế phát triển của TDTT Việt Nam 5 năm qua cho thấy tính tất yếu và hiệu quả của việc đẩy mạnh xã hội hóa TDTT theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Thắng lợi của việc tổ chức và tham gia thi đấu thành công ở Sea Games XXII, XXIII cho phép tin tưởng rằng Việt Nam có thể đăng cai, tổ chức các đại hội thể thao quốc tế.

- Hiện tại, hàm lượng khoa học trong thành tích thể thao của các VĐV Việt Nam chưa cao; đó chính là căn cứ đáng tin cậy để ta hy vọng. Bởi thành tích thể thao Việt Nam vẫn còn có thể tiếp tục nâng cao, nếu công tác đào tạo VĐV được hoàn thiện.

- TDTT Việt Nam hiện vẫn phải trông chờ nhiều vào sự đầu tư kinh phí của Nhà nước, cần mau chóng triển khai xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa TDTT Việt Nam, mới đảm bảo cho TDTT Việt Nam có những bước chuyển biến cơ bản, theo kịp quá trình hội nhập quốc tế của đất nước.

- Để nâng cao TDTT Việt Nam lên những tầm cao mới, nhất thiết không được coi nhẹ công tác đào tạo và bồi dưỡng các loại cán bộ TDTT, trong đó cần có chú ý đúng mức tới đội ngũ kế cận.

- Năm năm qua, TDTT Việt Nam đã có nhiều thành tích trong việc phát triển phong trào TDTT quần chúng. Tuy nhiên, công tác giáo dục thể chất học đường còn hình thức, chưa chất lượng, hiệu quả. Chủ trương xã hội hóa TDTT và chuyên nghiệp hóa thể thao đã có từ lâu nhưng việc triển khai vẫn lúng túng, ít hiệu quả.

- Cũng trong 5 năm qua, TĐTT Việt Nam chịu nhiều áp lực bởi mặt trái của cơ chế thị trường, có nhiều vấp vấp, tiêu cực trong quá trình đi lên. Việc ban hành các văn bản pháp quy, công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật và đặc biệt là công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho các cán bộ TĐTT nói chung, cho VĐV nói riêng càng cần được đẩy mạnh, thường xuyên và hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN CHUNG

VỀ LỊCH SỬ THỂ DỤC THỂ THAO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

(1945- đến nay)

Lịch sử Thể dục Thể thao Cách mạng Việt Nam (1945-2005) là lịch sử phần đầu xây dựng nền thể dục thể thao cách mạng theo đường lối, quan điểm của Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhìn lại toàn bộ quá trình phần đầu xây dựng nền thể dục thể thao có thể đi đến kết luận là đến nay đã phần đầu xây dựng một nền thể dục thể thao mới thể hiện khái quát qua “SƠ ĐỒ CẤU TRÚC NỀN THỂ DỤC THỂ THAO VIỆT NAM 12/2005”.

Việc xây dựng nền thể dục thể thao trong 60 năm qua đã hình thành một tổng thể gồm 2 yếu tố hợp thành cơ bản là tạo dựng các cơ sở có ý nghĩa là nền móng của nền thể dục thể thao (sau đây gọi tắt là “cơ sở nền móng”) và phát triển phong trào thể thao với tư cách là diện mạo, bộ mặt của nền thể dục thể thao.

I. Tạo dựng các cơ sở nền móng của nền Thể dục thể thao

Thực tế cho thấy có 8 cơ sở nền móng đã được tạo dựng:

Xác định nhận thức về xây dựng nền Thể dục thể thao vì sức khỏe toàn dân và cải tạo nội giống (sau đây gọi tắt là “cơ sở tư tưởng”).

Thiết lập hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thể dục thể thao là cơ sở đầu tiên để xây dựng nền thể dục thể thao (sau đây gọi tắt là “cơ sở tổ chức”).

Đào tạo, bồi dưỡng sử dụng đội ngũ cán bộ là cơ sở then chốt trong việc xây dựng nền thể dục thể thao (sau đây gọi tắt là “cơ sở cán bộ”).

Nghiên cứu khoa học (nghiên cứu chương trình, phương pháp khoa học, ứng dụng khoa học - công nghệ về thể dục thể thao) sau đây gọi tắt là “cơ sở khoa học”.

Tuyên truyền - giáo dục (thông tin, tuyên truyền, cổ động, giáo dục chính trị tư tưởng, thanh tra, kiểm tra, thi đua, khen thưởng, kỷ luật... (sau đây gọi tắt là “cơ sở tuyên giáo ”).

Cơ sở vật chất (sân bãi, dụng cụ tập luyện, cung cấp tài chính cho thể dục thể thao (sau đây gọi tắt là “cơ sở vật chất - tài chính ”).

Quan hệ quốc tế (du nhập các môn tập, tiếp thu thành tựu khoa học - kỹ thuật thể dục thể thao hiện đại của thế giới, giới thiệu các môn thể thao dân tộc với thế giới và hội nhập vì hòa bình, hữu nghị, nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới), sau đây gọi tắt là “cơ sở quan hệ quốc tế”.

Pháp chế, thanh tra - kiểm tra, thi đua, khen thưởng - kỷ luật (sau đây gọi tắt là “cơ sở pháp chế”).

Khái quát lại, việc thiết lập 8 cơ sở nêu trên đã tạo nên nền móng để xây dựng và phát triển phong trào thể dục thể thao trong các loại đối tượng khác nhau.

II. Phát triển phong trào thể dục thể thao

- Công tác thể dục thể thao 60 năm qua nhằm phát triển phong trào thể dục thể thao gồm thể dục (giáo dục thể dục, thường được gọi là “phong trào thể dục thể thao quần chúng”) và thể thao (tập luyện và thi đấu các môn thể thao, thường được gọi là “thể thao thành tích cao”) để thu hút quảng đại quần chúng tham gia rèn luyện thân thể thích hợp theo khẩu hiệu “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, và biểu hiện trong thực tế là:

a. Phát triển thể dục thể thao quần chúng:

- Thời kỳ 1945-1946: nhiệm vụ được xác định tại sắc lệnh ngày 30/1/1946 là “thực hành thể dục trong toàn quốc”. Thực tế, phong trào “Khỏe vì Nước” đã được phát động thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

- Thời kỳ 1946-1954: thể dục thể thao quần chúng được gây dựng trong các đơn vị quân đội, cơ quan, trường học và cư dân vùng tự do.

- Thời kỳ 1954-1975: phát triển các phong trào vệ sinh trong và ngoài nhà trường, rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn trong các loại đối tượng. Chạy Việt dã giải Báo Tiền Phong, Bơi Vượt sông truyền thống Bạch Đằng, đặc biệt là 5 môn chạy, nhảy, bơi, bắn, võ, “Toàn đơn vị biết bơi”... nhằm phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống.

- Thời kỳ từ 1975: các phong trào thể dục thể thao quần chúng'quý'tụ trong Hội khỏe Phù Đổng. Đại hội Thể dục thể thao toàn nnAr. F)ai hôi thể Hnr thể thao các dân tộc miền núi... và các cuộc vận động chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc. Đặc biệt cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” đến cuối năm 2004 đã thu hút 17,6% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.

Đánh giá về thành công của thể dục thể thao quần chúng, Chỉ thị năm 2002 của Đảng ghi: “Thể dục thể thao quần chúng được mở rộng trong các đối tượng và địa bàn với nhiều hình thức phong phú, đã có 13% dân số thường xuyên luyện tập thể dục thể thao. Thể dục thể thao trường học được chú trọng hơn”.

Tuy nhiên, Chỉ thị cũng chỉ rõ những thiếu sót: “Thể dục thể thao quần chúng phát triển còn chậm, nhất là các vùng nông thôn, miền núi, biên giới, chất lượng và hiệu quả thể dục thể thao ở trường học còn hạn chế, thiếu những điều kiện để phát triển”.

Từ đó, Chỉ thị xác định nhiệm vụ tới là: “Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng với mạng lưới cơ sở rộng khắp”. “Phấn đấu đến năm 2020 toàn quốc đạt tỷ lệ 18-20% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; 80- 90% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định”. “Hoạt động thể dục thể thao ở xã, phường, cơ sở là cái nền cơ bản để phát triển thể dục thể thao ở nước ta. cần có sự chỉ đạo hướng dẫn phát triển thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở trong toàn quốc, đối với tất cả các đối tượng, kể cả người cao tuổi, khuyết tật, trước hết là thanh, thiếu niên, lực

lượng vũ trang; chú trọng địa bàn nông thôn, miền núi; khai thác và phát huy các hình thức tập luyện cổ truyền và các môn thể thao dân tộc”.

b. Phát triển thể thao thành tích cao

-Thời kỳ 1945-1946, mặc dù cần tập trung vào hoạt động “khuyến và dạy cho đồng bào thể dục”, nhưng các hoạt động tập luyện - thi đấu - biểu diễn thể thao của các vận động viên nổi tiếng thời kỳ trước cách mạng vẫn được tổ chức để tuyên truyền, cổ vũ, tập hợp quần chúng đến với thể dục thể thao.

-Trong kháng chiến chống Pháp, việc tập luyện, thi đấu võ thuật và các môn chạy, nhảy, bóng chuyền, bóng đá... được tổ chức tại các cơ sở kháng chiến.

Khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, các môn thể thao được tạo điều kiện phát triển với 8 môn trọng điểm và một số môn khác. Thành tích các môn thể thao được nâng cao, phá hết các kỷ lục Đông Dương cũ và phấn đấu theo thành tích cao của các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào thể thao mới trỗi dậy.

- Sau giải phóng miền Nam: đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài, vận động viên và các trung tâm huấn luyện thể thao trên miền Bắc là cơ sở để mở rộng và nâng cao thành tích thể thao trên cả nước.

Việc hòa nhập các chu kỳ Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội thể dục thể thao toàn quốc và các giải thể thao quốc gia với chu kỳ Olympic, Asiad, Sea Games đã bảo đảm cho công tác huấn luyện, thi đấu trong nước gắn với các sự kiện thể thao lớn của thế giới, châu lục và khu vực.

về thành công: Chỉ thị năm 2002 của Đảng ghi nhận: “Thành tích các môn thể thao được nâng cao, nhiều môn đạt thứ hạng cao tại các Đại hội Thể thao Đông Nam Á (Sea Games) và một vài môn đạt trình độ chung của Châu Á.

Tuy nhiên, điều chưa thành công là “Thành tích của nhiều môn thể thao thấp so với khu vực và thế giới. Trong hoạt động thể dục thể thao còn nhiều biểu hiện tiêu cực”.

Vì vậy, nhiệm vụ thời gian tới là: “Đào tạo tài năng thể thao quốc gia”. “Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, đưa thể thao Việt Nam lên trình độ chung trong khu vực Đông Nam Á và có vị trí cao trong nhiều bộ môn”.

2. Qua thực tế phát triển thể dục thể thao từ 1945, đặc biệt là từ 1954 đến nay đã có thể rút ra một số điều đáng chú ý sau đây:

a. Việc chỉ đạo và tổ chức phát triển thể dục thể thao đã được phân thành hai lĩnh vực: thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, nhưng vẫn có tình trạng lẫn lộn, chòng chéo. Có những hoạt động được xếp vào phong trào, thể dục thể thao quần chúng, đồng thời cũng được tính kết quả theo thể thao thành tích cao.

Để tránh tình trạng lẫn lộn, chòng chéo như vậy cần sắp xếp lại cơ cấu tổ chức quản lý Cục thể là:

Thể dục (giáo dục thể chất): phân biệt thành 4 loại đối tượng chủ yếu:

Một là, thế hệ trẻ: tiến hành giáo dục thể chất bắt buộc. Nhằm rèn luyện thể lực và kỹ năng vận động theo đặc điểm sinh lý lứa tuổi.

Hai là, lực lượng vũ trang: huấn luyện thể lực và kỹ năng thực dụng quân sự bắt buộc theo quân, binh chủng...

Ba là, lực lượng lao động xã hội: rèn luyện, thể lực, phòng chữa bệnh theo đặc thù nghề nghiệp (bắt buộc trong phạm vi tập thể).

Bốn là, người già, yếu, bệnh tật: tự giác rèn luyện để duy trì sức khỏe, phòng - chống bệnh tật, vui chơi - giải trí.

Thể thao (tập luyện và thi đấu theo môn thể thao) gồm 2 loại chủ yếu:

Một là, thể thao cho mọi người: tập luyện và thi đấu môn thể thao ưa thích để nâng cao sức khỏe, vui chơi - giải trí và mang tính chất nghiệp dư.

Hai là, thể thao cho những người có tài năng: tập luyện và thi đấu lập thành tích kỷ lục (cá nhân, địa phương, quốc gia, quốc tế). Trong đó, có

một số người dung tập luyện và thi đấu thể dục thể thao làm nghề nghiệp. Đây là mảng thể thao chuyên nghiệp (nhà nghề).

III. LIÊN HỆ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NỀN TDTT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA PHÁT TRIỂN CÂN ĐỐI, CÓ TÍNH DÂN TỘC, KHOA HỌC VÀ NHÂN DÂN VỚI THỰC TRẠNG KẾT QUẢ 60 NĂM PHẤN ĐẤU (tính đến 12/2005)

1. Đã xây dựng nên “NỀN THỂ DỤC THỂ THAO”, bởi:

Đã tạo dựng được các cơ sở nền móng của một nền thể dục thể thao.

Đã phát triển được phong trào Thể dục thể thao bao gồm thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

2. Là “XÃ HỘI CHỦ NGHĨA”, bởi việc xây dựng nền thể dục thể thao được tiến hành theo quan điểm - đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh: thể dục thể thao là một công tác cách mạng, nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho toàn dân.

3. Là “PHÁT TRIỂN CÂN ĐỐI”, bởi phải đảm bảo cân đối trên nhiều mặt:

Một là, cân đối giữa thể dục và thể thao: cân đối về mức độ đầu tư nhân, tài, vật, lực theo tỷ lệ tối ưu giữa thể dục và thể thao.

Hai là, cân đối giữa 4 loại đối tượng thể dục.

Ba là, cân đối giữa 2 loại đối tượng thể thao: nghiệp dư và chuyên nghiệp.

Bốn là, cân đối giữa các môn cơ bản với nhau với các môn theo chương trình thi đấu Sea Games.

Năm là, cân đối giữa trình độ từ thấp lên cao, giữa nam và nữ ngay trong một môn thể thao.

Sáu là, cân đối giữa tạo dựng các cơ sở nền móng với phát triển thể dục thể thao.

Bảy là, cân đối giữa các cơ sở nền móng với nhau.

Tám là, cân đối giữa các bộ phận trong nội bộ một cơ sở nền móng.

Chính là, cân đối giữa đầu tư nhân, tài, vật, lực và mặt bằng trình độ của nền thể dục thể thao so với nền văn hóa, giáo dục...

Mười là, quan hệ giữa mức độ đầu tư cho thể dục thể thao với trình độ phát triển kinh tế đất nước.

4. Là “CÓ TÍNH DÂN TỘC”, bởi nền thể dục thể thao Việt Nam không thể tách rời các đặc điểm con người, đất nước, nền văn hóa của dân tộc Việt Nam

5. Là “CÓ TÍNH KHOA HỌC”, bởi trong thế giới hiện đại chuyên ngành “Khoa học Thể thao đã phát triển đến trình độ cao” trong xu thế toàn cầu hóa.

6. Là “CÓ TÍNH NHÂN DÂN”, bởi thể dục thể thao phát triển theo phương châm: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Tóm lại:

Thể dục thể thao là nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân, trực tiếp là để phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống, còn về lâu dài là nâng cao thể trạng, tầm vóc người Việt Nam, cải tạo nòi giống Việt Nam.

Để phát triển thể dục thể thao phải xây dựng nền thể dục thể thao bao gồm các cơ sở làm nền móng và phong trào thể dục thể thao.

Tham gia hoạt động thể dục thể thao có 3 loại đối tượng: người tập, người công tác thể dục thể thao và người hâm mộ. Trong đó, người tập là trung tâm.

Nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam, cải tạo nòi giống Việt Nam, dân tộc Việt Nam đòi hỏi tất cả mọi người Việt Nam phải được rèn luyện thân thể đúng theo khẩu hiệu: “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

CHƯƠNG VII: SỰ THÀNH LẬP ỦY BAN OLYMPIC QUỐC GIA VÀ CÁC HIỆP HỘI, LIÊN ĐOÀN THỂ THAO VIỆT NAM.

Phong trào IOC hiện đại do Pierre de Coubertin nhà sư phạm người Pháp khởi xướng và thành lập từ 14 quốc gia là thành viên đến nay tổ chức này lớn mạnh với hơn 200 thành viên. Nhiệm vụ chính của tổ chức này là truyền bá tư tưởng Olympic và phát triển các hội viên là các quốc gia thành viên trên hành tinh.

1. Sự thành lập và hoạt động của Ủy ban Olympic Việt Nam.

Vào thập kỷ 50 Việt Nam đã xuất hiện một số tổ chức thể thao Olympic tiền thân của phong trào Olympic hiện nay.

- Theo tài liệu của Ủy ban Olympic quốc tế, vào những năm 50, Việt Nam đã có 9 Hiệp hội thể thao Quốc gia và các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao Quốc tế công nhận: Đó là: Bóng đá, Bóng bàn, Quần vợt, Bóng rổ, Xe đạp, Quyền anh, Điền kinh, Đấu kiếm.

- Trong các Thế vận hội của thập kỷ 50, Việt Nam đã cử các đoàn Thể thao tham dự đại hội Olympic, Đại hội thể thao Châu lục và khu vực Đông Nam Á.

- Sau khi đất nước thống nhất, phong trào Thể thao Olympic Việt Nam mới có điều kiện phát triển với qui mô rộng lớn hơn. Theo xu hướng chung của phong trào Olympia Quốc tế hòa nhập với cộng đồng Quốc tế trong lĩnh vực Thể dục thể thao nhằm thúc đẩy an kết hữu nghị và hợp tác Quốc tế vì sự hòa bình và tiến bộ của xã hội.

- Theo như Hiến chương Olympic: Tất cả các Ủy ban Olympic Quốc gia muôn gia nhập vào phong trào Olympic Quốc tế cần phải thành lập một tổ

chức Thể thao thông nhất với những điều luật, điều lệ riêng và được Chính phủ mình cho phép.

- Ngày 20/10/1976, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ký quyết định số 500 TTg cho phép thành lập Ủy ban Olympic Quốc gia Việt Nam. Tháng 12 năm 1979 Ủy ban Olympic Việt Nam đã trình đơn gia nhập Phong trào Olympic Quốc tế. Ngày 24/8/1980 Ủy ban Olympic Quốc tế đã ra Quyết định công nhận chính thức Ủy ban Olympic Quốc gia Việt Nam là thành viên của phong trào Olympic Quốc tế. Gồm 9 thành viên.

- Năm 1982 do nhu cầu công tác, Ủy ban Olympic Việt Nam được kiện toàn và bổ sung là 11 thành viên.

- Năm 1989, Ủy ban Olympic Việt Nam chính thức tham gia trở lại Hội đồng Liên đoàn Thể thao Đông Nam Á và cử Đoàn Thể thao tham dự Sea Games 15 ở Kuala Lumpur - Malaysia. Bổ sung 10 thành viên đại diện cho các liên đoàn Hiệp hội Thể thao.

- Tháng 4 năm 1993 Đại hội đại biểu Olympic Việt Nam lần thứ nhất đã được triệu tập. Đại hội bầu ra Ban chấp hành mới bao gồm 36 thành viên do ông Hà Quang Dự ủy viên TW Đảng, Bộ Trưởng phụ trách công tác thể thao - Thanh niên làm chủ tịch và ông Mai Văn Muôn phó Tổng cục Trưởng làm Tổng thư ký.

- Tháng 7 năm 1998 Đại hội mang nhiệm vụ lịch sử quan trọng của Phong trào Thể thao Olympic Việt Nam trước thềm thiên niên kỷ mới, nhằm thúc đẩy phong trào thể thao cho mọi người, nâng cao thành tích thể thao và khan chương chuẩn bị những điều kiện về cơ sở vật chất để sẵn sàng đăng cai tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á.

Đại hội lần thứ II đã bầu được 63 thành viên và 3 thành viên do ông Hà Quang Dự làm chủ tịch và ông Hoàng Yĩnh Giang làm Phó chủ tịch kiêm Tổng Thư Ký và các thành viên khác.

- Tháng 8 năm 2001 tại Đại hội giữa nhiệm kỳ Ủy ban Olympic Việt Nam, ông Hà Quang Dự chuyển công tác nên Hội Nghị Ban thường vụ đã bầu Ông Nguyễn Danh Thái.

- Như vậy từ khi thành lập đến nay, Ủy ban Olympic đã tiến hành 4 lần bổ sung kiện tòn an tổ chức và đồng thời tiến hành 2 Đại hội nhiệm kỳ và 1 Đại hội giữa nhiệm kỳ.

Quan hoạt động thực tiễn, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban TĐTT nước nhà, Ủy ban Olympic Việt Nam đã có nhiều đóng góp vào sự nghiệp phát triển thể thao Olympic của nước nhà, tạo những chuyển biến tích cực của phong trào Olympic Việt Nam trên 3 lĩnh vực chiến lược: Thể thao cho mọi người, Thể thao đỉnh cao và Quan hệ Quốc tế trong thể thao.

II. Hoạt động của Ủy ban Olympic Việt Nam:

1. Hoạt động đối nội:

- Tăng cường mối liên hệ các liên đoàn và Hội Thể thao Việt Nam, giúp đỡ các tổ chức này hình thành và củng cố tổ chức hoạt động.

- Tuyên truyền hoạt động của phong trào Olympic và phong trào thể thao Quốc tế tại Việt Nam.

- Tạo điều kiện để các liên đoàn đào tạo vận động viên tham gia các cuộc thi đấu quốc tế.

- Trang bị cơ sở vật chất cho các tổ chức thể thao và phương tiện cần thiết để vận động viên tham gia thi đấu quốc tế.

2. Hoạt động đối ngoại.

Quan hệ chặt chẽ với Ủy ban Olympic quốc tế và Ủy ban Olympic quốc gia các Châu lục và khu vực.

Chuẩn bị lực lượng vận động viên để tham gia các đại hội Olympic. Tham gia các hội nghị do Ủy ban Olympic quốc tế triệu tập, cùng các nước

thống nhất chương trình hành động và các luật quốc tế trên phạm vi thế giới....

3. Các cuộc thi đấu quốc tế:

Tham gia đại hội Olympic lần thứ 24, 25, 26, 27, 28. 29,30

Các hoạt động thể thao ở Châu Á.

+ Năm 1982 tham gia đại hội thể thao Châu Á lần thứ 9 tại Ấn Độ. (Nguyễn Quốc Cường giành được huy chương đồng ở môn bắn súng).

+ Năm 1990 tham dự đại hội thể thao Châu Á lần thứ XI tại Bắc Kinh.

- Các hoạt động thể thao sinh viên quốc tế.

Hội thể thao đại học Việt Nam đã tham gia các đại hội Olympic sinh viên thế giới 2 năm 1 lần.

- Tham gia thi đấu quốc tế từng môn thể thao:

Các Liên đoàn, Hội thể thao Việt nam đã tham gia các giải thi đấu quốc tế lớn, giải vô địch thế giới như: Thể dục dụng cụ, bắn súng, cờ quốc tế... Năm 1989 tham dự Festival thể thao lần đầu nhất của các nước sử dụng tiếng pháp tại Maroc.

Năm 1993 đạt huy chương vàng Thế giới về Cờ, Wusu, Huy chương Bạc và Đồng về Vật tự do.

- Tham dự các hội nghị Olympic quốc tế

- Các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ:

III. Nhiệm vụ cơ bản của Ủy ban Olympic Việt Nam:

1. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phổ biến ề tinh thần của phong trào Olympic.

2. Kiến toàn Ủy ban Olympic Việt nam, để Ủy ban hoàn thành nhiệm vụ của mình.

3. Phối hợp các ngành khác để thể chế hóa phong trào thể dục thể thao trong nước và quốc tế.

4. Mở rộng Ủy ban Olympic quốc tế với Ủy ban Olympic các quốc gia phù hợp với đường lối của Đảng.

5. Mở rộng mạng lưới thông tin trong nước và quốc tế để đảm bảo thông tin nhanh chóng kịp thời và chính xác.

6. Bổ sung cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật, khoa học....

7. Tổ chức nhiều hoạt động Olympic quốc tế tại Việt Nam (Thi đấu, hội thảo, biểu diễn tài năng thể thao)

8. Đầu tư, phát triển, tuyển chọn vận động viên thi đấu Thế giới, ĐNA

9. Bồi dưỡng cán bộ thể dục thể thao để có thể tham gia các hoạt động chuyên môn trong các tổ chức TDTT của Ủy ban Olympic Quốc tế.

10. Mọi hoạt động của Ủy ban Olympic Việt nam được tiến hành trên cơ sở tôn trọng hiến chương của phong trào Olympic quốc tế và đường lối lãnh đạo của Nhà nước....

3.2.3.3. Phần thông tin khoa học liên quan của các nhà khoa học

“Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng có sức khoẻ mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khoẻ tức là cả nước mạnh khoẻ. Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khoẻ là bổn phận của mỗi một người yêu nước. Việt đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được. Mỗi ngày lúc ngủ dậy, tập một ít thể dục. Ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khoẻ.

Bộ Giáo dục có Nha Thể dục, mục đích là để khuyến và dạy cho đồng bào tập thể dục, đặng giữ gìn và bồi đắp sức khoẻ. Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi ngày nào cũng tập”.

(Báo cứu quốc, số 199, ngày 27 tháng 3 năm 1946)

3.2.3.4 Phần hướng dẫn mở rộng

*** Hệ thống câu hỏi và gợi ý làm bài tập**

Câu 1: Anh/chị trình bày xây dựng các cơ sở của nên TDTT xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước ?

Câu 2: Anh/chị trình bày TDTT quần chúng và TDTT thành tích cao vào thiên niên kỷ mới ?

*** Gợi ý câu trả lời**

Câu 1: Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:

- Quan điểm, đường lối công tác thể dục thể thao và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước

- Xây dựng hệ thống tổ chức và tăng cường các cơ sở để phát triển TDTT trên cả nước

Câu 2: Câu trả lời phải đầy đủ kiến thức sau:

- Phong trào TDTT quần chúng

- Thể thao thành tích cao

*** Gợi ý tài liệu học tập cho SV**

1. Văn An – Lý Gia Thanh (1995), 100 năm Thế vận hội Olympic Nxb Thanh niên.

2. Nguyễn Văn Hiếu & ctg (2007), Sơ thảo Lịch sử TDTT Việt Nam.

3. Lê Thiết Can (2008), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.

4. Nguyễn Thiệt Tình (2006), Giáo trình giảng dạy Lịch sử TDTT.

5. Nguyễn Xuân Sinh (2000), Lịch sử TDTT, Nxb TDTT.

6. Mai Văn Môn Và các thành viên (1999), Olympic học Nxb TDTT.

3.2.3.5. Phụ lục

Kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Liên hiệp Lâm thời ký sắc lệnh số 38 ngày 27/3/1946 khai sinh ngành thể dục thể thao đến nay đã 63 năm.

Những năm tháng trước khi đất nước thống nhất (1975), ở khu vực Đông Nam Á, thể thao châu Á và đấu trường Olympic người Việt Nam ta đều tham gia tranh đấu và thể hiện khả năng không thua kém xứ người: Việt Nam trước đây là một trong sáu thành viên sáng lập nên Liên đoàn thể thao bán đảo Đông Nam Á và đã liên tục tham gia các Đại hội thể thao bán đảo ĐNÁ (ASEAN Games) từ lần thứ 1 (1959) đến lần thứ 7 (1973) và đã giành tổng cộng 36 HCV, 44 HCB, 58 HCB ở các môn thể thao: bóng bàn, quần vợt, bơi,

xe đạp, Judo, bóng chuyền nam, bắn súng, đặc biệt VN giành HCV môn bóng đá (nam) sau khi thắng trước chủ nhà Thái Lan trong trận chung kết.

Trên đấu trường Á vận hội (ASIAD) VN tham gia tranh tài nhiều lần nhiều lần từ ASIAD lần thứ 1(1954) đến thứ 7 (Teheran 1974) và đã đạt được những kết quả xuất sắc: 2 HCV bóng bàn: đôi nam và đồng đội nam (Tokyo – 1958), HCB quần vợt (đôi nam), HCB xe đạp đường trường 200km (1966 – Bangkok)... Tên tuổi những danh thủ Mai Văn Hòa, Lê Văn Tiếp, Lê Văn Inh (bóng bàn), Võ Văn Bảy – Võ Văn Thành (tennis) Trương Kim Hùng (xe đạp) Trương Kế Nhân, Đỗ Như Minh (bơi)... còn lưu lại mãi trong lịch sử TTVN. Người Việt Nam cũng đã có mặt trên đấu trường Olympic từ Olympic Games (1952) ở Helsinki rồi Melbourne (1956), Tokyo (1964), Mexico (1968)... ở các môn điền kinh quyền Anh, xe đạp, đấu kiếm....

Sau hai mươi năm của thời kỳ đổi mới, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế đất nước, TTVN đã có những bước tiến bộ đáng tự hào. Ở khu vực Đông Nam Á, từ SEA Games 15 (1989) xếp hạng thứ 7/9 nước đã vươn lên vị trí thứ 1/11 nước (SEA Games 22) và cho đến nay luôn xếp hạng là 1 trong 3 vị trí đầu. Trở lại đấu trường ASIAD từ năm 1982 (New Dehli – Ấn Độ) với HCB (bắn súng) đến nay VN đã giành được HCV ở các môn taekwondo, karatedo, thể dục thể hình và billiard & snooker xếp hạng khoảng 15 - 18/45 quốc gia và vùng lãnh thổ. Thành tích xuất sắc trên đấu trường Olympic là hai HCB ở môn taekwondo (Trần Hiếu Ngân – Sydney 2000) và cử tạ (Hoàng Anh Tuấn – Bắc Kinh 2008). Kết quả này đưa TTVN vào danh sách hơn 70 quốc gia (trên 204) có huy chương Olympic. Hiện nay TTVN có gần 3000 VĐV cấp cao (kiện tướng và cấp I) trong đó có khoảng 100 VĐV có khả năng giành huy chương châu lục và thế giới.

Sau năm 2008 đầy thành công, TTVN sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức trong năm 2009.

Thống kê cụ thể cho thấy TTVN tranh chấp vị trí hàng đầu Đông Nam Á ở các môn điền kinh, thể dục dụng cụ, bắn súng, taekwondo, karatedo, bóng

đá, vật, judo (là các môn thể thao Olympic) và pencaksilat, thể dục thể hình, wushu, cầu mây. Trên đấu trường châu lục, TTVN có khả năng tranh chấp HCV ở một số nội dung (cự ly, hạng cân) ở các môn thể thao, điền kinh, TDDC (nam) taekwondo, cử tạ, xe đạp, judo, vật (nữ), karatedo và một vài môn ngoài Olympic như thể hình, wushu, billiard. Ở cấp độ thế giới và Olympic mới chỉ có cờ vua (vô địch thế giới), cử tạ (nam) và taekwondo. Những môn thể thao khác đã giành HCV thế giới nhưng không có trong chương trình Olympic như wushu, silat, đá cầu, thể hình.... Nguyên nhân chủ yếu mà TTVN giành được những thành tựu trên là do sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, sự nỗ lực đáng khâm phục của lực lượng VĐV, HLV, về mặt quản lý nhà nước đó là việc xác định mục tiêu và kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao đúng đắn trong giai đoạn 1994 – 2005 thông qua chương trình mục tiêu (1984) và chương trình quốc gia về thể thao (từ năm 1997 đến nay).

Khó khăn và thách thức trong tương lai gần

- Trình độ phát triển cả TT thế giới và châu Á rất cao. Các quốc gia đều gia tăng đầu tư cho thể thao với mục đích giành HC châu lục và Olympic. Vì vậy cuộc đua tranh này càng khó khăn, quyết liệt qua nhiều cuộc thi đấu, nhiều loại hình, nhiều môn thi. Kinh doanh thương mại hóa trao đổi mua bán chuyển nhượng nhân tài thể thao, bạo lực và gian lận (doping) phát triển... Đó là những thách thức cho TTVN.

- Về chủ quan, từ năm 2006 TTVN chưa có quy hoạch và chiến lược mới đảm bảo cho sự phát triển trước mắt và lâu dài. Chậm khắc phục về mặt nhận thức và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Những sai lầm cố hữu trong giai đoạn trước đã được chỉ rõ: đầu tư không tập trung trọng tâm, trọng điểm (môn thể thao, nội dung thi đấu, VĐV tài năng...) vẫn cách làm chủ quan, dàn trải, ôm đồm (tham gia 11 Đại hội TT các cấp khu vực, châu lục và thế giới trong một năm 2009; tổ chức thi đấu và phát triển 40 - 50 môn thể thao trong đó có khoảng 10 môn xa lạ ở Việt Nam).

Đây là sai lầm lớn nhất của những nhà quản lý từ 2007 đến nay. Họ sẽ phải chi những khoản kinh phí rất lớn nhưng lại không có tác dụng cho việc nâng cao thành tích thể thao VN ở đấu trường chính - đấu trường ASIAD và Olympic; sẽ không còn kinh phí để tập trung cho việc ứng dụng khoa học kỹ thuật cho việc chăm sóc VĐV, đặc biệt là các VĐV tài năng. Năm 2009 trong điều kiện khủng hoảng tài chính và tổ chức bộ máy chưa ổn định TTVN vừa phải lo tổ chức Asian Indoor Games, vừa phải lo SEA Games cho nên khó có thể đảm bảo vị trí thứ 3 ở SEA Games, chưa nói gì đến chuẩn bị cho ASIAD 16 (Quảng Châu, Trung Quốc) vào tháng 10 sang năm và xa hơn là Olympic London 2012.